BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

NGỮ VĂN 7

SÁCH GIÁO VIÊN

TẬP HAI

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

BÙI MẠNH HÙNG (Tổng Chủ biên)
PHAN HUY DŨNG – NGUYỄN THỊ NGÂN HOA (Đồng Chủ biên)
DƯƠNG TUẤN ANH – NGUYỄN LINH CHI – ĐẶNG LƯU

NGỮ VĂN 7

TẬP HAI
SÁCH GIÁO VIÊN

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

QUY ƯỚC VIẾT TẮT DÙNG TRONG SÁCH

GV	giáo viên
HS	học sinh
SGK	sách giáo khoa
SGV	sách giáo viên
SHS	sách học sinh
VB	văn bản

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

MỤC LỤC

Trang

BÀI 6. BÀI HỌC CUỘC SỐNG 6
I. Yêu cầu cần đạt 6
II. Chuẩn bị 6
III. Tổ chức hoạt động dạy học 9
Giới thiệu bài học và Tri thức ngữ văn 9
Đọc văn bản và Thực hành tiếng Việt 10
VB 1. *Đẽo cày giữa đường* (Ngụ ngôn Việt Nam) 10
VB 2. *Ếch ngồi đáy giếng* (Trang Tử) 10
VB 3. *Con mối và con kiến* (Nam Hương) 10
Thực hành tiếng Việt (*thành ngữ – đặc điểm và chức năng*) 15
VB 4. *Một số câu tục ngữ Việt Nam* 17
Thực hành tiếng Việt (*biện pháp tu từ nói quá*) 22
VB 5. *Con hổ có nghĩa* (Vũ Trinh) 24
Viết 27
Viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống (trình bày ý kiến tán thành) 27
Nói và nghe 30
Kể lại một truyện ngụ ngôn 30
Củng cố, mở rộng 31

BÀI 7. THẾ GIỚI VIỄN TƯỞNG 32
I. Yêu cầu cần đạt 32
II. Chuẩn bị 32
III. Tổ chức hoạt động dạy học 35
Giới thiệu bài học và Tri thức ngữ văn 35
Đọc văn bản và Thực hành tiếng Việt 35
VB 1. *Cuộc chạm trán trên đại dương* (trích *Hai vạn dặm dưới biển*, Giuyn Véc-nơ) 35
Thực hành tiếng Việt (*mạch lạc và liên kết của văn bản*) 41
VB 2. *Đường vào trung tâm vũ trụ* (trích *Thiên Mã*, Hà Thuỷ Nguyên) 43
Thực hành tiếng Việt (*dấu câu*) 46

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

VB 3. *Dấu ấn Hồ Khanh* (Nhật Văn) 48
Viết 50
Viết bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến một nhân vật lịch sử 50
Nói và nghe 52
Thảo luận về vai trò của công nghệ đối với đời sống con người 52
Củng cố, mở rộng 55
ĐỌC MỞ RỘNG 56
BÀI 8. TRẢI NGHIỆM ĐỂ TRƯỞNG THÀNH 58
I. Yêu cầu cần đạt 58
II. Chuẩn bị 58
III. Tổ chức hoạt động dạy học 61
Giới thiệu bài học và Tri thức ngữ văn 61
Đọc văn bản và Thực hành tiếng Việt 62
VB 1. *Bản đồ dẫn đường* (Đa-ni-en Gốt-li-ép) 62
Thực hành tiếng Việt (*mạch lạc và liên kết – biện pháp liên kết và từ ngữ liên kết*) 66
VB 2. *Hãy cầm lấy và đọc* (Huỳnh Như Phương) 69
Thực hành tiếng Việt (*thuật ngữ*) 73
VB 3. *Nói với con* (Y Phương) 74
Viết 78
Viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống (trình bày ý kiến phản đối) 78
Nói và nghe 82
Trình bày ý kiến về một vấn đề đời sống 82
Củng cố, mở rộng 84
BÀI 9. HOÀ ĐIỆU VỚI TỰ NHIÊN 85
I. Yêu cầu cần đạt 85
II. Chuẩn bị 85
III. Tổ chức hoạt động dạy học 87
Giới thiệu bài học và Tri thức ngữ văn 87
Đọc văn bản và Thực hành tiếng Việt 88
VB 1. *Thuỷ tiên tháng Một* (Thô-mát L. Phrít-man) 88
Thực hành tiếng Việt (*cước chú và tài liệu tham khảo*) 91
VB 2. *Lễ rửa làng của người Lô Lô* (Phạm Thuỳ Dung) 93
VB 3. *Bản tin về hoa anh đào* (Nguyễn Vĩnh Nguyên) 96

Thực hành tiếng Việt (*nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và nghĩa của từ có yếu tố Hán Việt đó*) 100
Viết 101
Viết bài văn thuyết minh về quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động 101
Nói và nghe 103
Giải thích quy tắc hoặc luật lệ trong một trò chơi hay hoạt động 103
Củng cố, mở rộng 105
ĐỌC MỞ RỘNG 106
BÀI 10. TRANG SÁCH VÀ CUỘC SỐNG 108
I. Yêu cầu cần đạt 108
II. Chuẩn bị 108
III. Tổ chức hoạt động dạy học 113
Giai đoạn 1: Khởi động dự án 113
Giới thiệu bài học và Tri thức ngữ văn 113
Giai đoạn 2: Thực hiện dự án 115
Đọc 115
Thách thức đầu tiên: Chinh phục những cuốn sách mới 115
Viết 120
Thách thức thứ hai: Từ ý tưởng đến sản phẩm 120
Giai đoạn 3: Báo cáo kết quả dự án 121
Nói và nghe 121
Về đích: Ngày hội với sách 121
ÔN TẬP HỌC KÌ II 123

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Bài 6. BÀI HỌC CUỘC SỐNG (12 tiết)

(Đọc và Thực hành tiếng Việt: 8 tiết; Viết: 3 tiết; Nói và nghe: 1 tiết)

I YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhận biết được một số yếu tố của truyện ngụ ngôn: đề tài, tình huống, cốt truyện, nhân vật, chủ đề.
- Nhận biết được một số yếu tố của tục ngữ: số lượng câu, chữ; vần.
- Hiểu được đặc điểm và chức năng của thành ngữ, đặc điểm và tác dụng của biện pháp tu từ nói quá.
- Bước đầu biết viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống, trình bày rõ vấn đề và ý kiến của người viết; đưa ra lí lẽ rõ ràng và bằng chứng đa dạng.
- Biết kể lại một truyện ngụ ngôn: kể đúng cốt truyện gốc, có cách kể chuyện linh hoạt, hấp dẫn.
- Có ý thức học hỏi kinh nghiệm, trí tuệ của dân gian hay của người xưa để rèn các đức tính: khiêm tốn, cẩn trọng, kiên trì, nhân nghĩa, có trách nhiệm.

II CHUẨN BỊ

1. Tri thức ngữ văn cho GV

Truyện ngụ ngôn

Truyện ngụ ngôn là hình thức tự sự cỡ nhỏ, tái hiện đời sống khách quan, đã xuất hiện trong nhiều nền văn hoá từ thời cổ xưa. Trên thế giới, ngay từ trước Công nguyên, các câu chuyện của Ê-dốp (khoảng 620 – 564 trước Công nguyên), Trang Tử (khoảng 369 – 286 trước Công nguyên), Hàn Phi Tử (khoảng 280 – 233 trước Công nguyên),… đã được lưu truyền rộng rãi. Ở Việt Nam, những câu chuyện dân gian như *Mèo ăn chay, Thả mồi bắt bóng, Cà cuống với người tịt mũi, Quạ mặc lông công, Đẽo cày giữa đường,…* cũng được phổ biến qua nhiều thế hệ. Thông điệp mà truyện ngụ ngôn muốn đưa ra chính là những đạo lí làm người, những kinh nghiệm, những bài học trong đời sống xã hội.

Truyện ngụ ngôn thường sử dụng lối diễn đạt ám chỉ, ngụ ý, bóng gió, để người đọc/người nghe có thể chiêm nghiệm, suy ngẫm, rút ra những bài học cho mình. GV có thể tuỳ theo trình độ nhận thức của HS để giúp các em phân biệt lối diễn đạt ám chỉ, ngụ ý, bóng gió thông thường với "lối diễn đạt ám chỉ, ngụ ý, bóng gió như một nguyên tắc tổ chức tác phẩm" trong truyện ngụ ngôn. Đây chính là một dạng thức ẩn dụ nhưng với quy mô lớn hơn, không chỉ ở cấp độ câu, đoạn mà còn bao quát toàn bộ tác phẩm, dùng chỉnh thể các hình ảnh cụ thể trong câu chuyện để diễn đạt những thông điệp, những ý nghĩa trừu tượng.

Một số đặc điểm của truyện ngụ ngôn

• *Truyện ngụ ngôn thường ngắn gọn, được viết bằng văn xuôi hoặc thơ:* Những câu chuyện ngụ ngôn ban đầu (truyện ngụ ngôn Ê-dốp, Trang Tử, Hàn Phi Tử, ngụ ngôn

dân gian Việt Nam,…) thường có hình thức văn xuôi. Đó là những truyện rất ngắn, hoặc những mẩu chuyện nhỏ được tách khỏi một trước tác có quy mô lớn hơn (như trường hợp các truyện ngụ ngôn của Trang Tử, Hàn Phi Tử,…). Ngụ ngôn mang hình thức thơ xuất hiện muộn hơn, với vai trò đáng kể của La Phông-ten, giúp những câu chuyện trở nên dễ nhớ, tăng sức lan toả. Truyện ngụ ngôn bằng thơ dần trở nên phổ biến trên thế giới, trong đó có Việt Nam.

Do có quy mô nhỏ, truyện ngụ ngôn thường có số nhân vật rất ít (thông thường chỉ có khoảng vài ba nhân vật), tình tiết đơn giản (thường chỉ xoay quanh một tình huống truyện).

• *Nhân vật ngụ ngôn là con người hoặc con vật, đồ vật được nhân hoá (có đặc điểm như con người)*: Một số truyện ngụ ngôn có nhân vật là con người, như các truyện: *Thầy bói xem voi, Đẽo cày giữa đường, Vẽ rắn thêm chân, Bác nông dân và bảy người con trai,…* Nhân vật trong một số truyện ngụ ngôn khác lại là con vật như: *Lừa khoác da sư tử, Rùa và thỏ, Chú đơi thông minh, Mèo và sư tử, Châu chấu và kiến, Sư tử hỏi vợ, Hai con dê qua cầu, Con cáo và chùm nho,...* Chúng thường được nhân hoá, có đặc điểm như con người. Nhờ được nhân cách hoá nên nhân vật trong nhiều truyện ngụ ngôn vừa gần gũi với tâm hồn trẻ thơ, vừa giàu sức gợi (tưởng tượng, liên tưởng,…) đối với độc giả ở mọi lứa tuổi[1].

• *Truyện ngụ ngôn thường nêu lên những tư tưởng, đạo lí hay bài học cuộc sống bằng ngôn ngữ giàu hình ảnh, có thể pha chất hài hước*: Một truyện ngụ ngôn thường gồm hai phần (phần thứ nhất là cốt truyện; phần thứ hai là bài học luân lí, đạo đức, kinh nghiệm cuộc sống được rút ra). Trong nhiều tác phẩm, phần thứ hai có thể không xuất hiện hoặc bị lược đi, bài học được người đọc tự đúc rút từ cốt truyện. Những tư tưởng, đạo lí hay bài học cuộc sống đó thường được đúc kết thành các thành ngữ như *coi trời bằng vung, thầy bói xem voi, ôm cây đợi thỏ, đẽo cày giữa đường, ếch ngồi đáy giếng,…*

Ngôn ngữ trong truyện ngụ ngôn thường giàu hình ảnh, tạo ấn tượng trực quan cho người đọc, khiến người đọc dễ dàng cảm nhận thế giới nghệ thuật của tác phẩm. Từ đó, người đọc có thể liên tưởng những ngụ ý, tư tưởng, đạo lí hay bài học cuộc sống hàm ẩn trong những hình ảnh này.

Chất hài hước cũng được không ít truyện ngụ ngôn sử dụng. Nó tạo không khí thoải mái, vui vẻ, bớt khô khan khi chuyển tải những tư tưởng, đạo lí hay bài học cuộc sống. Nó góp phần tạo tâm lí tích cực (nhưng cũng không kém phần sâu cay) khi đề cập tới các

---

[1] Truyện đồng thoại cũng có các nhân vật là các con vật, đồ vật được nhân cách hoá. Một số điểm khác biệt của truyện ngụ ngôn với truyện đồng thoại là: 1. Về đối tượng người đọc, truyện ngụ ngôn dành cho mọi lứa tuổi, truyện đồng thoại tập trung phục vụ đối tượng là trẻ em; 2. Về cấu trúc, truyện ngụ ngôn thường có một bộ phận (một câu, một đoạn,… của tác phẩm) thể hiện bài học đạo lí, kinh nghiệm sống, bộ phận mà truyện đồng thoại không có; 3. Việc nhân cách hoá các loài vật, đồ vật trong truyện ngụ ngôn nhằm chuyển tải bài học đạo đức, kinh nghiệm sống; còn hình thức nhân cách hoá loài vật, đồ vật trong truyện đồng thoại dùng để diễn tả đời sống một cách hình tượng, gần gũi, hồn nhiên, phù hợp với tâm hồn của trẻ thơ.

nội dung châm biếm, đả kích những thói hư, tật xấu, những suy nghĩ và hành động không đúng đắn trong đời sống xã hội.

Tục ngữ

Tục ngữ là một loại sáng tác ngôn từ dân gian, có vị trí ngang hàng với các loại sáng tác khác như ca dao, vè, câu đố,… Về nội dung, tục ngữ thường đúc kết những kinh nghiệm về thời tiết, về lao động sản xuất, ứng xử trong đời sống, đạo đức luân lí xã hội; phê phán những thói hư tật xấu của người đời,… Tục ngữ thực sự là kho tàng trí tuệ của nhân dân. Về hình thức, tục ngữ là một phát ngôn (câu) hoàn chỉnh, chứa đựng một thông báo trọn vẹn, có khả năng tồn tại độc lập. Tục ngữ thường ngắn gọn, đa số chỉ một đến hai dòng, có thể có vần hoặc không vần, nhưng bao giờ cũng nhịp nhàng, cân đối, dễ thuộc. Tục ngữ cũng được sử dụng nhiều trong ngôn ngữ giao tiếp hằng ngày. Ví dụ: ***Ở chọn nơi, chơi chọn bạn****, cha ông dạy cấm có sai.*

Thành ngữ

Thành ngữ là cụm từ cố định, là loại "cấu kiện đúc sẵn" để sử dụng trong nói năng hằng ngày. Thành ngữ không có cấu trúc hoàn chỉnh của câu, không chứa đựng nội dung thông báo. Vì thế, trong lời nói, thành ngữ được sử dụng như từ. Nghĩa của thành ngữ là nghĩa của toàn khối, chứ không phải là nghĩa của từng thành tố cộng lại. Ví dụ: *ăn trắng mặc trơn* không nói chuyện ăn, mặc, trắng, trơn, mà là *hưởng thụ sự sung sướng về vật chất* nói chung; *cao chạy xa bay* không phải là chạy lên cao và bay đi xa, mà là *trốn biệt tăm biệt tích*. Khác với cụm từ tự do, thành ngữ có cấu trúc chặt chẽ, cân đối, nhịp nhàng. Chẳng hạn: *cá bể chim ngàn, đồng cam cộng khổ, ăn bữa hôm lo bữa mai, chó ăn đá gà ăn sỏi,…* Khi sử dụng thành ngữ, lời nói trở nên hàm súc, giàu hình ảnh, có nghĩa bóng bẩy: ***Kiến bò miệng chén*** *chưa lâu/ Mưu sâu cũng trả nghĩa sâu cho vừa* (Nguyễn Du, *Truyện Kiều*), *Quê hương anh* ***nước mặn đồng chua****/ Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá* (Chính Hữu, *Đồng chí*),…

Cần lưu ý, ranh giới giữa tục ngữ và thành ngữ không phải bao giờ cũng rạch ròi. Có những trường hợp, khó xác định là tục ngữ hay thành ngữ. Gặp tình huống như vậy, người ta thường dựa vào ý nghĩa mà người dùng muốn thể hiện để nhận biết.

Nói quá

Nói quá còn có cách gọi khác là *phóng đại, ngoa dụ, cường điệu, khoa trương, thậm xưng*. Bản chất của biện pháp tu từ này là dùng cách diễn đạt đặc biệt, nhân lên rất nhiều lần, thậm chí đến mức phi lí những đặc điểm, thuộc tính của đối tượng.

Nói quá thường xuất hiện trong ngôn ngữ sinh hoạt hằng ngày. Nhiều tục ngữ, thành ngữ cũng sử dụng biện pháp tu từ nói quá, ví dụ: *chưa ăn đã hết, dời non lấp biển, ruột để ngoài da, rán sành ra mỡ, vắt cổ chày ra nước, đêm nằm bằng năm ở, ăn không rau như đau không thuốc,…*

Trong văn học, biện pháp tu từ nói quá được sử dụng với mục đích nhất định. Có khi nhằm nhấn mạnh, tạo ấn tượng đặc biệt: *Dân công đỏ đuốc từng đoàn/* ***Bước chân nát đá****, muôn tàn lửa bay* (Tố Hữu, *Việt Bắc*). Có khi dùng để khẳng định một điều gần như tuyệt đối: *Chim khôn thì* ***khôn cả lông/ Khôn đến cái lồng, người xách cũng khôn*** (Ca dao). Có khi tạo

nên sự hài hước, gây cười: *Lỗ mũi **mười tám gánh lông**/ Chồng yêu chồng bảo: râu rồng trời cho* (Ca dao).

Cần phân biệt nói quá với nói khoác. Nếu nói khoác là bịa đặt, dựng chuyện, "từ không nói thành có", nhưng cố làm cho người khác tin, thì nói quá chỉ là phóng đại tính chất, quy mô,... của đối tượng nhằm nhấn mạnh, gây cười.

❐ Tài liệu tham khảo

Để bổ sung kiến thức liên quan đến các vấn đề trong bài, GV có thể tham khảo thêm một số tài liệu sau đây:

1. Hoàng Văn Hành, *Thành ngữ học tiếng Việt*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 2004.

2. Phạm Minh Hạnh, *Ngụ ngôn Việt Nam và thế giới* (*thể loại và triển vọng*), NXB Khoa học xã hội, Hà Nội,1993.

3. Nguyễn Thái Hoà, *Tục ngữ Việt Nam – cấu trúc và thi pháp*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1997.

4. Đinh Trọng Lạc, *99 phương tiện và biện pháp tu từ tiếng Việt*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2003.

5. Nguyễn Hiến Lê, *Trang Tử và Nam Hoa kinh*, NXB Văn hoá – Thông tin, Hà Nội, 1994.

6. Vũ Ngọc Phan, *Tục ngữ – Ca dao – Dân ca Việt Nam*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1998.

7. Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn quốc gia, *Tổng tập văn học dân gian người Việt*, tập 10 – *Truyện ngụ ngôn*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 2003.

2. Phương tiện dạy học

Để tổ chức dạy học đọc, viết, GV cần sử dụng PowerPoint để trình chiếu, kết hợp các phiếu học tập thiết kế phù hợp với các nội dung cụ thể của từng phần.

III TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

GIỚI THIỆU BÀI HỌC VÀ TRI THỨC NGỮ VĂN

Hoạt động 1 Tìm hiểu *Giới thiệu bài học*

Phần *Giới thiệu bài học* ở SHS tập trung vào hai khía cạnh: *chủ đề bài học* và *thể loại VB*.

Khai thác chủ đề *Bài học cuộc sống*, GV cần đặt ra một số câu hỏi, chẳng hạn: *Em hiểu thế nào là "học suốt đời"? Em có thể nêu một số cơ hội học tập mà con người có được trong cuộc sống không? Đã bao giờ em thấy mình học được điều gì đó từ những chuyến đi, từ việc xem phim, đọc sách hoặc nghe kể chuyện hay chưa? Có thể xem đó là những bài học mà cuộc sống dạy cho em được không?*

Với vấn đề thể loại, GV có thể khơi gợi để HS chia sẻ tri thức về truyện ngụ ngôn và tục ngữ mà các em ít nhiều có được qua các lớp đã học. GV cũng có thể nêu một số bài học về kinh nghiệm sống, một số thành ngữ, yêu cầu các em xác định truyện ngụ ngôn có liên quan; gợi một số tình huống yêu cầu các em tìm câu tục ngữ, thành ngữ phù hợp.

Triển khai nhẹ nhàng, hấp dẫn hai khía cạnh trên, GV giới thiệu khái quát các hoạt động mà HS sẽ thực hiện ở bài học này.

Hoạt động 2 Khám phá *Tri thức ngữ văn*

Trong bài này, tri thức ngữ văn mà HS cần nắm để đọc, viết, nói và nghe một cách hiệu quả gồm có: *truyện ngụ ngôn, một số đặc điểm của truyện ngụ ngôn, tục ngữ, thành ngữ, biện pháp tu từ nói quá*. Trước đó, GV cần hướng dẫn cho HS tự tìm hiểu ở nhà những khái niệm này trong SHS. Đến lớp, sau khi giới thiệu bài học, GV dựa vào các VB truyện ngụ ngôn và tục ngữ trong bài, nêu tiếp một số câu hỏi để dẫn dắt các em tiếp cận với các khái niệm đó. GV có thể bổ sung, minh hoạ thêm bằng một số ví dụ; cuối cùng chốt lại những nội dung cơ bản nhất mà HS phải nắm vững trước khi thực hiện việc đọc VB. Cần lưu ý: Những khái niệm thuộc về tiếng Việt sẽ được tìm hiểu khi dạy tiết Thực hành tiếng Việt.

Truyện ngụ ngôn và tục ngữ được sắp xếp chung một bài học là có cơ sở. GV cũng cần giúp HS nhận thức những tương đồng và khác biệt cũng như mối liên hệ giữa hai thể loại, minh hoạ nhanh bằng một số bằng chứng.

Như vậy, GV cần kết hợp phương pháp nêu vấn đề, phương pháp đàm thoại với diễn giảng để kích thích và hỗ trợ HS khám phá tri thức ngữ văn trong bài.

ĐỌC VĂN BẢN VÀ THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

VĂN BẢN 1. ĐẼO CÀY GIỮA ĐƯỜNG (Ngụ ngôn Việt Nam)

VĂN BẢN 2. ẾCH NGỒI ĐÁY GIẾNG (Trang Tử)

VĂN BẢN 3. CON MỐI VÀ CON KIẾN (Nam Hương)

1. Phân tích yêu cầu cần đạt

Đọc những VB này, HS cần nhận biết được một số yếu tố của truyện ngụ ngôn như: đề tài, tình huống, cốt truyện, nhân vật, chủ đề; nhận biết được thông điệp, bài học mà VB muốn gửi đến người đọc. Từ việc hiểu nội dung của VB, GV hướng dẫn HS tự rút ra bài học, có thể mở rộng ra những bài học mới, liên hệ đến đời sống của bản thân và với các thành ngữ tương ứng.

2. Gợi ý tổ chức hoạt động dạy học

Hoạt động 1 Khởi động

Trong SHS, phần *Trước khi đọc* có 2 yêu cầu: 1. *Kể một câu chuyện em được đọc (nghe) hoặc một sự việc em chứng kiến (tham gia) đã để lại cho em bài học sâu sắc. Bài học em rút ra được từ câu chuyện hoặc sự việc đó là gì?*; 2. *Hãy chia sẻ cách hiểu của em về câu nói: "Anh ta nhận ra mình chỉ là ếch ngồi đáy giếng mà thôi".*

Từ các yêu cầu trên, GV có thể triển khai hoạt động Khởi động theo cách sau:

– Gọi HS xung phong kể một câu chuyện ngắn hoặc sự việc để lại bài học sâu sắc về cuộc sống, yêu cầu HS nói rõ bài học đã rút ra được; có thể mời HS khác rút ra bài học cho bản thân từ câu chuyện bạn kể.

– Cho HS xem một đoạn phim hoặc nghe một câu chuyện ngắn, yêu cầu các em phát biểu về bài học thu nhận được sau khi xem hoặc nghe, hướng HS chú ý liên hệ với VB sắp đọc.

– Cho các nhóm HS thảo luận, yêu cầu đại diện nhóm trình bày, GV nhận xét, bổ sung theo định hướng kết nối với VB.

Các hoạt động trước khi đọc cần thực hiện một cách ngắn gọn, nhẹ nhàng, gây được sự chú ý và hứng khởi cho HS, kết nối được những trải nghiệm của các em với nội dung VB.

Hoạt động 2 Đọc văn bản

– Cần cho HS đọc VB thành tiếng trước lớp. GV nên gọi một vài HS đọc lần lượt từng truyện. Trong quá trình đọc, GV kết hợp đọc mẫu (nhất là những lời thoại của nhân vật), vừa đọc vừa nói rõ yêu cầu của việc đọc (giọng đọc, âm lượng, tốc độ, cách biểu cảm,…) để chỉnh sửa kĩ năng đọc cho HS.

– Trong quá trình đọc, GV nhắc HS chú ý chiến lược đọc được nêu ở các thẻ bên phải VB, giúp HS chú ý và ghi nhớ, nhưng không làm gián đoạn việc đọc.

– GV có thể đặt câu hỏi để kiểm tra nhận thức của HS về một số từ ngữ khó trong VB, sau đó hướng dẫn HS xem cách giải thích của SHS, kết hợp với giảng giải mở rộng để các em hiểu nghĩa của những từ ngữ này.

Hoạt động 3 Khám phá văn bản

Đây là hoạt động chính của khâu đọc hiểu. Để hướng dẫn HS khám phá VB, GV phải phối hợp nhiều phương pháp, kĩ thuật dạy học, trong đó, hướng HS vào khai thác các vấn đề nội dung và hình thức của VB thông qua hệ thống câu hỏi là việc hết sức cần thiết. Dù giáo án của GV tiếp cận VB theo hướng nào, thì những câu hỏi mà SHS dành cho HS cũng là những gợi ý thiết thực. Đặc biệt, những câu hỏi này đã định hướng cho HS chuẩn bị cho việc đọc ở lớp.

Các câu hỏi sau khi đọc được thiết kế theo hướng tăng dần mức yêu cầu đọc hiểu: *nhận biết* (câu 1, 3, 6); *phân tích, suy luận* (câu 4, 5, 7, 8); *đánh giá, vận dụng* (câu 2). GV có thể tổ chức lại hệ thống câu hỏi này và bổ sung câu hỏi riêng của mình.

Câu hỏi 1

Câu hỏi này ở mức nhận biết, nhưng HS phải nắm được trọn vẹn cả ba lần phản ứng trong câu chuyện (hai lần "cho là phải" rồi đẽo cày theo kích cỡ mới, và một lần "liền đẽo ngay" mà không có suy nghĩ, tìm hiểu, cân nhắc). Phản ứng ấy được chính người thợ mộc tự hiểu ra là sai lầm, biết rằng "dễ nghe người là dại" (không có sự suy xét, đánh giá đúng/sai, không tìm hiểu thực tế mà chỉ nghe và tin một cách mù quáng), để đến nỗi "quá muộn rồi, không sao chữa được nữa".

GV cần hướng dẫn HS chú ý từ ngữ được dùng trong VB để thể hiện mức độ "dại" của người thợ mộc: lần 1 *cho là phải – đẽo,* lần 2 *cho là phải – lại đẽo,* lần 3 *liền đẽo ngay.*

Câu hỏi 2

Đây là câu hỏi mang tính vận dụng. GV có thể cho HS phát biểu quan điểm riêng, hoặc tổ chức cho HS thảo luận nhóm, rồi cử đại diện phát biểu. GV cũng cần giúp HS phân biệt giữa *biết lắng nghe góp ý* với *dễ nghe người là dại* (không có sự suy xét, đánh giá đúng/ sai, không tìm hiểu thực tế mà chỉ nghe và tin một cách mù quáng) để HS nhận thức đúng đắn về điều này.

Câu hỏi 3

GV hướng dẫn HS theo dõi các chi tiết trong VB để làm rõ những điều làm ếch cảm thấy sung sướng:

– *Tôi có thể ra khỏi giếng, nhảy lên miệng giếng, rồi lại vô giếng, ngồi nghỉ trong những kẽ gạch của thành giếng. Bơi trong nước thì nước đỡ nách và cằm tôi, nhảy xuống bùn thì bùn lấp chân tôi tới mắt cá*: sung sướng vì có cuộc sống tự do tự tại.

– *Ngó lại phía sau, thấy những con lăng quăng, con cua, con nòng nọc, không con nào sướng bằng tôi*: sung sướng vì thấy những con vật khác không bằng mình.

– *Vả lại một mình chiếm một chỗ nước tụ, tự do bơi lội trong một cái giếng sụp, còn vui gì hơn nữa?*: sung sướng vì tự hào với địa vị "chúa tể" của mình ở trong giếng.

– *Sao anh không vô giếng tôi một lát coi cho biết?*: sung sướng đến mức khoe khoang với rùa về "thế giới trong giếng" của mình.

Câu hỏi 4

GV có thể cho HS làm việc nhóm, gọi đại diện một nhóm trình bày. Sau đó gọi đại diện các nhóm khác hoặc các cá nhân phát biểu nhận xét, góp ý. Gợi ý:

– Ếch sống trong một không gian hẹp (một cái giếng sụp), vận động trong khoảng không gian hẹp (chỉ từ miệng giếng vào đến trong giếng), tiếp xúc với những con vật nhỏ bé (lăng quăng, cua, nòng nọc),… nên chưa hề biết tới sự rộng lớn và bao điều mới lạ khác của thế giới bên ngoài. Vì vậy, ếch đã cảm thấy sung sướng với cái "thế giới" nhỏ bé mình đang sống và thực sự choáng ngợp trước cái vĩ đại của biển.

– Rùa sống ở một không gian rộng (biển), sống lâu (nên lớn đến nỗi không vào nổi trong giếng), chứng kiến nhiều điều (rùa đã đi đây đi đó, chí ít là đã băng qua con đường từ biển tới nơi có cái giếng),… Vì vậy, rùa đã lùi lại (biểu thị việc không còn quan tâm đến cái thế giới nhỏ bé của ếch) và kể cho ếch biết về niềm sung sướng mà rùa được trải nghiệm ("cái vui lớn của biển đông").

Câu hỏi 5

GV hướng dẫn HS tìm hiểu quá trình thay đổi của ếch từ lúc vui (tự hào về "thế giới" trong cái giếng của mình, tự hào về "địa vị" hơn những con vật khác trong giếng, thoả mãn với những điều mình có tới mức muốn giới thiệu/ khoe khoang với rùa) đến khi nghe được những điều ếch chưa từng biết về biển do rùa kể.

GV lưu ý HS về chuỗi phản ứng của ếch sau khi nghe rùa kể về biển, nguyên nhân của từng biểu hiện:

– Ngạc nhiên: Sự vĩ đại của biển nằm ngoài hiểu biết của ếch, khiến ếch **hoàn toàn bất ngờ**.

– Thu mình lại: Niềm vui và niềm tự hào của ếch bị thay thế bởi **cảm giác nhỏ bé** trước sự vĩ đại của biển.

– Hoảng hốt, bối rối: Cảm giác của ếch khi **mất niềm tin** (*bối rối*) vào những điều ếch đã tin và tự hào trước đây, **choáng ngợp** (*hoảng hốt*) trước những điều mới mẻ, lớn lao, vĩ đại hơn những điều ếch đã từng biết.

Câu hỏi 6

GV có thể cho HS hoàn thành phiếu học tập theo nhóm, để HS có cơ hội cùng nhau khám phá VB và trao đổi ý kiến.

Có thể tham khảo mẫu phiếu học tập sau:

	Quan niệm sống	Biểu hiện
Mối	1.....	– ..... – .....
	2.....	– ..... – .....
Kiến	1.....	– ..... – .....
	2.....	– ..... – .....

Sau khi cho các nhóm hoàn thành phiếu học tập trong khoảng 10 phút, GV chọn một nhóm lên trình bày; các nhóm khác nhận xét, bổ sung để đi đến đáp án cuối cùng. Phần trình bày cần đảm bảo các ý:

1. *Quan niệm sống của mối*

a. Không muốn lao động, sợ vất vả

Biểu hiện:

– Ngồi ở trong nhà nhìn ra ngoài.

– Ngồi tựa lưng trên chiếc ghế chéo, bên chiếc bàn tròn.

– Lười vận động nên cơ thể béo mập và chậm chạp (*ồ ề*).

– Nói với kiến: *Tội tình gì lao khổ lắm thay!*

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

b. Chỉ biết hưởng thụ trước mắt, chỉ nghĩ đến bản thân (nên tầm nhìn thiển cận)

Biểu hiện:

– Ăn no béo trục béo tròn.

– Chỉ biết an hưởng nhà cao cửa rộng, của nả đầy tủ, đầy hòm.

– Không nhận ra rằng chỉ biết sống hưởng thụ mà không lao động thì cuộc sống tốt đẹp sẽ chẳng thể được bền lâu.

2. *Quan niệm sống của kiến*

a. Không ngại vất vả, chăm chỉ lao động

Biểu hiện:

– Sẵn sàng ra ngoài làm việc, dù vất vả, khiến cơ thể gầy gò.

– Ý thức: *Hễ có làm thì mới có ăn.*

b. Biết lo xa, biết sống có trách nhiệm với cộng đồng, sống vì mọi người (nên biết nhìn xa trông rộng)

Biểu hiện:

– Vì nhận thức *Sinh tồn là cuộc khó khăn* nên chủ động lo xa, chuẩn bị cho tương lai lâu dài, bền vững.

– Quan tâm đến *trên địa cầu muôn loại* (muôn loài trên địa cầu).

– Ý thức: *Vì đàn vì tổ, vun thu xứ sở.*

Câu hỏi 7

GV nên cho HS xung phong phát biểu cảm nhận, nêu lí lẽ, bằng chứng làm cơ sở cho nhận định đó.

Rõ ràng, với việc miêu tả mối như một kẻ vị kỉ, lười biếng, chỉ biết hưởng thụ cho "béo trục béo tròn" (lưu ý cách dùng cụm từ này trong chính lời đối thoại của nhân vật mối, cụm từ này thường có sắc thái đánh giá tiêu cực), còn kiến tuy gầy gò, vất vả, nhưng luôn chăm chỉ, cố gắng, biết sống vì người khác, biết lo cho cái chung, biết hướng tới tương lai vững bền,… thiện cảm của người kể chuyện được dành cho kiến.

GV cần lắng nghe các ý kiến của HS, kể cả ý kiến trái chiều, khéo léo phân tích, chỉ ra những bằng chứng chứng minh cho cảm nhận trên, giúp định hướng cảm xúc thẩm mĩ cho HS, góp phần hình thành nhân cách của các em.

Câu hỏi 8

Đây là một câu hỏi mang tính bao quát cho ba tác phẩm, cũng là bao quát cho thể loại truyện ngụ ngôn. GV có thể thực hiện từng bước bằng cách yêu cầu HS:

1. Chỉ rõ những nội dung chính yếu (bài học) của mỗi truyện: "dễ nghe người là dại" (không có sự suy xét, đánh giá đúng/ sai, không tìm hiểu thực tế mà chỉ nghe và tin một cách mù quáng), cần cẩn trọng trước khi làm một việc gì đó… (*Đẽo cày giữa đường*); cần rèn cho

mình đức tính kiên trì (kiên tâm), chịu khó học hỏi, mở rộng hiểu biết, không được tự mãn với những điều mình đã biết,… (*Ếch ngồi đáy giếng*); quan niệm sống chỉ biết nghĩ cho bản thân, chỉ biết sống hưởng thụ mà không lao động thì cuộc sống tốt đẹp sẽ chẳng thể được bền lâu (*Con mối và con kiến*).

Riêng truyện *Con mối và con kiến* có bối cảnh ra đời đặc biệt (truyện được công bố lần đầu trên tạp chí *Nam Phong*, một tạp chí có tôn chỉ cổ suý cho tinh thần dân tộc, số 115, tháng 3/1927, trang 282 với tiêu đề *Con mối với đàn kiến*, khi đất nước ta đang bị đô hộ bởi thực dân Pháp) nên ngoài bài học kể trên, còn có bài học riêng khi đặt trong bối cảnh lịch sử của dân tộc ta lúc bấy giờ. Đó là bài học về trách nhiệm của công dân với nước nhà, với "xứ sở". Đó là tâm sự yêu nước, là ý thức trách nhiệm của mỗi cá nhân trước vận mệnh của đất nước, của dân tộc: phải biết "vì đàn vì tổ", "vun thu xứ sở".

2. Sau khi xác định được những bài học riêng của mỗi truyện, GV hướng dẫn để HS tìm ra được điểm chung của các bài học. Đó chính là những kinh nghiệm quý báu, những đạo lí làm người đúng đắn mà mỗi cá nhân cần học hỏi khi sống trong xã hội.

3. GV chú ý tôn trọng những ý kiến mở, nhưng vẫn đúng với đạo lí và phù hợp với nội dung ba truyện ngụ ngôn đề cập. Mỗi câu chuyện đều có những bài học riêng. GV cho một số HS lần lượt phát biểu, hoặc tổ chức thảo luận nhóm, sau đó chốt lại những bài học quan trọng rút ra được từ ba truyện ngụ ngôn vừa học.

Hoạt động 4 Viết kết nối với đọc

GV hướng dẫn HS vận dụng những hiểu biết thu nhận được từ việc đọc VB để thực hiện viết đoạn văn trong khoảng 10 – 15 phút. Đoạn văn cần đáp ứng các yêu cầu:

– Về nội dung: Trình bày được một nội dung hoàn chỉnh có liên quan trực tiếp đến thành ngữ *đẽo cày giữa đường*.

– Về hình thức: Viết đoạn văn đủ số câu theo yêu cầu. Các câu trong đoạn phải đúng ngữ pháp, tập trung vào chủ đề, đảm bảo sự liền mạch. Tránh các lỗi về chính tả và dùng từ. Trong đoạn, phải có thành ngữ *đẽo cày giữa đường* được sử dụng một cách phù hợp.

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

THÀNH NGỮ – ĐẶC ĐIỂM VÀ CHỨC NĂNG

1. Phân tích yêu cầu cần đạt

– HS nắm được đặc điểm của thành ngữ (về cấu trúc và ngữ nghĩa), từ đó nhận diện được thành ngữ trong câu.

– HS hiểu được chức năng của thành ngữ, tác dụng của thành ngữ trong câu, từ đó, phân tích được giá trị biểu đạt của thành ngữ trong những trường hợp cụ thể.

2. Gợi ý tổ chức hoạt động dạy học

Hoạt động 1 Hình thành kiến thức mới

– GV cho HS đọc lại định nghĩa về *thành ngữ* trong mục *Tri thức ngữ văn* ở SHS, trang 5. Định nghĩa này có hai khía cạnh cần nắm vững. *Thứ nhất*, về mặt cấu tạo, thành ngữ là một cụm từ cố định, khác với cụm từ tự do. Cụm từ tự do chỉ tồn tại trong một tình huống giao tiếp cụ thể, không dùng lại nguyên xi trong các tình huống khác. Ngược lại, thành ngữ là cụm từ cố định, giống như những "cấu kiện đúc sẵn", phải sử dụng nguyên khối. Chúng được dùng đi dùng lại nhiều lần trong những ngữ cảnh phù hợp. *Thứ hai*, nghĩa của thành ngữ là nghĩa của toàn khối chứ không phải nghĩa cộng gộp từ các thành tố. Chính vì điều này mà thành ngữ được sử dụng như từ. Thành ngữ thường có nghĩa bóng bẩy, nghĩa biểu trưng.

– HS nắm được chức năng của thành ngữ (nội dung này được trình bày ở SHS, trang 10 – 11). Định nghĩa về thành ngữ ở *Tri thức ngữ văn* chỉ cung cấp cho HS hiểu biết ban đầu về thành ngữ. Để các em nắm vững khái niệm thành ngữ và các đặc điểm cơ bản của thành ngữ, SHS thiết kế phần thực hành nhận biết được đặt trong khung bên phải. GV có thể tổ chức dạy học theo cách linh hoạt và phù hợp với đối tượng HS để các em được chuẩn bị kĩ về kiến thức trước khi thực hành các bài tập. Qua phân tích một số ví dụ, SHS khẳng định: "Việc dùng thành ngữ giúp cho câu trở nên súc tích, bóng bẩy, gợi nhiều liên tưởng". Để củng cố nhận định này, GV có thể nêu thêm một vài ví dụ (thành ngữ được sử dụng trong lời ăn tiếng nói hằng ngày và trong thơ văn), thử thay thành ngữ bằng từ ngữ khác cùng nghĩa. Sau đó phân tích để thấy sự khác biệt.

Hoạt động 2 Luyện tập, vận dụng

Bài tập 1

Trong các câu văn được trích từ VB *Buổi học cuối cùng* (An-phông-xơ Đô-đê) và *Người thầy đầu tiên* (Trin-ghi-dơ Ai-tơ-ma-tốp), những thành ngữ này chưa được chú thích, vì đó là những thành ngữ thông dụng, nghĩa không xa lạ với HS. Với yêu cầu nhận biết, GV cho HS tìm và giải thích lí do những cụm từ đó được xem là thành ngữ. Tiếp theo, HS giải thích ý nghĩa những thành ngữ đó.

Gợi ý:

a. *Ba chân bốn cẳng* là thành ngữ, có nghĩa: vội vã, cuống lên.

b. *Chuyển núi dời sông* là thành ngữ, có nghĩa: làm những việc lớn lao, phi thường.

Bài tập 2

HS trình bày phương án thay thế của mình (GV cho HS viết lên bảng). GV hướng dẫn cả lớp nhận xét, trao đổi, so sánh các phương án thay thế để rút ra nhận xét về sự khác biệt giữa câu sử dụng thành ngữ và câu dùng từ ngữ có nghĩa tương đương.

Gợi ý:

a. Thành ngữ *đi đời nhà ma* có thể thay bằng *đi tong, chẳng còn gì.*

b. Thành ngữ *thượng vàng hạ cám* có thể thay bằng các cụm từ *từ sang đến hèn, sang trọng đến tầm thường.*

So với câu dùng từ ngữ tương đương, câu dùng thành ngữ có tác dụng biểu đạt ý mạnh hơn, gây ấn tượng hơn đối với người nghe.

Bài tập 3

Đẽo cày giữa đường là thành ngữ liên quan đến một VB ngụ ngôn đã học trong bài. GV gợi HS nhớ lại nội dung câu chuyện, từ đó hiểu nghĩa của thành ngữ. Khi nắm được nghĩa, HS sẽ nhận ra câu nào dùng thành ngữ này là hợp lí.

Gợi ý: Nội dung câu chuyện đã đọc giúp ta hiểu rằng, *đẽo cày giữa đường* muốn nói về kiểu người ai bảo gì nghe nấy một cách thụ động, không biết suy nghĩ, xét đoán đúng/ sai, dẫn đến kết quả tồi tệ. Như vậy, "*Chín người mười ý, tôi biết nghe theo ai bây giờ? Thật là đẽo cày giữa đường.*" mới là câu dùng thành ngữ hợp lí.

Bài tập 4

Với bài tập này, tất cả HS đều có nhiệm vụ đặt câu sử dụng thành ngữ theo yêu cầu. GV có thể gọi một số HS lên bảng viết câu đã đặt, cho HS trong lớp đối chiếu với câu của mình để nhận xét, trao đổi. Qua thảo luận của HS, GV chốt lại những câu đáp ứng yêu cầu, hướng dẫn chỉnh sửa những câu chưa đạt. Có hai tiêu chí đánh giá: sự hợp lí của cách dùng thành ngữ và việc đảm bảo quy tắc ngữ pháp của câu.

Gợi ý:

GV có thể dựa vào những ví dụ sau đây để đánh giá kết quả đặt câu của HS:

a. *Thần đồng là những đứa bé có khả năng rất đặc biệt: học một biết mười.*

b. *Mẹ bảo: Anh Thành giỏi giang, học hay, cày biết, ở đâu cũng sống được.*

c. *Con cái khôn ngoan, hiếu thuận làm cho cha mẹ mở mày mở mặt.*

d. *Biết bài kiểm tra phần nói tiếng Anh của mình được đánh giá cao, tôi như mở cờ trong bụng.*

VĂN BẢN 4. MỘT SỐ CÂU TỤC NGỮ VIỆT NAM

1. Phân tích yêu cầu cần đạt

– HS nắm được:

+ Về hình thức, tục ngữ thường ngắn gọn, cô đúc; phần lớn có vần điệu; nhịp nhàng, cân đối; hoàn chỉnh về ngữ pháp.

+ Về nội dung, tục ngữ thường đúc kết kinh nghiệm về tự nhiên, về lao động sản xuất, về ứng xử trong cuộc sống.

– HS hiểu được, mặc dù có quy mô nhỏ, nhưng tục ngữ vẫn tồn tại với tư cách là một loại sáng tác ngôn từ dân gian, thấy được tương quan giữa tục ngữ với các loại sáng tác ngôn từ dân gian khác như ca dao, vè,... Từ đó, các em có khả năng đọc hiểu những câu tục ngữ lưu truyền trong đời sống, biết vận dụng tục ngữ trong một số tình huống giao tiếp.

2. Gợi ý tổ chức hoạt động dạy học

Hoạt động 1 Khởi động

Có thể khởi động phần đọc hiểu tục ngữ bằng nhiều cách khác nhau. Chẳng hạn: GV cho HS đọc một đoạn kịch bản hoặc chiếu một trích đoạn sân khấu, ở đó, có nhân vật dùng tục ngữ trong lời thoại, yêu cầu HS nhận diện và nhận xét cách sử dụng tục ngữ của người nói; hoặc đưa ra một đoạn thoại của ngôn ngữ sinh hoạt, cho HS chọn câu tục ngữ phù hợp điền vào chỗ trống;... Hai câu hỏi của SHS cũng là gợi ý về một cách khởi động: 1. *Khi trò chuyện với người khác, đã bao giờ em dùng tục ngữ chưa? Em hãy lí giải về thực tế đó của bản thân.*; 2. *Theo em, vì sao người ta lại dùng tục ngữ trong một số tình huống giao tiếp thường ngày?* GV cho HS thảo luận nhóm, nêu phương án trả lời và trao đổi.

Dù chọn cách nào thì hoạt động Khởi động cũng nên linh hoạt, nhẹ nhàng, tạo tâm thế và cảm hứng để vào bài, không gây áp lực cho HS.

Hoạt động 2 Đọc văn bản

– Phần tục ngữ ở bài học này chỉ có 15 câu, tương đối gọn. GV gọi một vài HS đọc 2 – 3 lượt. Chú ý đọc tách bạch từng câu, ở mỗi câu, nhịp điệu phải rành mạch, âm lượng vừa phải, dễ nghe.

– Trong quá trình đọc, GV nhắc HS chú ý các thẻ chiến lược đọc bên phải để nhận diện nhanh các chủ đề và đặc điểm chung về hình thức (số dòng, số tiếng, nhịp, vần) của các câu tục ngữ. Từ khó cần giải thích không nhiều, GV nhắc các em nhìn vào chú thích dưới chân trang.

Hoạt động 3 Khám phá văn bản

Trong 8 câu hỏi HS cần trả lời ở phần *Sau khi đọc,* câu 1 – 3 ở mức độ *nhận biết*; câu 4 – 7 ở mức độ *phân tích, suy luận*; câu 8 ở mức độ *đánh giá, vận dụng*. Dựa vào đặc điểm và mục đích của từng loại câu hỏi, GV hướng dẫn HS cách giải quyết phù hợp, chú ý rèn luyện năng lực tư duy, khả năng giải quyết vấn đề cho các em.

Câu hỏi 1

Đây là câu hỏi khá đơn giản, có thể gọi HS ít năng động giải quyết, tạo cho các em sự tự tin. GV gợi ý các em đếm số tiếng và cho biết: Ngắn nhất là câu nào, bao nhiêu tiếng? Dài nhất là câu nào, bao nhiêu tiếng? Từ đó khái quát: Ngắn gọn là đặc điểm hình thức dễ nhận thấy trước hết ở tục ngữ.

Câu hỏi 2

GV hướng dẫn cả lớp tự đọc, tìm những tiếng hiệp vần ở từng câu; yêu cầu một số HS nhận biết những tiếng hiệp vần ở từng câu (trong 15 câu tục ngữ ở bài đọc, chỉ có câu *Ăn quả nhớ kẻ trồng cây* không có tiếng hiệp vần). Vị trí các tiếng hiệp vần ở tục ngữ khá đa dạng. Ví dụ: *Gió heo **may**, chuồn chuồn **bay** thì bão* (tiếng ***may*** ở vế trước hiệp vần với tiếng ***bay*** ở vế sau); *Kiến cánh vỡ tổ bay **ra**/ Bão táp mưa **sa** gần tới* (tiếng ***ra*** ở dòng trước hiệp vần với tiếng ***sa*** ở dòng sau);…

Sau khi nêu được các trường hợp hiệp vần, GV cho HS trình bày ý kiến của mình về tác dụng của việc hiệp vần và đi đến khẳng định: Vần làm cho câu tục ngữ có kết cấu chặt chẽ, có tính nghệ thuật, hấp dẫn, dễ nhớ, dễ thuộc.

Câu hỏi 3

Với câu hỏi có tính chất kết nối này, GV gợi HS nhớ lại bài *Quê hương yêu dấu* trong *Ngữ văn 6*, tập một. Ở đó, các em được học thể thơ lục bát thông qua chùm ca dao và một số bài thơ hiện đại. GV có thể nêu thêm một số yêu cầu: *Em hãy đọc một vài câu ca dao đã học và cho biết thể thơ được sử dụng trong các câu ca dao đó. Đọc lại các câu tục ngữ trong bài và tìm xem câu nào có số tiếng ở từng dòng giống với câu ca dao em vừa đọc.* Khi HS xác định đúng thể thơ lục bát được dùng trong câu tục ngữ *"Một cây làm chẳng nên non/ Ba cây chụm lại nên hòn núi cao."*, GV cho HS tìm tiếp một số câu có hình thức tương tự. Chẳng hạn: *Lúa chiêm lấp ló đầu bờ/ Hễ nghe tiếng sấm phất cờ mà lên; Trăm năm bia đá thì mòn/ Ngàn năm bia miệng vẫn còn trơ trơ; Cười người chớ vội cười lâu/ Cười người hôm trước, hôm sau người cười;…*

Câu hỏi 4

GV có thể sử dụng phương pháp đàm thoại đối với câu hỏi này. GV gợi cho HS suy nghĩ: *Thế nào là cân đối? Hãy nêu một ví dụ về tính chất cân đối trong ngôn ngữ.* Từ đó, HS suy nghĩ và nhận biết tính cân đối thể hiện cụ thể ở các câu tục ngữ trong bài. Tiếp đó, GV tổ chức cho HS thảo luận để tìm hiểu tác dụng của cấu trúc cân đối mà tục ngữ thường sử dụng. Qua một số ý kiến của HS, GV tổng hợp, nhận xét và nêu một số ý chốt lại vấn đề.

Gợi ý: GV gọi một vài HS lên bảng viết những câu tục ngữ có tính chất cân đối, phân tích từng trường hợp. Tính cân đối có khi giữa hai hoặc hơn hai vế trong một dòng, có khi giữa hai dòng của một câu tục ngữ. Tính cân đối thể hiện ở: số tiếng bằng nhau, từ loại của từ ở từng vị trí giống nhau, thanh điệu đối chọi nhau (bằng – trắc), hình ảnh tương đồng hoặc tương phản nhau,… Ví dụ:

- Sự cân đối giữa hai vế trong một dòng:
  - *Nắng chóng trưa, mưa chóng tối.*
  - *Nắng tốt dưa, mưa tốt lúa.*
  - *Đói cho sạch, rách cho thơm.*

– *Mây kéo xuống biển thì nắng chang chang, mây kéo lên ngàn thì mưa như trút.*

• Sự cân đối giữa bốn vế trong một dòng:

Nhất nước, nhì phân, tam cần, tứ giống.

• Sự cân đối giữa hai dòng của một câu tục ngữ:

– *Đêm tháng Năm chưa nằm đã sáng*
Ngày tháng Mười chưa cười đã tối.

– *Kiến cánh vỡ tổ bay ra*
Bão táp mưa sa gần tới.

Nhờ tính cân đối, tục ngữ có âm hưởng chắc nịch. Do đó, những bài học, những kinh nghiệm có sức nặng của chân lí. Mặt khác, cùng với nhịp và vần, tính cân đối góp phần làm cho tục ngữ trở nên hấp dẫn về nghệ thuật, dễ nhớ, dễ thuộc.

Câu hỏi 5

Câu này phù hợp với việc tổ chức cho HS hoạt động nhóm. Các nhóm tập trung thảo luận, đưa ra phương án, GV tổ chức cho HS trao đổi để đi đến thống nhất.

Gợi ý: Câu 1 đến câu 5: chủ đề kinh nghiệm về thời tiết; câu 6 đến câu 8: chủ đề kinh nghiệm về lao động sản xuất; câu 9 đến câu 15: chủ đề kinh nghiệm về đời sống xã hội.

Câu hỏi 6

GV có thể cho HS hoạt động nhóm để giải quyết câu này như cách làm đối với câu 5. Cần giúp HS nhớ lại kiến thức về ẩn dụ đã được thực hành nhiều lần trong các bài tập tiếng Việt (ở cả lớp 6 và lớp 7).

Gợi ý: 4, 9, 10, 14, 15 là những câu dùng hình ảnh có tính chất ẩn dụ; những câu còn lại thể hiện ý nghĩa một cách trực tiếp.

Câu hỏi 7

Đã từng có những cách hiểu không thống nhất về hai câu tục ngữ *"Không thầy đố mày làm nên."* và *"Học thầy chẳng tày học bạn."* khi đặt chúng cạnh nhau. GV cho HS đưa ra quan điểm riêng, không áp đặt. Nên cho các nhóm thảo luận ý kiến. Nếu ý kiến giữa các nhóm giống nhau thì yêu cầu trao đổi với nhau cách lập luận. Nếu trái ngược nhau thì cho tranh luận để tìm ra ý kiến có sức thuyết phục hơn. Điều quan trọng nhất chưa phải là khẳng định hai câu có loại trừ nhau hay không, mà ở khả năng lập luận để bảo vệ quan điểm của mình.

Gợi ý: Đôi khi, có thể gặp trong tục ngữ những cặp câu có vẻ đối chọi, mâu thuẫn nhau, ví dụ: *"Một giọt máu đào hơn ao nước lã."* (đề cao quan hệ huyết thống) và *"Bán anh em xa mua láng giềng gần."* (coi trọng quan hệ láng giềng); *"Ai ăn mặn nấy khát nước."* (ai làm điều không tốt thì người đó phải chịu hậu quả) và *"Đời cha ăn mặn đời con khát nước."* (cha mẹ làm điều xấu xa, con cái phải chịu quả báo);... Câu 11 và 12 trong bài đặt cạnh nhau cũng là một cặp có vẻ mâu thuẫn, loại trừ nhau: Nếu câu này đúng thì câu kia sai, và ngược lại. Tuy nhiên,

thực tế, hai câu này vẫn được dân gian sử dụng và chúng vẫn song song tồn tại. Sở dĩ như vậy là vì các câu tục ngữ luôn gắn với những hoàn cảnh sống khác nhau. Nhờ đó, mỗi câu mới thể hiện những bài học riêng và được vận dụng có hiệu quả trong hoàn cảnh giao tiếp cụ thể. Ở hai câu đang bàn, một câu khẳng định: Trong học tập, người thầy đóng vai trò rất quan trọng. Thầy giỏi, có phương pháp dạy học tốt thì trò sẽ mau tiến bộ. Thực tế giáo dục đã chứng minh điều này. Câu còn lại nêu quan niệm: Học thầy không bằng học bạn. Nếu quan niệm học không chỉ là tiếp thu tri thức lí thuyết, mà còn phải thực hành trong đời sống, thì câu này cũng có lí. Quả thật, khi giải quyết những vấn đề thực tế, học cách làm của bạn là rất cần thiết. Nhiều người thành đạt nhờ học được kinh nghiệm từ những người bạn giỏi. Vậy phải hiểu: *"Học thầy chẳng tày học bạn."* có nghĩa: Học thầy là rất quan trọng, nhưng cũng phải biết học bạn nữa. Hiểu như vậy, hai câu tục ngữ trên không hề loại trừ nhau.

Câu hỏi 8

GV yêu cầu HS phân tích và chỉ ra những đúc kết mang tính chân lí ở một số câu tục ngữ trong bài, nêu câu hỏi: *Những vấn đề về ứng xử, về đạo đức của con người là chuyện nhất thời hay bền vững? Có sự biến đổi theo thời gian không? Tại sao trong nhiều hoàn cảnh giao tiếp hiện nay, người ta vẫn thường dùng những câu tục ngữ ra đời từ hàng trăm năm trước?* GV có thể sử dụng phương pháp đàm thoại để kích thích khả năng suy nghĩ của HS về vấn đề.

Gợi ý: Theo thời gian, cuộc sống xã hội của con người luôn thay đổi, nhưng cũng có những yếu tố hết sức bền vững. Sở dĩ, con người thời hiện đại với thiết chế xã hội, tâm lí, kinh tế, điều kiện sống hoàn toàn khác ngày xưa, nhưng vẫn dùng tục ngữ về đời sống xã hội phù hợp trong nhiều hoàn cảnh giao tiếp là nhờ những yếu tố bền vững đó. Ví dụ, thời nào thì con người vẫn quý hơn mọi thứ trên đời, cho nên câu: *"Người sống hơn đống vàng."* chưa bao giờ sai; hoặc tinh thần đoàn kết vẫn là chuyện cần thiết muôn thuở của con người, vậy câu: *"Một cây làm chẳng nên non/ Ba cây chụm lại nên hòn núi cao."* vẫn còn nguyên giá trị.

Hoạt động 4 Viết kết nối với đọc

Bản chất của bài tập này là tạo ra ngữ cảnh phù hợp để có thể sử dụng một câu tục ngữ cụ thể trong nói năng. Để HS viết đúng yêu cầu, GV cần gợi cho các em tưởng tượng, hình dung ra nhân vật giao tiếp, hoàn cảnh giao tiếp, nội dung giao tiếp (yếu tố quyết định việc dẫn câu tục ngữ).

Gợi ý:

Ví dụ một cuộc trò chuyện giữa bà mẹ và cậu con trai.

– Nhân vật trò chuyện với nhau: mẹ và con.

– Hoàn cảnh cuộc trò chuyện: trong gia đình.

– Nội dung trò chuyện: con nói với mẹ về chuyện học nghề sửa chữa điện tử.

Câu tục ngữ *"Muốn lành nghề, chớ nề học hỏi."* xuất hiện trong một lời khuyên của mẹ đối với con.

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

BIỆN PHÁP TU TỪ NÓI QUÁ

1. Phân tích yêu cầu cần đạt

– HS hiểu, nắm vững được đặc điểm của biện pháp tu từ nói quá, những cách gọi khác nhau của biện pháp tu từ này (phóng đại, cường điệu, thậm xưng, ngoa dụ,…), các cách thức thể hiện biện pháp tu từ nói quá, mục đích của việc sử dụng nói quá trong ngôn ngữ sinh hoạt và ngôn ngữ văn học.

– HS nhận diện và phân tích được tác dụng của biện pháp tu từ nói quá trong những trường hợp cụ thể, biết vận dụng biện pháp tu từ nói quá một cách phù hợp.

2. Gợi ý tổ chức hoạt động dạy học

Hoạt động 1 Hình thành kiến thức mới

Những vấn đề trọng tâm của biện pháp tu từ nói quá được trình bày ở khung *Nhận biết* trong phần *Thực hành tiếng Việt* của SHS (trang 13 – 14). GV cần bám vào những nội dung đã nêu ở SHS để tổ chức cho HS hình thành tri thức.

Nội dung thứ nhất: Đặc điểm của biện pháp tu từ nói quá. GV có thể sử dụng một trong hai hướng sau:

– Hướng diễn dịch: Để HS hiểu khái niệm, từ đó xác định được những đặc điểm cơ bản của biện pháp tu từ này, GV có thể nêu một số yêu cầu: *Em hiểu thế nào về những từ ngữ như "nói quá", "phóng đại", "cường điệu"? Thử phóng đại tính chất, quy mô của một đối tượng theo cách của em.* Sau đó đưa ra một số ví dụ (có một số câu dùng biện pháp tu từ nói quá xen kẽ những câu dùng biện pháp tu từ khác) yêu cầu HS nhận diện câu có sử dụng biện pháp tu từ nói quá. Nhận diện chính xác có nghĩa là HS đã hiểu đúng đặc điểm của biện pháp tu từ này.

– Hướng quy nạp: Theo hướng này, GV nêu một số ví dụ yêu cầu HS phân tích. Hướng dẫn các em nhận diện đối tượng, so sánh tính chất, đặc điểm, quy mô thực của đối tượng với hình ảnh được thể hiện trong các ví dụ ấy. Chẳng hạn: *Ông ấy gan to tày bể.* Sự thực là "ông ấy" rất gan dạ. Nhưng đưa hình ảnh "bể" (biển) ra để so sánh với sự gan dạ đó thì sự so sánh ấy hoàn toàn là có tính chất phóng đại. Tương tự, khi nói: *Tôi nghĩ nát óc mà không ra bài toán này,* thì phải hiểu *nát óc* chỉ là cách nói quá, trong khi thực tế có thể chỉ là nghĩ căng thẳng đến mức đau đầu. Từ việc phân tích những ví dụ cụ thể như thế, GV yêu cầu HS khái quát, nêu cách hiểu về biện pháp tu từ nói quá. HS có thể trình bày chưa thật sự thoả đáng, nhưng bằng sự khơi gợi của GV, dần dần đặc điểm của biện pháp tu từ này được làm sáng tỏ.

Nội dung thứ hai: Tác dụng của biện pháp tu từ nói quá. Để HS hiểu được tác dụng của biện pháp tu từ này, GV cần sử dụng phương pháp phân tích ngôn ngữ. Đặc biệt, nên thử

thay thế những hình ảnh, cách sử dụng ngôn từ có tính chất nói quá ở các ví dụ bằng cách diễn đạt thông thường để thấy ấn tượng khác biệt mà biện pháp tu từ nói quá đem lại.

Hoạt động 2 Luyện tập, vận dụng

Bài tập 1

GV cần hiểu rằng, mỗi ngữ liệu ở bài tập này đều phải được phân tích để làm rõ hai khía cạnh: *biểu hiện* và *tác dụng của biện pháp tu từ nói quá*. Chúng có mối liên hệ với nhau: muốn hiểu tác dụng của biện pháp tu từ nói quá thì trước hết phải nhận biết biện pháp tu từ đó được thể hiện cụ thể như thế nào.

GV nên linh hoạt trong việc lựa chọn phương pháp dạy học: hoặc yêu cầu HS phát biểu trên cơ sở kết quả chuẩn bị của cá nhân, hoặc cho đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận. Dù cách nào thì cũng phải hướng các em tới những phân tích có cơ sở. Cụ thể:

a. Biểu hiện của nói quá trong câu tục ngữ này là ở hai vế: *chưa nằm đã sáng, chưa cười đã tối*. Hai cụm từ này có nghĩa tương đồng: chưa kịp nằm thì trời đã sáng, chưa kịp cười thì trời đã tối, nghĩa là đêm tháng Năm và ngày tháng Mười đều quá ngắn. Tuy nhiên, nói thế là phóng đại, cường điệu lên, vì thực tế không đến mức như vậy.

Tác dụng: Nói quá trong trường hợp này nhằm tác động mạnh vào nhận thức của mọi người, giúp người ta hiểu được đặc điểm thời gian từng mùa để chủ động sắp xếp mọi việc cho phù hợp.

b. Một nét phổ biến trong tâm lí con người: Khi vui cảm thấy thời gian chóng qua, có cảm giác ngày giờ ngắn hơn bình thường. Nhưng *ngày vui ngắn chẳng tày gang* thì cái ngắn của thời gian như hiện hình, một ngày mà có thể lấy gang tay để đo, nghĩa là chỉ còn lại một mẩu. Nói quá như thế để tạo ấn tượng.

c. Tát cạn bể đông là chuyện không thể. Vậy nên khi đặt ra giả định: Nếu vợ chồng hoà thuận với nhau thì bể đông cũng có thể tát cạn, ta hiểu đó là cách nói phóng đại đến mức phi lí. Tuy nhiên, phải nói quá như thế thì mới làm nổi bật được tầm quan trọng của sự hoà thuận vợ chồng.

Bài tập 2

GV cho HS thực hiện việc xác định câu nào là nói quá, câu nào là nói khoác. Kết quả có thể đúng hoặc sai. Quan trọng hơn là yêu cầu HS cho biết vì sao lại xác định như vậy. Từ đó đặt ra câu hỏi: *Em nghi ngờ tính chân thực của những trường hợp nào? Trường hợp nào, em biết thực tế có thể không diễn ra như vậy, nhưng em không có nhu cầu xem xét tính hợp lí của nó, mà chỉ quan tâm đến ấn tượng mà cách nói đó gợi lên?* Khi GV hướng dẫn HS phân chia đúng các trường hợp vào hai loại, yêu cầu các em đọc lại, suy nghĩ để rút ra sự khác nhau giữa nói khoác và biện pháp tu từ nói quá.

Gợi ý:

Câu b và câu d thuộc loại câu nói khoác; câu a và câu c là những câu sử dụng biện pháp tu từ nói quá.

Nói khoác và nói quá có vẻ giống nhau, nhưng thực chất, chúng khác nhau ở một số điểm sau đây:

– Về bản chất: Nói khoác hoàn toàn bất chấp thực tế, không nói thành có, ví dụ: *Trời nóng quá, mồ hôi nhỏ xuống ướt sũng cả sàn nhà*. Thực tế, sàn nhà chẳng thể nào ướt sũng do mồ hôi của người đổ ra. Nói quá cũng là phóng đại, nhưng nó tác động đến tâm lí người đọc, người nghe theo cách khác. Nói về chuyện đổ mồ hôi, nhưng câu ca dao *Mồ hôi thánh thót như mưa ruộng cày* không khiến người đọc bắt bẻ: làm gì có chuyện mồ hôi đổ xuống ruộng cày như mưa. Ngược lại, nó cất lên tiếng nói đáng được cảm thông, dẫn dắt người đọc theo hướng thấu hiểu sự khó nhọc vô cùng của những người cày đồng giữa buổi trưa. Hiệu quả của biện pháp tu từ nói quá là như thế.

– Về mục đích: Nói quá là biện pháp tu từ được sử dụng rộng rãi trong giao tiếp cũng như trong văn học. Ở VB nghệ thuật, biện pháp này tác động mạnh đến người đọc, tạo được hiệu quả thẩm mĩ rõ rệt. Nhưng nói khoác có khi chỉ để khoe khoang bản thân một cách tầm thường, có khi nhằm thu hút sự chú ý của người nghe qua những câu chuyện mua vui, giải trí. Trong giao tiếp thông thường, người hay nói khoác dễ bị coi là thiếu tư cách, vì thế, HS không nên nói khoác.

Bài tập 3

HS thực hiện yêu cầu của bài tập, GV gọi một số em trình bày kết quả và tổ chức cho lớp trao đổi, nhận xét. Đánh giá câu văn HS nêu ra trên hai tiêu chí: đảm bảo về ngữ pháp và sử dụng hợp lí các cụm từ đã cho.

Gợi ý: Nên sử dụng những cụm từ đã cho ở vị ngữ, để nói về một hành động hoặc một trạng thái của con người, ví dụ: "*Biết kết quả thi, anh Nam* ***buồn nẫu ruột****, không muốn đi đâu cả.*".

VĂN BẢN 5. CON HỔ CÓ NGHĨA

(Vũ Trinh)

1. Phân tích yêu cầu cần đạt

Chủ đề *Bài học cuộc sống* của bài 6 đã được thể hiện rõ nét qua các truyện ngụ ngôn (một trong hai thể loại chính của bài học). VB *Con hổ có nghĩa* thuộc thể loại truyện truyền kì, không phải là thể loại VB mà HS cần học ở lớp 7. Nó được đưa vào bài học vì có sự kết nối về chủ đề với những truyện ngụ ngôn ở trên: gửi gắm những bài học đạo lí sâu sắc tới người đọc. Vì vậy, GV không cần khai thác đặc điểm thể loại của VB mà tập trung vào phương diện nội dung của nó, giúp HS hướng theo các giá trị nhân văn được tác giả khẳng định trong VB.

2. Gợi ý tổ chức hoạt động dạy học

Hoạt động 1 Đọc văn bản

– VB *Con hổ có nghĩa* gồm hai mẩu chuyện khác nhau, nên GV có thể chia hai mẩu chuyện cho HS đọc lần lượt. Chú ý đọc tách bạch từng câu, ở mỗi câu, nhịp điệu phải rành mạch, âm rõ ràng, dứt khoát.

– GV lưu ý HS tìm hiểu ý nghĩa các từ ngữ khó trong bài (một số từ ngữ khó đã được giải thích ở cước chú).

Hoạt động 2 Khám phá văn bản

Những câu hỏi sau khi đọc chủ yếu dành cho HS tự đọc; GV có thể sử dụng như là những gợi ý, định hướng để soạn lại hệ thống câu hỏi riêng của mình.

Câu hỏi 1

Câu hỏi đòi hỏi HS phải nắm vững cốt truyện, ghi nhớ các chi tiết. GV cần lưu ý các chi tiết thể hiện sự hoảng sợ lúc đầu của bà đỡ Trần và bác tiều khi nhận ra con hổ, nhưng họ đã vượt qua nỗi sợ hãi (bà đỡ Trần nhận ra sự chỉ dẫn và những giọt nước mắt của hổ đực, bác tiều chủ động uống rượu lấy can đảm) để giúp hổ vượt qua khó khăn (đỡ một ca đẻ khó cho hổ cái, lấy cái xương bò hóc trong họng hổ).

Câu hỏi 2

Câu hỏi đòi hỏi HS phải nắm vững các chi tiết, thậm chí có thể phân tích giá trị của các chi tiết thể hiện những hành động hổ đã làm để tri ân người giúp đỡ mình. GV nên để HS trình bày về hành động tri ân của từng con hổ:

– Con hổ được bà đỡ Trần giúp: vừa quỳ vừa nhìn bà (thể hiện thái độ biết ơn) – tặng khối bạc (tạ ơn bằng vật chất) – dẫn ra khỏi rừng (bảo vệ an toàn cho ân nhân) – quẫy đuôi tiễn biệt – bà đỡ đi khá xa mới gầm lớn rồi rời đi (vừa quan sát để đảm bảo sự an toàn của ân nhân, vừa thể hiện tình cảm lưu luyến, trân trọng).

– Con hổ được bác tiều giúp: nhìn khuôn mặt bác tiều (để ghi nhớ khuôn mặt ân nhân) – mang hươu đến và gầm dữ dội (tặng quà và gửi lời tri ân) – đến trước mộ, dụi đầu vào quan tài, gầm gào (đến viếng, thể hiện lòng thương mến, xót xa đối với ân nhân đã khuất) – ngày giỗ lại nhớ mang các con thú đến để ở ngoài cửa trong mấy chục năm liền (tình cảm vững bền, khắc cốt ghi tâm ơn nghĩa của ân nhân với mình).

Câu hỏi 3

Với câu hỏi này, GV có thể cho HS tự do phát biểu hoặc thảo luận nhóm. GV cần lưu ý HS: Tuy cùng là tiếng gầm (thứ ngôn ngữ của loài hổ), nhưng ở những trường hợp khác nhau thì biểu hiện và ý nghĩa của nó cũng khác nhau.

Con hổ thứ nhất "gầm lớn": một lời chào tới ân nhân đang ở khoảng cách khá xa (độ lớn của âm thanh cần cho khoảng cách này).

Con hổ thứ hai "gầm gừ, gào lớn": độ lớn của âm thanh lúc đầu là nhỏ hơn, chỉ "gầm gừ" như lời "tâm sự", sau "gào lớn" như thể hiện nỗi đau thương trong lòng đối với ân nhân đã khuất.

Câu hỏi 4

Thông điệp "có nghĩa", nhận ơn phải biết trả ơn của tác phẩm là không khó để nhận ra. Nó thể hiện rõ đạo đức của Nho giáo nói riêng và đạo lí làm người nói chung. GV có thể phát vấn để HS trả lời.

Tuy nhiên, GV có thể gợi ý cho HS khả năng thay thế con hổ bằng một nhân vật khác. Có thể cho HS chọn một trong số những đối tượng sau để thay thế cho hổ: chó sói, sư tử, một kẻ hung tợn,… (nhóm 1) / thỏ, nai, một người dân bình thường,… (nhóm 2). GV dẫn dắt để HS có thể nhận ra các đối tượng ở nhóm 1 thay thế là phù hợp, từ đó nhấn mạnh: Ngay cả những đối tượng hung tợn, đáng sợ (thậm chí là dã thú) khi nhận được sự giúp đỡ cũng còn biết ơn và trả ơn.

Câu hỏi 5

Với ý hỏi thứ nhất, GV có thể hướng dẫn HS:

– Tìm ra những điểm tương đồng của hai câu chuyện:

+ Có nhân vật con hổ (một loài vật hung dữ, có thể tấn công, làm hại con người) đang ở trong tình huống khó khăn, cần sự giúp đỡ.

+ Sau khi được con người giúp đỡ, con hổ cũng biết đền ơn đáp nghĩa bằng cảm xúc chân thành và sâu sắc.

– Từ điểm tương đồng đó, có thể rút ra bài học chung của hai câu chuyện: phải biết tri ân, biết đền đáp những người giúp đỡ mình, làm những điều tốt đẹp cho mình (nếu ai không biết đạo lí này thì không bằng loài dã thú).

Với ý hỏi thứ hai, GV có thể tổ chức cho HS thảo luận, hoặc gọi HS xung phong phát biểu. GV cố gắng lắng nghe để đánh giá khả năng phân tích, suy luận của HS, tôn trọng cách cảm thụ riêng của các em. Trong quá trình HS trả lời, GV cần khích lệ, gợi ý khi cần thiết để HS có thể cảm nhận được ý nghĩa của VB sẽ bị giảm khi bớt đi một câu chuyện:

– VB sẽ bị mất đi khả năng nhấn mạnh bài học đạo lí làm người (hai câu chuyện nhận ơn và trả ơn khi so với một câu chuyện đơn lẻ sẽ có khả năng nhấn mạnh cao hơn).

– VB sẽ khiến câu chuyện "con hổ có nghĩa" là câu chuyện cá biệt. Điều đó ảnh hưởng tới nhận thức đạo lí làm người mà ai cũng cần có – nhận ơn thì phải biết trả ơn.

Câu hỏi 6

Đây là câu hỏi mở. GV yêu cầu HS trình bày theo trật tự: nêu "một chi tiết em thấy ấn tượng nhất trong truyện", nói rõ vì sao ấn tượng nhất với chi tiết đó. Sau khi HS trình bày, GV có thể phối hợp cùng các HS khác trong lớp góp ý hoàn thiện câu trả lời, khai thác những giá trị của chi tiết mà HS chưa làm rõ được.

VIẾT

VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ TRONG ĐỜI SỐNG
(TRÌNH BÀY Ý KIẾN TÁN THÀNH)

1. Phân tích yêu cầu cần đạt

– HS chọn được vấn đề đời sống có những quan niệm khác nhau, thể hiện rõ ràng, dứt khoát ý kiến tán thành của bản thân trước một quan niệm rất đáng được bàn luận.

– Ý kiến tán thành phải được trình bày thành một bài văn nghị luận hoàn chỉnh; ý kiến, lí lẽ, bằng chứng phải có mối liên hệ chặt chẽ với nhau.

2. Những lưu ý về yêu cầu đối với bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống (trình bày ý kiến tán thành)

– Vấn đề được nêu ra để bàn luận phải có ý nghĩa đối với cuộc sống, việc thể hiện ý kiến tán thành (bằng bài văn nghị luận) là cần thiết, không chỉ đối với nhận thức của cá nhân mà còn nhằm tác động tích cực đến mọi người.

– Bài văn trình bày ý kiến tán thành về một vấn đề đời sống trước hết thể hiện chủ kiến của bản thân người viết, nhưng chủ kiến đó phải hướng tới những tiêu chuẩn chung về lẽ phải, sự thật, ý nghĩa đích thực của vấn đề, tránh thiên kiến cá nhân và tránh chủ quan.

3. Gợi ý tổ chức hoạt động dạy học

Hoạt động 1 Giới thiệu kiểu bài

Học *Ngữ văn* 6, tập hai, HS đã thực hiện viết kiểu bài trình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề). Như vậy, HS không còn bỡ ngỡ với kiểu bài nghị luận. Tuy nhiên, với yêu cầu trình bày ý kiến tán thành về một vấn đề trong đời sống, GV cần làm rõ thêm những đặc điểm riêng của kiểu bài, giúp HS vận dụng các thao tác nghị luận đã biết (nêu ý kiến, dùng lí lẽ, huy động bằng chứng) để giải quyết đề tài mà các em lựa chọn.

Hoạt động 2 Tìm hiểu yêu cầu đối với bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống (trình bày ý kiến tán thành)

GV có thể nêu một số câu hỏi, giải đáp những câu hỏi đó sẽ làm rõ các yêu cầu cơ bản của bài văn nghị luận thể hiện ý kiến tán thành về một vấn đề đời sống:

– *Vấn đề nào trong đời sống được nêu để bàn luận?* → Yêu cầu: Vấn đề đời sống được nêu để bàn luận phải rõ ràng, xác đáng.

– *Quan niệm nào của người khác về vấn đề đời sống rất đáng được bàn luận?* → Yêu cầu: Nêu được một quan niệm về vấn đề để bàn luận.

– *Ý kiến riêng của người viết về quan niệm nêu trên là gì?* →Yêu cầu: Bài viết phải thể hiện sự tán thành của người viết về quan niệm đã nêu.

– *Những lí lẽ và bằng chứng nào được đưa ra để chứng tỏ sự tán thành là có cơ sở?* → Yêu cầu: Sự tán thành phải được thể hiện bằng những lí lẽ và bằng chứng cụ thể, có sức thuyết phục.

Hoạt động 3 Đọc và phân tích bài viết tham khảo

GV cần hướng dẫn HS phân tích bài viết tham khảo theo các khía cạnh sau:

– *Vấn đề nào của đời sống được bàn trong bài nghị luận?* → Bài viết nêu vấn đề: Vai trò của gia đình đối với sự trưởng thành của mỗi con người.

– *Ý kiến nào của người khác thu hút sự chú ý?* → Gia đình là trường học đầu tiên của mỗi người.

– *Người viết thể hiện thái độ tán thành hay phản đối ý kiến?* → Người viết tán thành với ý kiến đó. (*Riêng tôi, sau khi suy nghĩ kĩ, tôi thấy Hồng Minh hoàn toàn có lí.*)

– *Lí lẽ nào được người viết sử dụng để khẳng định sự đúng đắn của ý kiến?* → Ông bà, cha mẹ không chỉ nuôi dưỡng, mà còn dạy bảo những điều hay lẽ phải cho ta từ thuở ấu thơ; tình cảm thiêng liêng cao đẹp, sự đối xử của các thành viên trong gia đình với nhau là những bài học thấm vào ta một cách tự nhiên.

– *Bằng chứng nào được nêu lên để củng cố cho lí lẽ?* → Người viết nhớ lại một kỉ niệm: giơ 4 ngón tay lên để trả lời cho câu hỏi của người lớn, khiến mẹ phải nhắc nhở. Điều này thành bài học đáng nhớ về thái độ trong giao tiếp.

GV có thể dùng phương pháp đàm thoại, cho HS trả lời các câu hỏi, nhận xét, bổ sung, mục đích là giúp các em thấy được cách thức người viết bảo vệ ý kiến tán thành của mình trước một vấn đề.

Hoạt động 4 Thực hành viết theo các bước

– Hướng dẫn HS chọn đề tài: SHS có giới thiệu một số đề tài tham khảo, nếu thấy một trong những đề tài đó phù hợp, gợi được hứng thú, HS có thể chọn. Hoặc từ sự gợi ý của kiểu đề tài ở SHS, HS tự tìm một vấn đề nào đó có tác động đến suy nghĩ, đời sống của bản thân để viết bài. Nói chung, đề tài được chọn phải thoả mãn các điều kiện: *phải là vấn đề mình thực sự quan tâm và hiểu biết; có những ý kiến khác nhau khi nhìn nhận, đánh giá; có thể xác định thái độ dứt khoát đối với vấn đề đó.*

– Hướng dẫn HS tìm ý: Việc tìm ý phải tiến hành bài bản thì mới đáp ứng được yêu cầu. Trên cơ sở đề tài đã chọn, HS có thể tìm ý theo phiếu hướng dẫn sau:

PHIẾU TÌM Ý

Họ và tên: ..... Lớp: .....

Nhiệm vụ: *Tìm ý cho bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống (trình bày ý kiến tán thành).*

Gợi ý: Đọc kĩ đề tài, ghi những ý nảy sinh trong quá trình suy nghĩ vào cột bên phải:

Vấn đề đời sống được bàn luận	.....
Ý kiến của người khác cần thể hiện sự tán thành (*Ý kiến nào được người khác nêu ra? Ý kiến đó có lí ở chỗ nào? Vì sao cần tán thành ý kiến đó?*)	....
Những lí lẽ và bằng chứng cho thấy tán thành ý kiến là có cơ sở (*Cần diễn giải điều gì để làm rõ ý kiến của mình? Với từng ý đã diễn giải, cần những bằng chứng nào để củng cố?*)	....

– Hướng dẫn HS lập dàn ý: Kiểm tra phiếu tìm ý, trao đổi và hướng dẫn HS chỉnh sửa nếu thấy chưa đáp ứng yêu cầu. Khi HS đã hoàn thành phiếu tìm ý, GV gợi cho các em cách suy nghĩ để xếp các ý theo một trật tự hợp lí. Việc sắp xếp đó sẽ tạo thành một dàn ý. Phải phân bổ ý cho Mở bài, Thân bài, Kết bài phù hợp chức năng của từng phần.

– Hướng dẫn HS dựa vào dàn ý để thực hiện bài viết tại lớp. Khi viết bài, phải đặt dàn ý trước mặt để tuần tự giải quyết từng ý và kiểm soát bài viết khi hoàn thành (tránh lộn xộn hoặc bỏ sót ý). Mỗi ý nên viết gọn trong một đoạn văn hoàn chỉnh. Cần dùng các phương tiện để liên kết các câu trong đoạn và giữa các đoạn trong bài.

Có thể đọc lại bài viết tham khảo và hai VB đọc trước đó để học tập cách mở bài, triển khai, kết bài.

TRẢ BÀI

Hoạt động 1 Nhắc lại, khắc sâu yêu cầu của kiểu bài

Nếu là đề tài chung cho cả lớp, GV ghi lên bảng, nhắc lại yêu cầu về nội dung nghị luận. Nếu là đề tài do HS tự chọn, cần gợi để các em nhớ lại yêu cầu. Sau khi trả bài, từng HS tự đối chiếu yêu cầu của bài văn nghị luận về vấn đề đời sống (trình bày ý kiến tán thành) với thực tế bài viết của mình để nhìn nhận những ưu điểm, nhược điểm về nội dung và diễn đạt.

Hoạt động 2 Nhận xét về kết quả và chỉnh sửa bài viết

– GV nêu và phân tích một số ưu điểm và nhược điểm chung trong bài làm của HS, chú ý các khía cạnh: mức độ đáp ứng yêu cầu của kiểu bài, hệ thống ý, cách viết từng phần, diễn đạt và trình bày,…

– GV hướng dẫn HS về nhà tự chỉnh sửa lại bài viết. HS cần dựa vào gợi ý cách chỉnh sửa bài ở SHS, nhớ lại những phân tích chung của GV, đặc biệt là những dấu hiệu, nhận xét mà GV đã ghi trong bài viết của HS để thực hiện chỉnh sửa.

NÓI VÀ NGHE

KỂ LẠI MỘT TRUYỆN NGỤ NGÔN

1. Phân tích yêu cầu cần đạt

– Trong tư cách người nói, HS chọn được truyện ngụ ngôn chứa đựng bài học về cuộc sống, kể lại được một cách sinh động, khiến người nghe cảm thấy câu chuyện có ý nghĩa nhân sinh sâu sắc, thấm thía.

– Trong tư cách người nghe, HS hiểu được bài học về đạo lí và kinh nghiệm sống từ câu chuyện và có sự tương tác linh hoạt với người kể.

2. Gợi ý tổ chức hoạt động dạy học

Hoạt động 1 Chuẩn bị

GV hướng dẫn HS thực hiện ở nhà các khâu của việc chuẩn bị bài nói, để khi đến lớp, các em có thể tiến hành kể chuyện theo yêu cầu của bài.

a. *Xác định mục đích kể chuyện và người nghe*

– GV yêu cầu HS xác định: kể truyện ngụ ngôn trong một bối cảnh sinh hoạt cụ thể, gợi cho người nghe suy nghĩ về bài học cuộc sống mà câu chuyện gửi gắm.

– HS tìm hiểu để biết được người nghe trong hoạt động kể chuyện. Đó là thầy cô, bạn bè trong lớp hoặc những người có mặt trong một buổi sinh hoạt tập thể.

b. *Hướng dẫn các bước chuẩn bị*

– *Định hướng lựa chọn truyện để kể*: GV cần giới thiệu hoặc tìm giúp cho HS một số tập truyện đã xuất bản, hướng dẫn các em đọc và lựa chọn được những truyện chứa đựng bài học răn đời. Gợi ý cho HS qua một số ví dụ: thấy có con thỏ hốt hoảng chạy va vào cây mà chết, anh chàng nọ ôm cây chờ đợi hàng giờ để hòng nhặt được con thỏ khác tương tự (*Ôm cây đợi thỏ*); mấy ông thầy bói sờ vào từng bộ phận con voi, dựa vào đó mà "phán như thánh" về con voi (*Thầy bói xem voi*);…

– *Tập luyện:* GV hướng dẫn HS khi tập luyện một mình hoặc theo nhóm đều cần chú ý cách vào truyện, triển khai, kết thúc; biết chọn các từ ngữ phù hợp với yêu cầu kể một câu chuyện chứa đựng bài học đạo lí.

Hoạt động 2 Kể chuyện

– *GV phân công nhiệm vụ cho HS*: Từ kết quả chuẩn bị ở nhà của HS, GV có thể cho HS tự đăng kí hoặc từng nhóm cử đại diện tham gia kể chuyện. Vì truyện ngụ ngôn thường ngắn, cho nên trong một tiết học, GV có thể cho các em kể khoảng 4 đến 5 truyện, cả truyện của Việt Nam và của nước ngoài.

– *GV hướng dẫn cách thức kể chuyện*: GV yêu cầu người kể chuyện đứng ở vị trí bao quát toàn bộ lớp học. Không cần giới thiệu dài dòng, người kể có thể bắt đầu ngay câu chuyện, kể linh hoạt; cốt truyện, nhân vật, tình huống rõ ràng, kết thúc bất ngờ. Có thể kể xong rồi mới giới thiệu tên truyện, xuất xứ.

Chú ý: Người kể cần biết thay đổi giọng điệu để phân biệt lời kể và lời nhân vật. Cần kết hợp lời kể với nét mặt, điệu bộ, cử chỉ để câu chuyện thêm sinh động. Có thể dùng biện pháp tu từ nói quá để phóng đại, tô đậm một nét tính cách, một hành động nào đó của nhân vật nhằm tạo ấn tượng đối với người nghe.

Hoạt động 3 Trao đổi về truyện được kể và cách kể

Sau khi HS hoàn thành việc kể chuyện, GV tổ chức cho các em trao đổi để rút kinh nghiệm. Việc trao đổi nên tập trung trả lời một số câu hỏi: *Từng truyện được chọn để kể có thực sự là truyện ngụ ngôn có ý nghĩa gần gũi với cuộc sống hiện nay không? Qua mỗi truyện, em rút ra được bài học gì? Truyện kể có trung thành với truyện gốc trong các tập sách không? Lời kể có hấp dẫn không? Người kể đã biết kết hợp giữa lời kể với ánh mắt, điệu bộ, cử chỉ,... chưa? Người nghe đã tương tác như thế nào với người kể?*

CỦNG CỐ, MỞ RỘNG

– Phần *Củng cố, mở rộng* trong SHS nêu 4 câu hỏi với những yêu cầu khác nhau. Với câu hỏi 1, GV hướng dẫn HS kẻ bảng mẫu vào vở và điền các thông tin cần thiết để có được sự đối sánh giữa hai thể loại chính được học trong bài (truyện ngụ ngôn và tục ngữ). Các câu hỏi còn lại đòi hỏi khả năng sưu tầm, rèn luyện kĩ năng và vận dụng. GV nhắc HS lưu lại bài làm vào vở.

– Văn bản thực hành đọc có ba ý gợi dẫn, GV gợi ý thêm nếu thấy cần thiết.

Bài 7. THẾ GIỚI VIỄN TƯỞNG (12 tiết)

(Đọc và Thực hành tiếng Việt: 8 tiết; Viết: 3 tiết; Nói và nghe: 1 tiết)

I YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhận biết được một số yếu tố của truyện khoa học viễn tưởng: đề tài, sự kiện, tình huống, cốt truyện, nhân vật, không gian, thời gian; tóm tắt được VB một cách ngắn gọn.
- Hiểu được đặc điểm và chức năng của liên kết và mạch lạc, công dụng của dấu chấm lửng trong VB.
- Viết được bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử, bài viết có sử dụng các yếu tố miêu tả.
- Biết thảo luận về một vấn đề gây tranh cãi, xác định được những điểm thống nhất và khác biệt giữa các ý kiến khi thảo luận.
- Biết khát vọng và ước mơ; có ý chí biến khát vọng, ước mơ tốt đẹp thành hiện thực.

II CHUẨN BỊ

1. Tri thức ngữ văn cho GV

Truyện khoa học viễn tưởng

Truyện khoa học viễn tưởng là "những chuyến du hành kì lạ" tới tương lai. Bối cảnh của truyện khoa học viễn tưởng là không gian Trái Đất và ngoài Trái Đất, thường là Tâm Trái Đất, dưới đáy đại dương hay trên các hành tinh khác. Đề tài về những xứ sở diệu kì đã xuất hiện trong văn học từ hàng ngàn năm nay, nhưng chỉ đến khi khoa học công nghệ đóng một vai trò quan trọng trong đời sống xã hội thì truyện khoa học viễn tưởng mới hình thành. Như vậy, tiến bộ về khoa học kĩ thuật là nền tảng cho sự ra đời của thể loại này. Truyện khoa học viễn tưởng đưa ra một cái nhìn dự đoán về thế giới thực tại dựa trên cơ sở của khoa học đương thời. Theo Huy-gô Giơn-xbách (Hugo Gernsback), nhà văn người Mỹ, truyện khoa học viễn tưởng là: "... một tác phẩm giả tưởng quyến rũ pha trộn với các kiến thức khoa học thực tế và tầm nhìn mang tính đoán định".

GV có thể tham khảo thêm định nghĩa trong *Từ điển thuật ngữ văn học*. Theo đó, truyện khoa học viễn tưởng là những tác phẩm: "... miêu tả một thực tại tưởng tượng, hoàn toàn khác về bản chất và chức năng so với thế giới kinh nghiệm thông thường của chúng ta. Truyện khoa học viễn tưởng thường lấy bối cảnh ở một hành tinh khác, Trái Đất trong tương lai hoặc cả hai cùng song song tồn tại" (M. H. A-bờ-ram (M. H. Abrams), Gióc-phri Gan Ha-pham (Geoffrey Galt Harpham), *A Glossary of Literary Terms, Wadsworth Cengage Learning*, USA, 2012, p. 356).

Cần phân biệt truyện khoa học viễn tưởng (science fiction) và truyện kì ảo (fantasy). Truyện kì ảo là "một thể loại hư cấu bậc cao. Các sự kiện trong truyện kì ảo không thể thực sự xảy ra, mà dường như là do phép thuật" (Gờ-len-cô Mác-Grô-hiu (Glencoe McGraw-Hill), *Literature*, USA, 2000, p. R5). Điểm khác biệt cốt lõi giữa hai thể loại là: truyện khoa học viễn tưởng được xây dựng trên nền tảng khoa học. Chính vì dựa trên nền tảng của những lí thuyết khoa học, nên dù thế giới trong truyện khoa học viễn tưởng có kì ảo đến đâu vẫn luôn luôn có sự nối kết với thế giới thực. Có nghĩa là, truyện khoa học viễn tưởng giải thích các sự kiện một cách khoa học; còn truyện kì ảo thoát li khỏi sự miêu tả hiện thực, các sự kiện xảy ra nhờ phép thuật.

Truyện khoa học viễn tưởng bắt nguồn từ phương Tây ở thế kỉ XIX và phát triển mạnh mẽ trong thế kỉ XX. Ở Việt Nam, phải đến thế kỉ XXI, khi khoa học công nghệ phát triển, thể loại này mới thực sự khởi sắc. Tuy nhiên, đây là một thể loại không dễ viết, bởi nó đòi hỏi người viết không những phải am hiểu một số kiến thức khoa học nhất định mà còn phải biết cách kể chuyện hấp dẫn để không biến tác phẩm của mình thành một cuốn "lí thuyết khoa học" thuần tuý. Bên cạnh đó, thể loại này cũng khá "kén" người đọc. Có thể kể đến một số nhà văn đã có những thành công bước đầu với thể loại truyện khoa học viễn tưởng ở Việt Nam: Phan Hồn Nhiên, Hà Thuỷ Nguyên, Nam Thanh,...

Một số yếu tố của truyện khoa học viễn tưởng

Đề tài của truyện khoa học viễn tưởng thường là những cuộc du hành vũ trụ (thám hiểm, tìm kiếm hành tinh có sự sống như Trái Đất), du hành xuyên không (tới tương lai, quay trở lại quá khứ hoặc xuyên thời gian để tới chiều không gian thứ tư). Cơ sở chất liệu của truyện khoa học viễn tưởng là những phát kiến khoa học trong tương lai. Chẳng hạn, đề tài về nhân bản vô tính hay sửa đổi cấu trúc gen trong cơ thể người và động vật sẽ dựa trên tiến bộ của công nghệ sinh học, đề tài về rô-bốt hay trí tuệ nhân tạo dựa trên nền tảng sự tiến bộ của công nghệ thông tin,...

Không gian của truyện khoa học viễn tưởng có thể là không gian đáy đại dương (*Hai vạn dặm dưới biển*); không gian vũ trụ (*Thiên Mã, Tinh vân Tiên Nữ*); cũng có thể là không gian trên một hành tinh trong thiên hà hay ở chiều không gian thứ tư hoàn toàn ước lệ. Thời gian diễn ra các câu chuyện viễn tưởng thường cách xa mốc ra đời của tác phẩm: có thể là tương lai (*Tinh vân Tiên Nữ*); có thể là dịch chuyển giữa hai chiều hiện tại và quá khứ (*Thiên Mã*). Cũng có khi thời điểm các sự kiện trong truyện diễn ra gần hoặc tương đồng với thời gian mà tác phẩm ra đời (*Hai vạn dặm dưới biển*).

Cốt truyện trong truyện khoa học viễn tưởng thường rất li kì, gay cấn. Các sự kiện thường diễn ra trong những không gian và thời gian kì lạ; được lí giải dựa trên các giả thuyết và dự báo khoa học, nên có sức hấp dẫn với người đọc, đặc biệt là những độc giả trẻ tuổi.

Nhân vật chính của truyện khoa học viễn tưởng đôi khi không phải là những người kì lạ hay kiệt xuất, mà chỉ là người bình thường nhưng sở hữu những thiết bị khoa học công nghệ đặc biệt, nhờ đó họ có khả năng làm được những việc phi thường.

Mạch lạc và liên kết của văn bản

Mạch lạc là tính hợp lí, thống nhất và không mâu thuẫn giữa các câu trong đoạn văn và giữa các đoạn văn trong VB. Các câu (trong đoạn), các đoạn (trong VB) phải hướng đến chủ đề chung và được sắp xếp theo trình tự hợp lí nhằm thể hiện rõ chủ đề của VB.

Các bộ phận trong VB (câu, đoạn) được gắn kết chặt chẽ với nhau qua các phương tiện ngôn ngữ thích hợp, được gọi là "phương tiện liên kết". Các loại phương tiện liên kết VB thường được sử dụng là từ ngữ nối, từ ngữ thay thế (thay thế bằng đại từ, từ ngữ đồng nghĩa) hoặc từ ngữ được lặp lại,…

Liên kết góp phần tạo nên tính mạch lạc của VB.

Hiện nay có những quan niệm khác nhau về liên kết và mạch lạc. Một số nhà nghiên cứu hiểu liên kết theo nghĩa rộng, bao gồm liên kết hình thức và liên kết nội dung. Tuy vậy, nếu có cả khái niệm "mạch lạc" thì cách hiểu "liên kết" theo nghĩa rộng như thế là không phù hợp vì nó gần như bao gồm cả mạch lạc. *Ngữ văn 7* phân biệt rạch ròi liên kết và mạch lạc như đã trình bày trong SHS và SGV (ở trên): Liên kết thể hiện qua các phương tiện hình thức kết nối các câu trong đoạn văn và các đoạn văn trong VB, còn mạch lạc thể hiện sự thống nhất, liền mạch về nội dung giữa các câu, đoạn văn đó.

Dấu chấm lửng

Dấu chấm lửng là loại dấu câu không được dùng phổ biến bằng nhiều loại dấu câu khác. Đó là lí do vì sao dấu câu này được xếp học cuối cùng trong Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn năm 2018. Dấu chấm lửng thường dùng để:

– Báo hiệu còn nhiều sự vật, hiện tượng tương đồng, cùng loại chưa được nhắc tới trong chuỗi liệt kê.

– Thể hiện lời nói bỏ dở (chưa nói hết), sự ngập ngừng, ngắt quãng.

– Làm giãn nhịp điệu của câu văn, chuẩn bị cho sự xuất hiện của một từ ngữ biểu thị nội dung bất ngờ hay hài hước, châm biếm.

Tuỳ từng trường hợp cụ thể, dấu chấm lửng giúp người đọc hiểu được ý định, cảm xúc của người viết (có thể là ngạc nhiên, lúng túng, mệt mỏi, hoảng hốt, vui mừng, hài hước,…).

❐ Tài liệu tham khảo

GV có thể tham khảo tài liệu nghiên cứu về truyện khoa học viễn tưởng và đọc toàn bộ các truyện khoa học viễn tưởng có trích đoạn được đưa vào giảng dạy trong bài này để có thêm tư liệu bổ trợ cho bài dạy như:

1. Tve-tan Tô-đô-rốp (Tzvetan Todorov), *Dẫn luận về văn chương kì ảo*, Lê Hồng Sâm – Đặng Anh Đào *dịch*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2008.

2. Giuyn Véc-nơ, *Hai vạn dặm dưới biển*, Đỗ Ca Sơn *dịch*, NXB Văn học, Hà Nội, 2020.

3. Hà Thuỷ Nguyên, *Thiên Mã*, NXB Kim Đồng, Hà Nội, 2011.

2. Phương tiện dạy học

GV sử dụng các phương tiện hỗ trợ dạy học như: máy tính, máy chiếu, tranh ảnh minh hoạ phù hợp. Nếu có điều kiện, GV có thể chuẩn bị một số đoạn phim ngắn nói về những chuyến du hành khám phá không gian vũ trụ hay đại dương.

III TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

GIỚI THIỆU BÀI HỌC VÀ TRI THỨC NGỮ VĂN

Hoạt động 1 Tìm hiểu *Giới thiệu bài học*

Phần *Giới thiệu bài học* gồm hai nội dung:

– Các VB trong bài học đều gắn với chủ đề *Thế giới viễn tưởng*, mở ra một thế giới tưởng tượng bao la để HS thoả sức phiêu lưu và khám phá. Những câu chuyện khoa học thú vị và kì diệu trong VB 1 và VB 2 cũng như câu chuyện về một nhà thám hiểm nghiệp dư trong VB 3 sẽ giúp HS bồi đắp đam mê tìm tòi, sáng tạo và nung nấu ý chí để thực hiện khát vọng của mình.

– VB 1 và VB 2 giúp HS hình thành và phát triển năng lực đọc hiểu thể loại truyện khoa học viễn tưởng, một thể loại còn mới mẻ ở Việt Nam. VB 3 không thuộc thể loại chính được học trong bài, nhưng mang lại cho HS cơ hội tiếp cận câu chuyện người thật, việc thật trong một VB thông tin.

Hoạt động 2 Khám phá *Tri thức ngữ văn*

GV hướng dẫn HS đọc phần *Tri thức ngữ văn* trước khi đến lớp để hiểu được các khái niệm về truyện khoa học viễn tưởng và các yếu tố cơ bản của một VB thuộc thể loại văn học này. Trên lớp, GV có thể diễn giảng, giải thích hoặc yêu cầu HS trao đổi và trình bày sơ bộ hiểu biết của các em. Đây là một thể loại mới (lần đầu tiên được đưa vào chương trình giáo dục phổ thông và SGK Ngữ văn ở Việt Nam), một số khái niệm có liên quan đến thể loại này có thể khó đối với HS, vì vậy mở đầu bài học (trong hoạt động khám phá *Tri thức ngữ văn*), GV chưa nên yêu cầu HS phải nắm vững các nội dung trong *Tri thức ngữ văn* mà chỉ yêu cầu các em bước đầu làm quen. Việc đọc hiểu VB 1 và VB 2 sẽ góp phần giúp HS hiểu đầy đủ hơn các khái niệm công cụ ở phần này. Sau khi đọc hiểu VB 1 và VB 2 thì GV có thể tổ chức cho HS hệ thống hoá lại kiến thức về các khái niệm công cụ đó.

ĐỌC VĂN BẢN VÀ THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

VĂN BẢN 1. CUỘC CHẠM TRÁN TRÊN ĐẠI DƯƠNG

(Trích *Hai vạn dặm dưới biển*, Giuyn Véc-nơ)

1. Phân tích yêu cầu cần đạt

– HS nhận biết được tác dụng của việc chọn nhân vật người kể chuyện ngôi thứ nhất là một nhà khoa học. Điều này khiến những điều người kể chuyện trình bày vừa hấp dẫn vừa đáng tin cậy.

– HS nhận biết được một số yếu tố của truyện khoa học viễn tưởng: đề tài (phát kiến khoa học trong tương lai), tình huống (li kì, gay cấn), không gian (đại dương và đáy đại dương).

– HS nắm được lối viết lô-gíc mang tính đặc trưng của truyện khoa học viễn tưởng. Đặc điểm này được thể hiện thông qua cách trình bày và dẫn dắt các sự kiện của người kể chuyện.

– HS hiểu được rằng ý tưởng phát minh dù kì lạ, thậm chí đôi khi "không tưởng", vẫn luôn được nảy sinh trên cơ sở của hiện thực.

2. Gợi ý tổ chức hoạt động dạy học

Hoạt động 1 Khởi động

GV có thể sáng tạo những cách khởi động phù hợp với VB hoặc dựa vào hai câu hỏi trong mục *Trước khi đọc*, SHS, trang 27 để tổ chức hoạt động khởi động cho HS.

– Với câu hỏi 1, GV để HS được tự do tưởng tượng, trao đổi ý tưởng trong nhóm với nhau và yêu cầu một vài em trình bày ý tưởng của mình trước lớp. GV có thể gợi ý cho HS nói về sản phẩm trí tuệ nhân tạo của thời đại công nghệ 4.0.

– Với câu hỏi 2, một số HS có thể trả lời được dựa vào phim ảnh, sách báo hoặc thông tin tìm kiếm được trên in-tơ-nét. GV có thể hỗ trợ thêm bằng cách gợi nhắc lại VB *Trái Đất – cái nôi của sự sống* trong *Ngữ văn 6*, tập hai. VB này có nhắc đến nước như là "vị thần hộ mệnh" của sự sống. Từ gợi ý này, kết hợp với những thông tin tra cứu được, HS có thể đưa ra ý kiến cá nhân của mình. Câu hỏi này không đòi hỏi phải có đáp án cuối cùng, HS có thể tranh luận để đồng ý hoặc phản bác miễn là các ý kiến đưa ra đều phải có lí lẽ, bằng chứng để có sức thuyết phục.

Hoạt động 2 Đọc văn bản

– GV cần khuyến khích HS đọc VB trước khi đến lớp. Ở lớp, GV lưu ý HS về bố cục ba phần của VB, đặt tên cho từng phần. Phần (1): cuộc rượt đuổi "con cá" của chiếc tàu chiến; phần (2): cuộc đọ sức giữa tàu chiến và "con cá"; phần (3): phát hiện sự thật về "con cá". GV có thể chọn một hoặc hai phần và yêu cầu HS thay nhau đọc thành tiếng. GV hướng dẫn HS cách đọc để bảo đảm tốc độ, âm lượng, biểu cảm,… phù hợp với VB.

– GV lưu ý HS các chiến lược đọc ở cột bên phải VB. Trong khi đọc VB, HS sử dụng chiến lược: *suy đoán, dự đoán, theo dõi, hình dung* và *đối chiếu* để nắm được nội dung và hình thức biểu đạt của VB. Với VB này, chiến lược *đối chiếu* giúp HS kiểm tra kết quả dự đoán và nhận ra sức hấp dẫn của câu chuyện do những yếu tố bất ngờ và li kì.

– VB này có một vài từ ngữ chuyên ngành như *hải lí, cá thiết kình, chân vịt,* đã được chú thích ở chân trang. GV hướng dẫn HS xem cách giải thích để nắm được nghĩa của chúng.

Hoạt động 3 Khám phá văn bản

Đây là hoạt động quan trọng nhằm hướng HS khai thác các vấn đề nội dung và hình thức của VB. GV lưu ý HS đọc phần tìm hiểu thông tin về tác giả và tác phẩm trong SHS,

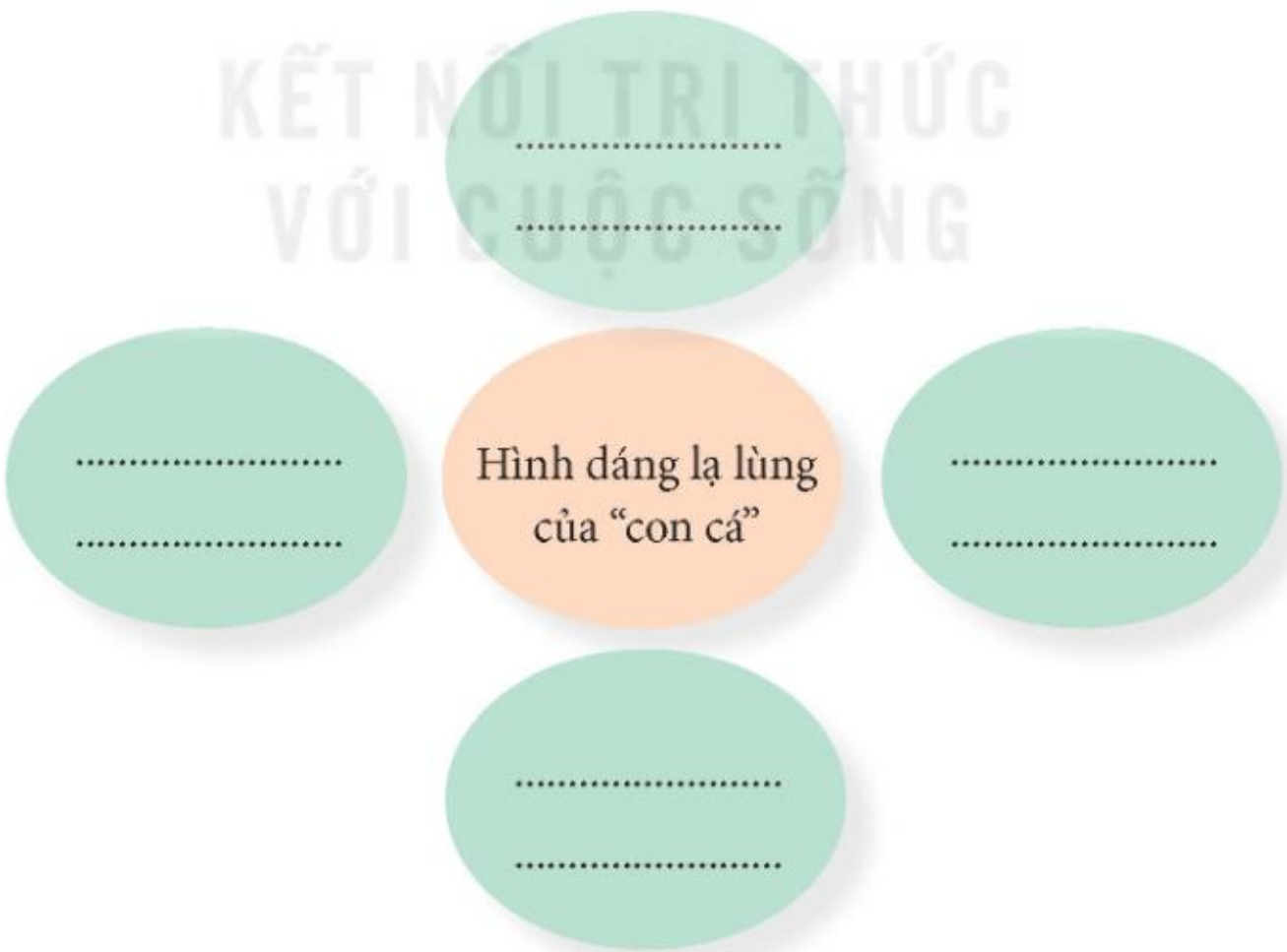
trang 33. GV có thể cung cấp thêm một số đánh giá về tác giả và tác phẩm hoặc chính những nhận định của bản thân nhà văn về tác phẩm của mình để giúp HS hiểu hơn về VB. Ví dụ, những dòng thư Giuyn Véc-nơ viết cho cha mình trước khi cho xuất bản tác phẩm *Hai vạn dặm dưới biển*: "Đã có lần con viết cho cha rằng con đang nảy ra những ý nghĩ rất xa hiện thực. Nhưng không phải như vậy. Tất cả những gì con người có khả năng hình dung ra được thì họ sẽ tìm được cách thực hiện" (Giuyn Véc-nơ, *Hai vạn dặm dưới biển*, Đỗ Ca Sơn *dịch*, NXB Văn học, Hà Nội, 2020, trang 1) hay những nhận định cho rằng *Hai vạn dặm dưới biển* "... đã góp phần hướng biết bao thanh thiếu niên tiến vào khoa học và bao người sau này đã trở thành những nhà hải dương học, ngư học và chế tạo tàu ngầm".

GV có thể sử dụng nhiều phương pháp dạy học khác nhau để hướng dẫn HS đọc hiểu VB. Những câu hỏi trong SHS được chia theo các mức độ: *nhận biết* (câu 1, 2, 6); *phân tích, suy luận* (câu 3, 4, 5); *đánh giá, vận dụng* (câu 7, 8). GV có thể gộp lại hoặc chia tách các câu hỏi trong SHS theo mức độ phù hợp với đối tượng HS.

Câu hỏi 1

Đây là câu hỏi nhận biết đơn giản nên GV chỉ cần lưu ý HS tìm các chi tiết miêu tả hình dáng lạ lùng của "con cá" trong phần (1) của VB: "Con cá" có ánh điện, dài không quá tám mươi mét, đuôi quẫy sóng mạnh chưa từng có, hình dáng cân đối cả ba chiều và khi thở thì hai lỗ mũi vọt ra hai cột nước khổng lồ cao đến bốn mươi mét.

GV có thể thiết kế phiếu học tập theo mẫu sau và yêu cầu HS điền vào ô trống những chi tiết miêu tả hình dáng lạ lùng của "con cá":



KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Câu hỏi 2

Cuộc chạm trán trên đại dương dẫn ba nhân vật: Pi-e A-rôn-nác, Công-xây và Nét Len vào cuộc phiêu lưu trước tiên là trong khoang chiếc tàu ngầm và sau đó là dưới đáy biển sâu. Lúc ấy, chiếc tàu ngầm tối tân và hiện đại được điều khiển hoàn toàn bằng điện năng khiến họ vô cùng kinh ngạc; bởi điện chưa phải là năng lượng chủ yếu của công nghiệp thời bấy giờ (những năm 60 của thế kỉ XIX).

Câu hỏi 3

Bản thân nhan đề tác phẩm đã gợi ý đáp án, nên HS có thể dễ dàng tìm ra câu trả lời: Đây hẳn là ước mơ chinh phục đáy biển sâu của Giuyn Véc-nơ và những người đương thời. Với đối tượng HS có điều kiện thuận lợi trong tiếp cận thông tin, GV có thể cung cấp thêm kiến thức về độ sâu của đáy biển, những thành tựu của con người trong công cuộc thăm dò đại dương để HS biết thêm là ngày nay nhân loại vẫn đang không ngừng nỗ lực để đạt được ước mơ ấy: không chỉ khám phá đáy biển mà còn du hành quanh thế giới dưới biển sâu.

Câu hỏi 4

Để trả lời câu hỏi ở cấp độ suy luận này, GV nhắc các em chú ý một trong những đặc điểm của thể loại truyện khoa học viễn tưởng: Khoa học chính là "cái lõi sự thực" của những câu chuyện viễn tưởng. Từ gợi ý đó, HS có thể tìm ra đáp án. GV yêu cầu HS làm việc nhóm, đại diện nhóm sẽ trình bày trước lớp. Câu trả lời chỉ cần đơn giản là: Nhà văn đã sáng tạo ra hình ảnh chiếc tàu ngầm dựa trên cơ sở khoa học về công nghệ chế tạo tàu biển. Vào thời điểm Giuyn Véc-nơ cho ra đời tác phẩm *Hai vạn dặm dưới biển*, thế giới đã có tàu chạy dưới mặt nước nhưng vô cùng thô sơ (di chuyển chậm nhờ mái chèo), không hiện đại và tối tân như tàu ngầm Nau-ti-luýt (chạy bằng động cơ điện với vận tốc rất cao).

Câu hỏi 5

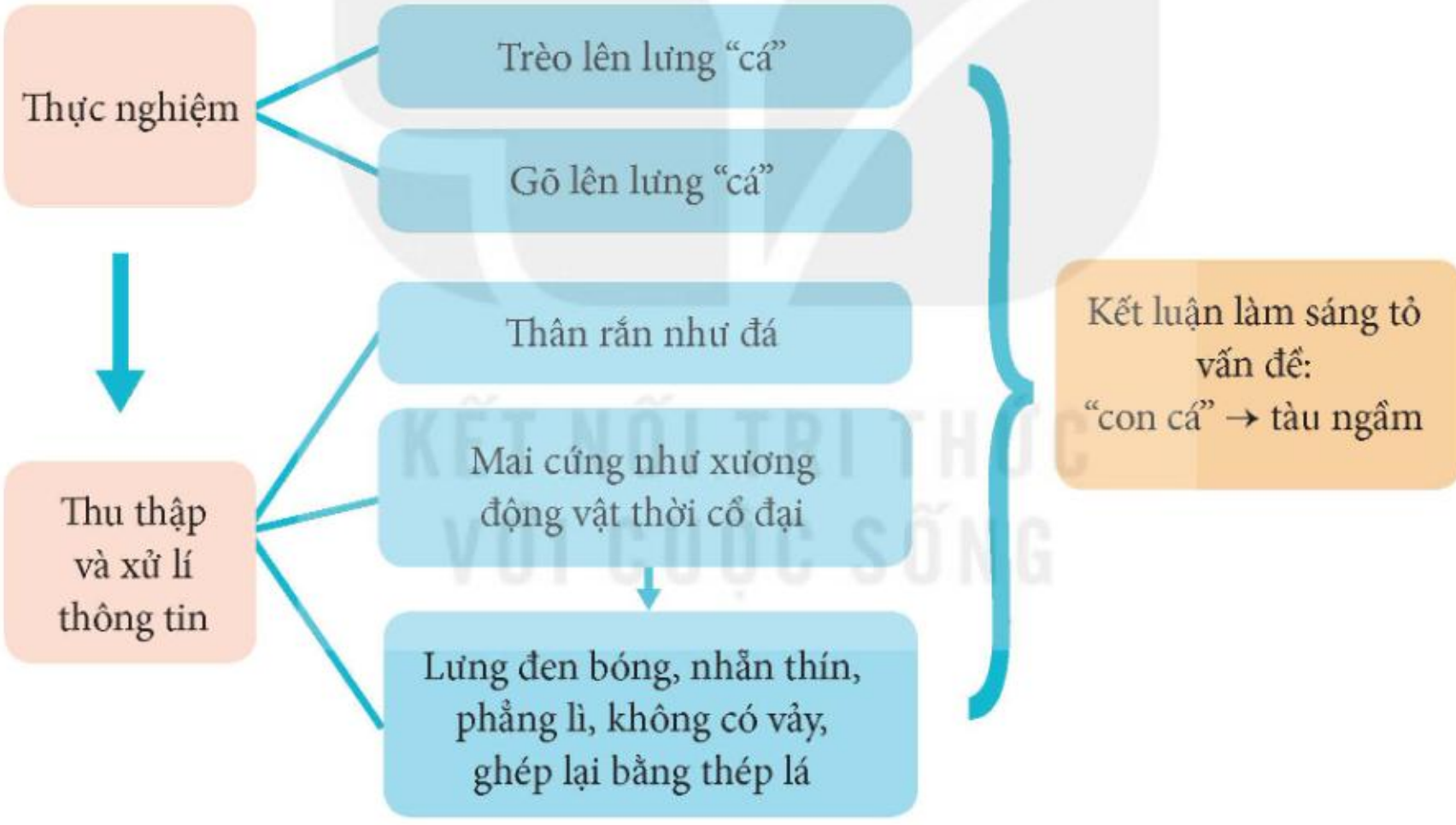
Người kể chuyện ngôi thứ nhất đồng thời là vị giáo sư, trực tiếp xuất hiện và tham gia vào diễn biến cốt truyện, vì thế câu chuyện về chiếc tàu ngầm tối tân được kể lại mang tính khoa học cao. Những kiến thức hay lập luận của nhân vật người kể chuyện về các vấn đề kĩ thuật, công nghệ và đại dương vừa đảm bảo tính chính xác vì tuân theo lô-gíc khoa học, vừa đảm bảo sức hấp dẫn nhờ trí tưởng tượng phong phú của nhà văn. GV có thể khơi gợi vấn đề để HS suy nghĩ và tìm ra nét đặc biệt của ngôi kể: Nếu để Nét Len hay Công-xây đảm nhiệm chức năng người kể chuyện thì câu chuyện sẽ phát triển theo hướng nào? Hẳn là câu chuyện sẽ thiếu đi sức hấp dẫn của những kiến thức uyên bác về kĩ thuật và thế giới tự nhiên qua điểm nhìn của một nhà khoa học.

Câu hỏi 6

GV có thể gợi ý cho HS tìm ở phần (3), từ "Khả năng suy nghĩ của tôi..." đến "... do bàn tay con người tạo ra" để liệt kê những câu văn thể hiện tư duy lô-gíc, khả năng phán đoán và

phân tích của nhân vật người kể chuyện là một nhà khoa học. Thoạt tiên, khi nghe Nét Len nói là mũi lao không đâm thủng được da con quái vật, vị giáo sư đã "trèo lên lưng" con cá rồi "thử lấy chân gõ" và nhận thấy "thân nó rắn như đá, không mềm như cá voi". Sự thận trọng của một nhà khoa học khiến ông chưa dám khẳng định đó là vật gì, thậm chí ông còn băn khoăn với cái mai cứng như thế thì liệu đó có phải là "loài động vật thời cổ đại" như rùa hay cá sấu không. Tiếp theo, điều nghi ngại được loại bỏ ngay bằng dữ liệu ông quan sát thấy vật đó có "cái lưng đen bóng", "nhẵn thín", "phẳng lì" và "không có vảy". Sự suy đoán tiếp tục được khẳng định chắc chắn hơn qua thực nghiệm khi ông gõ vào vật đó và nghe thấy âm thanh kêu "boong boong". Và rồi khi tận mắt nhìn thấy những mối ghép của những tấm thép lá thì ông hoàn toàn khẳng định đây không phải là con quái vật như mọi người đồn thổi lâu nay, mà chính là một "hiện tượng kì diệu hơn, do bàn tay con người tạo ra" – chiếc tàu ngầm.

Quá trình tư duy lô-gíc trên có thể được hiển thị qua sơ đồ sau:



GV có thể tham khảo sơ đồ trên để thiết kế phiếu học tập cho HS.

Câu hỏi 7

Tác phẩm *Hai vạn dặm dưới biển* viết về đề tài phát kiến khoa học công nghệ trong tương lai, một trong những đề tài của truyện khoa học viễn tưởng. Ở thời điểm tác phẩm ra đời, tàu ngầm Nau-ti-luýt là một ý tưởng không tưởng. Chiếc tàu ngầm tối tân và hiện đại đã thực hiện chuyến thám hiểm kì thú dưới đáy biển sâu. Đề tài về phát kiến khoa học công

nghệ trong tương lai luôn được các nhà văn viết truyện khoa học viễn tưởng quan tâm, dù ở bất cứ thời đại nào. Bạn đọc yêu thích thể loại này cũng say mê những câu chuyện về ý tưởng công nghệ mới. Ngày nay, chúng ta không ngạc nhiên về tàu ngầm nữa, nhưng nghiên cứu để tối tân hoá tàu ngầm vẫn là một trong những mối quan tâm hàng đầu của các quốc gia sở hữu đường bờ biển dài trên thế giới. Bên cạnh đó, các nhà khoa học vẫn tiếp tục tìm tòi để chế tạo ra những thiết bị ngầm có thể lặn dưới biển ở độ sâu hàng nghìn mét nhằm phục vụ cho công cuộc khám phá thế giới dưới đáy đại dương đầy bí ẩn.

Câu hỏi 8

Đáp án cho câu hỏi này là mở, GV yêu cầu HS làm việc nhóm để trao đổi, thảo luận và đưa ra ý kiến. Đại diện các nhóm lên trình bày trước lớp. Các nhóm tiếp tục tranh luận để đưa ra quan điểm của mình. Tuy nhiên, GV cũng cần định hướng để HS hiểu về những vấn đề nổi cộm hiện nay mà con người phải đối mặt khi hệ sinh thái biển đang bị đe doạ nghiêm trọng. Ô nhiễm môi trường biển đến từ rác thải nhựa, nước bẩn chưa qua xử lí và chất thải của công nghiệp dầu khí có thể tiêu diệt một số loài sinh vật biển và làm mất cân bằng hệ sinh thái. Ngay cả việc đánh bắt thuỷ hải sản theo cách tận diệt cũng có nguy cơ huỷ diệt sự sống của đại dương. Để giải quyết những vấn đề trên, cần có sự tham gia và đoàn kết của tất cả các quốc gia trên thế giới. Kết thúc tranh luận, GV có thể đưa ra thông điệp hoặc dẫn dắt để HS tự rút ra kết luận: cùng chung tay bảo vệ môi trường Trái Đất nói chung, môi trường biển nói riêng ngay từ những việc nhỏ bé nhất hằng ngày như không dùng chai nhựa sử dụng một lần và túi ni lông. Trong tình hình chủ quyền biển đảo đang được đặt lên hàng đầu như hiện nay, GV có thể mở rộng vấn đề giúp HS nhận thức được vai trò của kinh tế biển và an ninh hàng hải. Bên cạnh việc phát triển lực lượng hải quân trên mặt biển và lực lượng kiểm ngư vững mạnh, tối tân hoá tàu ngầm cũng là một trong những mối quan tâm hàng đầu của Chính phủ Việt Nam nhằm bảo vệ môi trường biển khỏi các hoạt động gây mất an ninh hàng hải và chủ quyền biển đảo.

Hoạt động 4 Viết kết nối với đọc

GV yêu cầu HS vận dụng trí tưởng tượng để viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) kể câu chuyện của mình. GV có thể gợi ý HS nhập vai nhân vật giáo sư Pi-e A-rôn-nác, Công-xây hay Nét Len để tiếp tục quan sát bên trong chiếc tàu ngầm hoặc ứng xử với những người chủ tàu "kì dị". GV nên phát huy trí tưởng tượng phong phú của HS nhưng cũng lưu ý HS về nghề nghiệp và tính cách của các nhân vật (vị giáo sư – giám đốc Viện bảo tàng Pa-ri (Paris) – hiểu biết, điềm đạm, cẩn trọng; Công-xây – trợ lí của giáo sư – trầm tính, nhún nhường và nhẫn nại; Nét Len – thợ săn cá voi – nóng nảy, bộp chộp), để kể câu chuyện tưởng tượng theo các hướng khác nhau.

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

MẠCH LẠC VÀ LIÊN KẾT CỦA VĂN BẢN

1. Phân tích yêu cầu cần đạt

– HS nhận biết được đặc điểm của mạch lạc và liên kết, hiểu được chức năng của chúng trong VB.

– HS chỉ ra được các phương tiện ngôn ngữ được dùng để tạo liên kết cho VB.

2. Gợi ý tổ chức hoạt động dạy học

Hoạt động 1 Hình thành kiến thức mới

– GV hướng dẫn HS đọc lại phần *Mạch lạc và liên kết của VB* trong *Tri thức ngữ văn* và chú ý khung *Nhận biết mạch lạc và liên kết của VB* được đặt bên phải trong SHS, trang 34 trước khi tiến hành làm các bài tập thực hành tiếng Việt.

– GV cho HS đọc (theo cá nhân hoặc trong nhóm) đoạn văn trong khung *Nhận biết mạch lạc và liên kết của VB* và yêu cầu HS trả lời các câu hỏi: *Đoạn văn viết về nội dung gì? Đoạn văn có bao nhiêu câu? Điều gì làm cho các câu văn tạo thành một đoạn văn (lưu ý nội dung của các câu và những phương tiện ngôn ngữ (từ ngữ in đậm) được dùng trong các câu)? Nếu đảo trật tự giữa các câu thì ta có thể có một đoạn văn khác hay không, vì sao?*

Những nội dung HS có thể vận dụng để trả lời cho câu hỏi 1 khi tìm hiểu khung *Nhận biết*: đoạn văn viết về bức tranh của Kiều Phương. Từ việc xác định được số câu, HS sẽ tiếp tục thực hiện thao tác phân tích đoạn văn thành các thành tố của nó. Câu hỏi 3: Các câu được sắp xếp theo một trật tự hợp lí, đều thống nhất về chủ đề (bức tranh của Kiều Phương) và được kết nối với nhau bằng những phương tiện liên kết (các từ ngữ in đậm). Câu hỏi 4: GV cho HS thử đảo trật tự giữa các câu để các em thấy được trật tự đó không phải ngẫu nhiên, tuỳ ý mà phải theo một lô-gíc nhất định. Khi viết (và cả khi nói), HS không chỉ cần chú ý đến trật tự giữa các từ ngữ ở trong câu mà còn phải chú ý đến trật tự giữa các câu trong đoạn văn và giữa các đoạn văn trong VB. Phần khung *Nhận biết* này không yêu cầu HS tự hoàn thành các bài tập. Nó chỉ đưa ra tình huống để GV và HS cùng phân tích, nhờ đó, các em nhận biết được mạch lạc và liên kết trong VB; hiểu được tầm quan trọng của việc bảo đảm tính mạch lạc và liên kết của VB khi viết và nói.

Hoạt động 2 Luyện tập, vận dụng

Trong phần này có 4 bài tập để luyện tập về mạch lạc và liên kết. Tuỳ thời lượng trên lớp học, GV hướng dẫn HS làm hết hoặc chỉ làm một số bài tập. HS có thể làm trên lớp bài tập 1, 2, 3 và làm ở nhà bài tập 4.

Bài tập 1

Đoạn văn viết về việc những người trên tàu chiến quan sát để tiếp cận "con cá thiết kình". Sự việc diễn ra trong một giờ đồng hồ, được sắp xếp theo trật tự thời gian tuyến tính: từ sáu giờ đến bảy giờ sáng. Sự thống nhất về đề tài được nói đến và trình tự sắp xếp hợp lí các sự việc theo nguyên tắc nhân quả làm cho đoạn văn mạch lạc và người đọc có thể hiểu rõ nghĩa của đoạn văn: diễn biến của sự việc quan sát và tiếp cận "con cá thiết kình".

Bài tập 2

Các từ ngữ giữ vai trò là phương tiện liên kết giữa các câu trong đoạn văn: từ ngữ thay thế (*nó* trong câu văn thứ hai thay cho *vật dài màu đen* trong câu văn thứ nhất; *nó* trong câu văn thứ bảy và thứ chín thay cho *con cá* trong câu văn thứ sáu và thứ tám), từ ngữ đồng nghĩa trong ngữ cảnh (*chiếc tàu* trong câu văn thứ năm thay cho *tàu chiến* trong câu văn thứ nhất), từ ngữ lặp lại (*con cá* được lặp lại ba lần, trong các câu văn thứ tư, thứ sáu và thứ tám). Các phương tiện liên kết này bảo đảm sự kết nối về hình thức giữa các câu trong đoạn văn. Sự liên kết đó cùng với sự mạch lạc về nội dung làm cho các câu tạo thành một chỉnh thể thống nhất, chứ không phải là những câu rời rạc được sắp xếp cạnh nhau một cách cơ học.

Bài tập 3

GV có thể yêu cầu HS làm bài tập này theo nhóm. Nếu có ý kiến là có thể đảo vị trí các câu, GV yêu cầu đại diện nhóm ghi lại bài tập của mình lên bảng để các nhóm khác nhận xét, sau đó, GV phân tích để đi đến kết luận không thể đảo vị trí của chúng. Nếu tất cả các nhóm đều có ý kiến là không thể đảo vị trí của câu, GV thử cùng HS đảo vị trí giữa các câu rồi phân tích, từ đó dẫn đến kết luận trên. Bài tập này nhằm giúp HS hiểu rõ được vai trò của trật tự giữa các câu trong việc tạo nên tính mạch lạc của VB. Nếu đảo vị trí của các câu thì đoạn văn sẽ mất đi tính mạch lạc, từ đó người đọc sẽ không hiểu được nội dung của nó.

GV có thể mở rộng dạng bài tập này bằng cách đưa ra một VB quen thuộc và yêu cầu HS thử đảo trật tự các đoạn văn trong VB đó. Phép thử này cũng sẽ cho các em rút ra một nhận xét tương tự về tầm quan trọng của việc sắp xếp đúng trật tự giữa các đoạn văn trong VB.

Bài tập 4

GV hướng dẫn HS thực hành viết đoạn văn đảm bảo tính mạch lạc và liên kết. GV có thể yêu cầu HS làm việc nhóm, trao đổi về nội dung của đoạn văn mình vừa viết và về tính mạch lạc và liên kết được thể hiện trong đoạn văn. Sau đó, đại diện một số nhóm lên trình bày kết quả trước lớp. Các nhóm HS khác nhận xét. GV kết luận.

VĂN BẢN 2. ĐƯỜNG VÀO TRUNG TÂM VŨ TRỤ

(Trích *Thiên Mã*, Hà Thuỷ Nguyên)

1. Phân tích yêu cầu cần đạt

– HS nhận biết được các yếu tố của truyện khoa học viễn tưởng: cốt truyện hoàn toàn tưởng tượng (dựa trên giả thuyết về công nghệ gen); các sự việc li kì diễn ra ở không gian ngoài Trái Đất (Tâm Vũ Trụ), trong thời gian dịch chuyển giữa hiện tại và thời cổ đại; nhân vật có trí thông minh tuyệt vời và ưa phiêu lưu, khám phá (cô bé và cậu bé Thần Đồng); nhân vật kì ảo (con ngựa có cánh Thần Thoại và nhiều nhân vật phụ khác trong khu rừng ở Tâm Vũ Trụ).

– HS biết tóm tắt văn bản một cách ngắn gọn.

– HS hiểu được nội dung của VB, phát huy khả năng tưởng tượng để có thể hoà mình vào thế giới khoa học viễn tưởng, nơi các em có thể phiêu lưu và khám phá những điều kì diệu.

2. Gợi ý tổ chức hoạt động dạy học

Hoạt động 1 Khởi động

– Hai câu hỏi trong phần *Trước khi đọc* trong SHS yêu cầu HS huy động những hiểu biết về vũ trụ để kết nối với việc đọc hiểu VB 2. GV nên yêu cầu HS tìm hiểu thông tin qua sách báo và in-tơ-nét để trả lời hai câu hỏi đó trước khi đến lớp. Với câu hỏi 1, việc đọc sách báo hay truy cập in-tơ-nét chỉ giúp HS tìm kiếm thông tin bổ sung, vì trong VB *Trái Đất – cái nôi của sự sống* (*Ngữ văn* 6, tập hai) các em đã nắm được một số thông tin cơ bản về hệ Mặt Trời.

– GV yêu cầu một vài HS chia sẻ những thông tin mà các em thu thập được cho các bạn trong lớp cùng nghe. Chẳng hạn:

+ Hệ Mặt Trời là một hệ thống có Mặt Trời ở trung tâm và các thiên thể nằm trong phạm vi lực hấp dẫn của Mặt Trời. Có thể kể tên 8 hành tinh quay quanh Mặt Trời: sao Thuỷ, sao Kim, Trái Đất, sao Hoả, sao Mộc, sao Thổ, sao Thiên Vương và sao Hải Vương.

+ Người đầu tiên trên thế giới thực hiện chuyến bay vào vũ trụ là I-u-ri A-lếch-xây-ê-vích Ga-ga-rin (Yuri Alekseyevich Gagarin, 1934 – 1968), phi công, phi hành gia người Liên Xô. Ông thực hiện chuyến bay vào vũ trụ ngày 12 tháng 4 năm 1961 trên tàu vũ trụ Vốt-xtốc 1 (Vostok 1). Chuyến bay kéo dài 1 giờ 48 phút, hoàn thành một vòng bay xung quanh Trái Đất.

Hoạt động 2 Đọc văn bản

– GV yêu cầu HS đọc thành tiếng VB trước lớp bằng hình thức phân vai. GV lưu ý HS giọng đọc phù hợp với biểu cảm của nhân vật: lời dẫn truyện và lời thoại.

– GV lưu ý HS về các chiến lược đọc được trình bày ở cột bên phải VB. Hai chiến lược *theo dõi* và *hình dung* được sử dụng để nắm các chi tiết đáng chú ý của VB.

– VB có một số tên riêng của các vị thần đã được chú thích ở chân trang.

– GV cung cấp thông tin để HS biết rằng công nghệ gen đã trở thành một trong những phát minh vĩ đại nhất của thế kỉ XX, qua đó giúp các em hiểu và hình dung được về nhân vật Thần Thoại.

Hoạt động 3 Khám phá văn bản

Các câu hỏi sau khi đọc được chia theo ba mức độ: *nhận biết* (câu 1, 2); *phân tích, suy luận* (câu 3, 4); *đánh giá, vận dụng* (câu 5, 6). Trước khi hướng dẫn HS khám phá VB qua hệ thống câu hỏi, GV nên phân tích bố cục đoạn trích cho HS dễ tiếp cận VB. VB có thể được chia thành 3 phần:

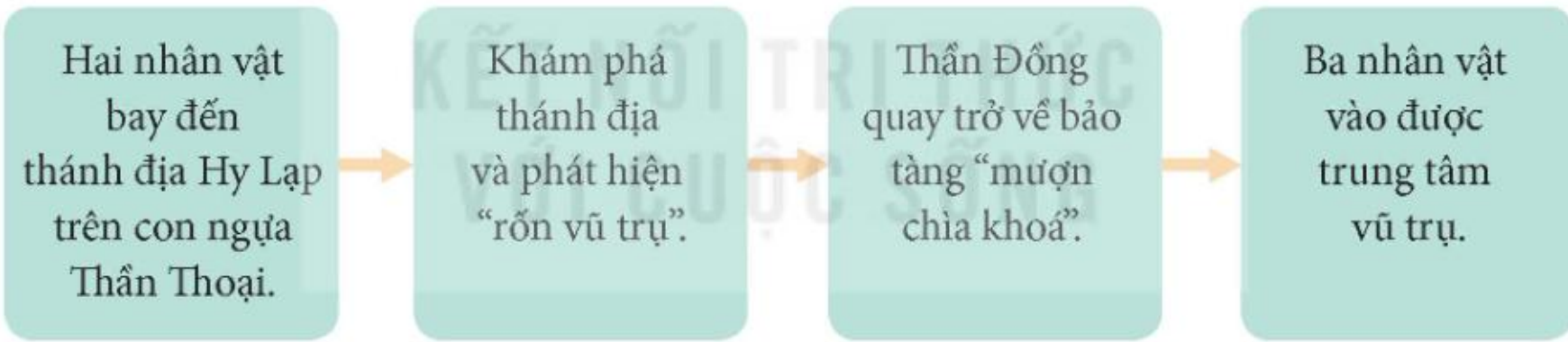
– Phần (1) từ đầu đến *như chốn không người chứ*: tìm đường vào trung tâm vũ trụ.

– Phần (2) từ *Chưa đầy nửa tiếng sau* đến *một chiều không gian thứ tư*: ở trung tâm vũ trụ.

– Phần (3) từ *Chúng tôi nghe đâu đó tiếng vo ve* đến hết: khám phá không gian trung tâm vũ trụ.

Câu hỏi 1

Câu hỏi này ở dạng nhận biết. GV yêu cầu HS đọc kĩ VB và liệt kê không gian diễn ra câu chuyện: không gian thánh địa Hy Lạp – nơi có đền thờ các vị thần trong thần thoại Hy Lạp; không gian Tâm Vũ Trụ – nơi có những loài thực vật và động vật khổng lồ, kì dị. GV có thể hướng dẫn HS sử dụng sơ đồ cốt truyện như sau để kể tóm tắt những diễn biến chính của câu chuyện:



Câu hỏi 2

Với vế đầu của câu hỏi thuộc nhóm nhận biết này, HS chỉ cần đọc lại VB để liệt kê tên các nhân vật: nhân vật "cô bé" – người kể chuyện ngôi thứ nhất, cậu bé Thần Đồng, con ngựa Thần Thoại, chuồn chuồn khổng lồ, khủng long Spi-nô-sô-rớt Ê-gip-ti-cớt, voi ma mút, người cá.

Vế thứ hai của câu hỏi yêu cầu HS chọn trong số những nhân vật dị thường như Thần Thoại, chuồn chuồn, khủng long, người cá,... một nhân vật mà HS ấn tượng và giải thích lí do. GV nên khuyến khích HS tự do huy động trí tưởng tượng và trình bày suy nghĩ riêng của mình.

Câu hỏi 3

Đây là câu hỏi bao gồm cả mức độ nhận biết (vế câu hỏi đầu) và phân tích, suy luận (vế câu hỏi sau). GV yêu cầu HS làm việc nhóm, đọc lại đoạn trích từ: *Tôi chạy lại gần những cây nấm khổng lồ* đến *lưu giữ tất cả những gì đã biến mất khỏi mặt đất!* để tìm những câu văn miêu tả về Tâm Trái Đất. Theo nhà văn Giuyn Véc-nơ, Tâm Trái Đất là "một bảo tàng sống động, lưu giữ tất cả những gì đã biến mất khỏi mặt đất" như: "những cây nấm cổ đại khổng lồ, những con khủng long từ thời tiền sử, những con chim điện quý hiếm,…". GV tiếp tục hướng dẫn HS thảo luận trong nhóm để tìm ra đáp án cho vế sau của câu hỏi: Tâm Trái Đất đó chính là Tâm Vũ Trụ. Bởi như nhân vật Thần Đồng nói thì Tâm Trái Đất chỉ có khoáng chất, không có sinh vật sống. Tâm Vũ Trụ mà hai bạn nhỏ khám phá ra là nơi có sự sống của các loài động vật, thực vật kì lạ.

Tuỳ vào đối tượng HS, GV có thể mở rộng câu hỏi để HS có thể liên hệ VB này với các tác phẩm của Giuyn Véc-nơ. Phát hiện của nhân vật Thần Đồng về mối quan hệ giữa Tâm Trái Đất như Giuyn Véc-nơ miêu tả trong tác phẩm của ông với Tâm Vũ Trụ mà cậu bé được tận mắt chứng kiến là một "đối thoại" của "người đọc" với nhà văn. Truyện khoa học viễn tưởng không chỉ dẫn người đọc vào những cuộc phiêu lưu kì thú, mà còn thôi thúc niềm đam mê khám phá để người đọc tự mình trải nghiệm những điều kì diệu của cuộc sống.

Câu hỏi 4

Câu hỏi này thuộc nhóm suy luận. GV có thể gợi ý HS đọc đoạn trích từ *Chúng tôi nghe đâu đó tiếng vo ve của côn trùng* đến *một trăm sáu mươi triệu năm rồi* để tìm ra câu trả lời. "Bước nhảy không gian" đã đưa ba nhân vật chính trở lại thời cổ đại, cách thời điểm câu chuyện được kể khoảng một trăm sáu mươi triệu năm.

Câu hỏi 5

Câu hỏi này nối kết với câu hỏi số 4, yêu cầu HS huy động trí tưởng tượng kết hợp với những kiến thức có được nhờ đọc sách báo để tưởng tượng thêm những loài sinh vật tồn tại ở thời kì cổ đại hàng triệu năm về trước. GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm để đưa ra bản phác thảo về không gian thảo nguyên. Sau đó, đại diện một số nhóm trình bày kết quả làm việc nhóm và cả lớp cùng thảo luận. GV có thể gợi ý thêm một vài loài động vật kì lạ tồn tại ở thời cổ đại như: loài động vật khổng lồ nửa bò sát nửa thú, gấu mặt ngắn, đà điểu, chuột, chim cánh cụt, cóc địa ngục,… Điều đặc biệt là tất cả những động vật này đều có kích thước khổng lồ. Chẳng hạn: một con chim cánh cụt cao đến 1,5 mét, một con cóc địa ngục nặng 4,5 ki-lô-gam hay một cá thể thuộc loài chuột khổng lồ có thể nặng tới 1 tấn.

GV có thể thiết kế phiếu học tập cho HS theo gợi ý sau:

Các loài sinh vật kì lạ ở Tâm Vũ Trụ				
Tên loài	.....	.....	.....	.....
Đặc điểm	.....	.....	.....	.....

Câu hỏi 6

Câu hỏi này thuộc nhóm đánh giá, vận dụng. Trong VB *Đường vào trung tâm vũ trụ* có nhân vật con ngựa có cánh Thần Thoại, được tạo ra bằng công nghệ cấy ghép gen của thiên nga vào phôi ngựa. GV không yêu cầu HS tìm hiểu về công nghệ gen, mà chỉ cần hình dung ra những loài động vật kì lạ sẽ xuất hiện nếu con người tiến hành cấy ghép và lai tạo các loài với nhau (tưởng tượng dựa trên hình ảnh nhân vật con ngựa có cánh). Với đối tượng HS có điều kiện tiếp xúc với sách báo và phương tiện truyền thông hơn, GV có thể cung cấp thêm một số thông tin liên quan đến những thí nghiệm cấy ghép tế bào gốc của người vào phôi của động vật để phục vụ cho công nghệ ghép tạng. Những thí nghiệm này nếu thành công sẽ mở ra triển vọng cứu sống hàng triệu người trên thế giới đang chờ thay tạng mỗi năm. GV yêu cầu HS trao đổi, thảo luận theo nhóm và đại diện nhóm trình bày trước lớp để các bạn cùng nghe và thảo luận.

Hoạt động 4 Viết kết nối với đọc

GV gợi ý HS dựa vào những miêu tả về không gian Tâm Vũ Trụ trong VB để thực hiện bài viết của mình. GV lưu ý HS bài viết phải thể hiện được đặc điểm lạ lùng và bí ẩn của không gian tưởng tượng đó. Ví dụ: nhiệt độ trong những không gian đó nóng hơn hoặc lạnh hơn ở Trái Đất; các loài động vật, thực vật sống trong không gian đó bé hơn hoặc lớn hơn các loài trên Trái Đất;...

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

DẤU CÂU

1. Phân tích yêu cầu cần đạt

– HS nhận biết được công dụng của dấu chấm lửng trong VB.

– HS biết vận dụng hiểu biết về dấu chấm lửng để thực hành viết đoạn văn có sử dụng dấu câu này.

2. Gợi ý tổ chức hoạt động dạy học

Hoạt động 1 Hình thành kiến thức mới

GV hướng dẫn HS đọc lại mục *Dấu chấm lửng* trong *Tri thức ngữ văn* (SHS, trang 26). Sau đó cho HS trao đổi về nội dung trong khung *Nhận biết công dụng của dấu chấm lửng*

(SHS, trang 41 – 42) để giúp các em hiểu rõ hơn công dụng của dấu chấm lửng qua phân tích ngữ liệu thực tế trước khi hoàn thành các bài tập thực hành tiếng Việt.

Hoạt động 2 Luyện tập, vận dụng

Bài tập 1

a. Trong câu này, dấu chấm lửng thể hiện lời nói bỏ dở, ngắt quãng.

b. Dấu chấm lửng ở đây có tác dụng làm giãn nhịp điệu câu văn và chuẩn bị cho sự xuất hiện của từ ngữ biểu thị nội dung bất ngờ. Bộ phận phụ ngữ *chúng ta đã thoát chết* (bổ ngữ cho động từ *kết luận*) tạo sự bất ngờ bởi dường như nó không liên quan đến nội dung các câu trước đó khi nhân vật nói về tốc độ, động cơ, máy móc và người điều khiển con tàu. Đoạn trích này sử dụng tri thức nền (là nội dung của đoạn văn trước đó: Ba nhân vật bị hất ngã xuống biển và may mắn sống sót nhờ leo lên được nóc chiếc tàu ngầm) như một phương tiện liên kết. Sự "có vẻ không mạch lạc" của VB tạo sự bất ngờ cho người đọc.

c. Dấu chấm lửng trong câu văn thứ nhất cho biết các sự vật, hiện tượng tương tự chưa liệt kê hết. Dấu chấm lửng trong hai câu văn sau thể hiện lời nói bỏ dở.

Bài tập 2

GV yêu cầu HS đọc lại VB để tìm câu văn có sử dụng dấu chấm lửng với công dụng làm giãn nhịp điệu câu văn, chuẩn bị cho sự xuất hiện của một từ ngữ biểu thị nội dung hài hước. Tuỳ theo thời gian phân bố của tiết học, GV có thể gợi ý cho HS đọc một đoạn trích dài hoặc ngắn, ví dụ đoạn trích từ *Theo truyền thuyết* đến *Tôi khích* để tìm ra câu:

– *Chẳng qua chỉ là cái… ổ voi thôi mà! Ai bảo có người "mắt toét"!* – *Tôi khích.*

Bài tập 3

a. Dấu ngoặc kép ở đây dùng để đánh dấu từ ngữ được hiểu theo nghĩa đặc biệt, nhằm nhấn mạnh vị trí trung tâm của vũ trụ.

b. Dấu ngoặc kép trong câu văn này cũng dùng để đánh dấu từ ngữ được hiểu theo nghĩa đặc biệt, nhằm nhấn mạnh ý nghĩa của từ và giúp người đọc hình dung Tâm Vũ Trụ như một "viện bảo tàng" khổng lồ và sống động.

Bài tập 4

Bài tập này yêu cầu HS vận dụng những tri thức về công dụng của dấu chấm lửng để viết một đoạn văn về một nội dung được gợi ra từ VB *Đường vào trung tâm vũ trụ*. HS tự do trình bày ý tưởng của mình. GV cũng có thể gợi ý cho HS một vài tình huống sau: (1) Khi quay trở lại bảo tàng để "mượn" hòn đá Ôm-phe-lốt, Thần Đồng đã xử trí như thế nào để có thể "qua mặt" được sự canh gác cẩn mật của bảo vệ bảo tàng? (2) Trong lúc cố gắng thoát khỏi Tâm Vũ Trụ, nhân vật "tôi" và Thần Đồng đã gặp khó khăn, cản trở hay nhận được sự giúp đỡ từ những loài sống ở khu rừng cổ sinh và thảo nguyên?

VĂN BẢN 3. DẤU ẤN HỒ KHANH

(Nhật Văn)

1. Phân tích yêu cầu cần đạt

Dấu ấn Hồ Khanh là VB thông tin, không cùng loại với VB 1 và VB 2, nhưng cùng hướng tới chủ đề phiêu lưu, thám hiểm để khám phá thế giới. Qua tìm hiểu VB, HS củng cố được những điều đã học về VB thông tin: nhan đề, nội dung cơ bản, vai trò của các chi tiết trong việc thể hiện nội dung đó.

2. Gợi ý tổ chức hoạt động dạy học

Hoạt động 1 Khởi động

GV tự đặt ra những câu hỏi nhằm dẫn dắt HS vào chủ đề: nuôi dưỡng đam mê để dẫn tới thành công. GV có thể khơi gợi để HS mạnh dạn chia sẻ những ước mơ và khát vọng của mình nhằm tạo không khí thoải mái trước giờ học.

Lưu ý, đây là VB 3 nên hoạt động khởi động cần ngắn gọn, đơn giản, HS có thể hoàn thành nhanh.

Hoạt động 2 Đọc văn bản

– GV chỉ định một số HS đọc VB trước lớp. Lưu ý, đây là VB thông tin, nên HS cần đọc to, rõ ràng, nhấn mạnh vào những thông tin quan trọng như: phát hiện và khám phá hang Sơn Đoòng, hang động lớn nhất thế giới.

– GV có thể chủ động chia VB thành các phần để HS đọc.

Hoạt động 3 Khám phá văn bản

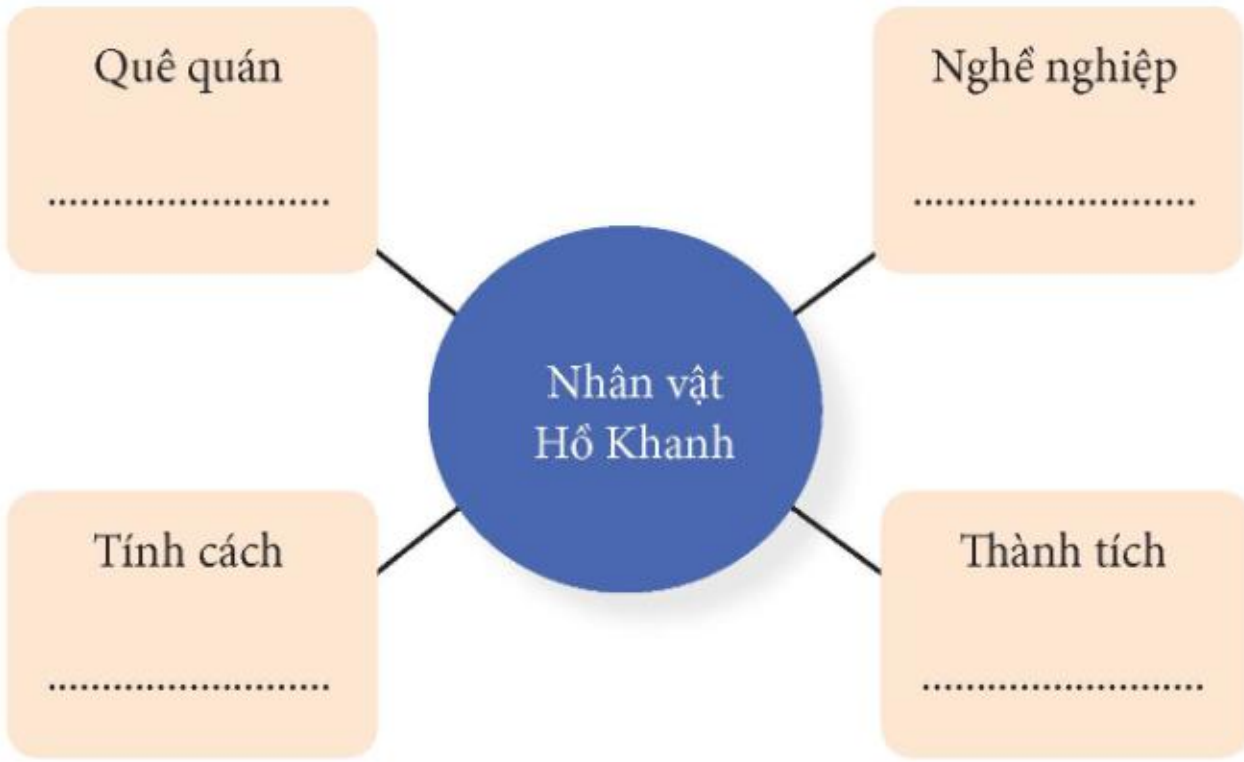
Câu hỏi 1

GV yêu cầu một vài HS nhận xét về nhan đề của VB. Từ đó, GV tổng hợp ý kiến và đưa ra kết luận: Nhan đề của VB thông tin phải đảm bảo thể hiện một cách trực tiếp, cụ thể nội dung chính của VB. Cụ thể ở đây, nhan đề của VB thể hiện rõ: Nhân vật Hồ Khanh đã tạo nên một dấu ấn đặc biệt.

Câu hỏi 2

GV yêu cầu HS đọc kĩ lại VB để tìm những chi tiết cho biết thông tin cơ bản về nhân vật Hồ Khanh như quê quán (thôn Phong Nha, xã Sơn Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình – nay thuộc xã Phong Nha, tỉnh Quảng Trị), nghề nghiệp (thợ sơn tràng), đặc điểm tính cách (thích tò mò và khám phá), dấu ấn đặc biệt (phát hiện ra hang Sơn Đoòng).

GV có thể hướng dẫn HS điền vào mẫu sơ đồ dưới đây để hoàn thiện thông tin cơ bản về nhân vật:



Câu hỏi 3

Giải quyết yêu cầu của câu hỏi này, HS sẽ nhận biết được đặc điểm quan trọng của VB thông tin: Nhan đề thường khái quát nội dung của VB, đồng thời nội dung đó được làm rõ ngay trong đoạn mở đầu. Câu "*Đó là Hồ Khanh, người phát hiện ra hang Sơn Đoòng và rất nhiều hang động ấn tượng khác.*" đã cụ thể hoá nhan đề bài viết. Chi tiết này giúp người đọc biết được dấu ấn của Hồ Khanh chính là việc phát hiện ra hang động lớn nhất thế giới.

Câu hỏi 4

GV gợi ý HS đọc lại đoạn từ *Song ấn tượng nhất* đến *hang động cao và rộng nhất thế giới* để tìm ra những chi tiết quan trọng đánh dấu sự thay đổi cuộc đời của nhân vật Hồ Khanh. GV lưu ý HS về thời gian và sự kiện xảy ra trong thời gian đó. Năm 1989, khi tìm chỗ trú mưa trong rừng, Hồ Khanh tình cờ phát hiện ra một cái hang lớn với "bầu không khí mát mẻ lạ thường". Năm 2009, Hồ Khanh đã dẫn đoàn thám hiểm hang động của Hoàng gia Anh vào cái hang đá lớn và kì lạ năm xưa. Hồ Khanh đã trở thành người Việt Nam đầu tiên phát hiện ra hang Sơn Đoòng – hang động cao và rộng nhất thế giới.

Câu hỏi 5

GV khuyến khích HS suy nghĩ và trình bày ý kiến của mình. GV cũng có thể yêu cầu HS làm việc theo nhóm để các em trao đổi với nhau. Qua VB *Dấu ấn Hồ Khanh*, các em có thể hiểu được một trong những phẩm chất quan trọng của nhà thám hiểm chính là sự ham hiểu biết và say mê khám phá thế giới tự nhiên. Tuỳ từng đối tượng HS, GV có thể mở rộng phạm vi đáp án để khơi gợi và dẫn dắt HS liên hệ với thực tế bản thân. Câu hỏi gợi dẫn có thể là: *Nhân vật Hồ Khanh đã thực hiện được khát vọng và đam mê khám phá hang động của mình. Còn em, em nghĩ mình sẽ phải trau dồi bản thân như thế nào để thực hiện ước mơ?*

VIẾT

VIẾT BÀI VĂN KỂ LẠI SỰ VIỆC CÓ THẬT LIÊN QUAN ĐẾN MỘT NHÂN VẬT LỊCH SỬ

1. Phân tích yêu cầu cần đạt

HS viết được bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến một nhân vật lịch sử. Bài viết có sử dụng yếu tố miêu tả; sắp xếp các sự việc theo trật tự trước sau, quan hệ nhân quả.

2. Những lưu ý về yêu cầu đối với bài văn

Bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến một nhân vật lịch sử cần đáp ứng các yêu cầu sau:

– Nhân vật được lựa chọn phải có vai trò (dù ít hay nhiều) trong bối cảnh lịch sử đương thời.

– Sự việc được kể liên quan đến nhân vật đó phải có thật.

– Sự việc đó phải có ý nghĩa trong bối cảnh lịch sử nhất định.

– Kể được sự việc theo trình tự hợp lí.

– Bài viết nêu được suy nghĩ, ấn tượng của người viết và có sử dụng yếu tố miêu tả.

3. Gợi ý tổ chức hoạt động dạy học

Hoạt động 1 Giới thiệu kiểu bài

GV có thể tổ chức hoạt động giới thiệu kiểu bài cho HS bằng các cách:

– Gợi cho HS nhớ lại cách viết bài văn thuật lại một sự kiện mà các em đã học ở lớp 6 (bài 6), sau đó giải thích để HS nắm được đặc điểm của kiểu bài viết mới trong bài học này. Cũng là viết về một sự kiện/ sự việc, nhưng ở đây yêu cầu sự việc đó phải có thật và liên quan tới một nhân vật lịch sử.

– Theo cách tiếp cận tích hợp, GV có thể đặt những câu hỏi liên quan đến VB *Dấu ấn Hồ Khanh* để HS nhận diện được kiểu bài mà các em sẽ viết. Ví dụ: *Mục đích của người viết VB này là gì? Sau khi đọc xong VB em có thu thập thêm được thông tin mới hay không?* Từ việc nhận biết được những đặc điểm của VB đọc, HS có thể hình dung thêm về kiểu bài cần viết.

Hoạt động 2 Tìm hiểu yêu cầu đối với bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến một nhân vật lịch sử

Tuy HS đã làm quen với việc viết bài văn thuyết minh thuật lại một sự kiện ở lớp 6, nhưng viết về một sự việc có thật liên quan đến một nhân vật lịch sử vẫn là một kiểu bài mới đối với các em. GV cần lưu ý HS đọc lại phần *Yêu cầu đối với bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến một nhân vật lịch sử* trong SHS, trang 45, để nắm chắc được những yêu cầu đối với kiểu bài này.

Hoạt động 3 Đọc và phân tích bài viết tham khảo

– GV giới thiệu bài viết tham khảo.

– GV có thể yêu cầu HS làm việc theo nhóm đôi, nhóm ba hoặc nhóm bốn để đọc bài viết tham khảo và phân tích các yêu cầu đối với kiểu bài kể lại sự việc có thật liên quan đến một nhân vật lịch sử được thể hiện qua bài viết này. GV nêu câu hỏi để định hướng HS:

+ *Bài viết kể về sự việc gì?* (Bài viết kể về màn "trình diễn" ánh sáng.)

+ *Sự việc đó có thật không và liên quan tới nhân vật nào?* (Sự việc đó có thật và liên quan đến nhà khoa học nổi tiếng Thô-mát Ê-đi-xơn.)

+ *Diễn biến của sự việc như thế nào?* (Ê-đi-xơn đã cho treo hàng trăm bóng đèn điện quanh phòng thí nghiệm, quanh nhà và dọc con đường nơi ông sống.)

+ *Sự việc có ý nghĩa ra sao?* (Màn "trình diễn" ánh sáng của Ê-đi-xơn mở đầu cho việc đưa ánh sáng đèn điện đến với cuộc sống của con người.)

+ *Người viết bày tỏ suy nghĩ gì về sự việc được kể?* (Màn "trình diễn" đó đã mở ra một kỉ nguyên ánh sáng mới, làm thay đổi thế giới.)

+ *Bài viết có sử dụng yếu tố miêu tả không?* (Những chiếc bóng đèn có vỏ ngoài được làm bằng thuỷ tinh cách nhiệt, bên trong có chứa dây đốt làm bằng sợi carbon, toả ra thứ ánh sáng liên tục và dìu dịu.)

– Sau khi HS thảo luận nhóm xong, GV yêu cầu đại diện các nhóm trả lời. GV tổng hợp ý kiến của HS và chốt lại vấn đề.

GV có thể cụ thể hoá những câu hỏi trên bằng phiếu học tập sau đây:

PHIẾU HỌC TẬP

Hoàn thiện bảng sau bằng cách ghi câu trả lời vào cột bên phải tương ứng với câu hỏi ở cột trái:

Bài viết kể về sự việc gì?	.....
Sự việc đó có thật không và liên quan đến nhân vật nào?	....
Diễn biến của sự việc như thế nào?	....
Sự việc có ý nghĩa ra sao?	....
Người viết bày tỏ suy nghĩ gì về sự việc được kể?	....
Bài viết có những câu văn miêu tả nào?	....

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Hoạt động 4 Thực hành viết theo các bước

– GV hướng dẫn HS lựa chọn đề tài: SHS có đưa ra một vài đề tài để các em tham khảo,

tuy nhiên HS hoàn toàn có thể tự tìm đề tài mới. GV cần gợi ý cho HS để các em không chỉ suy nghĩ về những nhân vật lịch sử trong quá khứ như Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Nguyễn Trãi, Mạc Đĩnh Chi, Lê Quý Đôn, Hồ Chí Minh, Võ Nguyên Giáp,… mà có thể cả về những con người bình dị đang sống ở xung quanh, những người đã có đóng góp lớn lao cho cộng đồng. Chẳng hạn, có những "nhà sáng chế chân đất" đã mày mò tự nghiên cứu và chế tạo ra công cụ lao động phục vụ đời sống sản xuất của người nông dân.

– Tìm ý: GV cần hướng dẫn HS huy động tối đa các ý tưởng để tìm ý cho bài viết bằng cách tìm kiếm thông tin, trả lời các câu hỏi trong SHS. GV có thể hướng dẫn HS kẻ bảng vào vở để thực hiện thao tác tìm ý; bảng chia làm hai cột: cột bên trái ghi lại các câu hỏi trong SHS, trang 47; cột bên phải là câu trả lời của HS. GV yêu cầu HS làm việc cá nhân để hoàn thành bảng rồi trao đổi với bạn để góp ý cho nhau.

– Lập dàn ý: GV hướng dẫn HS sắp xếp các câu trả lời trong bảng theo trật tự hợp lí để hoàn thành dàn ý với đầy đủ ba phần như gợi ý trong SHS: Mở bài, Thân bài, Kết bài.

– GV yêu cầu HS viết bài tại lớp.

TRẢ BÀI

Hoạt động 1 Nhắc lại, khắc sâu yêu cầu của kiểu bài

GV cho HS nhắc lại yêu cầu chung của kiểu bài và những lưu ý khái quát của kiểu bài kể lại sự việc có thật liên quan đến một nhân vật lịch sử.

Hoạt động 2 Nhận xét về kết quả và chỉnh sửa bài viết

a. GV nhận xét chung về mức độ đáp ứng yêu cầu ở các bài viết của HS, chọn phân tích một số bài viết thuộc các mức độ khác nhau để giúp HS rút ra những kinh nghiệm cần thiết.

b. GV trả bài cho HS, yêu cầu các em chỉnh sửa theo hướng dẫn trong SHS và theo những điều vừa phân tích, bổ sung ở trên (việc sửa chữa có thể tiến hành theo hình thức trao đổi nhóm).

NÓI VÀ NGHE

THẢO LUẬN VỀ VAI TRÒ CỦA CÔNG NGHỆ ĐỐI VỚI ĐỜI SỐNG CON NGƯỜI

1. Phân tích yêu cầu cần đạt

– HS nhận biết được vai trò của công nghệ đối với đời sống của con người, trên cả hai phương diện tích cực và tiêu cực.

– HS biết cách thảo luận về một vấn đề gây tranh cãi, biết đưa ra ý kiến của mình, biết cách xác định những điểm thống nhất và khác biệt giữa các ý kiến, đồng thời biết lắng nghe và đối thoại với ý kiến của người khác trên tinh thần tôn trọng.

2. Gợi ý tổ chức hoạt động dạy học

Hoạt động 1 Chuẩn bị bài nói

a. *Xác định mục đích nói và người nghe*

– GV lưu ý HS về sự cần thiết của việc xác định mục đích nói và đối tượng nghe. Đây là nguyên tắc quan trọng góp phần làm cho hoạt động nói và nghe thành công.

– GV có thể gợi dẫn để HS nắm được nguyên tắc này bằng các câu hỏi: *Khi tiến hành thảo luận về vai trò của công nghệ đối với đời sống con người, chúng ta nhằm hướng tới điều gì?* (Chia sẻ thông tin, ý tưởng và hiểu sâu sắc hơn về một vấn đề vốn gây nhiều tranh cãi.) *Ai là người mà chúng ta muốn chia sẻ những điều này?* (Những người cùng chung mối quan tâm và muốn được thảo luận về vấn đề này.)

b. *Chuẩn bị nội dung nói và tập luyện*

– GV dành thời gian (5 phút) cho HS tự soát lại dàn ý bài nói đã chuẩn bị ở nhà theo hướng dẫn của SHS và nhiệm vụ GV giao. Trong khi HS xem lại dàn ý bài nói của mình, GV lưu ý HS: đánh dấu ý quan trọng, gạch chân từ khoá,…

– GV chia lớp thành một số nhóm (tối đa 6 HS/ nhóm) để thực hiện hoạt động theo chủ đề mà các em lựa chọn. GV dành thời gian (5 – 7 phút) cho HS luyện nói theo cặp, sau đó lên trình bày ý kiến trước lớp. Hoạt động thảo luận diễn ra trên quy mô nhóm (phân theo chủ đề) và quy mô lớp (nhiều chủ đề để bao quát được toàn bộ vấn đề cần bàn).

– GV lưu ý HS về thời gian trình bày bài nói (5 – 7 phút). GV phát phiếu đánh giá cho HS, hướng dẫn các em cách đánh giá theo tiêu chí đề ra (phiếu cần được chuẩn bị trước).

GV có thể tham khảo phiếu đánh giá sau đây:

PHIẾU ĐÁNH GIÁ BÀI NÓI				
TIÊU CHÍ		MỨC ĐỘ		
		Chưa đạt	Đạt	Tốt
NỘI DUNG	Nêu được vai trò của công nghệ đối với đời sống con người	Không nêu được vai trò của công nghệ đối với đời sống con người	Nêu được nhận định khái quát về vai trò của công nghệ đối với đời sống con người	Nêu được sự phát triển công nghệ và tác động của nó đến đời sống con người; nêu lên nhiều quan điểm khác nhau để thấy đây là một vấn đề còn gây tranh cãi
	Trình bày được hai mặt tích cực và tiêu cực của công nghệ trong đời sống với các bằng chứng cụ thể	Không trình bày được hai mặt của vấn đề	Có độ lệch về hai mặt ảnh hưởng của công nghệ, thiên về tích cực hoặc thiên về tiêu cực	Đánh giá được một cách khách quan, cân bằng hai mặt tích cực và tiêu cực của công nghệ trong đời sống con người
	Nhấn mạnh ý kiến cá nhân	Không nêu được ý kiến cá nhân	Đã nêu được ý kiến cá nhân nhưng chưa rõ ràng	Nêu bật được ý kiến cá nhân để người nghe thấy rõ quan điểm của mình

HÌNH THỨC TRÌNH BÀY	Ngữ điệu nói	Nói nhỏ, đều đều, lặp từ	Nói to, nhưng đôi chỗ còn bị lặp lại và không có điểm nhấn	Nói to, rõ ràng, lưu loát, biết nhấn mạnh vào ý kiến cá nhân
	Sử dụng ngôn ngữ cơ thể	Không sử dụng ngôn ngữ cơ thể, chỉ nhìn vào dàn ý để nói	Có biểu cảm trên nét mặt và ánh mắt, nhưng vẫn phụ thuộc vào dàn ý	Tự tin, tương tác với người nghe bằng ngôn ngữ cơ thể, hoàn toàn không phụ thuộc vào dàn ý
	Sử dụng từ ngữ để liên kết câu và đoạn khi chuyển ý	Không sử dụng từ ngữ liên kết khiến bài nói thiếu mạch lạc và không rõ ý	Có sử dụng từ ngữ liên kết khi chuyển câu/ đoạn, nhưng các từ còn bị lặp, đơn điệu	Sử dụng linh hoạt và đa dạng các từ ngữ liên kết câu/ đoạn khiến bài nói mạch lạc, lô-gíc và rõ ý
	Thái độ tham gia thảo luận	Không tiếp thu ý kiến của người nghe	Lắng nghe, tiếp thu ý kiến của người nghe và có trao đổi lại	Lắng nghe, tiếp thu, trao đổi lại với người nghe (tán thành hoặc phản bác), bảo vệ được quan điểm của mình bằng những lí lẽ, bằng chứng thuyết phục và thái độ cầu thị
THỜI GIAN TRÌNH BÀY	Thời gian trình bày (5 – 7 phút)	Không biết cân đối thời gian	Quá thời gian quy định một chút	Đảm bảo đúng thời gian quy định

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Hoạt động 2 Trình bày bài nói

– GV cần thực hiện linh hoạt các hình thức tổ chức hoạt động nói và nghe, tuỳ vào điều kiện học tập và trình độ của HS. GV yêu cầu một số HS trình bày bài nói của mình, các em còn lại lắng nghe để có thể nhận xét, đưa ra ý kiến tán thành hay phản bác.

– Vì thời lượng dành cho phần *Nói và nghe* chỉ trong một tiết học, nên GV cần phân bố thời gian thật hợp lí để cả hai hoạt động này được cân bằng. Người nghe cần được nói lên những ý kiến (góp ý hoặc phản biện) của mình, ngược lại, người nói cũng cần lắng nghe, sau đó trao đổi để tiếp thu hoặc bảo vệ quan điểm. GV đóng vai trò là người quan sát, lắng nghe, kịp thời đưa ra những gợi dẫn hoặc định hướng để cuộc thảo luận luôn bám sát mục tiêu đề ra.

Hoạt động 3 Trao đổi về bài nói

– Do đặc thù của hoạt động thảo luận nên việc trao đổi về bài nói có thể diễn ra ngay sau từng lượt nói. Người nghe khi trao đổi lại với người vừa trình bày bài nói cũng có thể trình bày ý kiến cá nhân để bày tỏ sự tán thành hay phản bác. Như vậy, người nghe đồng thời cũng là người nói, theo từng lượt.

– GV lắng nghe cuộc thảo luận và hướng dẫn HS chốt lại ý kiến của mình. GV cũng có thể chốt bằng cách đưa ra quan điểm cá nhân nếu thấy cuộc thảo luận có nhiều ý kiến bất đồng.

CỦNG CỐ, MỞ RỘNG

Đây là phần tự học của HS. GV giao nhiệm vụ và hướng dẫn HS thực hiện những yêu cầu của phần *Củng cố, mở rộng* và *Thực hành đọc*. GV tự lựa chọn hình thức kiểm tra cho phù hợp.

GV cũng có thể nhấn mạnh thêm trọng tâm của phần này. Chẳng hạn, câu hỏi 1 và 2 trong phần *Củng cố, mở rộng* sẽ giúp HS hệ thống hoá tri thức về thể loại truyện khoa học viễn tưởng; câu hỏi 3 và 4 khích lệ HS phát huy năng lực tưởng tượng, phỏng đoán sự việc dựa trên cơ sở hiện thực và tự tin vào bản thân mình để có ý chí biến khát vọng thành hiện thực.

Phần *Thực hành đọc* yêu cầu HS vận dụng những tri thức về thể loại truyện khoa học viễn tưởng để đọc hiểu VB. Các lưu ý trong khung ở SHS, trang 50 sẽ giúp các em nhận diện đặc điểm của VB nói riêng (*Chiếc đũa thần*), đồng thời củng cố kiến thức về thể loại nói chung.

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

ĐỌC MỞ RỘNG[1]

1. Phân tích yêu cầu cần đạt

HS chia sẻ với các bạn và thầy cô kết quả tự đọc các VB có đặc điểm thể loại và nội dung gần gũi với những VB đọc chính trong bài 6. *Bài học cuộc sống* và bài 7. *Thế giới viễn tưởng*. Qua đó, HS thể hiện khả năng vận dụng kiến thức và kĩ năng đã học để tự đọc những VB mới là tục ngữ, truyện ngụ ngôn, truyện khoa học viễn tưởng.

2. Chuẩn bị

Cuối tiết Đọc mở rộng trước và trong khi HS học bài 6. *Bài học cuộc sống* và bài 7. *Thế giới viễn tưởng*, GV đã giao nhiệm vụ và gợi ý cho HS tìm đọc tục ngữ và những VB thuộc thể loại truyện ngụ ngôn, truyện khoa học viễn tưởng. HS cần đọc những VB này ngoài giờ lên lớp. Nếu HS gặp khó khăn khi tìm kiếm VB đọc, GV có thể mở rộng một cách linh hoạt chủ đề của VB tự đọc, không bó hẹp ở các chủ đề của bài học, nhưng cần chú ý VB đọc phải là tục ngữ, truyện ngụ ngôn, truyện khoa học viễn tưởng.

3. Gợi ý tổ chức hoạt động dạy học

Hoạt động 1 GV hướng dẫn HS làm việc nhóm, trao đổi về kết quả đọc các VB tục ngữ, truyện ngụ ngôn, truyện khoa học viễn tưởng; tìm hiểu và khám phá những điểm tương đồng và khác biệt so với những VB mà các em đã học. GV yêu cầu HS trao đổi với nhau về những gì ấn tượng nhất với các em khi đọc những câu tục ngữ, truyện ngụ ngôn, truyện khoa học viễn tưởng đó, tập trung vào nội dung và một số yếu tố hình thức của tục ngữ như số lượng câu, chữ, vần,...; những yếu tố cơ bản của truyện kể, từ chủ đề đến cốt truyện, nhân vật, tình huống.

Một số câu hỏi gợi ý để HS trao đổi:

– Về tục ngữ: *Em có thêm được hiểu biết, kinh nghiệm gì từ những câu tục ngữ đã đọc? Vì sao em cho rằng những câu đó là tục ngữ?*

– Về truyện ngụ ngôn: *Chủ đề và bài học được rút ra từ truyện ngụ ngôn đã đọc là gì? Dựa vào đâu để xác định VB em vừa đọc là một truyện ngụ ngôn? Cốt truyện của truyện ngụ ngôn đó gồm có những sự việc chính nào? Miêu tả ngắn gọn nhân vật và tình huống trong truyện.*

---

[1] Phần *Đọc mở rộng* được phân bổ thời lượng là 4 tiết cho học kì II, cụ thể, sau bài 7: 2 tiết, sau bài 9: 2 tiết. Tuy vậy, GV có thể điều chỉnh thời gian cho đọc mở rộng tuỳ theo điều kiện thực tế. Các thầy cô có thể tăng, giảm số tiết và tổ chức trao đổi kết quả đọc mở rộng sau mỗi bài thay vì gộp sau bài 7 và bài 9.

– Về truyện khoa học viễn tưởng: *Đặc điểm nổi bật nào của VB cho thấy đó là một truyện khoa học viễn tưởng? Có tình huống nào được coi là li kì, gay cấn? Truyện có hấp dẫn không? Vì sao?*

Hoạt động 2 Một số HS chia sẻ trước lớp những ý kiến thú vị đã trao đổi trong nhóm. Các HS khác nhận xét. Một số HS có thể đọc, kể cho các bạn và thầy cô nghe một vài câu tục ngữ, một truyện ngụ ngôn hoặc một truyện khoa học viễn tưởng mà mình thích.

Hoạt động 3 GV nhận xét chung và khen ngợi những HS đã thể hiện tốt kết quả tự đọc sách thông qua trao đổi trong nhóm hoặc trước lớp. GV khuyến khích HS trao đổi sách cho nhau để mở rộng nguồn tài liệu đọc. GV có thể giới thiệu về loại VB và chủ đề của bài 8. *Trải nghiệm để trưởng thành* và bài 9. *Hoà điệu với tự nhiên* và gợi ý cho HS hướng tìm VB tự đọc để chuẩn bị cho tiết đọc mở rộng tiếp theo. Chú ý nhắc HS: Bài 8 và bài 9 tập trung vào VB nghị luận và VB thông tin. Các em cần có cách đọc khác so với cách đọc VB văn học trong những bài trước.

Ngoài ra, GV có thể yêu cầu HS và bản thân GV cũng nên chủ động tìm thêm (vì có thể HS không tự tìm được) một số VB nghị luận phân tích tác phẩm văn học để các em đọc mở rộng. Tuy vậy, hoạt động đọc mở rộng sau bài 9 vẫn cần tập trung vào những VB nghị luận có đặc điểm loại VB và chủ đề gần gũi với các VB sẽ học ở bài 8 và bài 9.

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

Bài 8. TRẢI NGHIỆM ĐỂ TRƯỞNG THÀNH (12 tiết)

(Đọc và Thực hành tiếng Việt: 8 tiết; Viết: 3 tiết; Nói và nghe: 1 tiết)

I YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhận biết được đặc điểm của VB nghị luận về một vấn đề đời sống thể hiện qua ý kiến, lí lẽ, bằng chứng và mối liên hệ giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong VB.
- Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu hơn VB.
- Hiểu được các biện pháp và từ ngữ liên kết thường dùng trong VB; nhận biết và hiểu được đặc điểm, chức năng của thuật ngữ.
- Bước đầu biết viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống.
- Trình bày được ý kiến về một vấn đề đời sống; biết bảo vệ ý kiến của mình trước sự phản bác của người nghe.
- Có trách nhiệm với bản thân và với cộng đồng.

II CHUẨN BỊ

1. Tri thức ngữ văn cho GV

Đặc điểm của VB nghị luận về một vấn đề đời sống

Nội dung này trong Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn năm 2018 yêu cầu phân biệt phạm vi, ranh giới của các nội dung được đề cập trong VB nghị luận. Nghĩa là, cần phân biệt nghị luận về một vấn đề đời sống với nghị luận về vấn đề thuộc các lĩnh vực khác như văn học, nghệ thuật.

Thực tế, bất cứ vấn đề gì tồn tại trong xã hội con người đều có thể được lí giải, phân tích, bàn luận trong bài nghị luận. Đề tài của VB nghị luận, do vậy, rất phong phú, đa dạng. Đặc điểm này của nội dung nghị luận sẽ đặt ra một số yêu cầu về thao tác nghị luận cũng như hình thức của VB. Tất yếu sẽ dẫn đến một điều: cách đọc, cách tạo lập VB nghị luận về vấn đề đời sống có những nét khác biệt so với cách đọc, cách tạo lập VB nghị luận văn học. Sự khác biệt đó thể hiện ở một số phương diện sau đây:

– Thứ nhất, giá trị của VB nghị luận về một vấn đề đời sống trước hết ở tầm quan trọng, sự thiết yếu của vấn đề đối với cá nhân cũng như cộng đồng. Nghĩa là vấn đề phải thu hút sự quan tâm của mọi người bởi tính phổ quát của nó. Nếu vấn đề được bàn trong VB mà xa lạ, viển vông hoặc phạm vi quá hẹp, không thực sự thiết yếu với cuộc sống, thì người đọc sẽ không có hứng thú tìm hiểu.

– Thứ hai, lí lẽ được đưa ra trong VB nghị luận về một vấn đề đời sống phải thuộc về chân lí được thừa nhận rộng rãi. Dù VB là kết quả của sự suy nghĩ, khả năng hiểu biết, trình độ lập luận của một cá nhân, nhưng muốn thuyết phục người đọc, lí lẽ phải gần gũi với những quy luật chung của đời sống.

– Thứ ba, bằng chứng được sử dụng trong VB nghị luận về vấn đề đời sống chủ yếu phải là con người, sự kiện, sự việc có thực trong cuộc đời. Nếu lấy bằng chứng từ sách báo hoặc các nguồn thông tin khác thì những tài liệu đó phải cập nhật, đáng tin cậy bởi phản ánh đúng thực tế đời sống. Không dùng bằng chứng trong những VB văn học hư cấu.

– Thứ tư, VB nghị luận thường có chung yêu cầu về cách sử dụng ngôn ngữ để diễn đạt. Tuy nhiên, trong VB nghị luận về một vấn đề đời sống, người ta có thể dùng yếu tố tự sự (câu chuyện), dùng yếu tố biểu cảm hoặc thông tin, nhằm tăng độ hấp dẫn và sức thuyết phục cho VB.

Mối liên hệ giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong VB nghị luận

Một bài văn nghị luận thực chất là ý kiến của người viết được trình bày. Ý kiến đó phản ánh quan điểm, tầm nhận thức, vốn hiểu biết, sự tán thành hay phản đối của người viết về vấn đề. Bài văn nghị luận có giá trị thường chứa đựng những ý kiến mới mẻ, sâu sắc, toàn diện, giúp người đọc có được thái độ đúng trước vấn đề. Những ý kiến có vẻ độc đáo, khác lạ, không giống với ý kiến của số đông, thường thuộc về một trong hai khả năng. Hoặc đó là ý kiến mới mẻ, có tính phát hiện, rất đáng trân trọng, tiếp thu; hoặc đó là ý kiến "khác đời" dị biệt, đi ngược lại với lẽ phải, chân lí đời sống, rất cần thể hiện thái độ phản bác.

Ý kiến muốn trở nên rõ ràng, cụ thể, người viết phải dùng *lí lẽ*. Có nghĩa, những lí lẽ được người viết đưa ra là để diễn giải ý kiến của mình một cách tường minh. Đối diện với một vấn đề, phải tự hỏi bản chất của nó là gì, có ý nghĩa thế nào đối với đời sống. Tán thành hay phản đối một vấn đề, luôn cần nói rõ lí do. Đó đều là những câu hỏi buộc phải trả lời một cách có cơ sở, nghĩa là phải đầy đủ lí lẽ và bằng chứng. Như vậy, *bằng chứng* xuất hiện trong lập luận là đòi hỏi tất yếu. Diễn giải một vấn đề gì, dù lí lẽ sắc bén đến đâu, nhưng nếu không tìm được sự hậu thuẫn của bằng chứng lấy từ thực tế đời sống thì chưa thể đủ độ tin cậy, thuyết phục, chưa thể tác động sâu sắc đến người đọc được.

Từ đó có thể thấy, ý kiến, lí lẽ và bằng chứng có mối quan hệ hết sức mật thiết trong VB nghị luận. Tạo ra mối quan hệ giữa ba yếu tố này một cách chặt chẽ là biểu hiện của trình độ và nghệ thuật lập luận – điều đảm bảo cho VB nghị luận có được sức thuyết phục cao.

Biện pháp liên kết và từ ngữ liên kết

Mỗi VB nghị luận phải là một chỉnh thể thống nhất, được tạo nên bằng các đơn vị, các bộ phận với những tầng bậc khác nhau. Ở phương diện ngôn ngữ, đơn vị nhỏ nhất của VB là câu. Có câu mới tổ chức được đoạn. Có các đoạn mới hợp thành VB. Tuy nhiên, đó mới chỉ là nhìn bề ngoài. Thực chất bên trong, ở từng tầng bậc cũng như toàn bộ VB, các đơn vị phải có mối liên hệ tinh vi và sự sắp xếp trật tự, lô-gíc. Các câu trong đoạn cũng như các đoạn của VB phải thống nhất về chủ đề, nội dung và người viết cần chú ý sử dụng các quan hệ từ, đại từ, biện pháp lặp từ ngữ để đảm bảo sự liên kết. SHS đề cập đến hai vấn đề: *biện pháp liên kết* và các *từ ngữ liên kết* gắn với biện pháp đó. Phép nối sử dụng từ ngữ nối;

phép thế sử dụng đại từ, từ ngữ đồng nghĩa; phép lặp sử dụng cách lặp từ ngữ ở các câu liền kề nhau. GV cần chuẩn bị thêm dẫn chứng về các từ ngữ liên kết để làm rõ thêm các biện pháp liên kết tương ứng ngoài những ví dụ SHS đã nêu.

Thuật ngữ

Trong quá trình học tập, HS đã tiếp xúc với nhiều thuật ngữ ở các môn học khác nhau. Tuy nhiên, đây là lần đầu tiên các em được nắm bắt một cách bài bản những nội dung lí thuyết cốt lõi về thuật ngữ, được luyện tập ở mức tương đối đơn giản về cách nhận diện, giải thích nghĩa và sử dụng thuật ngữ.

Về cấu tạo, thuật ngữ có thể là một từ hoặc một cụm từ. Về chức năng và phạm vi sử dụng, thuật ngữ được sử dụng trong các ngành khoa học hoặc các lĩnh vực chuyên môn. Về mối quan hệ giữa thuật ngữ và từ ngữ thông thường: có những đơn vị khi thì được dùng với tư cách là thuật ngữ, khi thì được dùng như từ ngữ thông thường. Muốn phân biệt chính xác, cần dựa vào câu và loại VB. Các khía cạnh trên đây về thuật ngữ đã được làm sáng tỏ bằng những ví dụ cụ thể.

Trên đây là những tri thức ngữ văn thiết yếu GV cần nắm vững để dạy học tốt về VB nghị luận và thực hành tiếng Việt ở bài 8 của SHS. Ngoài ra, GV còn cần thu thập thêm ngữ liệu. Ngữ liệu có thể là VB hoặc những đoạn văn nghị luận tiêu biểu bàn về những vấn đề đời sống, có liên quan đến chủ đề bài học; các câu, đoạn có sử dụng từ ngữ liên kết, thuật ngữ (ở các ngành khoa học khác nhau, gần với trình độ của HS). Sau khi thu thập, phải sắp xếp các bài/ đoạn theo từng vấn đề trên cho tiện sử dụng trong dạy học, xây dựng bài tập thực hành hoặc ra đề kiểm tra, đánh giá.

❒ Tài liệu tham khảo

Để thu thập tư liệu và tự trang bị, củng cố tri thức liên quan, GV có thể tham khảo thêm một số tài liệu:

1. Đa-ni-en Gốt-li-ép, *Thông điệp cuộc sống* (*Letters To Sam*), Minh Trâm – Hoa Phượng – Ngọc Hân *dịch*, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2012.
2. Đoàn Công Lê Huy, *Gửi em, mây trắng*, NXB Kim Đồng, Hà Nội, 2016.
3. Ma-ri-a Sờ-rai-vơ (Maria Shriver), *Sống một cuộc đời đáng sống*, NXB Trẻ, TP. Hồ Chí Minh, 2019.
4. Phan Huy Dũng (Chủ biên) – Đặng Lưu – Hoàng Thị Mai, *Để làm tốt bài thi môn Ngữ văn kì thi trung học phổ thông quốc gia, phần nghị luận xã hội*, NXB Giáo dục Việt Nam, 2016.
5. Trần Ngọc Thêm, *Hệ thống liên kết văn bản tiếng Việt*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1999.

2. Phương tiện dạy học

Ngoài bài soạn, phiếu học tập, GV sử dụng máy chiếu để trình chiếu khi dạy học phần *Đọc* và phần *Viết*.

III TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

GIỚI THIỆU BÀI HỌC VÀ TRI THỨC NGỮ VĂN

Hoạt động 1 Tìm hiểu *Giới thiệu bài học*

Phần *Giới thiệu bài học* có hai ý:

– Ý thứ nhất hướng HS vào chủ đề bài học. *Trải nghiệm để trưởng thành* – tên bài học hàm chứa hai vế: *trải nghiệm* và *trưởng thành*. Ở lớp 6, các em đã thực hiện hai bài viết về trải nghiệm, đồng thời nội dung các VB đọc cũng đề cập nhiều đến trải nghiệm của các nhân vật. GV nên đặt lại câu hỏi:

+ Em hiểu thế nào là trải nghiệm?

+ Trải nghiệm của em thường gắn với những sự kiện diễn ra ở môi trường nào?

Qua việc HS trả lời những câu hỏi này, GV khắc sâu thêm: Trong cuộc đời, không ai là không có những trải nghiệm. Trải nghiệm thường gắn với những sự việc vui hay buồn; trong gia đình, ở trường học hay ngoài xã hội. Với trải nghiệm, dĩ nhiên con người sẽ có những cảm xúc, suy nghĩ khác nhau, nhưng có một hướng tích cực chúng ta cần ý thức: Trải nghiệm có thể giúp con người trở nên khôn ngoan, chín chắn, dày dạn, cứng cáp hơn. Nghĩa là con người có khả năng trưởng thành lên qua những trải nghiệm.

– Ý thứ 2 định hướng để HS biết rằng: Trong bài học này, các em sẽ được tiếp xúc với một số VB nghị luận thể hiện suy nghĩ của người viết về một trải nghiệm, hoặc bàn về một vấn đề trong cuộc sống hiện nay. VB là một bài thơ, vừa để HS hiểu thêm chủ đề của bài học, vừa cho thấy sự khác nhau giữa VB nghị luận và VB văn học. Ở phần thực hành đọc, HS được tự đọc và tìm hiểu thêm một VB nghị luận có nội dung liên quan đến chủ đề bài học. Những tri thức được hình thành và củng cố qua đọc VB giúp HS nắm được yêu cầu và cách thức viết VB nghị luận về một vấn đề đời sống.

Hoạt động 2 Khám phá *Tri thức ngữ văn*

GV chỉ dẫn cho HS đọc mục *Tri thức ngữ văn* trong SHS. GV cho vài HS nhắc lại một số khái niệm cơ bản đã học ở bài 8. *Khác biệt và gần gũi*, sách *Ngữ văn 6*, tập hai như: *ý kiến, lí lẽ, bằng chứng*. Từ đó, nêu câu hỏi: Yêu cầu về tri thức ngữ văn ở bài *Trải nghiệm để trưởng thành* có gì mới? Mục đích là để HS nhận ra: Bài học này không đặt yêu cầu lí giải ba khái niệm cơ bản đó của VB nghị luận, mà nâng lên một bước: *xác định mối quan hệ giữa chúng*. Bằng sự chuẩn bị của mình (như mục *Tri thức ngữ văn cho GV* đã đề cập ở trên), GV có thể kết hợp đàm thoại và diễn giảng để làm bật nổi bản chất của vấn đề. Với tri thức tiếng Việt (*Biện pháp liên kết và từ ngữ liên kết*), GV cũng nên áp dụng phương pháp dạy học đó.

Lưu ý: GV chỉ nên dành khoảng 20 phút cho HS khám phá tri thức ngữ văn, không biến phần này thành một tiết dạy lí thuyết nặng nề. Những kiến thức mới hình thành ở HS sẽ được kiến tạo thêm và củng cố qua các tiết đọc, thực hành tiếng Việt, qua hướng dẫn viết, hướng dẫn nói và nghe.

ĐỌC VĂN BẢN VÀ THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

VĂN BẢN 1. BẢN ĐỒ DẪN ĐƯỜNG

(Đa-ni-en Gốt-li-ép)

1. Phân tích yêu cầu cần đạt

– HS cần theo dõi cách diễn giải của tác giả về ý nghĩa của hình ảnh "bản đồ dẫn đường" để nhận thức được rằng: *Trong cuộc sống, mỗi người tự lựa chọn con đường của mình nhằm đạt mục đích đã xác định.*

– HS hiểu được đặc điểm của một VB nghị luận, các ý kiến, lí lẽ và bằng chứng trong bài. Không chỉ nhận biết được từng yếu tố riêng lẻ, mà quan trọng hơn, phải thấy mối quan hệ giữa chúng. Qua đọc VB, HS cũng nắm được cách tổ chức một VB nghị luận (giới thiệu vấn đề, triển khai vấn đề, sắp xếp các ý, phối hợp bằng chứng với lí lẽ, sử dụng những đoạn kể chuyện cho mục đích nghị luận,…).

2. Gợi ý tổ chức hoạt động dạy học

Hoạt động 1 Khởi động

– Từ khoá của VB này là *tấm bản đồ*. Muốn hiểu được hàm ý của hình ảnh tấm bản đồ, phải nắm được nghĩa gốc và tác dụng thực tế của nó. Câu hỏi thứ nhất: *Vì sao khách du lịch thường chuẩn bị một tấm bản đồ trước khi đến một miền đất lạ?* là một cách gợi dẫn. GV có thể chuẩn bị một tấm bản đồ (của một thành phố chẳng hạn) cho HS quan sát và hiểu được vai trò của nó đối với du khách lần đầu tiên đến thành phố. Sau những ý kiến của HS, ý nghĩa quan trọng được rút ra: Khi lần đầu tiên có mặt ở một miền đất lạ, tấm bản đồ có tác dụng chỉ đường, giúp ta đến được nơi cần đến. Liên hệ thêm: Hiện nay, nhờ ứng dụng công nghệ, chúng ta có thể tìm đường đi trên Google map – một ứng dụng tìm địa chỉ trên điện thoại thông minh.

– Câu hỏi thứ hai: *Đến với tương lai, mỗi người phải tự tìm cho mình một "con đường" hay đã có "con đường" do ai đó vạch sẵn?* khá trừu tượng, vì con đường được nói đến ở đây không còn mang nghĩa gốc, mà là nghĩa bóng, nghĩa chuyển. GV có thể cho các nhóm HS thảo luận và cử đại diện trình bày. GV nhận xét, bổ sung theo định hướng kết nối với nội dung của VB.

Hoạt động trên đây nhằm giúp HS huy động trải nghiệm, vốn hiểu biết của mình, chuẩn bị tâm thế tích cực và hứng thú để đọc VB một cách hiệu quả.

Hoạt động 2 Đọc văn bản

– Việc đọc VB ở lớp phải được tiến hành, mặc dù GV đã yêu cầu HS đọc trước và chuẩn bị bài ở nhà. VB *Bản đồ dẫn đường* gồm khá nhiều đoạn, mỗi lượt đọc ít nhất cần 2 HS thể hiện, mỗi em đọc một phần. VB nghị luận này được viết dưới hình thức bức thư ông gửi cháu, GV cần hướng dẫn HS chọn giọng đọc phù hợp với tính chất tự sự, biểu cảm hay nghị luận của từng đoạn.

– GV yêu cầu HS chú ý chiến lược đọc và những gợi dẫn thể hiện ở các thẻ được đặt bên phải VB. Trong quá trình đọc, các thẻ tập trung vào hoạt động *theo dõi* – mức độ tương đối đơn giản của nhận thức. HS có thể vừa đọc vừa tự trả lời các câu hỏi, vì thông tin cần thiết hầu như đã hiển thị đầy đủ. Chẳng hạn, *Vai trò của "tấm bản đồ" đối với đường đời của con người* ngỡ là một câu đòi hỏi phân tích, suy luận, nhưng thực chất vẫn yêu cầu theo dõi, bởi nếu HS chú ý thì sẽ nhận ra ngay đáp án rõ ràng ở hai câu bên cạnh: *Chính tấm bản đồ này quyết định cách nhìn của chúng ta đối với cuộc sống, với mọi người và với chính bản thân mình. Nó cũng mang ý nghĩa quyết định đối với những thành bại của chúng ta trong cuộc sống.*

– VB *Bản đồ dẫn đường* dù được dịch từ tiếng nước ngoài, nhưng chỉ có vài từ cần chú thích. GV hướng dẫn HS chú ý để hiểu nghĩa của những từ đó.

Hoạt động 3 Khám phá văn bản

Phần *Sau khi đọc* ở VB *Bản đồ dẫn đường* có 6 câu hỏi, nhằm đáp ứng việc rèn luyện nhận thức của HS ở những mức độ khác nhau. Câu 1, 2 ở mức *nhận biết*; câu 3, 4, 5 yêu cầu *phân tích, suy luận*; câu 6 đòi hỏi *đánh giá, vận dụng*. Các câu hỏi được sắp xếp theo hướng tăng dần mức năng lực. Sau đây là gợi ý về cách dạy học và hướng giải quyết đối với các câu hỏi đó.

Câu hỏi 1

Với VB nghị luận, mở đầu bao giờ cũng phải giới thiệu được vấn đề cần bàn. Câu hỏi này yêu cầu HS nhận biết tác dụng của việc mở đầu bằng cách kể lại một câu chuyện có tính chất ngụ ngôn. GV có thể đặt thêm một số câu hỏi phụ để HS suy nghĩ: *Câu chuyện được kể có lí thú không? Câu chuyện hàm chứa ý nghĩa gì? Tính chất ngụ ngôn của câu chuyện có phù hợp với vấn đề nghị luận không?* Dựa vào những câu trả lời của HS, GV gợi ý thêm để các em hiểu rằng: Từ câu chuyện có tính chất ngụ ngôn, bao giờ người ta cũng rút ra được một bài học, một kinh nghiệm nào đó. Ở đây, bài học được rút ra đã được kết nối khéo léo với vấn đề nghị luận. Cách giới thiệu vấn đề như vậy khiến người đọc chú ý hơn.

Câu hỏi 2

Câu hỏi này tuy ở mức nhận biết, nhưng để biết một cách chắc chắn và hiểu đúng mục đích kể chuyện của người viết, HS phải nắm được các khía cạnh trong câu chuyện. Phải theo dõi để thấy *Hành động tìm chìa khoá của người đàn ông kì khôi như thế nào?* (Chìa khoá vốn để cạnh cửa ra vào mà lại tìm ở ngoài đường.) *Sự kì khôi thể hiện như thế nào trong lập luận của ông ta?* (Ra chỗ sáng sẽ nhìn rõ hơn, mặc dù chỗ sáng chẳng liên quan gì đến chiếc chìa khoá.)

Chi tiết này của câu chuyện có ý nghĩa rất sâu sắc. Nếu cái "bản đồ" (tức là quan niệm, cách thức hành động mà người ta vạch ra trong đầu) không phù hợp với thực tế đời sống thì sẽ thất bại. Tình huống đời sống vốn vô cùng phong phú, nên mỗi người cần có cách suy nghĩ, phán đoán, đánh giá và đưa ra "bản đồ" sao cho phù hợp nhất. *Mối liên hệ giữa câu chuyện và vấn đề đưa ra để bàn bạc là ở đâu?* (Chính là câu trong VB: "*Sam, ông chợt nhớ lại câu chuyện ngụ ngôn này khi nghĩ tới những tấm bản đồ dẫn đường cho chúng ta. Rất nhiều khi chúng ta tìm kiếm câu trả lời nơi sáng sủa, trong khi cái chúng ta cần là phải bước vào bóng tối.*".)

Nắm được nội dung cần giải quyết, GV có thể sử dụng phương pháp đàm thoại, nêu câu hỏi cho HS trả lời, sau đó nhận xét, góp ý, hướng các em đến cách hiểu đúng.

Câu hỏi 3

Trước hết, GV yêu cầu HS tìm trong VB những câu văn nói rõ hai khía cạnh của hình ảnh ẩn dụ "tấm bản đồ". Từ đó, nắm được những lí lẽ và bằng chứng gắn với từng khía cạnh mà tác giả sử dụng để thuyết phục người đọc.

Với câu hỏi yêu cầu khả năng phân tích, suy luận như thế, GV cần dùng phiếu học tập. Có thể thiết kế phiếu theo mẫu sau:

Tấm bản đồ	**Cách nhìn về cuộc đời, con người**	• Lí lẽ: ..... • Bằng chứng: .....
	Cách nhìn nhận về bản thân	• Lí lẽ: ..... • Bằng chứng: .....

GV cho HS trao đổi, thảo luận trên cơ sở các phiếu học tập đã hoàn thành. Sau đó, GV có thể dùng máy chiếu trình chiếu một phiếu đã được chuẩn bị, các em so sánh để tự đánh giá kết quả tìm thông tin của mình.

Gợi ý:

– Tấm bản đồ là cách nhìn về cuộc đời, con người:

+ Lí lẽ: Cách nhìn nhận về cuộc đời và con người tất yếu sẽ hình thành ở mỗi chúng ta, được truyền từ bố mẹ, được điều chỉnh theo hoàn cảnh sống, theo tôn giáo hay kinh nghiệm bản thân. Nếu có hai cách nhìn cuộc đời và con người không giống nhau (một cách nhìn tin tưởng, lạc quan; một cách nhìn thiếu tin tưởng, bi quan) tất yếu sẽ dẫn đến hai sự lựa chọn khác nhau về đường đời.

+ Bằng chứng: Câu chuyện về sự khác nhau trong cách nhìn đời của mẹ "ông" và của bản thân "ông" dẫn đến hai quan điểm sống khác nhau.

–Tấm bản đồ là cách nhìn nhận về bản thân:

+ Lí lẽ: Đoạn văn đặt ra hàng loạt câu hỏi để triển khai ý "nhìn nhận về bản thân": *Tôi có phải là người đáng yêu? Tôi có giàu có, có thông minh? Tôi có quá yếu đuối và dễ dàng bị người khác làm cho tổn thương? Khi gặp khó khăn, tôi sẽ gục ngã, hay chiến đấu một cách ngoan cường?* Người viết lí giải: *Từng câu trả lời cho những câu hỏi trên sẽ là từng nét vẽ tạo nên hình dáng tấm bản đồ mà chúng ta mang theo trong tâm trí mình.*

+ Bằng chứng: Câu chuyện về chính cuộc đời ông. Sau vụ tai nạn, ông đã có thay đổi đáng kể để từ đó hiểu mình là ai, ý nghĩa cuộc sống là gì.

Câu hỏi 4

Đáp án cho câu hỏi này nằm ở câu chuyện mà tác giả kể ngay ở trên. GV hướng dẫn HS đọc, tìm hiểu. Điều quan trọng là phân tích và suy luận để rút ra bài học từ lời tâm sự của "ông". GV để cho HS tự do phát biểu ý kiến, thảo luận, trao đổi để rút ra kết luận.

Gợi ý: Qua lời kể, "ông" tiết lộ rằng, từ nhỏ, cái nhìn về cuộc đời và con người của "ông" hoàn toàn trái ngược với cách nhìn của mẹ "ông" (và cả bố "ông" nữa). "Ông" thì yêu mến và tin tưởng mọi người xung quanh, thấy cuộc đời là chốn an toàn; ngược lại, mẹ "ông" thấy cuộc đời là nơi đầy hiểm nguy, cần luôn đề phòng, cảnh giác. Chính điều đó đã làm cho "ông" mất tự tin với quan điểm của mình, và trở nên vô cùng khó khăn trong việc xác định tấm bản đồ riêng cho bản thân.

Kể lại kinh nghiệm không vui của cuộc đời mình, dường như "ông" muốn "cháu" hiểu rằng: Mình có thể nhận được từ người thân những tình cảm cao quý, sự quan tâm, nhưng tấm bản đồ của riêng mình thì không nên lệ thuộc. Sự tự nhận thức về cuộc đời, quan điểm, tình cảm của mình đối với người khác và đối với bản thân – đó mới là yếu tố quyết định.

Câu hỏi 5

Đây cũng là câu hỏi mở, việc tán thành hay phản đối với từng ý kiến hoàn toàn tuỳ thuộc vào nhận thức, lựa chọn của HS. Vấn đề quan trọng là cách lập luận để chứng tỏ sự tán thành hay phản đối là có cơ sở. Mỗi ý kiến đưa ra đều phải kèm theo lí lẽ sắc bén và bằng chứng xác thực.

Với câu hỏi này, GV nên cho HS hoạt động nhóm, các nhóm cử đại diện trình bày kết quả, cả lớp thảo luận. Để hoạt động nhóm của HS có chất lượng, cần định hướng cho các em suy nghĩ theo những gợi ý: *Có phải cuộc sống chỉ toàn lo âu, đau khổ? Có phải cuộc sống thực sự là một món quà quý? Hai cách nhìn đó khác nhau như thế nào? Có loại trừ nhau không? Điều gì dẫn đến sự khác biệt ở hai cách nhìn cuộc sống như vậy? Liệu có thể có một cách nhìn trung gian giữa hai cách nhìn kia?*

Mặc dù tôn trọng chủ kiến của các nhóm HS và ưu tiên đánh giá khả năng lập luận của các em, nhưng GV cần phân tích để HS nhận ra bản chất của vấn đề, tránh định kiến, cực đoan. Phải có một quan niệm khách quan, toàn diện về cuộc sống, không thổi phồng bất cứ biểu hiện nào cũng như không bất chấp những sự thật hiển nhiên. Với thái độ đó, có thể khẳng định: Cuộc sống dù không hiếm những buồn khổ, lo âu, nhưng cũng vô cùng đáng quý. Hai mặt này không loại trừ nhau.

Câu hỏi 6

GV yêu cầu mỗi HS tự rút ra bài học cho bản thân trên cơ sở suy nghĩ về lời khuyên "ông" dành cho "cháu" trong VB, và phát biểu để các bạn nhận xét, thảo luận. Để HS nêu được bài học đúng đắn và thiết thực, GV cần gợi ý cho các em suy nghĩ thêm: *Trong lời khuyên, "ông" muốn "cháu" phải làm những điều gì? Những việc làm đó có ý nghĩa như thế nào? Chúng ta có cần phải thực hiện những điều "ông" muốn Sam làm không? Vì sao?*

Từ kết quả trả lời và thảo luận của HS, GV định hướng để đi đến thống nhất về nội dung.

– Trong lời khuyên, "ông" muốn "cháu" thực hiện hai điều: thứ nhất, phải tìm kiếm bản đồ cho chính mình; thứ hai, tấm bản đồ đó "cháu" phải tự vẽ bằng chính kinh nghiệm của mình.

– Việc làm của "cháu" sẽ giúp "cháu" biết tự chủ, tự chịu trách nhiệm về chính cuộc đời mình.

– Không chỉ Sam, mà các bạn trẻ đều cần tìm kiếm cho mình tấm bản đồ, bởi vì, trên đời, mỗi người có một hành trình riêng. Trong quá trình trưởng thành, bài học chỉ được rút ra từ trải nghiệm của bản thân, kể cả thành công và thất bại, không thể bắt chước, vay mượn kinh nghiệm sống của bất kì ai khác.

Hoạt động 4 Viết kết nối với đọc

GV hướng dẫn HS vận dụng những hiểu biết thu nhận được từ việc đọc VB để thực hiện viết đoạn văn trong khoảng 10 – 12 phút. Đoạn văn cần đáp ứng các yêu cầu:

– Về nội dung: Làm rõ được trên hành trình đến với tương lai, mỗi người cần có riêng cho mình một "tấm bản đồ"; "tấm bản đồ" giúp con người chủ động, tự tin vào hướng đi mình lựa chọn; nó có thể giúp con người vượt qua những khó khăn thử thách trên từng bước đường đời...

– Về hình thức: Số câu cần đúng với quy định, đoạn văn không ngắn quá hoặc dài quá, có phần Mở đoạn, Thân đoạn và Kết đoạn rõ ràng. Các câu trong đoạn phải đúng ngữ pháp, tập trung vào chủ đề, liên kết với nhau bằng các phương tiện phù hợp. Hạn chế các lỗi về chính tả, diễn đạt.

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

MẠCH LẠC VÀ LIÊN KẾT (BIỆN PHÁP LIÊN KẾT VÀ TỪ NGỮ LIÊN KẾT)

1. Phân tích yêu cầu cần đạt

– HS củng cố hai khái niệm *liên kết* và *mạch lạc*, mối quan hệ giữa liên kết và mạch lạc, các biện pháp và phương tiện liên kết thông dụng, liên kết các câu trong đoạn và liên kết các đoạn trong VB, chức năng của liên kết và mạch lạc trong VB.

– HS nhận diện các phương tiện liên kết thường sử dụng trong VB, phân tích được chức năng của liên kết qua những ngữ liệu cụ thể, vận dụng tri thức về liên kết vào việc viết đoạn văn hoặc tạo lập VB.

2. Gợi ý tổ chức hoạt động dạy học

Hoạt động 1 Hình thành kiến thức mới

Liên kết và mạch lạc là hai khái niệm đã được giới thiệu ở bài 7. *Thế giới viễn tưởng*. Tuy nhiên, đến bài này, HS mới được làm quen với biện pháp và phương tiện liên kết. Những kiến thức mới cần hình thành ở HS gồm có:

– *Phép nối* sử dụng từ ngữ nối (ví dụ từ *nhưng* ở ví dụ trong SHS, trang 59: *Có lẽ cháu nghĩ rằng tấm bản đồ dẫn đường của ông sau đó đã trở nên rõ ràng hơn, khi ông đã trưởng thành. Nhưng không phải vậy đâu Sam à.* (Đa-ni-en Gốt-li-ép, *Bản đồ dẫn đường*)

– *Phép thế* dùng từ ngữ ở câu sau thay thế cho từ ngữ ở câu trước (ví dụ từ *ông* ở câu sau thay cho cụm từ *chàng thanh niên Lỗ Tấn* ở câu trước, như trường hợp được nêu trong khung *Nhận biết một số biện pháp liên kết và từ ngữ liên kết* trong SHS, trang 60).

– *Phép lặp* được tạo nên bằng cách để câu sau lặp lại một số từ ngữ của câu trước (yêu cầu HS phân tích ví dụ trong SHS, trang 60).

GV cho HS tự đọc, tìm hiểu từng biện pháp liên kết và các từ ngữ liên kết tương ứng. Cần đưa thêm một số ví dụ cho HS nhận biết, qua đó, thấy được mức độ nắm tri thức của các em.

Hoạt động 2 Luyện tập, vận dụng

Phần *Thực hành tiếng Việt* này có một bài tập mang tính chất tổng hợp (chung ngữ liệu, nhưng hướng đến giải quyết cả vấn đề liên kết và mạch lạc). 5 yêu cầu của bài tập khai thác các khía cạnh khác nhau của ngữ liệu, có sự phân định từng vấn đề cụ thể.

1. GV yêu cầu HS tóm lược ý của hai đoạn văn, mỗi đoạn tóm lược trong một câu.

Gọi một số HS lần lượt ghi lên bảng câu văn tóm lược đoạn thứ nhất, HS khác ghi câu văn tóm lược đoạn thứ hai. Cho HS trong lớp nhận xét, góp ý, thảo luận về từng câu tóm tắt. GV tổng hợp các ý kiến, chọn phương án tóm tắt tốt nhất cho từng đoạn (GV diễn đạt lại nếu câu chưa chuẩn).

Gợi ý câu tóm tắt đoạn thứ nhất: *Ông nhớ lại cách nhìn cuộc đời của mẹ ông và bố ông.*

Gợi ý câu tóm tắt đoạn thứ hai: *Ông luôn tin tưởng mọi người, ngược lại, mẹ ông thì luôn hoài nghi.*

Sau khi thống nhất về hai câu tóm tắt cho hai đoạn, GV yêu cầu HS lí giải dựa vào đâu có thể tóm tắt được đoạn văn như thế.

Câu trả lời: Do tất cả các câu trong đoạn văn cùng tập trung thể hiện một chủ đề, giữa các câu có sự liên kết về hình thức.

2. GV hướng dẫn HS căn cứ vào những phương tiện liên kết đã giới thiệu ở khung *Nhận biết* để xác định phương tiện được sử dụng ở các câu trong từng đoạn, nêu ý kiến. GV nhận xét, điều chỉnh, bổ sung.

Gợi ý:

Ở đoạn thứ nhất: Câu (2) gắn với câu (1) bằng lặp từ ngữ (*bản đồ dẫn đường của cháu – tấm bản đồ của ông*); câu (3) gắn với câu (2) bằng lặp từ (*ông*); câu (4) gắn với câu (3) bằng đại từ thay thế (*mẹ ông – bà*) và bằng việc lặp lại từ *ông*; câu (5) gắn với câu (4) bằng từ ngữ thay thế (*quan điểm đó* thay cho một cụm dài nói về quan điểm của bà mẹ) và bằng việc lặp lại từ *ông*.

Ở đoạn thứ hai: Tất cả các câu liền kề nhau đều gắn với nhau bằng cách lặp từ *ông*.

3. Đây là hai đoạn văn liền kề nhau trong VB. Tuy mỗi đoạn có một chủ đề, nhưng giữa chúng có sự liên kết về hình thức và có tính mạch lạc. GV cho HS đọc lại và phát hiện phương tiện liên kết giữa hai đoạn. Phương tiện đó chính là quan hệ từ *nhưng* – chữ đầu tiên nằm ở câu (1) của đoạn thứ hai. Bên cạnh đó, đoạn sau lặp lại từ *quan điểm* ở đoạn trước cũng có tác dụng liên kết.

4. GV cho HS sắp xếp lại trật tự các câu trong từng đoạn. Chẳng hạn:

– Tập hợp thứ nhất: 2, 4, 1, 5, 3, kết quả sẽ là: (2) *Ông sẽ kể cho cháu nghe tấm bản đồ của ông.* (4) *Bà vẫn hay nói với ông rằng để tồn tại, ông phải luôn đề phòng, phải luôn cảnh giác.* (1) *Sam, bản đồ dẫn đường của cháu như thế nào?* (5) *Bố của ông cũng phần nào đồng ý với quan điểm đó.* (3) *Khi ông còn nhỏ, mẹ ông luôn nhìn cuộc đời này như một nơi đầy hiểm nguy.*

– Tập hợp thứ hai: 7, 3, 4, 6, 1, 5, 2, kết quả: (7) *Mỗi khi ông và mẹ trò chuyện về một người nào đó và ông khen ngợi họ dễ thương, tốt bụng, thế nào mẹ ông cũng ngán ngẩm: "Cứ chờ mà xem!".* (3) *Ông cảm thấy yêu mến và tin tưởng tất cả mọi người xung quanh.* (4) *Ông thấy cuộc đời là chốn bình yên và an toàn.* (6) *Chưa bao giờ ông cảm thấy tự tin với quan điểm của mình, bởi gia đình ông luôn cho rằng quan điểm đó là hoàn toàn sai lầm.* (1) *Nhưng quan điểm ấy dường như không phù hợp với ông.* (5) *Kết quả là ông nhận thấy mình khác biệt với chính gia đình mình.* (2) *Những gì ông thấy không giống như lời mẹ ông nói.*

GV có thể dùng máy chiếu để chiếu những tập hợp đã sắp xếp cho HS quan sát, gọi một em đọc to trước lớp tập hợp thứ nhất và rút ra nhận xét. Tương tự, cho một em khác đọc và nhận xét tập hợp thứ hai.

Có thể nhận thấy, ở tập hợp thứ nhất, một số câu liền kề nhau không còn phương tiện liên kết, nhưng quan trọng hơn, giữa chúng không có mối quan hệ về nội dung. Ở tập hợp thứ hai, về hình thức, phương tiện liên kết (lặp từ *ông*) vẫn tồn tại, song giữa các câu không có sự liên hệ về nội dung. Cả hai đều không hề toát ra chủ đề gì, vì thế, đó không phải là hai đoạn văn, mà chỉ là hai tập hợp hỗn độn.

5. Việc hoán đổi được thực hiện ở đơn vị đoạn. Từ sắp xếp vốn có của VB (đoạn thứ hai đứng ngay sau đoạn thứ nhất), đảo lại trật tự của chúng. Kết quả:

Nhưng quan điểm ấy dường như không phù hợp với ông. Những gì ông thấy không giống như lời mẹ ông nói. Ông cảm thấy yêu mến và tin tưởng tất cả mọi người xung quanh. Ông thấy cuộc đời là chốn bình yên và an toàn. Kết quả là ông nhận thấy mình khác biệt với chính gia đình mình. Chưa bao giờ ông cảm thấy tự tin với quan điểm của mình, bởi gia đình ông luôn cho rằng quan điểm đó là hoàn toàn sai lầm. Mỗi khi ông và mẹ trò chuyện về một người nào đó và ông khen ngợi họ dễ thương, tốt bụng, thế nào mẹ ông cũng ngán ngẩm: "Cứ chờ mà xem!".

Sam, bản đồ dẫn đường của cháu như thế nào? Ông sẽ kể cho cháu nghe tấm bản đồ của ông. Khi ông còn nhỏ, mẹ ông luôn nhìn cuộc đời này như một nơi đầy hiểm nguy. Bà vẫn hay nói với ông rằng để tồn tại, ông phải luôn đề phòng, phải luôn cảnh giác. Bố của ông cũng phần nào đồng ý với quan điểm đó.

GV cho HS đọc lên và nhận xét. Điều cần rút ra: Bản thân mỗi đoạn không có gì thay đổi về ý nghĩa, nhưng hai đoạn giờ đây không còn quan hệ lô-gíc. Dấu hiệu lộn xộn thể hiện rõ nhất ở chỗ: Câu chuyện về sự trái ngược trong cách nhìn cuộc đời, con người của mẹ và của ông đã kể xong ở đoạn trên, thì đến đoạn dưới mới nói: *Ông sẽ kể cho cháu nghe…* Nói như vậy không phù hợp với thực tế giao tiếp.

VĂN BẢN 2. HÃY CẦM LẤY VÀ ĐỌC

(Huỳnh Như Phương)

1. Phân tích yêu cầu cần đạt

– HS nắm được chủ đề và quan điểm của người viết thể hiện qua VB nghị luận (nhu cầu và tầm quan trọng của việc đọc sách đối với đời sống con người, cách chọn sách, cách đọc, biện pháp khắc phục sự xuống cấp của văn hoá đọc,...). Tất cả đều được trình bày thành những ý kiến có khả năng định hướng suy nghĩ cho người đọc.

– HS hiểu được cách sử dụng lí lẽ, bằng chứng, nghệ thuật diễn đạt, cách chuyển đoạn và liên kết để hướng tới một chủ đề chung của VB nghị luận.

2. Gợi ý tổ chức hoạt động dạy học

Hoạt động 1 Khởi động

Mục *Trước khi đọc* của SHS nêu 2 câu hỏi: 1. *Nêu một câu danh ngôn nói về sách hoặc về việc đọc sách mà em cho là có ý nghĩa.*; 2. *Em thích đọc loại sách nào? Em đã từng thu nhận được điều gì bổ ích sau khi đọc một cuốn sách?* GV yêu cầu HS đọc lại 2 câu hỏi này, trao đổi, chia sẻ trong nhóm và trước lớp những suy nghĩ, nhận thức của bản thân. Mục đích là để kết nối những trải nghiệm về việc đọc sách của cá nhân với những nội dung được bàn luận trong VB, đồng thời tạo tâm thế thoải mái cho HS trước khi tiến hành các hoạt động của giờ học.

Hoạt động 2 Đọc văn bản

– Áp dụng cách thức đã thực hiện ở VB 1, GV yêu cầu HS đọc to VB trước lớp. VB này chủ yếu dùng phương thức nghị luận, lời văn linh hoạt, sinh động, GV cần hướng dẫn HS chọn giọng đọc phù hợp.

– GV cũng cần nhắc trước để HS biết chú ý các chiến lược đọc được nêu ở các thẻ bên phải VB. Việc chú ý các chiến lược *theo dõi, phân tích, suy luận* sẽ giúp HS nắm được ý chính, đặc điểm và vai trò của từng đoạn văn trong VB.

– Phần đầu của VB có khá nhiều từ ngữ khó. GV yêu cầu HS đọc lên từng câu có từ khó và giải nghĩa ở phần chú thích dưới chân trang. Có những từ, GV nên diễn giải kĩ hơn, chẳng hạn: *sứ mệnh, mặc khải, thông điệp,*... Nếu cần, có thể đưa thêm ví dụ (những câu văn có sử dụng các từ đó) giúp HS hiểu rõ hơn.

Hoạt động 3 Khám phá văn bản

Trong 6 câu hỏi *Sau khi đọc* của VB *Hãy cầm lấy và đọc*, câu 1, 2, 4 thuộc yêu cầu *nhận biết*; câu 3 là câu hỏi *phân tích, suy luận;* câu 5, 6 là những câu hỏi *đánh giá, vận dụng*. Từ yêu cầu và tính chất của từng loại câu hỏi như vậy, GV hướng dẫn HS cách giải quyết phù hợp, thoả đáng.

Câu hỏi 1

Câu hỏi này yêu cầu nhận biết tổng quát về VB. Đây là thao tác quan trọng trước khi đi vào phân tích. GV có thể sử dụng phương pháp đàm thoại cho câu hỏi này. Qua những câu trả lời và trao đổi của HS, GV chốt lại: VB này tập trung bàn về việc đọc sách. Điều này thể hiện trước hết ở:

– Nhan đề: *Hãy cầm lấy và đọc*.

– Mở bài: Câu chuyện về động lực đọc sách của Thánh Au-gu-xtinh.

– Thân bài: Tất cả các đoạn triển khai phần Thân bài đều nói về việc đọc sách.

– Kết bài: Nhắc lại thông điệp về đọc sách.

Câu hỏi 2

GV thiết kế phiếu học tập, hướng dẫn để tất cả HS điền các thông tin vào phiếu, cho một số em trình bày, các bạn nhận xét, trao đổi, góp ý để hoàn thiện.

Có thể thiết kế phiếu học tập theo mẫu sau:

STT	Đoạn văn	Tóm lược ý kiến
1	Từ *Tương truyền...* đến *thời trung đại.*	(Tóm lược ý kiến bằng một câu văn) Ví dụ: Câu chuyện về việc lĩnh hội sứ mệnh đọc sách, nghiên cứu của Thánh Au-gu-xtinh.
2	...	...
...	...	...

Để nhận xét, góp ý các thông tin cần thiết cho việc điền vào phiếu trên đây, HS cần phân đoạn, nắm vững nội dung từng đoạn/ và tóm lược nội dung đó trong một câu văn. Cụ thể:

– Đoạn 1 (từ *Tương truyền* đến *thời trung đại*): Câu chuyện về việc lĩnh hội sứ mệnh đọc sách, nghiên cứu của Thánh Au-gu-xtinh.

– Đoạn 2 (từ *Vượt qua tính chất huyền bí* đến *không dễ nhận ra*): Vai trò của việc đọc sách đối với đời sống tinh thần của con người.

– Đoạn 3 (từ *"Em hãy cầm lấy và đọc"* đến *một cuốn sách hay*): Sự khuyến khích đọc sách đến từ những người có trách nhiệm với ta.

– Đoạn 4, 5, 6 (từ *Không phủ nhận vai trò* đến *Hơ-bớt Mác-kiu-dơ đã nói*): Sự kì diệu của sách và tác dụng to lớn của việc đọc sách.

– Đoạn 7 (từ *Thời nay, với sự xuất hiện* đến *những giá trị tinh thần*): Đọc sách trong điều kiện thay đổi hình thức sách.

– Đoạn 8 (từ *Lâu nay, chúng ta thường được nghe* đến *vẫn là vô ích*): Giải pháp cho tình trạng xuống cấp của văn hoá đọc.

– Đoạn 9, 10 (từ *Sách sinh ra không phải để được trưng bày* đến hết): Nhắc lại thông điệp về việc đọc sách.

Câu hỏi 3

Căn cứ để nêu câu hỏi này là câu văn có tính chất diễn giải của tác giả về thông điệp "*Hãy cầm lấy và đọc*". GV yêu cầu từng HS đọc lại VB, tìm câu văn có chức năng ấy. Các phương án HS nêu ra có thể còn phân tán, chưa chính xác, vì thế GV cần hướng dẫn cách xác định. Điều quan trọng hơn là cho HS thể hiện thái độ tán thành hay phản đối một cách có cơ sở.

Gợi ý: *"Hãy cầm lấy và đọc" có thể xem là một thông điệp: Hãy tiếp xúc trực tiếp với một cuốn sách, hãy tự trải nghiệm mà không bước qua một trung gian nào*. Đây là đáp án đúng cho vế thứ nhất của câu hỏi.

Việc HS đồng ý hay không cách diễn giải về thông điệp phải thể hiện bằng ý kiến có lập luận. Lập luận phải dựa trên các ý: Việc tiếp xúc trực tiếp với cuốn sách (tự đọc lấy) với việc nghe người khác nói về cuốn sách khác nhau thế nào? Trong hai cách đó, cách nào mới thực sự là trải nghiệm? Trải nghiệm bằng cách đọc trực tiếp sẽ thu được những điều gì mà người khác không thể đem đến cho ta? (GV gợi lại những trải nghiệm qua việc đọc sách của HS để làm sáng tỏ vấn đề).

Câu hỏi 4

Câu hỏi này cũng thuộc yêu cầu nhận biết, nhưng muốn nhận biết phải đọc kĩ VB và nắm được cách sử dụng lí lẽ và bằng chứng trong VB nghị luận.

Để HS nhận biết lí lẽ, cần yêu cầu các em tự đặt câu hỏi tìm hiểu: *Vì sao tác giả cho rằng, khi các phương tiện nghe nhìn ngày càng tăng, đọc sách vẫn là một nhu cầu không thể thiếu của con người?* Tương tự, muốn biết bằng chứng nào đã được sử dụng, cần suy nghĩ theo hướng: *Dựa vào thực tế nào để khẳng định: Khi các phương tiện nghe nhìn ngày càng tăng, đọc sách vẫn là một nhu cầu không thể thiếu của con người?* Đây là cách dạy học luôn yêu cầu HS phải năng động trong tư duy, dù chỉ để thể hiện sự nhận biết.

Gợi ý: Những lí lẽ được đưa ra: Người ta vẫn đọc sách ngay khi các phương tiện nghe nhìn phát triển là bởi sự kì diệu của chữ trên trang sách (hàm chứa văn hoá của một dân tộc, mang hồn thiêng của đất nước, kích thích trí tưởng tượng, khơi gợi tư duy hồi đáp, phản biện,…). Bằng chứng để củng cố cho lí lẽ: Sách chỉ là giấy và mực mà chứa cả thế giới, phơi bày cả bí ẩn của vũ trụ cũng như xã hội con người; nhờ đọc sách, ta hiểu đời, hiểu người, hiểu chính mình; đọc một cuốn sách hay như bị cuốn vào nỗi say mê, niềm khoái cảm;…

Câu hỏi 5

GV nên sử dụng phương pháp đàm thoại để giải quyết câu hỏi này. Cho HS suy nghĩ và tự do nêu quan điểm của mình, GV hướng dẫn thêm trên cơ sở một số câu hỏi phụ nảy sinh

từ câu hỏi của SHS: *Em hiểu thế nào là tình trạng sa sút của văn hoá đọc? Theo em, do đâu có tình trạng này? Muốn giải quyết tình trạng đó, tác giả nêu ra những điều kiện nào?*

Gợi ý: Tác giả nêu hai điều kiện: *chủ thể đọc* và *đối tượng đọc*. Chủ thể đọc là con người. Con người phải ham đọc. Đối tượng đọc là sách. Phải có sách hay thì mới thu hút người đọc. Thiếu một trong hai điều kiện này, tình trạng sa sút của văn hoá đọc khó cải thiện được.

Từ đó, có thể thấy được xu hướng đồng tình hay phản đối ý kiến của tác giả về vấn đề này. Nhân vế thứ hai và thứ ba của câu hỏi, GV tiếp tục rèn luyện khả năng lập luận cho HS, biết kết hợp lí lẽ và bằng chứng để củng cố ý kiến.

Câu hỏi 6

Câu hỏi này có tính chất đánh giá, vận dụng. Phương án giải quyết có thể không giống nhau. Do đó, GV nên cho HS thảo luận nhóm, đưa ra những quan điểm riêng và lập luận để bảo vệ quan điểm của nhóm mình.

GV hướng dẫn cho HS cách suy nghĩ về các khía cạnh của vấn đề: *Bản chất của trải nghiệm là gì? Qua trải nghiệm, con người thường thu nhận được những điều gì? Con người có thể thu nhận được gì qua đọc sách? Vậy có thể xem đọc sách là trải nghiệm được không?*

Gợi ý:

– Trải nghiệm là kinh qua, trải qua. Nói rõ hơn là được chứng kiến, tham dự một sự kiện gì, trực tiếp làm một việc gì, hay chịu một sự tác động nào từ bên ngoài, để lại những cảm giác, suy nghĩ, ấn tượng trong bản thân.

– Thông thường, qua trải nghiệm, con người hiểu biết đầy đủ hơn, suy nghĩ sâu sắc hơn, rút ra được bài học bổ ích về ứng xử. Nói gọn lại, con người sẽ trưởng thành hơn qua trải nghiệm.

– Đọc sách, người đọc được mở mang trí tuệ, làm giàu cảm xúc, khám phá tự nhiên và xã hội, hiểu biết về con người và bản thân. Đọc sách, có khi người đọc như được xuyên thời gian về với quá khứ hay đến với tương lai xa xôi; có khi như được du lịch tới một miền đất lạ, và bằng tưởng tượng, như được sống với những số phận, những cuộc đời khác. Những gì mà sách đem lại cho đời sống tinh thần của người đọc là hết sức phong phú. Do vậy, hoàn toàn có thể xem đọc sách cũng là một kiểu trải nghiệm.

Hoạt động 4 Viết kết nối với đọc

GV gợi ý nhanh cho HS để các em có hướng viết. Các ý cơ bản cần có trong đoạn:

– *Vì sao sách là để đọc chứ không phải để trưng bày?* (Vì như vậy, sách mới phục vụ thiết thực cho nhu cầu học tập, tìm hiểu, nghiên cứu của con người.)

– *Đọc sách theo cách nào thì có ích?* (Đọc có mục đích, nắm bắt nhanh nội dung, có ghi chép lại.)

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

THUẬT NGỮ

1. Phân tích yêu cầu cần đạt

– HS hiểu được thế nào là thuật ngữ; cách xác định nghĩa của thuật ngữ; biết được có những đơn vị khi thì được dùng với tư cách là thuật ngữ, khi lại được dùng như một từ ngữ thông thường; biết dựa vào câu để xác định một đơn vị nào đó có phải là thuật ngữ hay không.

– HS vận dụng hiểu biết về thuật ngữ để tiếp nhận VB khoa học trong các bài học; biết sử dụng thuật ngữ trong việc tạo lập VB theo yêu cầu.

2. Gợi ý tổ chức hoạt động dạy học

Hoạt động 1 Hình thành kiến thức mới

Với bài học này, lần đầu tiên HS được tìm hiểu về thuật ngữ. Do vậy, các em cần nắm được các kiến thức cơ bản như đã nêu trong yêu cầu cần đạt của bài học.

Mặc dù ở các lớp trước chưa có bài về thuật ngữ, nhưng thực tế, HS đã được tiếp xúc với không ít thuật ngữ (ở các môn học khác nhau). GV cần nêu một số câu có sử dụng thuật ngữ trong các bài đã học (nên có thuật ngữ ở các môn khác) để HS thử nhận diện. GV đính chính nếu các em nhận diện chưa chính xác. Tiếp đó, GV yêu cầu HS đọc các nội dung được diễn giải trong khung *Nhận biết* của phần Thực hành tiếng Việt (SHS, trang 64), cho các em phát biểu nhận thức của mình về từng khía cạnh. GV nhận xét, diễn giải thêm nhằm hình thành cho HS những kiến thức cơ bản về *cấu tạo, chức năng* và *nghĩa* của thuật ngữ.

Hoạt động 2 Luyện tập, vận dụng

Bài tập 1

GV cho HS suy nghĩ và xác định thuật ngữ theo khả năng nhận biết của mình. HS trả lời, dù chính xác hay không, GV đều yêu cầu HS nêu căn cứ xác định. GV điều chỉnh, bổ sung.

Gợi ý:

Câu a: *ngụ ngôn*; câu b: *triết học*; câu c: *văn hoá*; câu d: *in-tơ-nét*.

Căn cứ: các đơn vị trên đều thuộc về một lĩnh vực, một ngành cụ thể. *Ngụ ngôn* dùng để chỉ một thể loại văn học; *triết học*: chỉ một ngành khoa học; *văn hoá*: chỉ những giá trị vật chất và tinh thần do con người tạo ra; *in-tơ-nét*: chỉ một lĩnh vực của công nghệ thông tin. Đó là cơ sở đáng tin cậy để ta xác định các đơn vị đó là thuật ngữ.

Bài tập 2

GV hướng dẫn HS cách tra cứu từ điển để tìm nghĩa của các mục từ. Đơn giản nhất, HS có thể tìm nghĩa của các thuật ngữ trên trong cuốn *Từ điển tiếng Việt* (Hoàng Phê (Chủ biên), bản in năm 2003 của NXB Đà Nẵng và Trung tâm Từ điển học).

– *Ngụ ngôn*: thể loại văn học, dùng văn xuôi hoặc văn vần, thường mượn chuyện loài vật để nói về việc đời nhằm dẫn đến những kết luận về đạo lí, kinh nghiệm sống.

– *Triết học*: khoa học nghiên cứu về những quy luật chung nhất của thế giới và sự nhận thức thế giới.

– *Văn hoá*: tổng thể nói chung những giá trị vật chất và tinh thần do con người tạo ra trong quá trình lịch sử.

– *In-tơ-nét*: hệ thống các mạng máy tính được nối với nhau trên phạm vi toàn thế giới, tạo điều kiện cho các dịch vụ truyền thông dữ liệu, như tìm đọc thông tin từ xa, truyền các tệp tin, thư tín điện tử và các nhóm thông tin.

Bài tập 3

Với bài tập này, GV có thể cho HS thảo luận nhóm và đưa ra phương án của mình. Không chỉ xác định được thuật ngữ, đại diện nhóm HS còn cần nêu được căn cứ xác định đáng tin cậy.

Gợi ý:

a. Những từ in đậm trong các câu sau là thuật ngữ:

– *Trong một bài hát hay bản nhạc, phần được lặp lại nhiều lần khi trình diễn gọi là* ***điệp khúc****.*

– *Trong thời đại ngày nay, con người đã biết tận dụng các nguồn* ***năng lượng****.*

– ***Bản đồ*** *là hình vẽ thu nhỏ một phần hay toàn bộ bề mặt Trái Đất lên mặt phẳng trên cơ sở toán học, trên đó các đối tượng địa lí được thể hiện bằng các kí hiệu bản đồ.*

Sở dĩ ta xác định được như vậy là dựa vào các câu có sử dụng những từ đó. Đó là những câu có tính chất định nghĩa, thuộc về một lĩnh vực nhất định. Trong câu, các từ *điệp khúc*, *năng lượng*, *bản đồ* chỉ có một nghĩa, thuộc về chuyên môn.

b. Những từ in đậm trong các câu sau là từ ngữ thông thường:

– *Câu nói ấy lặp đi lặp lại như một* ***điệp khúc****.*

– *Đọc sách là một cách nạp* ***năng lượng*** *cho sự sống tinh thần.*

– *Cháu biết không, tấm* ***bản đồ*** *của ông lúc ấy thật sự bế tắc.*

Trong các câu trên, các từ *điệp khúc*, *năng lượng*, *bản đồ* đều được dùng theo nghĩa chuyển. Ví dụ: "*Cháu biết không, tấm* ***bản đồ*** *của ông lúc ấy thật sự bế tắc.*" thì *bản đồ* được hiểu là sự tìm kiếm hướng đi của cuộc đời. Các từ *điệp khúc*, *năng lượng* ở hai câu còn lại cũng có tính chất như vậy.

VĂN BẢN 3. NÓI VỚI CON

(Y Phương)

1. Phân tích yêu cầu cần đạt

HS hiểu được rằng, chủ đề *Trải nghiệm để trưởng thành* được thể hiện ở những VB thuộc các thể loại khác nhau. Khác với hai VB *Bản đồ dẫn đường* và *Hãy cầm lấy và đọc*,

Nói với con là một bài thơ. Đọc bài thơ, HS không những cần biết cảm thụ nội dung trữ tình, nghệ thuật biểu đạt, mà còn biết đối sánh để thấy các yếu tố của VB, phương thức thể hiện, cấu trúc, ngôn ngữ có sự khác biệt như thế nào so với các VB nghị luận đã đọc. Nhờ sự đối sánh đó, HS nhận thức được rõ hơn về đặc điểm của VB nghị luận.

2. Gợi ý tổ chức hoạt động dạy học

Hoạt động 1 Khởi động

GV có thể đặt một số câu hỏi để tạo tình huống, khơi gợi suy nghĩ, cảm xúc của HS: *Em đã được nghe những lời căn dặn như thế nào của những người thân yêu trong gia đình? Trong những lời căn dặn đó, những người thân hi vọng gì ở em? Có bao giờ quê hương trở thành một chủ đề trong câu chuyện của gia đình em? Em hãy nhớ lại những bài thơ viết về tình cảm cha con, mẹ con đã được học hoặc đọc thêm.*

Những câu hỏi như vậy nhằm giúp HS kết nối những trải nghiệm của bản thân với nội dung trữ tình trong bài thơ.

Hoạt động 2 Đọc văn bản

GV gọi khoảng 2 HS đọc bài thơ. Chú ý nhắc các em cách đọc diễn cảm, thể hiện được giọng điệu và sắc thái trữ tình của bài thơ. GV có thể đọc mẫu vài đoạn để minh hoạ cho yêu cầu đọc bài thơ tự do.

Lưu ý HS một vài từ ngữ được nhà thơ sử dụng sáng tạo, chẳng hạn: *ken, người đồng mình, thung,…*

Hoạt động 3 Khám phá văn bản

Những câu hỏi sau khi đọc VB bám sát đặc trưng của thơ – một thể loại khá quen thuộc với HS qua SHS *Ngữ văn 6* và các bài trước của SHS *Ngữ văn 7*. Vì thế, GV chú ý khai thác khả năng đọc thơ của HS để hướng dẫn cách giải quyết những vấn đề đặt ra trong hệ thống câu hỏi.

Câu hỏi 1

GV có thể sử dụng hình thức đàm thoại để củng cố cho HS tri thức về thơ, từ đó vận dụng vào việc giải quyết vấn đề mà câu hỏi này đặt ra. HS cần hiểu được rằng: Thơ là tiếng nói bộc lộ tình cảm, đồng thời là một hình thức giao tiếp nghệ thuật. *Nói với con*, đương nhiên chủ thể của lời nói là "cha", và đối tượng tâm tình trước hết là "con". Nhưng là một tác phẩm nghệ thuật, bài thơ còn là lời trò chuyện với người đọc rộng rãi – những người có thể đồng cảm sâu sắc với chủ thể trữ tình về những vấn đề được nói tới.

Câu hỏi 2

Câu hỏi này yêu cầu nêu được những nội dung trữ tình thể hiện trong bài thơ. GV có thể sử dụng hình thức thảo luận nhóm, tổ chức cho HS trao đổi kết quả do đại diện của một nhóm trình bày để có được nhận thức chung về vấn đề.

Gợi ý:

Qua lời căn dặn, tâm tình, cha muốn con khắc ghi:

– Luôn nhớ về tình cảm của cha mẹ, của gia đình mình.

– Luôn yêu mến, tự hào về quê hương, xứ sở.

– Luôn ý thức được những phẩm chất cao quý của "người đồng mình" (những con người của quê hương).

– Sống có cốt cách để xứng đáng là người con của quê hương.

Câu hỏi 3

Với câu hỏi này, GV có thể dùng phương pháp đàm thoại. Cần nêu các khía cạnh để HS phân tích, từ đó rút ra ý có tính khái quát.

Gợi ý:

– Mối quan hệ giữa "con" với gia đình là quan hệ hết sức tự nhiên và sâu sắc. Con được cha mẹ sinh ra, nuôi dưỡng, bao bọc. Bước đi chập chững, tiếng nói đầu đời của con đem đến cho cha mẹ niềm vui, hạnh phúc (*Một bước chạm tiếng nói/ Hai bước tới tiếng cười*). Trên từng bước trưởng thành của con, đều có sự bảo ban và ánh mắt dõi theo đầy hi vọng của cha mẹ (*Lên đường/ Không bao giờ nhỏ bé được/ Nghe con*).

– Mối quan hệ giữa "con" với quê hương: Quê hương không chỉ là nơi con được sinh ra, lớn lên, mà còn là nơi hun đúc, nuôi dưỡng nghị lực sống và tâm hồn con (*Đan lờ cài nan hoa/ Vách nhà ken câu hát/ Rừng cho hoa/ Con đường cho những tấm lòng*; *Còn quê hương thì làm phong tục*). Đặc biệt, nói đến quê hương là nói đến những con người xứng đáng là mẫu hình về mọi mặt cho con noi theo để trưởng thành.

Câu hỏi 4

Để giải quyết được câu hỏi này, HS cần có khả năng cảm thụ, phân tích thơ. Các nội dung được phân tích đều phải gắn với VB, tránh sự suy diễn chủ quan, thiếu căn cứ. GV có thể đặt thêm một số câu hỏi nhỏ để định hướng cho HS: *Những khía cạnh nào trong đời sống vật chất và tinh thần của "người đồng mình" đã được thể hiện trong bài thơ? Mỗi nét đẹp về tâm hồn và sức sống của "người đồng mình" được nói đến ở những dòng thơ nào? Vì sao trong lời tâm tình với con, người cha lại nói nhiều đến vẻ đẹp của "người đồng mình"?*

Gợi ý:

Qua những lời tâm tình với con, người cha (chủ thể trữ tình) muốn con thấu hiểu những vẻ đẹp tâm hồn và sức sống mãnh liệt, bền bỉ của "người đồng mình". Vẻ đẹp đó thể hiện ở các khía cạnh sau:

– Những con người đáng yêu vì nét tài hoa, lãng mạn và đời sống tâm hồn phong phú (*Người đồng mình yêu lắm con ơi/ Đan lờ cài nan hoa/ Vách nhà ken câu hát*).

– Những con người có ý chí, nghị lực sống mãnh liệt (*Người đồng mình thương lắm con ơi/ Cao đo nỗi buồn/ Xa nuôi chí lớn*).

– Những con người chân chất, giản dị, nhưng có cốt cách cao quý (*Người đồng mình thô sơ da thịt/ Chẳng mấy ai nhỏ bé đâu con*).

– Những con người chịu thương chịu khó, sống gắn bó và hết lòng xây đắp quê hương (*Sống trên đá không chê đá gập ghềnh/ Sống trong thung không chê thung nghèo đói/ Sống như sông như suối/ Lên thác xuống ghềnh/ Không lo cực nhọc; Người đồng mình tự đục đá kê cao quê hương*).

Trong những chuyến "lên đường" của con, người cha muốn con phải thấu hiểu, yêu thương và tự hào về "người đồng mình", sống có cốt cách cao đẹp, xứng đáng là người con của quê hương, xứ sở.

Câu hỏi 5

GV có thể gợi ý cho HS bằng cách yêu cầu thực hiện phiếu học tập theo mẫu sau đây:

NGHỆ THUẬT CỦA BÀI THƠ *NÓI VỚI CON*		
Yếu tố nghệ thuật	Các dòng thơ thể hiện	Giá trị biểu đạt

Gợi ý:

Một số yếu tố nghệ thuật nổi bật trong bài thơ:

– Dùng các kiểu câu có cấu trúc giống nhau:

+ *Chân phải bước tới cha*
  Chân trái bước tới mẹ
+ *Người đồng mình yêu lắm con ơi*
  Người đồng mình thương lắm con ơi
+ *Cao đo nỗi buồn*
  Xa nuôi chí lớn
+ *Sống trên đá không chê đá gập ghềnh*
  Sống trong thung không chê thung nghèo đói

Giá trị: Tạo nên lối nói riêng, nhấn mạnh cảm xúc của chủ thể trữ tình và đặc điểm của đối tượng được tái hiện.

– Cách nói cụ thể, hình tượng:

+ *Một bước chạm tiếng nói*
  Hai bước tới tiếng cười

+ *Đan lờ cài nan hoa*

Vách nhà ken câu hát

+ *Người đồng mình tự đục đá kê cao quê hương*

Giá trị: Thể hiện những cảm xúc, suy nghĩ sinh động, cụ thể, giàu tính trực quan.

– Ngôn ngữ mộc mạc, giản dị:

+ *Dẫu làm sao thì cha vẫn muốn*

+ *Người đồng mình thô sơ da thịt*

+ *Con ơi tuy thô sơ da thịt*

Giá trị: Thể hiện tình cảm chất phác, chân thực.

VIẾT

VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ TRONG ĐỜI SỐNG (TRÌNH BÀY Ý KIẾN PHẢN ĐỐI)

1. Phân tích yêu cầu cần đạt

– HS trình bày được thực chất của vấn đề đời sống cần bàn luận trong bài viết.

– HS thể hiện được ý kiến phản đối về vấn đề một cách thuyết phục với lí lẽ chắc chắn và bằng chứng cụ thể.

2. Những lưu ý về yêu cầu đối với bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống (trình bày ý kiến phản đối)

– Vấn đề nêu ra đã tồn tại những quan niệm, cách hiểu khác nhau, trong đó, có quan niệm khiến bản thân người viết cảm thấy không thoả đáng hoặc chưa đúng đắn, cần phải bày tỏ sự phản đối bằng bài nghị luận.

– Việc phản đối một quan niệm, một cách hiểu nào đó về vấn đề không phải chỉ nhằm thể hiện chủ kiến của người viết, mà quan trọng hơn, phải hướng tới mục đích khẳng định chân lí, lẽ phải để ý kiến của mình đưa ra trở nên có ý nghĩa.

3. Gợi ý tổ chức hoạt động dạy học

Hoạt động 1 Giới thiệu kiểu bài

Ở lớp 6, HS đã bắt đầu được làm quen với việc viết bài văn nghị luận trình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề) mà em quan tâm. Tuy nhiên, với yêu cầu của kiểu bài này ở lớp 6, HS chỉ mới được rèn luyện một vài kĩ năng cơ bản, gắn với các khái niệm then chốt như *ý kiến, lí lẽ, bằng chứng*. Phần *Viết* của bài học này đặt ra yêu cầu cao hơn: HS phải biết trình bày ý kiến phản đối quan niệm, cách hiểu khác về một vấn đề đời sống. Nghĩa là, bài viết

đòi hỏi ở HS khả năng nắm bắt và đánh giá vấn đề, kĩ năng sử dụng lí lẽ và bằng chứng phục vụ cho một hướng lập luận (phản đối).

Hoạt động 2 Tìm hiểu yêu cầu đối với bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống (trình bày ý kiến phản đối)

Muốn hiểu được yêu cầu của bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống (trình bày ý kiến phản đối), cần trả lời các câu hỏi sau:

– *Vấn đề gì của đời sống được nêu lên để bàn luận?* → Yêu cầu: Bài viết phải nêu được một cách rõ ràng vấn đề đời sống cần bàn luận. Theo định hướng của phần viết này, đó phải là ý kiến không phù hợp với quan điểm của người viết, cần thể hiện sự phản đối bằng bài văn nghị luận.

– *Người viết thể hiện ý kiến như thế nào trước quan niệm, cách hiểu khác về vấn đề?* → Yêu cầu: Bài viết phải thể hiện được ý kiến phản đối của người viết.

– *Ý kiến phản đối có sức thuyết phục không?* → Yêu cầu: Bài viết phải nêu được lí lẽ và bằng chứng để chứng tỏ ý kiến phản đối hoàn toàn có căn cứ.

Hoạt động 3 Đọc và phân tích bài viết tham khảo

Căn cứ vào yêu cầu của kiểu bài nghị luận về một vấn đề trong đời sống (trình bày ý kiến phản đối), đọc kĩ bài viết tham khảo để nắm được các bước triển khai bài viết.

– *Bài viết nêu vấn đề gì để bàn luận? Vấn đề được nêu nằm ở phần nào của bài?* → Bài viết đề cập đến quan điểm mà một HS nêu ra: *chỉ làm việc lớn, không thích làm việc nhỏ, vì việc nhỏ là việc vô nghĩa.* Từ đó nảy sinh ý kiến cần bàn luận. Quan điểm này được nêu ở phần Mở bài.

– *Người viết thể hiện thái độ gì đối với quan điểm về vấn đề đời sống được nêu?* → Người viết bày tỏ ý kiến phản đối quan điểm nêu trên của một HS (*Theo tôi, câu nói đó đã bộc lộ một quan điểm thật khó chấp nhận*).

– *Những lí lẽ và bằng chứng nào được nêu ra để chứng tỏ sự phản đối là có căn cứ?* → Ai cũng phải làm những việc lớn của đời mình, cho nên không vì phải giải quyết việc lớn mà trốn tránh những việc nhỏ thuộc trách nhiệm của bản thân; nếu mình không làm thì đùn đẩy việc nhỏ cho ai?; việc nhỏ không đồng nghĩa với việc vô nghĩa, có những việc tuy nhỏ mà ý nghĩa rất lớn lao;… Bằng chứng cụ thể: Ông Ni-nô-mi-gia, một doanh nhân người Nhật, đã đến Hồ Gươm nhặt rác vào mỗi sáng Chủ nhật. Việc làm đầy ý nghĩa của ông đã có sức lan toả rất lớn, tác động đến nhận thức của nhiều người.

Từ việc chuẩn bị của từng HS, GV có thể cho các em trao đổi trong nhóm, trình bày kết quả. GV chốt lại những điểm cơ bản.

Hoạt động 4 Thực hành viết theo các bước

– *GV hướng dẫn HS chọn đề tài*: Trong cuộc sống có rất nhiều vấn đề cần được bàn luận, trình bày ý kiến. Để bàn về một vấn đề, đặc biệt khi nêu ý kiến phản đối thì HS phải thực sự hiểu biết, nắm được các thông tin và ý kiến có liên quan. Bên cạnh những đề tài được gợi ý trong SHS, HS có thể tự tìm những đề tài mà các em am hiểu và có hứng thú. GV đặt thêm câu hỏi, hướng HS suy nghĩ để quyết định: *Trong đời sống hằng ngày, em từng phản đối những quan niệm, ý kiến gì? Em hiểu như thế nào về quan niệm, ý kiến đó? Quan niệm, ý kiến về vấn đề đó có ảnh hưởng đến cuộc sống của những ai? Có cần thiết phải bày tỏ sự phản đối không? Nếu cần viết một bài nghị luận trình bày ý kiến phản đối, em thấy có những thuận lợi và khó khăn gì?*

– *GV hướng dẫn HS tìm ý từ đề tài đã chọn*: GV yêu cầu HS đọc và tìm hiểu kĩ về đề tài, nhận biết thực chất của vấn đề và những mặt tiêu cực có thể có của nó trong đời sống; phân tích các khía cạnh; phát hiện những chỗ bất ổn, cần thể hiện thái độ phản đối. HS có thể tìm ý bằng cách điền các thông tin cần thiết vào phiếu theo mẫu sau:

PHIẾU TÌM Ý

Họ và tên: ..... Lớp: .....

Nhiệm vụ: Tìm ý cho bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống (trình bày ý kiến phản đối)

Gợi ý: HS suy nghĩ kĩ để chọn các thông tin phù hợp điền vào các ô trong bảng.

Quan niệm về vấn đề đời sống được nêu để bàn luận	.....
Ý kiến phản đối của bản thân về quan niệm đó	.....
Những lí lẽ đưa ra để chứng tỏ sự phản đối có cơ sở	.....
Những bằng chứng cần nêu để củng cố cho lí lẽ	.....

– *Hướng dẫn lập dàn ý*: Sau khi HS hoàn thành phiếu tìm ý, GV yêu cầu các em đọc lại và sắp xếp các ý vào từng phần của bài theo thứ tự hợp lí. Chẳng hạn, phần Mở bài nêu vấn đề cần bàn luận và khẳng định ý kiến phản đối của người viết; phần Thân bài trình bày lần lượt

từng ý, nêu các lí do của việc phản đối, mỗi ý đều gắn với lí lẽ và bằng chứng; phần Kết bài khẳng định lại ý kiến và rút ra ý nghĩa của việc bàn luận vấn đề.

– *Hướng dẫn viết bài*: Việc viết bài của HS được thực hiện ở lớp hay ở nhà tuỳ vào phân phối chương trình. GV lưu ý HS mấy điểm:

Thứ nhất, cần bám sát dàn ý để viết. Mở bài, mỗi ý của Thân bài và phần Kết bài đều phải triển khai thành từng đoạn văn hoàn chỉnh. Khi viết, có thể đảo ý nào đó so với dàn ý nếu thấy cần thiết. Cần dùng từ ngữ liên kết các câu trong đoạn và các đoạn trong bài để đảm bảo tính chặt chẽ, mạch lạc của bài viết.

Thứ hai, nên chọn giọng văn phù hợp với yêu cầu của bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống (trình bày ý kiến phản đối). Lời văn mạnh mẽ, dứt khoát, nhưng có lí, có tình; tránh lối viết gay gắt, gây cảm giác căng thẳng.

Thứ ba, nếu viết ở lớp, chỉ nên viết nháp phần Mở bài, các phần sau viết theo mạch nghĩ vì không đủ thời gian chép lại sau khi nháp toàn bài. Viết ở nhà, HS có thể viết nháp hết bài, đọc lại, chỉnh sửa bằng bút mực đỏ, sau đó viết lại thành bản sạch để nộp cho GV.

TRẢ BÀI

Trong tiết trả bài, GV cùng HS thực hiện các hoạt động sau:

Hoạt động 1 Nhắc lại, khắc sâu yêu cầu của kiểu bài

HS cả lớp có thể viết bài theo một đề tài chung, có thể mỗi em viết về một đề tài tự chọn. Dù theo cách nào thì trong tiết trả bài, GV cũng cần giúp các em củng cố, khắc sâu yêu cầu của kiểu bài nghị luận về một vấn đề trong đời sống (trình bày ý kiến phản đối).

GV dựa vào mục *Tìm hiểu yêu cầu đối với bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống (trình bày ý kiến phản đối)* để nêu ra một khung đánh giá chung, cho HS đọc, rà soát bài viết của mình, tự rút ra ưu điểm và hạn chế trên từng yêu cầu cụ thể.

Hoạt động 2 Nhận xét về kết quả và chỉnh sửa bài viết

– Từ thực tế chấm và đánh giá bài của HS, GV nhận xét chung về tình hình làm bài, việc đáp ứng yêu cầu, cách triển khai bài viết, diễn đạt,... và nhắc HS đối chiếu đòi hỏi của kiểu bài với bài làm của bản thân, nhận ra những ưu điểm, nhược điểm.

– GV trả bài cho HS, đồng thời nhắc HS sử dụng bảng gợi ý cách chỉnh sửa bài viết đã nêu ở phần *Viết* của SHS, trang 71, kết hợp với những đánh dấu và lời nhận xét của GV để tự chỉnh sửa bài.

NÓI VÀ NGHE

TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT VẤN ĐỀ ĐỜI SỐNG

1. Phân tích yêu cầu cần đạt

– Trong tư cách người nói, HS nêu được vấn đề đời sống và trình bày ý kiến về vấn đề một cách có cơ sở (có lí lẽ và bằng chứng cụ thể), giải trình, bảo vệ ý kiến của mình trước sự phản bác của người nghe.

– Trong tư cách người nghe, HS thể hiện quan điểm của mình về vấn đề đời sống được bàn luận, biết đối thoại với ý kiến người trình bày, tán thành với ý kiến đó nếu thấy đủ sức thuyết phục.

2. Gợi ý tổ chức hoạt động dạy học

Hoạt động 1 Chuẩn bị bài nói

Để thực hiện hoạt động nói và nghe trên lớp, HS phải dành thời gian chuẩn bị ở nhà. Việc chuẩn bị cần tiến hành theo các nội dung sau:

a. *Xác định mục đích nói và người nghe*

– Mục đích nói: trình bày để người nghe hiểu đúng bản chất, thấy được ý nghĩa của vấn đề đối với đời sống, từ đó lựa chọn thái độ, cách ứng xử phù hợp.

– Người nghe: Khi bài nói được trình bày trong giờ học, người nghe là HS trong lớp và GV. Với tình huống khác, người nghe có thể là các bạn trong lớp, trong trường và những ai quan tâm đến vấn đề.

b. *Chuẩn bị nội dung nói*

– Từ đề tài đã chọn, người nói xây dựng dàn ý chi tiết, gồm đầy đủ các phần, ghi chú cách trình bày từng phần, các ý cụ thể, những lí lẽ và bằng chứng cần sử dụng,…

– Nếu phần *Nói* thực hiện trên một bài viết đã có, GV hướng dẫn HS rút gọn bài viết thành dàn ý bài nói. Chú ý: Cách mở đầu bài nói có những điểm khác với bài viết. Phần triển khai, các ý cần rõ ràng, có ghi chú các số liệu, bằng chứng cụ thể để tiện sử dụng khi trình bày.

– Lựa chọn từ ngữ: Căn cứ vào đề tài và nội dung nói, ghi lại một số từ ngữ cần sử dụng, nhất là những từ ngữ thể hiện thái độ tán thành hay phản đối ý kiến, chẳng hạn: *theo quan điểm của tôi, cần phải thấy được rằng, có thể khẳng định, chắc chắn là, không thể quan niệm rằng, điều khó chấp nhận ở đây là,…*

c. *Tập luyện*

Với nội dung nói của bài này, hình thức phù hợp nhất là tập luyện theo nhóm. GV hướng dẫn HS luân phiên cả hai tư cách: người nói và người nghe để phát triển kĩ năng nói

và nghe hài hoà. Khi ở vị trí người nói, chú ý tập luyện cách trình bày, cách bảo vệ ý kiến của mình; ở vị trí người nghe, cần biết cách theo dõi, có thể phản bác hay nêu thắc mắc nếu thấy lí lẽ của người nói chưa chắc chắn, bằng chứng chưa phù hợp. Sau tập luyện, phải trao đổi nhóm để rút kinh nghiệm về nội dung và cách trình bày, kinh nghiệm về sự tương tác nói – nghe.

Hoạt động 2 Trình bày bài nói

Hoạt động nói và nghe diễn ra đồng thời. Khi người nói trình bày cũng là lúc người nghe theo dõi và chuẩn bị cho việc trao đổi. Vì thế GV cần hướng dẫn và kiểm soát hai hoạt động cùng lúc.

Hoạt động nói	Hoạt động nghe
• *Người trình bày bài nói*: Dựa vào việc kiểm soát khâu chuẩn bị của HS mà GV có thể giao việc trình bày cho nhóm hoặc cho cá nhân. Nếu giao cho nhóm, nhóm phải cử đại diện trình bày. Có thể một người chịu trách nhiệm về bài nói, có thể hai người phối hợp trình bày cho thêm sinh động. Nếu giao cho cá nhân, có thể lấy tinh thần xung phong hoặc chỉ định trước. • *Nội dung nói*: Người nói phải bám sát dàn ý đã chuẩn bị, các ý trong dàn ý cần được triển khai đầy đủ, có lí lẽ và bằng chứng. Đặc biệt, sự tán thành hay phản đối ý kiến về vấn đề phải được trình bày rõ ràng. • *Cách thức nói*: Để trình bày được ý kiến tán thành hay phản đối về một vấn đề đời sống, ngôn ngữ nói phải rõ ràng, rành mạch, thái độ phải dứt khoát, được đảm bảo bằng những lí lẽ có sức thuyết phục và bằng chứng cụ thể, xác thực.	• *Người nghe*: GV nhắc HS: Trong tiết học Nói và nghe, người nghe gồm tất cả các thành viên trong lớp, có trách nhiệm lắng nghe, tương tác với người nói. • *Các công việc của hoạt động nghe*: – Tập trung theo dõi nắm bắt nội dung cơ bản của bài nói. – Đánh dấu những ý tán thành và những chỗ có thể trao đổi. – Ghi nhanh những ý nảy sinh trong quá trình theo dõi để xây dựng thành ý kiến trao đổi.

Hoạt động 3 Trao đổi về bài nói

Sau khi người nói hoàn thành phần trình bày, GV tổ chức cho HS trao đổi. Việc trao đổi tập trung vào ba khía cạnh: *nội dung bài nói, cách thức trình bày, sự tương tác giữa người nói với người nghe.* GV định hướng trao đổi bằng một số câu hỏi: *Người nói đã nêu lên và bàn luận về một vấn đề đời sống chưa? Ý kiến của người nói về vấn đề đã rõ ràng chưa? Bài nói đã thể hiện rõ sự tán thành hay phản đối chưa? Có nêu được lí lẽ và bằng chứng để chứng tỏ sự tán thành hay phản đối có cơ sở không? Ngôn ngữ nói được sử dụng như thế nào? Đã biết phối hợp giữa lời nói và ngôn ngữ cơ thể (ánh mắt, nét mặt, cử chỉ,...) chưa? Mức độ tương tác giữa người nói và người nghe thế nào?*

CỦNG CỐ, MỞ RỘNG

– Yêu cầu củng cố, mở rộng đã được thể hiện trong các câu hỏi của SHS. GV định hướng cho HS trả lời các câu hỏi 1, 2, 3, 4 vào vở. Mục đích của việc trả lời các câu hỏi này là để HS hiểu sâu về chủ đề và nắm vững đặc trưng VB nghị luận. HS cần kết hợp các câu hỏi của SHS với những vấn đề được nêu trong *Bài tập Ngữ văn 7*, tập hai để mở rộng tri thức và củng cố kĩ năng.

– GV định hướng đọc mở rộng cho HS (tìm sách, cách đọc, ghi chép) và có hình thức kiểm tra phù hợp.

– Để HS thực hành đọc, GV gợi ý thêm một vài khía cạnh ngoài những gì đã được nêu ở SHS.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Bài 9. HOÀ ĐIỆU VỚI TỰ NHIÊN (12 tiết)

(Đọc và Thực hành tiếng Việt: 8 tiết; Viết: 3 tiết; Nói và nghe: 1 tiết)

I YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhận biết được thông tin cơ bản của VB thông tin, cách triển khai, vai trò của các chi tiết, tác dụng của phương tiện phi ngôn ngữ; nêu được trải nghiệm giúp bản thân hiểu hơn VB.
- Nhận biết được đặc điểm VB giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động, chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm VB với mục đích của nó.
- Nhận biết và hiểu được đặc điểm, chức năng của cước chú và tài liệu tham khảo trong VB thông tin; hiểu được nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và nghĩa của các từ có yếu tố Hán Việt đó.
- Bước đầu biết viết bài văn thuyết minh về một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động.
- Giải thích được (dưới hình thức nói) quy tắc hoặc luật lệ trong một trò chơi hay hoạt động.
- Biết lựa chọn và trân trọng cách sống hài hoà với tự nhiên.

II CHUẨN BỊ

1. Tri thức ngữ văn cho GV

Cách triển khai ý tưởng và thông tin trong VB thông tin

– Có nhiều cách triển khai ý tưởng và thông tin trong VB thông tin: *theo trật tự thời gian; theo quan hệ nhân quả; theo mức độ quan trọng của từng vấn đề được nói tới; theo trình tự đi từ loại đối tượng này đến loại đối tượng khác*. Hai cách triển khai đầu đã được giới thiệu ở *Ngữ văn 6*. Trong hai cách được nêu sau, cách thứ nhất có thể chọn vấn đề quan trọng hơn trình bày trước, còn vấn đề thứ yếu (có thể mang tính chất hệ quả) được trình bày sau hoặc ngược lại. Ở cách triển khai thứ hai, trước hết, tác giả VB phải tiến hành phân loại các đối tượng được đề cập theo một tiêu chí thống nhất, tiếp đó mới lần lượt trình bày về từng loại đối tượng.

– Việc người viết chọn cách triển khai nào luôn phụ thuộc vào các yếu tố chính sau đây: đặc điểm của đối tượng được nói tới, mục đích viết, hiệu quả tác động đến người đọc mà tác giả đã dự tính trước.

Văn bản giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động

Loại VB giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động rất phổ biến trong đời sống, tương ứng với sự phong phú của những loại trò chơi cũng như hoạt động vốn đòi hỏi được thực hiện theo những quy định riêng. Loại VB này không có thể thức cố định,

tuy vậy, trong đó không thể thiếu các thông tin về thời gian, địa điểm tổ chức; số lượng người tham gia; cách thức chơi hay hoạt động; các điều kiện phải đảm bảo;... Tất cả các thông tin đó đều được trình bày một cách rõ ràng, chính xác bằng những câu văn ngắn gọn, dễ hiểu, vừa giúp người tham gia không phạm luật khi chơi hay hoạt động, vừa giúp người chủ trì có căn cứ để đánh giá kết quả trò chơi hay hoạt động một cách khách quan, công bằng. Với người chỉ thuần tuý đến xem hay đóng vai trò cổ động viên, những thông tin trong VB có thể giúp họ thưởng thức, hưởng ứng trò chơi hay hoạt động một cách thuận lợi. Những ai không có dịp đến "hiện trường", qua đọc VB, hoàn toàn có thể tự tổ chức được trò chơi hay hoạt động mà mình mong muốn một cách dễ dàng. Loại VB thuyết minh này thường có trong sách báo nói về văn hoá – phong tục, sách hướng dẫn, nhiều khi kèm theo tranh, ảnh minh hoạ chi tiết. Trong các hoạt động tập thể, nó cũng thường được tạo lập "ngay tại chỗ" dưới hình thức VB nói, do người chủ trì cuộc chơi, hoạt động hay dẫn chương trình thực hiện.

Cước chú

– *Cước chú* (tiếng Anh: footnote) là từ được dùng rất phổ biến trong đời sống và được giải thích không hoàn toàn giống nhau trong các tài liệu. Theo một số từ điển thông dụng, từ *cước chú* chỉ loại chú thích xuất hiện ở chân trang hay cuối VB. Một VB có nhiều cước chú thường được xem là VB "khó", mà muốn hiểu thấu đáo, người đọc phải có nhiều kiến thức chuyên môn.

– *Đối tượng cần có cước chú*: từ ngữ, thuật ngữ khó hiểu; xuất xứ của một đối tượng nào đó; các sự vật, hiện tượng chưa quen với người đọc (Các đối tượng này đều được đánh dấu bằng một kí hiệu nhất định như chữ số hoặc dấu hoa thị (*),...).

– *Các thành phần của một cước chú*: một cước chú thực hiện đúng quy cách phải có kí hiệu đánh dấu đối tượng được chú thích (tương ứng với kí hiệu xuất hiện ở phần chính của VB), tên của đối tượng được chú thích, phần giải thích của tác giả VB hay người biên soạn sách.

Tài liệu tham khảo

– *Tài liệu tham khảo* là loại tài liệu mà người tạo lập VB tìm đọc và khai thác các thông tin bổ ích, cần thiết, có liên quan tới vấn đề được người đó trình bày trong VB.

– *Ý nghĩa của tài liệu tham khảo*: tài liệu tham khảo cho thấy tính kế thừa trong hoạt động tạo lập VB và mức độ ý thức của người viết về vấn đề bản quyền tác giả. Việc sử dụng tài liệu tham khảo trong VB giúp người đọc nhìn ra mối liên hệ giữa VB đang đọc với hàng loạt VB khác.

– *Khi ghi tài liệu tham khảo,* người viết cần cung cấp đủ thông tin về họ và tên tác giả, tên tài liệu cùng nơi xuất bản và thời gian xuất bản. Nếu đòi hỏi nghiêm ngặt hơn nữa, việc sắp xếp thứ tự tài liệu tham khảo và thứ tự của các thông tin trong một đơn vị tài liệu tham khảo cần tuân thủ đúng những quy định của các VB pháp lí về vấn đề này.

– *Việc trích dẫn tài liệu tham khảo* phải đảm bảo nguyên tắc trung thực, chính xác, dễ kiểm chứng và những nhận định, ý kiến được trích dẫn phải để trong ngoặc kép hoặc viết tách ra thành một khối chữ riêng nếu nó tương đối dài (kiểu sau được tác giả Thô-mát L. Phrít-man sử dụng trong VB *Thuỷ tiên tháng Một*).

❒ Tài liệu tham khảo

Để bổ sung kiến thức về một số vấn đề mang tính lí thuyết nêu ở trên và về đề tài, chủ đề được các VB thông tin trong bài đề cập, GV có thể đọc thêm các tài liệu sau đây:

1. Nguyễn Chí Bền, *Lễ hội cổ truyền của người Việt – Cấu trúc và thành tố*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 2015.

2. Mình là Hũ, *Sống xanh rồi mới sống nhanh*, NXB Kim Đồng, Hà Nội, 2020.

3. Nhiều tác giả, *Về vấn đề xây dựng thuật ngữ khoa học hiện đại*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1977.

4. Phân viện Báo chí và Tuyên truyền, *Danh từ, thuật ngữ khoa học – công nghệ và Khoa học về khoa học*, NXB Khoa học kĩ thuật, Hà Nội, 2002.

5. Team Loài Plastic, *Loài Plastic – Khi nhựa trỗi dậy*, NXB Kim Đồng, Hà Nội, 2020.

6. Thô-mát L. Phrít-man, *Nóng, Phẳng, Chật*, Nguyễn Hằng *dịch*, NXB Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 2016.

7. Lê Bạch Tuyết, *101 trò chơi dân gian dành cho trẻ mầm non*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2009.

2. Phương tiện dạy học

– GV chuẩn bị các ấn phẩm, tranh ảnh, phim ngắn,… nói về những vấn đề môi trường hay trò chơi, lễ tục được đề cập trong các VB đọc, đồng thời hướng dẫn HS tìm các tư liệu cùng loại để có thể sử dụng ngay trong giờ học. Lưu ý: tư liệu có xuất xứ rõ ràng, có thông tin khoa học đáng tin cậy.

– GV thiết kế "bài giảng" điện tử với bản trình chiếu PowerPoint (nếu điều kiện cho phép).

III TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

GIỚI THIỆU BÀI HỌC VÀ TRI THỨC NGỮ VĂN

Hoạt động 1 Tìm hiểu *Giới thiệu bài học*

GV cho HS đọc phần này trong SHS và nêu câu hỏi: *Đoạn văn thứ nhất giúp em nhận biết được gì về chủ đề của bài học? Đoạn văn thứ hai cho biết điều gì về loại, thể loại VB sẽ học và những nội dung cần thực hành? Hãy phát biểu suy luận của em về mối liên hệ giữa chủ đề bài học và loại VB chính cần phải đọc (Gợi ý: Loại, thể loại VB nào thích hợp nhất với việc thể hiện chủ đề này?).* Những điều cần chốt lại:

– Chủ đề được giới thiệu trong đoạn văn thứ nhất: tầm quan trọng của những hiểu biết về môi trường và quy luật tự nhiên, của việc lựa chọn thái độ ứng xử phù hợp, hài hoà với tự nhiên.

– Nhiệm vụ trọng tâm của bài học được báo trước trong đoạn văn thứ hai: đọc những VB (chủ yếu là VB thông tin) có liên quan tới vấn đề môi trường, lễ tục và thực hành viết, nói – nghe dựa trên cơ sở đó.

Hoạt động 2 Khám phá *Tri thức ngữ văn*

– HS đọc mục *Tri thức ngữ văn*, nêu cách hiểu của mình về nội dung từng phần và hỏi thêm về những điểm chưa rõ.

– GV khơi sâu vấn đề bằng các câu hỏi và yêu cầu, ví dụ:

+ VB thông tin thường sử dụng nhiều cách triển khai ý tưởng. Em hãy nêu những cách triển khai đã từng học và nói ngắn gọn về đặc điểm của chúng.

+ Em thường được tiếp xúc với những VB giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động trong trường hợp nào? Theo em, ý nghĩa của loại VB này là gì?

+ Khi đọc một VB, em có thường quan tâm đến cước chú không? Những cước chú đã hỗ trợ cho em như thế nào trong việc nắm bắt nghĩa của các từ ngữ và nội dung của VB?

+ Khi viết một bài văn, việc tìm đọc tài liệu tham khảo có ý nghĩa ra sao? Em đã tiếp thu được điều gì bổ ích từ cách sử dụng tài liệu tham khảo ở một số VB đã đọc?

– GV nhắc HS tự ghi những ý phân tích mở rộng đối với các nội dung đã có trong SHS.

ĐỌC VĂN BẢN VÀ THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

VĂN BẢN 1. THUỶ TIÊN THÁNG MỘT

(Thô-mát L. Phrít-man)

1. Phân tích yêu cầu cần đạt

– HS nhận biết và phân tích được cách triển khai VB thông tin vừa theo quan hệ nhân quả, vừa theo các tầng bậc khác nhau của chuỗi vấn đề được nói tới.

– HS nhận biết được ý nghĩa của các chi tiết, số liệu, cước chú và độ tin cậy của các tài liệu có trích dẫn trong VB thông tin.

– HS thấy được những tác động tai hại của hiện tượng biến đổi khí hậu đối với sự sống trên Trái Đất.

2. Gợi ý tổ chức hoạt động dạy học

Hoạt động 1 Khởi động

– Dựa vào các vấn đề hay câu hỏi được SHS gợi ý ở phần *Trước khi đọc*, GV giúp HS huy động những hiểu biết, trải nghiệm của bản thân về thời tiết, về những biến đổi khác lạ của môi trường sống để chuẩn bị cho việc đọc, tiếp nhận VB một cách tích cực.

– GV cũng có thể tổ chức hoạt động khởi động theo nhiều hình thức khác như chiếu đoạn phim ngắn, dẫn bản tin thời sự về thiên tai của báo, đài truyền hình,… Dù chọn hình thức nào, tất cả đều phải hướng đến nội dung trọng tâm của VB sắp được học: Con người đang đứng trước những thử thách khốc liệt do tình trạng biến đổi khí hậu đưa lại.

Hoạt động 2 Đọc văn bản

– GV phân công HS đọc (đọc to trước lớp), nhắc các em chú ý những chỉ dẫn về chiến lược đọc trong các thẻ đặt bên phải VB. Hai chiến lược đọc chủ yếu cần vận dụng là *theo dõi* và *liên hệ*. Đối với một VB thông tin để cập những vấn đề mang tính thời sự, đây là hai chiến lược đọc phù hợp nhất.

– Cần điều chỉnh về cách đọc đối với các từ mượn tiếng Anh có trong VB (Lưu ý: cách phiên âm nhân danh, địa danh và tên các tác phẩm nước ngoài thể hiện trong VB chỉ đảm bảo độ chính xác tương đối).

– GV nhắc HS đọc cước chú, chú ý tính đa dạng của những từ ngữ, nội dung cần cước chú để hiểu thêm về thông tin trong VB. Có thể gợi trước một số câu hỏi về vấn đề này nhằm lưu ý HS việc chuẩn bị cho tiết *Thực hành tiếng Việt* sau đó.

Hoạt động 3 Khám phá văn bản

– GV cho HS đọc phần giới thiệu về tác giả và xuất xứ của VB. Cần nhấn mạnh: Thô-mát L. Phrít-man là một nhà báo có uy tín, chuyên theo dõi những vấn đề mang tính toàn cầu, trong đó có vấn đề môi trường. Vì vậy, những thông tin mà ông đưa ra rất đáng được lắng nghe, suy nghĩ.

– GV hướng dẫn HS tìm hiểu bố cục của VB. Sau khi cho HS thảo luận, GV chốt lại và ghi lên bảng các thông tin cốt yếu. VB có 7 đoạn, có thể chia thành 3 phần: phần 1 (đoạn 1): nêu vấn đề cần thông tin (có thể đặt tiêu đề: *Cần hiểu thế nào về tình trạng biến đổi khí hậu?*); phần 2 (từ đoạn 2 đến đoạn 5): đưa thông tin khái quát về "sự bất thường của Trái Đất" do tình trạng biến đổi khí hậu gây nên (có thể đặt tiêu đề: *Biến đổi khí hậu và những tác động liên hoàn*); phần 3 (2 đoạn cuối): cung cấp bằng chứng xác thực về "sự bất thường của Trái Đất" (có thể đặt tiêu đề: *Những báo cáo và con số đầy ám ảnh*). GV cần thấy rằng việc đặt tiêu đề cho từng phần phân tích không hề mang tính khiên cưỡng, áp đặt. Nó hoàn toàn tương thích, phù hợp với cách trình bày VB thông tin thường thấy trên báo chí hiện nay.

– GV dựa vào hệ thống câu hỏi và yêu cầu trong SHS để hướng dẫn HS tìm hiểu sâu những thông tin và cách đưa thông tin của VB. Không nên sử dụng các câu hỏi có sẵn một cách cứng nhắc. Có thể đảo trật tự các câu hỏi, triển khai câu hỏi lớn thành các câu hỏi nhỏ để HS dễ trả lời. Trong khi phân tích lần lượt từng phần VB (như gợi ý ở trên), phải luôn chú ý bám sát mục tiêu của bài học.

– Khi hướng dẫn HS thực hiện các yêu cầu và trả lời những câu hỏi ở phần *Sau khi đọc* (mỗi câu gắn với một phần phân tích cụ thể nào đó), cần tham khảo các gợi ý sau:

Câu hỏi 1

– Câu hỏi này hướng tới việc tìm hiểu thông tin cơ bản của VB.

– Có nhiều cụm từ cần được liệt kê để lựa chọn (GV có thể lần lượt ghi lên bảng những cụm từ được HS phát hiện): *biến đổi khí hậu, sự nóng lên của Trái Đất, sự bất thường của Trái Đất, sự rối loạn khí hậu toàn cầu.* Trong số đó, cụm từ *sự nóng lên của Trái Đất* bị chính tác giả cho là không chính xác khi ông tán đồng (trong đoạn 5) những phân tích của nhà

nghiên cứu Giôn Hô-đơ-rơn. Với ba cụm từ còn lại, HS chọn cụm từ nào cũng có lí. GV nên để cho HS thảo luận, nêu lí lẽ của mình, qua đó giúp các em hiểu sâu thêm các khía cạnh của vấn đề, đồng thời ý thức được sự thận trọng cần có trong việc lựa chọn từ ngữ nhằm biểu đạt tốt nhất ý muốn nói.

Câu hỏi 2

– GV yêu cầu HS đọc lại phần cuối đoạn 2 để có thể trả lời được câu hỏi này.

– GV phân tích bổ sung sau khi HS trình bày ý kiến: Hoàn toàn có thể xem chi tiết hoa thuỷ tiên nở đầu tháng Một là một chi tiết "đắt" vì mấy lí do: 1. Chi tiết đó đã gợi ý cho tác giả tìm được một nhan đề ấn tượng, làm nảy sinh nhiều suy đoán khác nhau về nội dung sẽ được triển khai trong VB; 2. Nó cho thấy khi viết VB, tác giả đã kết hợp nhuần nhuyễn việc trình bày những thông tin mang tính khoa học với việc nêu những quan sát và trải nghiệm của bản thân – điều khiến VB thực sự có sức hấp dẫn; 3. Chi tiết mang tính điển hình, làm nổi bật được ý tưởng cơ bản: Chính sự biến đổi khí hậu đã dẫn đến bao nhiêu vận động dường như trái quy luật trong đời sống của muôn loài.

– Lưu ý: Câu hỏi 2 ở phần *Trước khi đọc* đã gián tiếp gợi ý cho HS về một cách tạo lập VB thông tin, tương tự cách mà tác giả VB đã thực hiện. Đó là: Trước khi bàn những vấn đề bao trùm, hãy bắt đầu từ những quan sát rất cụ thể về đời sống quanh ta.

Câu hỏi 3

– GV hướng dẫn HS chú ý tìm bằng chứng ở các đoạn 2, 3, 4, 5 của VB. Các bằng chứng quy tụ vào 2 nhóm: 1. Thời tiết thay đổi bất thường và diễn ra với tốc độ nhanh (hệ quả: thiên tai có quy mô lớn hơn, một số loài sinh vật hoặc biến mất do không kịp thích ứng hoặc phải thay đổi nhịp độ phát triển,…); 2. Thời tiết đồng thời tồn tại ở hai thái cực (nơi nắng hạn gay gắt; nơi mưa bão, lụt lội kinh hoàng).

– Việc yêu cầu bổ sung bằng chứng sẽ giúp HS biết cách xâu chuỗi những điều đã quan sát được, trên cơ sở đó hình thành cách nhìn nhận vấn đề ở tầm bao quát, vừa biết nắm bắt các biểu hiện bên ngoài của hiện tượng, vừa biết lí giải nguyên nhân.

Câu hỏi 4

– Cả 4 đoạn thuộc phần 2 của VB đều thể hiện rõ mối quan hệ nhân quả giữa các sự kiện được trình bày. Thực chất của việc trả lời câu hỏi *Vì sao?* là chọn một đoạn để phân tích cách triển khai và làm sáng tỏ thông tin của tác giả.

– Có thể cho HS làm việc nhóm, mỗi nhóm chọn phân tích một đoạn. Yêu cầu từng nhóm vẽ sơ đồ (có sử dụng hình mũi tên) biểu thị mối quan hệ nhân quả giữa các sự kiện.

Câu hỏi 5

– Câu hỏi bám sát một yêu cầu cần đạt của bài học, có tác dụng hình thành ở HS ý niệm ban đầu về cách sử dụng tài liệu tham khảo khi thực hành viết.

– Lưu ý HS về những câu, đoạn có ghi tên các nhân vật hay tên tài liệu được tác giả trích dẫn ý kiến. Đó là những dấu hiệu xác thực nhất cho thấy khi viết VB này, tác giả đã thu thập thông tin từ nhiều nguồn.

– Có thể nêu thêm câu hỏi: *Vì sao khi thực hành viết một VB, chúng ta cần phải tham khảo nhiều tài liệu? Việc nêu rõ nguồn tài liệu có ý nghĩa như thế nào?*

Câu hỏi 6

– Đây là câu hỏi giúp HS củng cố kiến thức đã học về một đặc điểm nổi bật của VB thông tin. Cần dựa vào hai đoạn cuối của VB (thuộc phần 3) để tìm câu trả lời.

– Khi phân tích, tổng hợp các ý kiến phát biểu, trao đổi của HS, cần chốt lại: Việc dẫn ra nhiều số liệu trong một VB, nhất là VB thông tin có tác dụng làm tăng tính thuyết phục cho điều tác giả muốn nói. Ngoài ra, nó còn cho thấy mức độ cập nhật thông tin của tác giả (số liệu đưa ra cũ hay mới, chỉ dựa vào một nguồn hay nhiều nguồn tài liệu,…).

– GV có thể phân tích thêm: Việc dẫn số liệu luôn có mối liên quan mật thiết với việc sử dụng nguồn tài liệu tham khảo. Số liệu được lấy từ VB đáng tin cậy (về chuyên môn, về pháp lí,…) mới thực sự thuyết phục được người đọc.

Câu hỏi 7

– Câu hỏi không giới hạn nội dung trả lời. Tuy nhiên, GV cần hướng HS (cả lớp) xoáy vào hai vấn đề chính: 1. *VB giúp em hiểu như thế nào về vấn đề biến đổi khí hậu trên Trái Đất hiện nay?*; 2. *Đọc VB "Thuỷ tiên tháng Một", em có thêm kiến thức gì về VB thông tin nói chung (cách triển khai ý tưởng, sử dụng cước chú, tài liệu tham khảo, các số liệu,…)?*

– GV có thể nêu vấn đề mới để HS thảo luận, tuỳ điều kiện dạy học và diễn biến cụ thể của giờ học: *Nếu cần viết một VB thông tin về vấn đề môi trường trên Trái Đất, em có thể viết gì? Hãy phác thảo hướng thực hiện bài viết đó.*

Hoạt động 4 Viết kết nối với đọc

– GV cần dành khoảng 5 – 7 phút cuối của giờ học cho HS viết.

– GV gợi ý bằng các câu hỏi: *Vì sao hiện tượng biến đổi khí hậu khiến cả loài người quan tâm? Những tác hại mà nó gây ra cho sự sống trên Trái Đất là gì? Hãy chỉ ra những biểu hiện cụ thể của hiện tượng biến đổi khí hậu ở địa phương em.*

– GV có thể chọn ngẫu nhiên một số đoạn văn được HS hoàn thành sớm để nhận xét.

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

CƯỚC CHÚ VÀ TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phân tích yêu cầu cần đạt

– HS nhận biết được đặc điểm, chức năng của cước chú và vị trí đặt cước chú.

– HS nhận biết được ý nghĩa, tác dụng của tài liệu tham khảo và cách sử dụng tài liệu tham khảo trong VB.

2. Gợi ý tổ chức hoạt động dạy học

Hoạt động 1 Hình thành kiến thức mới

– Trước hết, GV yêu cầu HS làm việc nhóm để thực hiện các bài tập. Sau đó, cho các em

trình bày kết quả và nhận xét về sản phẩm của nhau. Cần lưu ý: Một số câu hỏi *Sau khi đọc* (câu 5 và câu 6) dưới VB *Thuỷ tiên tháng Một* đã báo trước hay mở đường cho việc thực hành ở đây, vì vậy, trong khi hướng dẫn HS làm bài tập, GV cần nhắc các em nhớ lại những vấn đề đã được làm rõ ở tiết đọc VB.

– Hướng dẫn thực hiện bài tập:

+ Bài tập 1 đòi hỏi HS phân biệt được các loại từ ngữ, nội dung cần có cước chú (tức là cần được giải thích). Chức năng của các loại cước chú đã ghi sẵn trong bảng, HS chỉ cần điền tên những từ ngữ, nội dung cụ thể vào cột phù hợp (tương thích với ví dụ đã nêu). Cụ thể, với cột *Từ ngữ được giải thích nghĩa*, cần ghi: *thái cực, đồng nhất, hải lưu, cực đoan*; với cột *Đối tượng được cung cấp thông tin về xuất xứ*, cần ghi: Ảnh của Quốc Trung; *Thoai-lai Dôn*, (Thô-mát L. Phrít-man, *Nóng, Phẳng, Chật*, Nguyễn Hằng *dịch*, NXB Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 2016, trang 179 – 181); với cột *Sự vật, hiện tượng được miêu tả, giải thích*, cần ghi: *Min-ne-xô-ta, hiện tượng "nước trồi"*.

+ Bài tập 2 giúp HS có được kiến thức toàn diện về đặc điểm của cước chú, bao gồm: *các thành phần của cước chú, vị trí đặt cước chú, nội dung cước chú, ngôn ngữ của cước chú*. Ở cột thứ nhất, HS có thể ghi: *kí hiệu đánh dấu đối tượng được chú thích (tương ứng với kí hiệu xuất hiện ở phần chính của VB); tên của đối tượng được chú thích; phần giải thích của tác giả hay của người biên soạn sách*. Ở cột thứ hai, có thể ghi: *chân trang; cuối VB*. Ở cột thứ ba, có thể ghi: *giải thích nghĩa của từ ngữ, thuật ngữ; cung cấp thông tin về xuất xứ của đối tượng; giải thích sự vật, hiện tượng được nói tới*. Ở cột thứ tư, có thể ghi: *ngắn gọn, rõ ràng*.

+ Các bài tập 3 và 4 hướng tới 2 mục tiêu: thứ nhất, kiểm tra vốn từ của HS; thứ hai, rèn luyện kĩ năng ghi cước chú cho HS (tiếp nối những điều đã thực hiện được với bài tập 2). GV cần dựa vào câu trả lời và việc làm thực tế của HS để nhận xét, góp ý, sửa chữa và định hướng hoạt động. Khi HS thực hiện yêu cầu ở bài tập 4, cần nhắc các em đọc nội dung ở khung thứ nhất bên phải (*Cách ghi cước chú*).

+ Các bài tập 5, 6, 7 hướng vào việc tìm hiểu, thực hành nội dung thứ hai của tiết Thực hành tiếng Việt, liên quan tới vấn đề *tài liệu tham khảo*. Qua việc cho HS trao đổi với nhau trong quá trình làm bài tập (theo từng nhóm), GV giúp hình thành ở các em ý thức mở rộng vốn đọc và thái độ tôn trọng bản quyền tác giả.

• Bài tập 5 tập trung vào việc nhận biết *cách tác giả cung cấp thông tin về tài liệu tham khảo* đã sử dụng trong VB. GV có thể nhắc HS xem lại câu hỏi 5 ở phần *Sau khi đọc* (SHS, trang 82) để hiểu rõ hơn về yêu cầu của bài tập (*Hãy chỉ ra những dấu hiệu chứng tỏ khi viết VB này, tác giả đã sử dụng nhiều tài liệu tham khảo cần thiết*). Tài liệu tham khảo có khi liên quan đến một thuật ngữ được sử dụng. Trong trường hợp đó, tác giả nhắc đến tên người đã đề xuất thuật ngữ, như Hân-tơ Lo-vin với thuật ngữ *sự bất thường của Trái Đất* (ở đầu đoạn 2). Tài liệu tham khảo có khi liên quan đến một quan điểm đánh giá. Ở đây, tác giả cũng đã nêu tên người có ý kiến được trích dẫn như Giôn Hô-đơ-rơn (ở đầu đoạn 5). Trong đoạn 6 và 7 của VB, tác giả ghi rõ các đoạn trích được lấy từ VB nào, của ai và xuất bản vào thời gian nào. Nói chung, trong *Thuỷ tiên tháng Một*, việc *cung cấp thông tin về tài liệu tham khảo* luôn được tác giả lưu ý, xem đó như một điều mang tính bắt buộc.

• Bài tập 6 yêu cầu nhận biết được sự khác nhau giữa những *cách ghi nguồn tài liệu tham khảo*. Cách tác giả Thô-mát L. Phrít-man đã làm không đòi hỏi phải thực hiện nhiều thao tác như cách được giả định trong bài tập. Với cách sau, tác giả phải sắp xếp các đơn vị tài liệu tham khảo theo quy ước và đánh số cho từng đơn vị. Khi ghi thông tin về một đơn vị tài liệu tham khảo, cần sắp xếp theo trật tự: tác giả của tài liệu; thời gian xuất bản (đặt trong ngoặc đơn); tên của tài liệu (in thẳng, đặt trong ngoặc kép nếu đó là một bài đăng trên báo, tạp chí hoặc in nghiêng, không đặt trong ngoặc kép nếu đó là một cuốn sách hay ấn phẩm độc lập); nơi xuất bản (báo nào đăng hay nhà xuất bản nào in; nếu là báo điện tử thì phải ghi rõ đường link). Yêu cầu sau của bài tập có thể là một thách đố với nhiều HS, nhưng dù sao nó cũng nhắc các em bước đầu có ý thức quan sát thể thức trình bày một VB chứa đựng nhiều thông tin cần được kiểm chứng, xác nhận.

• Bài tập 7 yêu cầu HS lập bảng để nêu nhận xét về *tác dụng của việc viện dẫn thông tin và sử dụng tài liệu tham khảo trong VB "Thuỷ tiên tháng Một"*. GV cho HS làm việc cá nhân hoặc theo nhóm để hoàn thành bài tập, sau đó nêu vấn đề để cả lớp cùng thảo luận. Nhắc HS khi ghi thông tin vào bảng, cần xem xét tác dụng của việc viện dẫn thông tin và sử dụng tài liệu tham khảo ở từng trường hợp cụ thể đã được liệt kê, tránh nói chung chung.

Hoạt động 2 Luyện tập, vận dụng

– Có thể phát triển bài tập 4 thành một bài luyện tập có nội dung cụ thể và phong phú hơn về việc chọn đối tượng cần có cước chú và cách ghi cước chú. Gợi ý: *Hãy ghi cước chú cho một hoặc một số từ ngữ, đối tượng có trong VB theo lựa chọn của em (không thực hiện điều này với những từ ngữ, đối tượng đã được giải thích trong sách)*. GV có thể cho các em thảo luận theo nhóm và mỗi nhóm hoàn thành một phiếu có mẫu sau:

STT	Từ ngữ, đối tượng cần ghi cước chú	Nội dung của cước chú
...	...	...
...	...	...

– GV có thể giới thiệu cho HS một VB thông tin khác (bản phô-tô hay bản trình chiếu) và yêu cầu các em nhận xét về quy cách sử dụng tài liệu tham khảo được thể hiện trong VB đó.

VĂN BẢN 2. LỄ RỬA LÀNG CỦA NGƯỜI LÔ LÔ

(Phạm Thuỳ Dung)

1. Phân tích yêu cầu cần đạt

– HS nhận biết được đặc điểm của VB giới thiệu về một lễ tục với nhiều hoạt động cụ thể được thực hiện theo những quy định chặt chẽ.

– HS nhận biết được tác dụng biểu đạt của một kiểu phương tiện phi ngôn ngữ trong VB in.

– HS nêu được những thu hoạch bổ ích về lối sống tôn trọng tự nhiên, hoà điệu với tự nhiên.

2. Gợi ý tổ chức hoạt động dạy học

Hoạt động 1 Khởi động

– GV sử dụng các câu hỏi và gợi ý ở phần *Trước khi đọc* để dẫn dắt HS vào nội dung chính của bài học một cách tự nhiên.

– GV gợi ý cho HS nhớ tên một số vị thần được người Việt xưa thờ cúng, biểu thị sự tôn trọng, thậm chí kính sợ đối với các lực lượng của tự nhiên như thần Đất, thần Rừng, thần Sông, thần Biển, thần Cây,… Cũng cần nhắc đến một số lễ tục còn được duy trì đến ngày hôm nay cho thấy cách ứng xử đầy nhân văn của tổ tiên xưa đối với những ân huệ mà tự nhiên ban tặng cho con người: lễ cúng cơm mới, lễ cầu mưa, lễ cầu ngư,…

– Nếu có điều kiện, GV trình chiếu cho HS xem một số đoạn phim ngắn về các lễ tục, trò chơi, hoạt động. Chú ý chọn đoạn có sự hiện diện của người chủ trì hay dẫn chương trình với phần giới thiệu về quy trình thực hành lễ tục, thể lệ trò chơi, hoạt động. Cho HS nêu nhận xét về những gì được nghe, thấy xung quanh việc giới thiệu này.

Hoạt động 2 Đọc văn bản

– GV yêu cầu một số HS đọc VB trước lớp. Qua việc giao cho mỗi em đọc một phần, GV giúp các em bước đầu nhận ra mạch triển khai của VB, bắt đầu từ những gợi mở của nhan đề.

– GV lưu ý về cách đọc: nhấn mạnh những câu in nghiêng ở phần mở đầu VB; bộc lộ thái độ thích thú, ngạc nhiên trước phần dẫn giải về lễ tục; sử dụng giọng rành rẽ, khúc chiết khi thể hiện các đoạn miêu tả từng bước thực hành lễ tục;… Nhắc HS không bỏ qua các thẻ gợi ý về chiến lược đọc đặt bên phải của VB để có thể lĩnh hội thông tin một cách chủ động, hiệu quả.

Hoạt động 3 Khám phá văn bản

– SHS không có phần giới thiệu về tác giả. Tuy vậy, nếu thấy cần thiết, GV có thể nêu một vài thông tin như: Phạm Thuỳ Dung là một cây bút có bài viết xuất hiện đều đặn trên tạp chí *Di sản (Heritage)* của Hãng Hàng không Quốc gia Việt Nam (Vietnam Airlines). Các bài viết của chị đã đưa đến cho người đọc nhiều thông tin thú vị về cuộc sống muôn màu trên mọi miền của Tổ quốc.

– Khi hướng dẫn HS tìm hiểu VB, GV cần sử dụng các câu hỏi được gợi ý ở mục *Sau khi đọc* một cách hợp lí. Có thể phát triển các câu hỏi đã có thành nhiều câu hỏi nhỏ, giúp HS trả lời dễ dàng hơn.

Câu hỏi 1

– Đây là câu hỏi thuộc loại *nhận biết*, yêu cầu HS nêu những thông tin chính tiếp nhận được từ VB đồng thời cũng gợi ý cho các em cách tìm hiểu bố cục VB. Theo mạch triển khai của tiết học, ở hoạt động 3, đây là câu hỏi nên được đặt ra đầu tiên.

– GV có thể cho HS làm việc nhóm để xây dựng một sơ đồ đơn giản về bố cục của VB. Khi chi tiết hoá các phần của sơ đồ, toàn bộ yêu cầu của câu hỏi cũng được giải quyết trọn vẹn.

– Sơ đồ đạt nhất cần được vẽ lên bảng hoặc chiếu lên màn hình, làm căn cứ cho việc triển khai những hoạt động phân tích tiếp sau.

Câu hỏi 2

– Câu hỏi bám sát yêu cầu cần đạt của bài học, tập trung vào việc tìm hiểu đặc điểm loại VB thông tin giới thiệu về một hoạt động với các luật lệ riêng của nó. Việc trả lời câu hỏi này không chỉ giúp HS nhận ra được tính thống nhất của VB mà còn nhìn thấy được cách triển khai bài viết sẽ được thực hiện ở phần sau của bài học.

– GV hướng dẫn HS tìm câu trả lời: Viết VB này, mục đích của tác giả là giới thiệu với người đọc về một lễ tục lạ nhưng hết sức có ý nghĩa của người Lô Lô. Với ý thức luôn làm tươi mới, thanh sạch không gian sinh tồn của mình, qua lễ tục này, người Lô Lô đã tạo nên một giá trị văn hoá thực sự đáng quý, cần được lưu giữ, phát huy. Để thực hiện mục đích giới thiệu, tác giả đã trần thuật một cách tỉ mỉ từng việc làm, hành động theo nghi thức diễn ra trong lễ rửa làng, không quên nhấn mạnh những điểm lạ về lễ vật và cách thức tiến hành. Có thể nói, VB giống như một cuốn phim sống động, giúp người đọc như nhìn thấy được tường tận những gì đã diễn ra tại bản làng người Lô Lô. Ảnh minh hoạ được in kèm VB cũng góp phần trực quan hoá những gì được thể hiện bằng ngôn ngữ.

Câu hỏi 3

– Theo yêu cầu của câu hỏi, HS phải phân biệt được hai loại hoạt động trong một sự kiện: hoạt động thực hiện theo luật lệ và hoạt động nằm ở vùng "ngoại vi", tức là loại có thể được thực hiện một cách tự do. Việc phân biệt này sẽ giúp người đọc có được định hướng đúng khi đánh giá một VB thông tin được viết ra nhằm mục đích giới thiệu về một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động.

– Những ý cần được nêu lên (chú ý theo dõi các thẻ đọc):

+ Hoạt động theo luật lệ: chọn ngày tổ chức; sắm sanh đồ lễ; mời thầy cúng làm lễ khấn xin tổ tiên đồng ý; diễu hành trong làng với các đồ lễ và dụng cụ cần thiết; tiếp đón đoàn diễu hành; thực hiện việc không để người lạ vào làng trong vòng 9 ngày sau lễ cúng.

+ Hoạt động tự do: quần tụ vui chơi, ăn tiệc, uống rượu mừng,…

– GV có thể nêu thêm một số câu hỏi phụ gợi ý cho HS trả lời: *Loại hoạt động nào được tác giả miêu tả cụ thể, chi tiết hơn cả? Vì sao? Theo em, những quan niệm chi phối việc tuân thủ luật lệ một cách nghiêm ngặt ở một số hoạt động là gì?*

Câu hỏi 4

– Câu hỏi định hướng đánh giá khả năng bao quát của tác giả về toàn bộ sự việc cũng như chiều sâu của cái nhìn về đối tượng được trần thuật.

– GV yêu cầu HS đọc rà soát VB theo từng đoạn để phát hiện ra những chi tiết, thông tin thể hiện tính cộng đồng của các hoạt động trong ngày lễ. Một số chi tiết, thông tin cần được nêu lên: *người Lô Lô* ***ngồi lại cùng nhau*** *chọn ngày tổ chức lễ rửa làng, thống nhất việc mời thầy cúng và phân công mọi người sắm sanh đồ lễ;* ***Đoàn người*** *sẽ cùng nhau* ***đi khắp các nhà, suốt các hang cùng ngõ hẻm*** *trong làng bản, vừa đi vừa gõ chiêng trống rộn ràng nhằm đánh thức những điều đẹp đẽ ngủ quên và xua đi những rủi ro ám ảnh;* ***Mọi người hoan hỉ*** *ăn tiệc, uống rượu mừng rồi mới ai về nhà nấy, bắt đầu ba năm yên ổn sinh sống và làm ăn;…*

– GV nêu câu hỏi khác để HS thảo luận, nhằm tìm hiểu sâu hơn về vấn đề: *Có thể giải thích như thế nào về sự tồn tại bền vững của lễ tục rửa làng?*

Câu hỏi 5

– Câu hỏi này thuộc loại câu hỏi *vận dụng*, đòi hỏi HS phải đúc rút được kinh nghiệm viết một loại VB thông tin sẽ được yêu cầu thực hiện ở phần *Viết* của bài học.

– GV cho HS thảo luận nhóm để đi đến thống nhất về các điểm lớn: bố cục của VB; loại thông tin cần được trần thuật, miêu tả cụ thể, chi tiết; việc thể hiện quan điểm đánh giá về trò chơi hay hoạt động (thể hiện như thế nào, các ý cần được đặt ở phần nào của VB,…); việc sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ;…

– Nếu có đủ thời gian và điều kiện, GV có thể giới thiệu cho HS biết về một số VB cùng loại khác (qua việc trình chiếu, phô-tô VB,…), giúp các em có được ý niệm tương đối hoàn chỉnh về VB giới thiệu về quy tắc hoặc luật lệ của một trò chơi hay hoạt động.

Hoạt động 4 Viết kết nối với đọc

– GV có thể dành khoảng 5 phút cuối giờ học để HS thực hiện yêu cầu này.

– GV cần lưu ý HS: Nội dung chính của đoạn văn là cảm nhận của cá nhân người viết về những giá trị sống được kết tinh ở lễ rửa làng chứ không phải thuật lại điều đã được trình bày trong VB đọc. Để có định hướng đúng khi viết, HS có thể đọc lại phần *Giới thiệu bài học*.

VĂN BẢN 3. BẢN TIN VỀ HOA ANH ĐÀO

(Nguyễn Vĩnh Nguyên)

1. Phân tích yêu cầu cần đạt

– HS thấy được cách đặt vấn đề độc đáo của tác giả bài tản văn về việc xây dựng nếp sống hài hoà với thiên nhiên cho con người thời hiện đại.

– HS củng cố được khái niệm tản văn đã học ở học kì I và thấy được những mối quan tâm chung được thể hiện trong ba VB đọc của bài học.

2. Gợi ý tổ chức hoạt động dạy học

Hoạt động 1 Khởi động

– GV có thể dẫn dắt bằng một số câu hỏi và yêu cầu như: *VB 1, VB 2 của bài học thuộc loại VB nào và đã nêu lên những vấn đề gì? Phải chăng ngoài VB thông tin, người ta hoàn toàn*

có thể sử dụng các loại, thể loại VB khác để thể hiện mối quan tâm về Trái Đất và về môi trường sống? Hãy kể tên những tác phẩm nghệ thuật mà em biết (thơ, truyện, kí, nhạc, hoạ,...) có thể được xếp vào chủ đề "Hoà điệu với tự nhiên".

– GV khơi gợi trải nghiệm: *Em đã biết gì về Đà Lạt? Trong cảm nhận của du khách muôn phương, điều làm nên giá trị nổi bật của Đà Lạt là gì?* Lưu ý: Cùng với việc đặt ra những câu hỏi khơi gợi như trên, GV có thể trình chiếu cho HS xem một số hình ảnh về hoa hay về thiên nhiên thơ mộng nói chung của Đà Lạt.

Hoạt động 2 Đọc văn bản

– GV cần cho HS đọc VB trước lớp khoảng 2 lần (vì VB tương đối ngắn). Nhắc các em xem kĩ cước chú để hiểu thấu đáo hơn về nghĩa của các từ ngữ khó.

– Lưu ý HS về cách đọc: Chú ý nhấn giọng khi đọc những từ ngữ thể hiện trực tiếp quan điểm đánh giá của tác giả đối với các bản tin về hoa. Cũng cần ngắt giọng đúng khi gặp những câu văn dài, đầy tính biểu cảm như hai câu có liên hệ đến nhân vật hoàng tử bé trong tác phẩm của Xanh-tơ Ê-xu-pe-ri.

Hoạt động 3 Khám phá văn bản

– VB được chia thành nhiều đoạn ngắn (ngay câu đầu tiên cũng được viết tách ra như một đoạn độc lập). Nếu tuần tự đi theo từng đoạn như thế, GV sẽ khó giúp HS nêu được những nhận xét khái quát về nội dung và ý nghĩa của VB. Vì vậy, có thể khám phá VB qua các phần lớn như sau: 1. *Giới thiệu về người bạn kí giả với những bản tin về hoa anh đào* (câu mở đầu và hai đoạn văn tiếp đó); 2. *Cảm nhận và hình dung về tình thế khó xử của người viết tin* (ba đoạn văn kế tiếp); 3. *Suy ngẫm từ những bản tin về hoa* (hai đoạn văn cuối cùng). Lưu ý: Ở trên chỉ là một gợi ý để tham khảo, GV hoàn toàn có thể thực hiện những phương án chia bố cục khác. Cần khuyến khích HS thảo luận về việc đặt tên cho từng phần của VB để tránh gây cảm giác áp đặt. Khi đặt tên, nên làm rõ vai trò của nhân vật "tôi" (tác giả) trong việc dẫn dắt câu chuyện, nêu vấn đề và mở rộng vấn đề.

– Hướng dẫn HS khám phá VB trên cơ sở trao đổi, thảo luận về những câu hỏi *Sau khi đọc* được nêu trong SHS.

Câu hỏi 1

– Câu hỏi này thực ra không dễ trả lời vì nó đòi hỏi người đọc phải có một cảm nhận tinh tế. Từ *bản tin* có thể gây hiểu nhầm rằng VB là một bản tin về hoa anh đào. Đây chính là yếu tố "gây nhiễu" thú vị mà khi vượt qua, HS sẽ có cơ hội thấy được đặc điểm riêng về thể loại của VB đang học. GV cần giúp các em phân biệt được sự khác nhau giữa hai đối tượng: VB với tư cách là *một bản tin* và VB với tư cách là *một tác phẩm văn học lấy cảm hứng từ một bản tin*.

– Khi trả lời câu hỏi, HS có thể trực tiếp nêu suy đoán của các em hoặc nêu những khả năng suy đoán về nội dung tác phẩm của người đọc nói chung. Tuỳ vào sự đáp ứng của HS đối với tình huống học tập này, GV có thể khơi sâu vấn đề bằng một số câu hỏi khác, ví dụ: *Nếu bản tin về hoa anh đào là yếu tố gợi cảm hứng, vậy nội dung của cảm hứng đó có thể là gì*

và nó sẽ được phát triển như thế nào? Nhìn chung, với câu hỏi này, GV cần gây cho HS sự tò mò, chú ý về nội dung và mạch triển khai của VB.

Câu hỏi 2

– Đây là câu hỏi có tác dụng nhắc HS về một nguyên tắc đọc: phải bám sát VB trước khi đưa ra những nhận xét, đánh giá.

– GV có thể lần lượt ghi lên bảng những từ ngữ được HS phát hiện từ các đoạn khác nhau của VB. Sau đó, cho các em tự nhận xét về những từ ngữ đã được liệt kê và gạch bỏ những từ ngữ không "thể hiện trực tiếp quan điểm đánh giá của tác giả đối với các bản tin nhỏ mà người bạn nhà báo đã viết về hoa anh đào". Cần nhắc HS lưu ý các từ ngữ sau: *nể phục, thông điệp giá trị, vô cùng ý nghĩa.*

– Để giúp HS trả lời được vế sau của câu hỏi, GV có thể gợi ý bằng các câu hỏi phụ: *Tác giả có quá lời không? Quan điểm đánh giá đó có điều gì khác thường? Nó có thể được người khác tán đồng, chia sẻ một cách dễ dàng hay không? Căn cứ để tác giả nêu quan điểm đánh giá đó là gì?* GV cho HS thảo luận về câu trả lời theo nhóm và theo phạm vi toàn lớp học. Tuy không áp đặt ý kiến nhưng GV hoàn toàn có thể định hướng: Tác giả đã nêu quan điểm đánh giá của mình một cách hết sức nghiêm túc, dựa trên sự hiểu biết sâu sắc về tình hình báo chí nói riêng, hiện trạng xã hội nói chung.

Câu hỏi 3

– Câu hỏi đưa HS đi vào tìm hiểu điểm then chốt đã giúp tác giả hình thành ý tưởng cho bài tản văn. Cần xem đây là câu hỏi trung tâm của tiết học, phải được dành một khoảng thời gian thích đáng để giải đáp.

– GV cho HS thảo luận nhóm về các vấn đề: *Khó khăn, chướng ngại mà tác giả nói tới có thực tồn tại không? Nếu có, đó là gì? Nó đến từ đâu (từ chính người viết hay từ độc giả; từ bản thân thông tin về hoa hay từ những đòi hỏi mang tính đặc thù của thông tin báo chí; từ chuyện chuyên môn thuần tuý hay từ môi trường xã hội,...)?*

– GV định hướng trả lời: Việc cho ra đời một tác phẩm (dù là một bản tin báo chí) luôn phụ thuộc vào nhiều yếu tố: yêu cầu của toà soạn; tâm lí tiếp nhận của độc giả; sự thấu hiểu vấn đề của người viết; cuộc đấu tranh nội tâm của người viết khi muốn chuyển tải một thông điệp có ý nghĩa trong hoàn cảnh không hoàn toàn thuận lợi;... Ở đây, quả thực người bạn của tác giả đã đứng trước những nghi ngờ của người đọc khi họ có thể cho đó là "thứ xa xỉ viễn mơ". Nhân vật kí giả cũng đã lường tính đến sự xuất hiện "lạc lõng" của bản tin về hoa trên mặt báo vốn đầy những thông tin phồn tạp về đời sống đương đại. Đặc biệt, anh phải đối diện với chính nghi ngờ của bản thân mình: Câu chuyện về hoa "có phải hoặc có nên là một bản tin?". Rõ ràng, tất cả những điều đó đã làm nên "khó khăn", "chướng ngại" đối với người viết báo – bạn của tác giả. Thông qua việc nhấn mạnh những "khó khăn", "chướng ngại" trên, tác giả Nguyễn Vĩnh Nguyên đã nêu được một hiện trạng đáng suy nghĩ. Đó là, trong cuộc sống hiện đại, con người thường bị cuốn theo nhịp sống hối hả nên nhiều khi đã để lạc mất cảm giác rung động trước vẻ đẹp của thiên nhiên, làm mai một thói quen tự vấn về lối sống của chính mình, không tạo được khoảng lặng cần thiết cho tâm trí để trả

lời một câu hỏi hệ trọng: *Cái gì đã làm nên vẻ đẹp và linh hồn của nơi mình đang sống (cụ thể ở đây là Đà Lạt)?*

Câu hỏi 4

– Đây là một trong những câu hỏi nhằm tới mục tiêu giúp HS nhận ra chất tản văn của VB gắn liền với yếu tố cảm xúc và những liên hệ, liên tưởng vừa bất ngờ, vừa tự nhiên. GV có thể nêu vấn đề: *Có thể đặt ra một câu hỏi tương tự cho hai VB đầu tiên của bài học không? Vì sao?*

– Trước hết, GV cần nhắc HS chú ý những từ ngữ có thể nói lên sự đồng điệu giữa tác giả và người bạn của mình – một kí giả. Tiếp đó, định hướng cho các em phân tích vấn đề theo một số câu hỏi phụ như: *Vì sao có sự đồng điệu giữa tác giả và nhân vật được nói tới trong bài tản văn? Đoạn văn thuật lại sự "hình dung", tưởng tượng của tác giả về tâm trạng người bạn viết cho ta biết điều gì? Việc tác giả liên hệ, so sánh người bạn với hoàng tử bé có ý nghĩa như thế nào?...*

– Sau khi cho HS nêu các ý thảo luận, GV có thể chốt lại:

Bản tin về hoa anh đào đã thể hiện tính chất của thể loại tản văn khá đậm nét: thấm đượm cảm xúc; có những liên hệ, liên tưởng phóng khoáng nhưng tất cả kết nối với nhau chặt chẽ. Đặt mình vào vị trí của một người đọc, tác giả đã thể hiện tâm trạng hân hoan chờ đợi các bản tin về hoa và có những đánh giá cao về chúng. Đặt mình vào vị trí một người viết, tác giả phần nào đã nhập thân vào nhân vật, hình dung được một cách hết sức cụ thể về những suy tư, trăn trở âm thầm trong anh khi anh muốn viết những bản tin nhỏ về hoa. Chính nhờ sự đồng điệu này mà điều tác giả muốn nhắn gửi qua *Bản tin về hoa anh đào* không còn là tâm sự thuần tuý cá nhân nữa. Nó đã trở thành tiếng nói chung, thực sự mang tính đại diện, chạm vào một vấn đề đang khiến bao người băn khoăn tìm lời giải đáp – vấn đề xây dựng lối sống phù hợp, hoà vào nhịp điệu vĩnh cửu của cỏ cây, hoa lá, của thiên nhiên.

Câu hỏi 5

– Có thể có nhiều đáp án cho câu hỏi về thông điệp của một VB nào đó. Tuỳ góc độ nhìn nhận, tuỳ trải nghiệm, người ta có thể đưa ra những câu trả lời rất khác nhau. Với VB *Bản tin về hoa anh đào* cũng vậy. Tuy nhiên, trong phạm vi của một bài học cụ thể, chính việc quan tâm tìm hiểu mối liên hệ giữa các VB sẽ đưa tới những phát biểu mang tính tập trung về vấn đề này. Đây là điều GV cần hiểu rõ để việc định hướng hoạt động cho HS không sa vào tình trạng rập khuôn, cứng nhắc.

– GV nhắc các em chú ý những câu văn, chi tiết mà ở đó thái độ của tác giả được bộc lộ trực tiếp (với câu hỏi 2, HS phần nào đã thực hiện việc này), đặc biệt, phải chú ý đọc kĩ đoạn cuối của VB. Có thể chốt lại: Qua những suy ngẫm trước các bản tin về hoa anh đào, tác giả muốn hướng người đọc tới thái độ biết nâng niu từng vẻ đẹp của thiên nhiên, biết điều chỉnh thái độ sống, cách sống để tìm được niềm hạnh phúc trong sự giao hoà với tạo vật. Cũng theo tác giả, trên vấn đề định hướng giá trị sống, hoạt động báo chí cần phải có những thay đổi tích cực trong cách chọn và đưa thông tin tới độc giả.

Câu hỏi 6

– Câu hỏi này một mặt muốn kiểm tra mức độ đọc hiểu VB của HS, mặt khác gợi cho các em nêu những suy nghĩ chân thật về một vấn đề hệ trọng: tâm hồn mỗi người cần được nuôi dưỡng như thế nào.

– GV có thể nêu các câu hỏi nhỏ để gợi ý cho HS trả lời: *Ở đoạn cuối của VB, tác giả đã bộc lộ mong muốn gì? Em có đồng tình, chia sẻ với những điều được tác giả phát biểu không? Theo em, trong cuộc sống hiện nay, tâm hồn của con người đang "đói" những gì?* GV không nhất thiết phải đưa ra một kết luận theo lối thông thường về vấn đề được trao đổi ở đây. Điều quan trọng là tạo được không khí thoải mái cho các em bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng trước một vấn đề chưa thể có lời đáp cuối cùng.

– GV hướng dẫn HS tổng hợp những điều đã phân tích để đưa ra nhận định khái quát về nội dung và ý nghĩa của VB, đặc điểm thể loại của VB (trong sự so sánh với hai VB đã được học trước đó).

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

NGHĨA CỦA MỘT SỐ YẾU TỐ HÁN VIỆT THÔNG DỤNG VÀ NGHĨA CỦA NHỮNG TỪ CÓ YẾU TỐ HÁN VIỆT ĐÓ

1. Phân tích yêu cầu cần đạt

– HS hiểu được nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng.

– HS nắm được cách xác định nhanh nghĩa của những từ có yếu tố Hán Việt thông dụng đó.

2. Gợi ý tổ chức hoạt động dạy học

Hoạt động 1 Hình thành kiến thức mới

– GV nêu (ghi tên) bài học, chia HS theo nhóm hoạt động, yêu cầu các nhóm thảo luận và thực hiện những bài tập có trong SHS.

– Gợi ý thực hiện các bài tập:

+ Bài tập 1 yêu cầu HS trong khi giải quyết một yêu cầu cụ thể liên quan đến từ *tín ngưỡng*, cần đọc thông tin trong khung bên phải để nắm được cách thực hành. Theo điều được chỉ dẫn trong đó, cần tách từ *tín ngưỡng* thành 2 yếu tố là *tín* và *ngưỡng*. Với yếu tố *tín*, có thể nghĩ đến những từ mà ở đó yếu tố này hiện diện như: *uy tín, bất tín, thất tín, tín nhiệm, tín đồ, tín tâm, tín niệm, điện tín, thư tín, ấn tín,...* Với yếu tố *ngưỡng*, có thể nghĩ đến những từ như: *chiêm ngưỡng, ngưỡng vọng, kính ngưỡng, ngưỡng mộ,...* Dù yếu tố *tín* cũng như *ngưỡng* có nhiều nghĩa cụ thể (*tín*: 1. đức tính thật thà; 2. tin, tin tưởng; 3. thư từ; 4. bằng cứ và *ngưỡng*: 1. ngước lên; 2. kính mến), nhưng trong mối quan hệ ràng buộc với nhau, có thể xác định rằng trong từ *tín ngưỡng* thì *tín* có nghĩa là *tin, tin tưởng* và *ngưỡng* có nghĩa là *kính mến* (nghĩa chung của từ *tín ngưỡng*: tin theo một tôn giáo hoặc một giá trị thiêng liêng nào đó).
Lưu ý: Khi hướng dẫn HS thực hiện bài tập này, GV cần tra cứu tài liệu cẩn thận để có thể

giúp HS hiểu đúng nghĩa các yếu tố trong một từ Hán Việt, tránh nói chung chung hoặc tuỳ tiện.

+ Bài tập 2 thuộc loại bài tập đã được thực hành nhiều lần ở các bài học trước. Điểm mới ở đây là qua việc làm bài tập, HS cần hình dung được một cách rõ ràng về các bước nên tiến hành khi muốn giải thích nghĩa của một yếu tố Hán Việt nào đó cùng nghĩa của từ chứa đựng nó. GV hướng dẫn HS tách 3 từ *bản sắc, ưu tư, truyền thông* ra thành 6 yếu tố là *bản* và *sắc, ưu* và *tư, truyền* và *thông*, sau đó làm theo các bước đã được chỉ dẫn trong khung *Cách xác định nhanh nghĩa của những từ có yếu tố Hán Việt.*

Hoạt động 2 Luyện tập, vận dụng

Để giúp HS củng cố được kiến thức vừa học, GV có thể thiết kế những bài tập mới khai thác ngữ liệu từ 3 VB đọc của bài học. GV có thể yêu cầu các em tìm hiểu nghĩa của những yếu tố đã tạo nên các từ Hán Việt được ghi cước chú như: *đồng nhất, hải lưu, định kì, linh nghiệm, kí giả, thiết thân,... Lưu ý*: Hoàn toàn có thể thực hiện yêu cầu này vì trong cước chú, người biên soạn SHS chỉ nêu nghĩa chung của từ mà không phân tích nghĩa của từng yếu tố tạo nên từ.

VIẾT

VIẾT BÀI VĂN THUYẾT MINH VỀ QUY TẮC HOẶC LUẬT LỆ TRONG TRÒ CHƠI HAY HOẠT ĐỘNG

1. Phân tích yêu cầu cần đạt

– HS nắm được cấu trúc tương đối ổn định của kiểu bài viết thuyết minh về quy tắc hoặc luật lệ trong một trò chơi hay hoạt động.

– HS viết được bài thuyết minh về quy tắc hoặc luật lệ trong một trò chơi hay hoạt động quen thuộc với mình hoặc được bản thân tìm hiểu kĩ qua sách báo và các phương tiện truyền thông khác.

2. Những lưu ý về yêu cầu đối với VB thuyết minh về quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động

Kiểu VB này được sử dụng rộng rãi trong đời sống, phần lớn được HS tiếp xúc qua những trò chơi, hoạt động mà mình có tham gia (với tư cách là thành viên của đội chơi, nhóm hoạt động hay tư cách khán giả). Lúc đó, VB thường được tạo lập tại chỗ bởi người chủ trì, dẫn chương trình, vì vậy, không có một hình thức cố định, do cách tạo điểm nhấn khác nhau của người thực hiện, phù hợp với từng bối cảnh cụ thể. Do thực tế này, sự hình dung của HS sẽ gặp chút ít khó khăn khi viết đoạn mở đầu vốn đòi hỏi ngôn ngữ trung tính, khách quan. GV cần nhắc HS gạt bỏ những cách diễn đạt mang tính chất pha trò, cường điệu để gây chú ý hay tạo không khí sôi động của cuộc chơi, hoạt động vì điều đó chỉ thích hợp khi VB được "trình diễn", thể hiện bằng ngôn ngữ nói.

SHS đã nêu khái quát 4 yêu cầu chính của kiểu bài viết. GV có thể mô hình hoá toàn bộ yêu cầu đó để HS dễ theo dõi trong quá trình thực hành viết theo các bước đã quy định. Lưu ý thêm: VB cần có dung lượng vừa phải với những câu văn ngắn gọn, cô đúc; các ý liên quan đến quy tắc, luật lệ có thể được viết theo hình thức gạch đầu dòng. Muốn kiểm tra xem VB có đạt yêu cầu không, cần đọc lại nó theo con mắt của một người chưa biết gì về trò chơi, hoạt động nhưng muốn hiện thực hoá căn cứ vào những gì đã được viết ra trong VB.

3. Gợi ý tổ chức hoạt động dạy học

Hoạt động 1 Giới thiệu kiểu bài

GV cho HS đọc thầm lời dẫn dưới nhan đề *Viết bài văn thuyết minh về quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động* trong SHS và nêu một số câu hỏi như:

– Vì sao cần tập viết kiểu bài này? Hãy nêu hình dung của em về tính ứng dụng của kiểu bài.

– Kiểu bài cho phép em thể hiện được hiểu biết và sự quan tâm về trò chơi hay hoạt động như thế nào?

– Việc rèn luyện viết theo kiểu bài này có mối quan hệ như thế nào đối với vấn đề phục dựng những trò chơi hay hoạt động rất giàu ý nghĩa nhưng hiện nay đang dần mai một?

GV cần căn cứ vào câu trả lời của HS để chọn cách giới thiệu tự nhiên và hiệu quả nhất về nội dung của tiết học.

Hoạt động 2 Tìm hiểu yêu cầu của kiểu bài văn thuyết minh về quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động

GV cho HS tìm hiểu, trao đổi về phần *Yêu cầu đối với bài văn thuyết minh về quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động* trong SHS, trang 91. Có thể nêu câu hỏi để lưu ý các em về những điểm chính:

– Tại sao phải giới thiệu hoàn cảnh diễn ra và đối tượng tham gia trò chơi hay hoạt động?

– Nếu không trình bày tường minh về các quy tắc hoặc luật lệ cũng như bỏ qua việc nêu trình tự các bước cần thực hiện thì sự hình dung của người đọc về trò chơi hay hoạt động sẽ gặp những khó khăn gì?

– Tại sao phải nêu vai trò, tác dụng của trò chơi hay hoạt động đối với con người?

– Khi tham gia một trò chơi hay hoạt động, việc tìm hiểu ý nghĩa của nó có tác dụng gì?

Hoạt động 3 Đọc và phân tích bài viết tham khảo

GV cho HS đọc bài viết tham khảo và các thẻ ghi chú bên phải VB.

GV nêu yêu cầu: Hãy liên hệ tới những VB cùng loại mà em đã đọc hoặc nghe trước đây để biết được đâu là phần hay loại thông tin bắt buộc phải có trong bài viết.

Nếu có điều kiện, GV cho HS xem một đoạn phim ngắn về chính trò chơi được đề cập trong bài viết tham khảo (chơi chuyền), yêu cầu HS đối chiếu nội dung bài viết với trò chơi diễn ra trong thực tế (được tái hiện trong đoạn phim) để rút ra những kết luận cần thiết.

Hoạt động 4 Thực hành viết theo các bước

GV cho HS tự nghiên cứu, trao đổi cặp đôi hoặc theo nhóm về phần *Thực hành viết theo các bước* trong SHS, trang 93 – 95; giúp làm sáng tỏ những điểm còn gây thắc mắc. Chú ý các vấn đề sau:

– Nhắc HS đọc lại khung *mục đích viết* và *người đọc* để có được ý thức đầy đủ về mục đích viết và đối tượng người đọc. Đây là điều kiện đầu tiên đảm bảo cho bài văn có được sự thống nhất, mạch lạc và đạt hiệu quả tác động mong muốn.

– Hướng dẫn thảo luận về việc lựa chọn đề tài. Ngoài những đề tài được gợi ý, HS có thể tự do nêu những đề tài khác theo hiểu biết và trải nghiệm của mình. GV cần đánh giá sơ bộ về những đề tài ấy để chốt lại danh mục đề tài sẽ được HS chọn viết (*Lưu ý*: cần tính trước khả năng một số HS chọn "nhầm" những trò chơi hay hoạt động không có quy tắc, luật lệ rõ ràng, cũng có nghĩa là không cung cấp đủ dữ liệu để các em viết bài). Mỗi HS hoặc nhóm HS có thể chọn một đề tài viết riêng, theo danh mục đã được GV thông qua (trên cơ sở các trao đổi chung trước đó).

– Nhắc HS khi tìm ý cần bám sát các câu hỏi đã nêu (gợi ý) trong SHS. Các em có thể phác qua nội dung trả lời cho từng câu hỏi trong giấy nháp và phân bố chúng vào từng phần hợp lí trước khi chính thức viết bài (tại lớp hoặc ở nhà, tuỳ theo "kế hoạch bài dạy" mà GV đã soạn và được tổ bộ môn thông qua).

TRẢ BÀI

Hoạt động 1 Nhắc lại, khắc sâu yêu cầu của kiểu bài

GV cho HS nhắc lại yêu cầu chung của kiểu bài.

Hoạt động 2 Nhận xét về kết quả viết và chỉnh sửa bài viết

– GV nhận xét chung về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt ở các bài viết của HS, chọn phân tích một số bài viết thuộc các mức độ khác nhau theo thang đánh giá để giúp HS rút ra những kinh nghiệm bổ ích.

– GV trả bài cho HS, yêu cầu các em chỉnh sửa theo hướng dẫn trong SHS và theo những điều vừa phân tích, bổ sung ở trên (việc chỉnh sửa có thể tiến hành theo hình thức trao đổi nhóm).

NÓI VÀ NGHE

GIẢI THÍCH QUY TẮC HOẶC LUẬT LỆ TRONG MỘT TRÒ CHƠI HAY HOẠT ĐỘNG

1. Phân tích yêu cầu cần đạt

– HS ý thức được ý nghĩa của việc giải thích về quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động.

– HS biết giải thích rành mạch về quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động nhằm giải đáp những thắc mắc của người tham gia hoặc muốn tìm hiểu về trò chơi hay hoạt động ấy.

2. Gợi ý tổ chức hoạt động dạy học

Hoạt động 1 Chuẩn bị bài nói

GV dành khoảng 5 phút cho HS tự soát lại nội dung bài nói đã chuẩn bị ở nhà (dựa trên hướng dẫn của SHS và những nhiệm vụ được GV giao thực hiện trước đó). Trong khi các em xem lại dàn ý bài nói của mình, hình dung về một số tình huống có thể xảy ra trong quá trình nói và soát các phương tiện hỗ trợ, GV cần kiểm tra nhanh sự chuẩn bị của một số HS để kịp thời đưa ra những khuyến nghị cần thiết.

GV giải đáp ngắn gọn những băn khoăn có thể có về yêu cầu nói và nghe của bài học. Lưu ý HS rằng việc giải thích về quy tắc hoặc luật lệ của trò chơi hay hoạt động luôn có ý nghĩa tích cực, giúp những người tham gia trò chơi hay hoạt động có tâm thế thoải mái khi "vào cuộc", đồng thời cũng giúp cho người chủ trì, đánh giá đảm bảo sự công bằng khi điều khiển hoặc chấm điểm. "Giải thích quy tắc hoặc luật lệ" không đồng nghĩa với việc giới thiệu về toàn bộ trò chơi hay hoạt động, tuy vậy, bài nói phải nêu được thật khái quát tính chất, ý nghĩa của trò chơi hay hoạt động đó trước khi đề cập nội dung chính. Phần trọng tâm của bài nói cần xoáy vào giải đáp các vấn đề: *Có những quy tắc, quy định cụ thể nào cần tuân thủ? Vì sao phải tuân thủ những quy tắc, quy định đó? Quy tắc, quy định của trò chơi, hoạt động được xây dựng trên cơ sở nào?...* Nói chung, bài nói chỉ thực sự tốt nếu bao quát được mọi tình huống nảy sinh, giải đáp được những thắc mắc tiềm tàng từ phía người nghe.

Hoạt động 2 Trình bày bài nói

Việc lựa chọn hình thức tổ chức hoạt động nói và nghe cần được thực hiện linh hoạt, tuỳ vào điều kiện học tập và trình độ HS. Có thể cho HS hoạt động theo nhóm hoặc theo quy mô cả lớp. Nếu theo quy mô cả lớp, GV có thể tự mình điều khiển hoạt động nói và nghe suốt cả tiết học hoặc giao cho một HS làm việc này trên cơ sở tham khảo ý kiến của các em (lúc đó, GV đóng vai người hỗ trợ tích cực, thông qua việc duy trì trật tự trong lớp học, uốn nắn thái độ ứng xử, nhắc nhở về thời gian đối với cả người nói và người nghe,...).

GV cần phân bố thời gian hợp lí để trong một tiết học, có nhiều HS (khoảng 3 em) được trình bày bài nói của mình. Để tránh sự nhàm chán, nên mời những HS dự định nói về các đề tài không trùng lặp nhau được trình bày.

Hoạt động 3 Trao đổi về bài nói

GV có thể chuẩn bị sẵn mẫu phiếu đánh giá để phát cho từng HS hoặc nhóm HS vào đầu tiết học. Yêu cầu các em đọc kĩ các thông tin về *tiêu chí, nội dung đánh giá* trước khi tiến hành nghe, trao đổi và đánh dấu vào các cột phù hợp trong phiếu. Thông tin trong phiếu cần hàm chứa những gợi ý về cách nghe, hướng trao đổi cũng như cách trao đổi, đánh giá bài nói. Mẫu phiếu có thể được thiết kế tương tự mẫu phiếu đã dùng cho các bài học trước đó hoặc có cấu trúc khác theo gợi ý sau:

Tiêu chí	Nội dung đánh giá	Mức độ đạt được		
		Chưa đạt	Đạt	Tốt
Nội dung bài nói	Chọn được trò chơi hay hoạt động có quy tắc hoặc luật lệ thú vị để trình bày			
	Nêu sáng rõ những quy tắc hoặc luật lệ của trò chơi hay hoạt động và sự cần thiết của việc tuân thủ chúng			
Cách thể hiện	Nói có ngữ điệu phù hợp, biết nhấn giọng những chỗ cần thiết, biết nêu một số câu hỏi gợi mở nhằm kích thích sự tò mò trước những ý quan trọng			
	Dùng từ ngữ chính xác, gây ấn tượng, biết sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ			
Sự tương tác	Nắm bắt chính xác sự chú ý của người nghe để thực hiện những điều chỉnh cần thiết về nội dung nói và cách nói; giải đáp rõ ràng, nhã nhặn các thắc mắc của người nghe			

Lưu ý: Cuối giờ học, GV có thể thu lại những phiếu này để làm cơ sở cho việc đánh giá kĩ năng nói và nghe của HS.

CỦNG CỐ, MỞ RỘNG

GV cần dành thời gian thích đáng để hướng dẫn HS thực hiện ở nhà những yêu cầu của phần *Củng cố, mở rộng* và *Thực hành đọc*. Nhắc các em ghi vào *Vở thực hành Ngữ văn 7*, tập hai hoặc vở bài tập nội dung trả lời các câu 1, 2, 3. Tuy HS có thể thực hiện một cách linh hoạt những yêu cầu ở các câu 4, 5 và yêu cầu ở phần *Thực hành đọc*, nhưng GV cần kiểm soát được việc các em đã làm thông qua những hình thức kiểm tra đa dạng (đề nghị HS báo cáo, trực tiếp xem các ghi chép,...).

ĐỌC MỞ RỘNG

1. Phân tích yêu cầu cần đạt

– HS trình bày, trao đổi về kết quả tự đọc các VB nghị luận và VB thông tin có nội dung gần gũi với các VB trong bài 8. *Trải nghiệm để trưởng thành* và bài 9. *Hoà điệu với tự nhiên*. Qua đó, HS thể hiện khả năng vận dụng kiến thức và kĩ năng được học trong những bài đã học để tự đọc các VB mới thuộc loại VB nghị luận và VB thông tin.

– HS nêu được nội dung và thông điệp chính của VB đọc; trình bày được một số yếu tố đặc trưng của VB nghị luận và VB thông tin được thể hiện qua VB. So với lớp 6, yêu cầu đối với việc đọc VB nghị luận và VB thông tin ở đây có một số điểm nâng cao (nhất là yêu cầu về đọc hiểu hình thức VB). Với VB nghị luận, HS cần trình bày, trao đổi cụ thể hơn về các lí lẽ, bằng chứng và mối liên hệ giữa ý kiến với lí lẽ, bằng chứng trong VB. Với VB thông tin, HS cần bao quát những cách triển khai VB thông tin phong phú hơn: Các ý tưởng và thông tin trong VB không chỉ triển khai theo trình tự thời gian, quan hệ nhân quả mà còn theo mức độ quan trọng hoặc theo các đối tượng được phân loại. HS cũng cần chú ý đến chức năng của cước chú, tài liệu tham khảo và tác dụng biểu đạt của các phương tiện phi ngôn ngữ trong VB thông tin (nếu có trong VB được tìm đọc).

2. Chuẩn bị

Cuối tiết đọc mở rộng trước và trong khi HS học bài 8. *Trải nghiệm để trưởng thành* và bài 9. *Hoà điệu với tự nhiên*, GV đã giao nhiệm vụ và gợi ý cho các em tìm đọc các VB cùng loại và có nội dung gần gũi với các VB trong những bài này. HS cần đọc những VB này ngoài giờ lên lớp.

Do nguồn VB thông tin, VB nghị luận phù hợp với khả năng đọc, tiếp nhận của HS lớp 7 không phong phú, đa dạng như VB văn học nên nội dung của VB đọc mở rộng có thể linh hoạt, không nhất thiết phải đúng với chủ đề của bài 8 và bài 9, nhưng cần chú ý đáp ứng yêu cầu về loại VB: VB nghị luận và VB thông tin.

3. Gợi ý tổ chức hoạt động dạy học

Hoạt động 1 GV hướng dẫn HS làm việc nhóm, trao đổi về kết quả tự đọc VB nghị luận và VB thông tin. Với VB nghị luận, HS cần tập trung trao đổi về vấn đề được nêu trong VB (*VB này bàn luận đến vấn đề gì?*); ý kiến của người viết (*Người viết có ý kiến như thế nào về vấn đề được nêu trong VB?*); lí lẽ và bằng chứng mà người viết sử dụng để khẳng định ý kiến đó (*Người viết đã đưa ra những lí lẽ và bằng chứng nào để ý kiến của mình có sức thuyết phục?*).

Với VB thông tin, HS cần tập trung trao đổi nội dung cơ bản và thông điệp chính của VB (*Nội dung cơ bản của VB thông tin này là gì? VB này gửi đến người đọc thông điệp gì?*); tóm tắt các ý chính của mỗi đoạn (*VB có mấy đoạn văn? Mỗi đoạn trong VB có nội dung gì?*); cách triển khai VB (*Các ý tưởng, thông tin trong VB được triển khai theo trình tự thời gian, theo quan hệ nhân quả, theo mức độ quan trọng, hay theo các đối tượng được phân loại?*); chức năng của cước chú, tài liệu tham khảo và tác dụng biểu đạt của phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ có thể có trong VB (*VB có sử dụng cước chú và tài liệu tham khảo không? Cước chú giải thích những nội dung gì? Mỗi mục trong tài liệu tham khảo cho ta biết những thông tin gì? Có phương tiện phi ngôn ngữ nào được dùng trong VB? Nó có tác dụng như thế nào đối với việc biểu đạt thông tin?*).

Hoạt động 2 Một số HS chia sẻ trước lớp những ý tưởng và thông tin quan trọng đã trao đổi trong nhóm. Các HS khác nhận xét. GV có thể chọn một số vấn đề được nêu ra từ các nhóm (đặc biệt là đối với VB nghị luận) để cả lớp trao đổi. Chú ý tạo không khí thân thiện, tin cậy để HS có thể trình bày ý kiến một cách cởi mở, thoải mái và vận dụng khả năng lập luận để bảo vệ ý kiến một cách thuyết phục.

Hoạt động 3 GV nhận xét chung và khen ngợi những HS đã thể hiện tốt kết quả tự đọc sách thông qua trao đổi trong nhóm hoặc trước lớp. GV khuyến khích HS trao đổi sách cho nhau để mở rộng nguồn tài liệu đọc. GV nhắc HS chuẩn bị trước một số nội dung để triển khai dự án đọc sách ở bài 10. *Trang sách và cuộc sống*. Lưu ý HS tìm đọc thêm một số VB nghị luận văn học khác sau khi học xong VB *Vẻ đẹp giản dị và chân thật của "Quê nội"* (*Võ Quảng*) của Trần Thanh Địch ở bài 10 này.

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

Bài 10. TRANG SÁCH VÀ CUỘC SỐNG (8 tiết)

(Đọc: 4 tiết; Viết: 2 tiết; Nói và nghe: 2 tiết)

I YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Phát triển kĩ năng tự đọc sách: đọc mở rộng VB văn học, VB nghị luận, VB thông tin theo các chủ đề đã học.
- Nhận biết được đặc điểm của VB nghị luận phân tích một tác phẩm văn học, chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm và nội dung chính của VB với mục đích của nó.
- Phát triển kĩ năng viết: viết về một nhân vật yêu thích.
- Phát triển kĩ năng nói và nghe: trình bày, trao đổi về sách, nhân vật yêu thích và các đề tài có liên quan.
- Yêu thích đọc sách và biết vận dụng những điều đã đọc vào thực tế.

II CHUẨN BỊ

1. Tri thức ngữ văn cho GV

GV chỉ cần hướng dẫn HS tìm hiểu đặc điểm cơ bản của VB nghị luận phân tích một tác phẩm văn học, các mối quan hệ giữa con người có thực ngoài đời và nhân vật văn học, vấn đề phương tiện phi ngôn ngữ trong VB và VB đa phương thức (ngôn ngữ kết hợp với hình ảnh) một cách đơn giản, dễ hiểu, chủ yếu thông qua thực hành. Tuy nhiên, việc hiểu sâu hơn về những vấn đề này giúp GV chủ động hơn trong cách hướng dẫn HS thực hiện các hoạt động đọc trong bài học này theo các mức độ năng lực khác nhau.

VB nghị luận phân tích một tác phẩm văn học

Việc đọc hiểu VB nghị luận văn học với HS lớp 6, 7 là giai đoạn cơ bản, nền tảng. Ở lớp 7, HS bước đầu đọc VB nghị luận phân tích một tác phẩm văn học để có thể nhận diện được mối quan hệ giữa đặc điểm hình thức, nội dung và mục đích của VB.

– Mục đích của VB nghị luận phân tích một tác phẩm văn học là trình bày ý kiến về đặc điểm của một tác phẩm văn học. Mức độ của các ý kiến có thể rộng, hẹp, cụ thể hay khái quát khác nhau, tuy nhiên với VB nghị luận phân tích một tác phẩm văn học thì mục đích chính là phải làm rõ được đặc điểm hình thức, nội dung của tác phẩm, đánh giá được khái quát về tác phẩm.

– Nội dung và yêu cầu cụ thể của VB nghị luận phân tích một tác phẩm văn học có mối quan hệ chặt chẽ với thể loại của tác phẩm văn học: phân tích tác phẩm thơ cần tập trung vào đặc điểm ngôn ngữ thơ (số dòng, số tiếng, cách gieo vần, ngắt nhịp), biện pháp tu từ, mạch cảm xúc; phân tích tác phẩm truyện cần chú ý cốt truyện và cách tổ chức các sự việc, người kể chuyện và ngôi kể, nhân vật và đặc điểm nhân vật,… Tuy nhiên, VB nghị luận phân tích một tác phẩm văn học có những đặc điểm chung: Người viết cần nêu được ý kiến về đặc

điểm của tác phẩm và sử dụng được các bằng chứng (dẫn chứng) cụ thể để làm rõ cho ý kiến của mình. Ý kiến có dấu ấn chủ quan của người viết nhưng cần phù hợp với những đặc điểm hình thức và nội dung của tác phẩm.

Yêu cầu đọc VB nghị luận phân tích một tác phẩm văn học được cài đặt trong hoạt động *Đọc cùng nhà phê bình*.

Vấn đề mối quan hệ giữa con người có thực ngoài đời với nhân vật văn học

Nội dung này tuy không được nêu tường minh trong yêu cầu cần đạt của Chương trình nhưng hết sức cần thiết để giúp HS đọc sâu tác phẩm và bước đầu khắc phục một thói quen cố hữu là đồng nhất nhân vật trong tác phẩm với con người thực ngoài đời. Qua một quá trình học, đọc, tiếp xúc với nhiều VB văn học thuộc các thể loại khác nhau, đã đến lúc HS cần có hiểu biết đúng đắn về vấn đề này trước khi thực hành "Đọc và trải nghiệm cùng nhân vật", "Đọc và trò chuyện cùng tác giả". GV cần có sự định hướng để HS dần hiểu được vấn đề then chốt là khi đọc, không nên dừng lại ở việc quy chiếu điều được miêu tả trong tác phẩm vào một hiện thực cụ thể nào đó, mà quan trọng hơn, phải biết đánh giá tài năng của người viết, chia sẻ, đồng cảm, đối thoại với những gì người viết cảm nhận, phát biểu, rộng ra là với quan niệm của tác giả về cuộc đời, về con người.

– Trong mối quan hệ với nhà văn, với thế giới hình tượng của tác phẩm văn học nói riêng và thế giới nghệ thuật của người nghệ sĩ nói chung, con người ngoài đời thực là nguồn chất liệu đời sống phong phú, gợi cảm hứng bất tận trong sáng tạo nghệ thuật. "Văn học là nhân học", thế giới đời sống của con người với cả phần nhân tính, phần tự nhiên, cũng như những thuộc tính tinh thần phức tạp của nó là đối tượng thẩm mĩ của văn học, nghệ thuật. Tuỳ theo phương thức sáng tác, đặc trưng thể loại và quan niệm nghệ thuật của nhà văn, mối liên hệ giữa con người ngoài đời thực và nhân vật trong tác phẩm văn học có những mức độ khác nhau. Có những nhân vật văn học như là sự phản chiếu một "nguyên mẫu" trong cuộc đời thực. Điều này thường gặp trong các tác phẩm tự truyện, kí: nhân vật bé Hồng trong *Những ngày thơ ấu* (Nguyên Hồng), nhân vật chị Út Tịch trong *Người mẹ cầm súng* (Nguyễn Thi),... Các truyện lịch sử thường lấy cảm hứng từ cuộc đời, sự nghiệp, chiến công, phẩm chất, đức độ của những con người có thực trong lịch sử: Hoài Văn Hầu Trần Quốc Toản trong *Lá cờ thêu sáu chữ vàng* (Nguyễn Huy Tưởng), Thái y lệnh Phạm Bân trong *Thầy thuốc giỏi cốt nhất ở tấm lòng* (Hồ Nguyên Trừng), Hồ Chí Minh trong *Búp sen xanh* (Sơn Tùng), Phan Bội Châu trong *Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu* (Nguyễn Ái Quốc),... Nhân vật trong tác phẩm có thể mang bóng dáng của chính nhà văn hoặc của một con người, một thế hệ, một tầng lớp nào đó trong xã hội mà nhà văn có dịp gần gũi, quan sát, cảm nhận: nhân vật Điền trong *Trăng sáng*, nhân vật Hộ trong *Đời thừa*, nhân vật Chí Phèo trong tác phẩm cùng tên của nhà văn Nam Cao. Ngay cả các nhân vật đồng thoại trong *Dế Mèn phiêu lưu kí* (Tô Hoài) cũng mang những đặc điểm rất gần gũi, nổi bật của nhiều kiểu người trong đời thực: những người trẻ tuổi và nông nổi như Dế Mèn lúc thiếu thời; những người có tuổi đã trải nghiệm nhiều, hiểu đời như bác Xiến Tóc; những người yếu đuối, cô độc, hay bị bắt nạt như Dế Choắt, chị Nhà Trò,...

– Hình tượng nhân vật trong tác phẩm văn học được nhà văn xây dựng bằng chất liệu ngôn từ. Tính cách, đặc điểm của nhân vật trước hết được tái hiện thông qua lời người kể chuyện: miêu tả ngoại hình, miêu tả diễn biến tâm lí, miêu tả cách nói năng,...; kể, trần thuật về các hành động, sự việc, biến cố trong cuộc đời. Tính cách, đặc điểm nhân vật trong tác phẩm văn học cũng được bộc lộ qua lời nhân vật (được tác giả mô phỏng, tái hiện, hư cấu) trong tác phẩm. Nhân vật có đặc điểm gì? Nhân vật có tính cách gì? Những yếu tố nào cho thấy đặc điểm, tính cách nổi bật của nhân vật? Đây là những câu hỏi đầu tiên tất yếu nảy sinh khi nhân vật được tiếp cận như một thực thể trong mối quan hệ hai chiều: với thế giới nghệ thuật trong tác phẩm và với những kinh nghiệm, trải nghiệm về con người trong đời thực của mỗi người đọc.

– Những chi tiết về đặc điểm ngoại hình, tâm lí, ngôn ngữ, hoạt động, lai lịch chính là phương tiện để nhà văn khắc hoạ nhân vật sao cho sống động, gần gũi "như thật". Ta thường ví nhân vật như bước ra từ trang sách, từ tác phẩm của nhà văn để đến với cuộc đời. Một nhân vật thực sự hấp dẫn, mang dấu ấn tài năng nghệ thuật của nhà văn thường để lại những ấn tượng đầy ám ảnh, sâu đậm với người đọc. Tuy nhiên, nhân vật trong tác phẩm văn học vẫn là một sản phẩm nghệ thuật, là kết quả của sự sáng tạo, hư cấu, mang dấu ấn các thủ pháp nghệ thuật, đồng thời chứa đựng trong đó quan niệm về con người, về cuộc sống của tác giả. Nhân vật văn học cũng như các kiểu hình tượng nghệ thuật trong tác phẩm, có một vai trò đặc biệt: là cầu nối giữa bình diện hình thức với bình diện nội dung, ý nghĩa của VB. Bởi vì xét trong mối quan hệ với ngôn ngữ (vừa là hình thức vừa là chất liệu của VB nghệ thuật), nhân vật là cái được biểu đạt, là đối tượng được nói tới (nhà văn sử dụng ngôn ngữ để tạo nên nhân vật); xét trong mối quan hệ với ý nghĩa, chủ đề mà nhà văn muốn thể hiện trong tác phẩm, nhân vật lại chính là cái biểu đạt, là một phương tiện nghệ thuật. Hình tượng nhân vật có ý nghĩa gì? Nhà văn muốn nói gì qua hình tượng nhân vật này? Đó là những câu hỏi luôn nảy sinh khi người đọc tìm hiểu về nhân vật. Bằng những câu hỏi như vậy, ở một mức độ khác, người đọc đã đồng sáng tạo với nhà văn, đưa nhân vật trở lại cội nguồn của mọi sản phẩm nghệ thuật: cuộc sống con người trong các mối quan hệ hữu hình và vô hình. Cùng với nhà văn và nhân vật, ta đi tìm câu trả lời cho câu hỏi: Con người là ai trong quan hệ với chính nó, với thế giới tự nhiên và thế giới siêu nhiên? Cảm quan về đời sống, về con người luôn chi phối cách mà nhà văn xây dựng nhân vật: sử dụng bút pháp, thủ pháp nghệ thuật, vận dụng ngôn ngữ.

Vấn đề phương tiện phi ngôn ngữ trong VB và VB đa phương thức (ngôn ngữ kết hợp với hình ảnh)

Việc nắm vững về vấn đề này sẽ giúp HS thấy được sự đa dạng của thế giới VB và bước đầu có được những kiến thức làm điểm tựa cho việc sáng tạo VB hay thực hiện hoạt động đồng sáng tạo với tác giả theo cách của mình.

– VB có thể chỉ sử dụng phương tiện ngôn ngữ để truyền đạt nội dung thông tin (VB ngôn từ). VB cũng có thể sử dụng phương tiện ngôn ngữ kết hợp với phương tiện phi ngôn ngữ: hình ảnh, sơ đồ, đồ thị, lô-gô,… để hỗ trợ cho việc biểu đạt thông tin. VB có hình thức kết hợp như vậy được gọi chung là "VB đa phương thức". Các bức tranh minh hoạ cho một tác phẩm văn học hư cấu tạo sự hấp dẫn, giúp người đọc hình dung cụ thể hơn về thế giới đời sống, về nhân vật. Các bức ảnh minh hoạ, sơ đồ, đồ thị trong các VB phi hư cấu (VB nghị luận, VB thông tin) tạo nên tính xác thực, cụ thể cho thông tin được nêu ra.

– Sự kết hợp giữa ngôn ngữ và hình ảnh trong VB đa phương thức được thể hiện một cách chặt chẽ, hài hoà và đầy tính nghệ thuật trong các tác phẩm thư hoạ truyền thống của Trung Hoa, Nhật Bản, Hàn Quốc,… Các tác phẩm truyện tranh cũng có thể xem là ví dụ sinh động cho sự kết hợp này: truyện tranh lịch sử Việt Nam, truyện tranh Nhật Bản,… Các từ điển bằng tranh (có chú giải bằng ngôn ngữ) cũng là những VB điển hình cho thấy tính chất tương tác giữa ngôn ngữ và hình ảnh trong cấu tạo VB thông tin tạo hiệu quả tích cực trong tiếp nhận của người xem, người đọc.

– Theo nghĩa rộng, VB là sản phẩm của hoạt động giao tiếp, có hình thức hoàn chỉnh, biểu đạt nội dung, ý nghĩa trọn vẹn. Như vậy, các bức tranh, bức ảnh, bộ phim,… cũng có thể xem như các VB đa phương thức. Trong những VB này, ngôn ngữ được sử dụng với vai trò chỉ dẫn, chú thích, gợi mở,… giúp người xem có thể tiếp cận thông tin dễ dàng hơn. Tên các bức tranh, bức ảnh, lời thoại, lời dẫn trong phim chính là các phương tiện hỗ trợ đó.

Cần vận dụng những đặc điểm này để phối hợp sử dụng VB đa phương thức một cách hợp lí. Điều đó sẽ giúp GV tạo sự hứng thú cho HS, đồng thời phát huy tốt hơn năng lực sáng tạo của các em trong quá trình học môn Ngữ văn. Tuy nhiên, cần xác định rõ rằng VB ngôn ngữ vẫn là đối tượng và công cụ quan trọng nhất trong việc dạy học Ngữ văn.

2. Lập kế hoạch tổ chức bài học *Trang sách và cuộc sống* theo hình thức dạy học dự án

Việc tổ chức hoạt động đọc, viết, nói và nghe trong bài 10 theo hình thức dự án đọc sách đã trở nên không còn xa lạ với GV và HS. Tuy nhiên, với mỗi lớp học, mức độ yêu cầu với HS cũng đã có sự khác biệt. Việc lập kế hoạch tổ chức hoạt động dự án trong bài học này cần bám sát một số yêu cầu và lưu ý những vấn đề sau:

– Yêu cầu cần đạt của bài học và khả năng thực hiện yêu cầu trên cơ sở năng lực HS và điều kiện tổ chức hoạt động học tập của lớp, trường.

– Mức độ và khả năng có thể tích hợp trong từng mục tiêu, nội dung hoạt động học tập trong bài học này với các môn học và hoạt động giáo dục khác như Mĩ thuật, Âm nhạc, Hoạt động trải nghiệm,… để có thể phát huy năng lực sáng tạo của HS trong quá trình thực hiện hoạt động đọc, viết, nói và nghe.

– Mối quan hệ giữa yêu cầu cần đạt, nội dung hoạt động trong bài 10 của *Ngữ văn 7* với *Ngữ văn 6*. Có thể phối hợp tổ chức hoạt động trong khối lớp và trong trường trên cơ sở kế hoạch giáo dục của nhà trường, kế hoạch dạy học của môn học một cách hợp lí.

– Tham khảo mẫu kế hoạch tổ chức dự án dạy học sau đây và có thể chi tiết hoá, bổ sung để việc thực hiện bài học đạt được mục tiêu một cách hiệu quả:

- **Tên Dự án: Trang sách và cuộc sống**
- **Chủ đề: .....**

Thời gian	**Tiến trình tổ chức**		**Sản phẩm/ Kết quả**	**Phân công nhiệm vụ**	
Tiết	**Hoạt động**	**Nội dung**		**Ở lớp**	**Ở nhà**
1	Khởi động	*Giới thiệu bài học; Tri thức ngữ văn;*	HS nắm được mục tiêu và các hoạt động chính của bài học.		
2, 3, 4	Thực hiện dự án: **Đọc**	*Trước khi đọc* *Thách thức đầu tiên: Chinh phục những cuốn sách mới*	Danh mục sách được chọn; pô-xtơ chung của dự án; góc đọc sách của nhóm, lớp; bản mục tiêu đọc sách của cá nhân và của nhóm. Nhật kí đọc sách: ghi chú về cuốn sách mới đọc, nhân vật, tác giả theo những cách sáng tạo, phù hợp với sở thích và năng lực của HS.		
5, 6	Thực hiện dự án: **Viết**	*Thách thức thứ hai: Từ ý tưởng đến sản phẩm*	Bản tóm tắt truyện theo hình thức truyện tranh; bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ kể lại câu chuyện yêu thích; bài phân tích một nhân vật văn học yêu thích.		
7, 8	Báo cáo kết quả: **Nói và nghe**	*Về đích: Ngày hội với sách*	Bài trình bày (theo hình thức nói): thuyết minh về các sản phẩm sáng tạo từ sách và ý kiến về tác dụng, ý nghĩa của việc đọc sách.		

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

3. Phương tiện dạy học

Tương tự như với dự án *Cuốn sách tôi yêu* ở lớp 6, phương tiện cần thiết nhất để thực hiện các hoạt động của bài học *Trang sách và cuộc sống* chính là sách. Sách có thể mượn ở thư viện nhà trường hoặc từ góc đọc sách của lớp học. GV cần hướng dẫn HS sắp xếp các cuốn sách mang đến lớp một cách khoa học, dễ lựa chọn, tạo hứng khởi cho các thành viên trong lớp.

Phương tiện hỗ trợ việc dạy học cần đơn giản, dễ dùng, dễ khai thác và thiết thực đối với hoạt động học tập của HS: hình ảnh minh hoạ, đoạn phim ngắn, màu vẽ, giấy vẽ hoặc sản phẩm thân thiện với môi trường (tranh xé dán bằng giấy, bìa đã qua sử dụng, mô hình, sơ đồ, sa bàn,… được làm bằng vật liệu tái chế).

III TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

GIAI ĐOẠN 1: KHỞI ĐỘNG DỰ ÁN

Tương tự như ở lớp 6, dự án học tập *Trang sách và cuộc sống* có thể được khởi động một cách sinh động, linh hoạt dựa trên tên bài, đề từ và các phần *Giới thiệu bài học*, *Tri thức ngữ văn*. Một phần khởi động thú vị sẽ tạo tâm thế tích cực, thu hút được HS tham gia các hoạt động của dự án đọc sách theo sở trường, năng lực của các em. Những mục tiêu cụ thể cần đạt được sau khi khởi động là:

– Lựa chọn được chủ đề đọc trong chuỗi hoạt động của dự án.

– Định hướng được sản phẩm của các hoạt động đọc, viết, nói và nghe khi thực hiện dự án *Trang sách và cuộc sống*.

GIỚI THIỆU BÀI HỌC VÀ TRI THỨC NGỮ VĂN

Hoạt động 1 Tìm hiểu *Giới thiệu bài học*

GV hướng dẫn HS thực hiện các hoạt động sau để bắt đầu khởi động dự án:

– HS tìm hiểu tên bài học, nhận diện mối quan hệ giữa tên bài với đề từ để bước đầu hiểu được ý nghĩa của việc đọc sách, mối quan hệ giữa sách và cuộc sống, việc ứng dụng những tri thức đã đọc, đã học vào thực hành.

– HS tự đọc phần *Giới thiệu bài học* để định hướng về chủ đề và mục đích của việc thực hiện dự án *Trang sách và cuộc sống*.

– HS thảo luận theo nhóm để lựa chọn chủ đề phù hợp. Chủ đề cần kết nối với các bài học trong SHS. Có thể phối hợp các chủ đề và lựa chọn một số cuốn sách thuộc thể loại khác nhau trong một chủ đề nhất định. Ví dụ:

+ Kết hợp chủ đề *Cội nguồn yêu thương* và *Hoà điệu với tự nhiên* có thể tạo nên một chủ đề mới: *Yêu thương sự sống và con người*.

+ Thể loại, loại VB có thể lựa chọn: truyện, thơ, tản văn, VB nghị luận, VB thông tin,…

Hoạt động 2 Khám phá *Tri thức ngữ văn*

Phần *Tri thức ngữ văn* trong SHS của bài học này tập trung vào 3 vấn đề chính như đã lưu ý trong mục *Tri thức ngữ văn cho GV*: Vấn đề mối quan hệ giữa con người có thực ngoài đời với nhân vật văn học; vấn đề phương tiện phi ngôn ngữ trong VB và VB đa phương thức; vấn đề VB nghị luận phân tích một tác phẩm văn học. Vì thế, có thể định hướng cho HS mục tiêu chính của việc đọc sách trong bài học này là: quan tâm đến mối quan hệ giữa nhân vật trong tác phẩm văn học và con người có thực ngoài đời, đó cũng là một phương diện của mối quan hệ giữa văn học và cuộc sống. Đồng thời, cũng qua phần *Tri thức ngữ văn*, GV hướng dẫn để HS có ý thức chủ động hơn trong việc tiếp nhận các phương tiện phi ngôn ngữ trong quá trình đọc: tranh ảnh, sơ đồ minh hoạ,… Mặt khác, các em cũng biết cách vận dụng hiểu biết về VB đa phương thức vào việc sáng tạo nên các sản phẩm minh hoạ sau khi đọc sách: làm pô-xtơ, vẽ tranh minh hoạ, chuyển thể thành truyện tranh,…

Để cho việc tìm hiểu *Tri thức ngữ văn* không nặng về diễn giải các nội dung lí thuyết mà gắn với hoạt động thực hành một cách hiệu quả, GV có thể tổ chức cho HS chơi trò chơi theo gợi ý sau:

Trò chơi: Ai là ai?

– *Mục đích của trò chơi*: HS tìm hiểu, dự đoán mối quan hệ giữa tác phẩm văn học và cuộc sống, giữa nhân vật văn học và con người có thực ngoài đời.

– *Cách chơi*: Lớp được chia thành các đội chơi, đội nào tìm được nhiều nhân vật, đồng thời dự đoán, suy luận, trình bày được một cách sinh động, phong phú nhất về mối quan hệ giữa nhân vật văn học và con người có thực ngoài đời qua việc trả lời câu hỏi *Ai là ai?* là đội thắng cuộc.

Ai là ai? là một câu hỏi mang tính chất gợi mở để trò chơi thêm phần thú vị và HS có thể liên tưởng, phán đoán, suy luận một cách phong phú. GV không yêu cầu các em trình bày như một công thức hay định nghĩa áp đặt.

AI	LÀ AI?
• Dế Choắt • Chị Nhà Trò	Những người yếu đuối, cô độc, không có khả năng tự bảo vệ mình, thường bị bắt nạt,…
.....	Những người có sức mạnh, biết trân trọng và yêu quý bản thân.
....	Kiểu người thời trẻ thường kiêu căng, tự mãn và ích kỉ, không biết cảm thông, chia sẻ hay giúp đỡ người khác. Khi đã trải nghiệm và tự mình vượt qua nhiều khó khăn, gian khổ, đã biết sửa chữa tính xấu, tự hoàn thiện mình.
.....	.....

GV có thể sử dụng các sơ đồ, hình ảnh,… để trò chơi thêm thú vị với HS.

Nội dung ở mỗi cột có thể do GV thiết kế sẵn hoặc để mở cho HS tự điền, tự trình bày, nhưng nguyên tắc của trò chơi là luôn giấu đi nội dung ở một cột để HS phán đoán, suy luận.

HS cũng có thể tự vẽ những nhân vật mà các em yêu thích theo sự tưởng tượng và đưa ra những phán đoán về nhân vật khi trả lời câu hỏi *Ai là ai?*.

GIAI ĐOẠN 2: THỰC HIỆN DỰ ÁN

Tương tự như bài 10 của *Ngữ văn 6*, sau khi thực hiện các hoạt động khởi động, GV tổ chức hướng dẫn HS thực hiện chuỗi hoạt động chính của dự án căn cứ trên phần *Đọc* và *Viết* trong SHS.

Các mục tiêu quan trọng trong chuỗi hoạt động chính:

– HS lựa chọn được những cuốn sách mới phù hợp cho hoạt động đọc của cá nhân, nhóm, hoặc lớp trên cơ sở chủ đề đã xác định.

– HS xây dựng được mục tiêu đọc phù hợp với chủ đề, sách đã chọn và năng lực của cá nhân, nhóm, lớp.

– HS thực hiện hiệu quả việc đọc sách của cá nhân, chia sẻ thông tin về việc đọc sách trong nhóm, lớp để cùng xây dựng sản phẩm trong khi đọc và sau khi đọc phù hợp theo những hướng dẫn của SHS.

Các nội dung đã được trình bày trong SHS là cơ sở quan trọng để tổ chức chuỗi hoạt động chính, tuy nhiên, GV có thể căn cứ vào năng lực của HS và điều kiện của nhà trường, của địa phương để thiết kế quy mô và hình thức hoạt động phù hợp, hiệu quả nhất với HS của lớp mình.

ĐỌC

THÁCH THỨC ĐẦU TIÊN: *CHINH PHỤC NHỮNG CUỐN SÁCH MỚI*

Trước khi đọc

Hoạt động 1 Sắp xếp, trang trí góc đọc sách và xây dựng danh mục sách cần đọc

– GV hướng dẫn HS làm mới góc đọc sách của lớp, nhóm; xây dựng danh mục sách bổ sung, cần đọc trong dự án này.

– HS thảo luận theo nhóm để xây dựng danh mục sách cần đọc cho mỗi chủ đề đã được lựa chọn.

Để hoạt động này tạo được hứng thú, phát huy sáng tạo của HS, GV có thể tổ chức các hoạt động thi xây dựng danh mục sách phù hợp với chủ đề hoặc tranh luận giữa các nhóm để thuyết phục các bạn chọn chủ đề, chọn các cuốn sách thú vị cần đọc. Hoạt động này HS đã được thực hành bước đầu ở lớp 6 và có thể tiếp tục mở rộng, phát triển ở lớp 7 với những yêu cầu cụ thể phù hợp với năng lực của các em.

Hoạt động 2 Xây dựng mục tiêu đọc sách

– GV hướng dẫn HS cách xây dựng mục tiêu đọc sách phù hợp với các chủ đề và danh mục đã lựa chọn.

– HS thảo luận để xây dựng mục tiêu đọc sách phù hợp với cá nhân, mục tiêu chung của nhóm và của lớp.

– HS trình bày về mục tiêu và lên kế hoạch thực hiện mục tiêu.

Cùng đọc và trải nghiệm

Trên cơ sở chuỗi hoạt động đã được trình bày trong SHS, GV có thể hướng dẫn HS thực hiện hoạt động đọc của mỗi phần theo các bước:

Bước 1: Đọc và làm việc cá nhân.

Bước 2: Trao đổi trong nhóm để chia sẻ thông tin, ý tưởng trong quá trình đọc sách nhằm tăng cường hiệu quả của việc đọc.

Tuỳ theo điều kiện của nhà trường, của lớp học và năng lực HS, GV có thể lựa chọn 3 trong số 4 hoạt động đã được thiết kế trong SHS để tổ chức chuỗi hoạt động phù hợp. Các hoạt động 1, 3, 4 là hoạt động tự chọn. Hoạt động 2. *Đọc cùng nhà phê bình* là hoạt động bắt buộc vì phần này giải quyết các yêu cầu đọc VB nghị luận phân tích một tác phẩm văn học.

Hoạt động 1 Cuốn sách mới – chân trời mới

– *Hướng dẫn tổ chức hoạt động:* Trên cơ sở danh mục sách đã xây dựng, GV định hướng để mỗi HS lựa chọn đọc một hoặc hai cuốn sách phù hợp với chủ đề, mục tiêu. Việc lựa chọn sách có trọng tâm giúp cho HS có thể đọc kĩ được một số cuốn sách hữu ích, phát triển được năng lực đọc một cách hiệu quả. Tương tự như ở lớp 6, trong khi đọc, HS có thể ghi chép, đánh dấu những thông tin quan trọng trong nhật kí đọc sách hằng ngày. Hình thức của nhật kí đọc sách có thể linh hoạt và phong phú, tuỳ theo sở thích cá nhân của HS hoặc sở trường của các nhóm. Tuy nhiên, những thông tin quan trọng (đã được định hướng trong SHS) cần được ghi chép để có thể sử dụng làm tư liệu cho phần *Viết*.

– Lưu ý: Hoạt động đọc và ghi chép thông tin quan trọng về cuốn sách mới cần được tiến hành song song. HS có thể làm việc cá nhân, làm việc nhóm để ghi chép, bổ sung thông tin một cách phong phú sau khi đã đọc kĩ được những phần quan trọng trong cuốn sách.

Hoạt động 2 Đọc cùng nhà phê bình

Hướng dẫn tổ chức hoạt động: Thông qua việc đọc VB *Vẻ đẹp giản dị và chân thật của "Quê nội" (Võ Quảng)* của Trần Thanh Địch, GV hướng dẫn HS nhận biết và phân tích được những đặc điểm của VB nghị luận phân tích một tác phẩm văn học. Các bước của quá trình đọc VB nghị luận phân tích một tác phẩm văn học tương tự như việc đọc VB nghị luận nói chung.

– **Khởi động**: Để việc tổ chức hoạt động *Đọc cùng nhà phê bình* thông qua đọc VB *Vẻ đẹp giản dị và chân thật của "Quê nội" (Võ Quảng)* trở nên hiệu quả và thú vị hơn, GV có thể kết nối hoạt động 1. *Cuốn sách mới – chân trời mới* với hoạt động 2. Trong hoạt động 1, GV có thể định hướng cho một số nhóm trong lớp tìm đọc tác phẩm *Quê nội* của Võ Quảng và ghi chép về những đặc điểm nghệ thuật, nội dung của *Quê nội* theo các yêu cầu của phần *Cuốn sách mới – chân trời mới*. GV dựa vào gợi ý ở SHS hướng dẫn HS hình dung các em không chỉ như một độc giả mà còn trong vai một nhà phê bình để tìm hiểu, bàn luận về tác phẩm. Có thể xem đây chính là hoạt động trước khi đọc của phần tổ chức đọc VB *Vẻ đẹp giản dị và chân thật của "Quê nội" (Võ Quảng)*.

– **Đọc VB**: GV hướng dẫn HS tìm hiểu về đặc điểm của VB nghị luận phân tích một tác phẩm văn học qua việc đọc và trả lời câu hỏi. Trong quá trình đọc VB, GV có thể cho HS lập sơ đồ để nắm rõ hơn mạch nội dung chính của VB:



– **Khám phá VB**: Thông qua việc trả lời các câu hỏi sau khi đọc, HS nắm vững được đặc điểm hình thức và nội dung của một VB nghị luận phân tích một tác phẩm văn học cụ thể, đồng thời cũng nhận diện được cách tổ chức một VB nghị luận phân tích một tác phẩm văn học nói chung và bước đầu vận dụng vào hoạt động viết.

+ Câu hỏi 1

HS cần nhận biết được vấn đề được nêu ra để bàn luận trong VB. GV hướng dẫn để HS nhận diện và tóm tắt được vấn đề thông qua nhan đề và đoạn mở đầu VB: đặc điểm nghệ thuật và nội dung của tác phẩm *Quê nội* (Võ Quảng).

+ Câu hỏi 2

HS cần nhận biết, xác định đúng được hệ thống ý kiến của người viết trong VB. Qua việc lập sơ đồ ở phần đọc VB, HS đã có thể thực hiện được yêu cầu này. Tuy nhiên, với câu hỏi này, HS cần chỉ ra được những đoạn, câu, cụm từ cho thấy rõ nội dung ý kiến.

• Ý kiến của người viết về hoàn cảnh đời sống trong tác phẩm: *Nội dung câu chuyện xảy ra trong những khung cảnh quê hương. Một nông thôn miền Trung, tại thôn Hoà Phước, bên con sông Thu Bồn vào những ngày rất mới mẻ – như một buổi tảng sáng – sau Cách mạng tháng Tám thành công.*

• Ý kiến của người viết về thế giới nhân vật trong tác phẩm: "*Các nhân vật là những người nông dân bình thường..., những Cục, Cù Lao, bà Kiến, ông Hai Dĩ, thầy Lê Tảo,... là những con người thật đáng yêu...*"

Tương tự, HS chỉ ra những yếu tố cụ thể giúp xác định ý kiến của người viết trong VB.

+ Câu hỏi 3

Sau khi thực hiện yêu cầu của câu 2, HS đã có thể xác định rõ hơn những từ ngữ, câu, đoạn cho thấy lí lẽ (nhận xét của người viết) và bằng chứng (những chi tiết được dẫn ra từ tác phẩm *Quê nội* của Võ Quảng). GV cần hướng dẫn để HS thấy rõ sự gắn kết, thống nhất giữa lí lẽ và bằng chứng; sự ngắn gọn, lô-gíc của lí lẽ và tính cụ thể, xác thực của bằng chứng. Đồng thời, HS cũng cần nhận biết được cách nêu bằng chứng của người viết trong VB: lược thuật, tóm tắt, không trích đoạn trực tiếp vì tác phẩm truyện dài và nhiều chi tiết. Qua đó, HS có thêm hiểu biết và vận dụng được cách nêu bằng chứng, dẫn chứng từ tác phẩm văn học, đặc biệt là tác phẩm truyện khi thực hiện hoạt động viết.

+ Câu hỏi 4

Để HS trả lời được câu hỏi này, GV cần hướng dẫn các em phân tích và suy luận. Trên cơ sở đã giải quyết được các yêu cầu của câu 1, 2, 3, HS cần chỉ ra được: Mục đích của VB nghị luận phân tích một tác phẩm văn học là bàn luận về đặc điểm nghệ thuật và nội dung của VB, đồng thời đánh giá chung được về giá trị của tác phẩm. Trong bài viết *Vẻ đẹp giản dị và chân thật của "Quê nội" (Võ Quảng)*, những đặc điểm nghệ thuật và nội dung của tác phẩm đã được thể hiện trong việc người viết nêu ý kiến về hoàn cảnh đời sống, về thế giới nhân vật, về người kể chuyện (sử dụng lí lẽ rõ ràng và bằng chứng cụ thể). Đồng thời, người viết cũng đã nhận xét chung về sức hấp dẫn của VB (phần cuối). Mục tiêu của VB nghị luận phân tích một tác phẩm văn học được thể hiện nhất quán trong toàn bộ bài viết.

– **Viết kết nối với đọc:** Sau khi HS đã đọc và nắm vững được đặc điểm chung của VB nghị luận phân tích một tác phẩm văn học, GV có thể hướng dẫn các em lựa chọn một VB văn học yêu thích và trình bày ý kiến của mình. HS có thể hình dung mình như một nhà phê bình để bàn luận về tác phẩm thơ hay truyện, tuỳ bút, tản văn,... mà các em đã đọc. Hoạt động này có thể giao HS thực hiện ở nhà để các em có thời gian chuẩn bị và thực hiện hiệu quả hơn. HS có thể vận dụng sơ đồ đã xây dựng trong hoạt động *Đọc VB*, chỉnh sửa sơ đồ cho phù hợp với thể loại, đặc điểm nghệ thuật và nội dung của VB được chọn để bàn luận và dựa vào đó để hoàn thành bài viết.

Hoạt động 3 Đọc và trải nghiệm cùng nhân vật

– *Hướng dẫn tổ chức hoạt động:* Hoạt động này được thực hiện sau khi HS đã đọc và ghi chép thông tin cơ bản về cuốn sách mới như đã hướng dẫn trong phần *Cuốn sách mới – chân trời mới*. Trong hoạt động *Đọc và trải nghiệm cùng nhân vật*, từ những hiểu biết về mối quan hệ giữa nhân vật văn học và con người có thực ngoài đời, HS vận dụng các chiến lược

đọc một cách tự nhiên: *tưởng tượng, hình dung, suy luận, dự đoán,…* để có thể cảm nhận sâu sắc hơn về nhân vật trong cuốn sách đã đọc. Cuộc trò chuyện tưởng tượng với nhân vật trong hoạt động này giống như một cách "nhập thân" để hiểu thế giới của nhân vật sâu sắc hơn. Qua hoạt động này, quá trình đồng sáng tạo với tác giả và tiếp nhận hình tượng, ý nghĩa của tác phẩm trở nên tự nhiên, hứng thú hơn với HS. Từ những câu hỏi đã gợi ý trong SHS, GV có thể cùng HS xây dựng thêm các câu hỏi khác để quá trình trò chuyện giữa người đọc (HS) và nhân vật trở nên phong phú, sâu sắc hơn theo năng lực đọc và tưởng tượng, suy luận,… của các em.

– Lưu ý: Sau khi HS làm việc cá nhân, GV có thể tổ chức cho các em đóng vai người phỏng vấn và nhân vật để chia sẻ những thông tin đã thu hoạch, ghi chép về nhân vật trong quá trình đọc một cách sinh động, thú vị.

Hoạt động 4 Đọc và trò chuyện cùng tác giả

– *Hướng dẫn tổ chức hoạt động:* Hoạt động *Đọc và trò chuyện cùng tác giả* có hai bước quan trọng:

+ Bước 1: HS đọc và trả lời các câu hỏi sau VB *Mon và Mên đang ở đâu?*.

• GV gợi lại thế giới hình tượng trong truyện ngắn *Bầy chim chìa vôi* (bài 1) để HS có thể vận dụng những ấn tượng, cảm xúc đã có về tác phẩm này vào việc đọc và tìm hiểu VB *Mon và Mên đang ở đâu?*.

• HS tìm hiểu, liên tưởng, tưởng tượng để trả lời những câu hỏi được gợi ra sau VB *Mon và Mên đang ở đâu?*. Trong phần này, GV không yêu cầu HS trả lời theo một đáp án chính xác mà chủ yếu huy động cảm xúc và trí tưởng tượng để HS hình dung về mối quan hệ giữa nhà văn và nhân vật một cách sinh động, thú vị, trong cả đời sống thực tế và trong thế giới của tác phẩm.

+ Bước 2: HS tưởng tượng cuộc trò chuyện với tác giả về một số vấn đề của tác phẩm như nhân vật, chi tiết tiêu biểu, hoàn cảnh ra đời, thông điệp mà tác giả muốn gửi gắm,… Để thực hiện phần này, HS có thể sử dụng các tư liệu đã ghi chép trong hoạt động *cuốn sách mới – chân trời mới* và xây dựng cuộc trò chuyện với tác giả theo tưởng tượng, nhưng căn cứ trên các nội dung đã thu hoạch được trong quá trình đọc sách.

– Lưu ý: Hoạt động này giúp phát triển năng lực đọc kết hợp với liên tưởng, tưởng tượng của HS. Từ hoạt động *Đọc và trải nghiệm cùng nhân vật*, HS tiếp tục được định hướng, dẫn dắt để có thể tìm hiểu thêm về mối quan hệ giữa tác giả và thế giới hình tượng – nhân vật văn học. Bằng cách tưởng tượng cuộc trò chuyện với tác giả – người đã sáng tạo ra nhân vật và đem lại cuộc sống cho nhân vật trong tác phẩm, HS đồng thời cũng có cơ hội tìm hiểu sâu hơn về mối quan hệ giữa văn học và hiện thực, đề tài và thế giới hình tượng, nội dung, ý nghĩa của tác phẩm. Đó cũng là mối quan hệ giữa trang sách, tác phẩm và cuộc sống. Hoạt động này có thể được lựa chọn bổ sung, phát triển sau hoạt động 3 hoặc thay thế cho hoạt động 3 (tuỳ theo điều kiện thực tế và năng lực của HS).

VIẾT

THÁCH THỨC THỨ HAI: *TỪ Ý TƯỞNG ĐẾN SẢN PHẨM*

HS đã có sự chuẩn bị cho phần *Viết* ngay từ khi thực hiện chuỗi hoạt động của phần *Đọc*. Tuy nhiên, để phát huy năng lực, sở trường và tạo hứng thú cho HS, GV nên để các em lựa chọn hình thức xây dựng sản phẩm sau khi đọc ở phần *Viết* một cách sáng tạo nhất. HS chỉ cần chọn một trong ba hoạt động đã được gợi ý trong SHS để thể hiện kết quả của quá trình đọc. Các sản phẩm sáng tạo của HS trong SHS đã được lựa chọn tương ứng với ba hoạt động được gợi ý. GV cần hướng dẫn HS tìm hiểu các sản phẩm này và viết, vẽ sáng tạo nhằm xây dựng sản phẩm phù hợp với năng lực, sở trường của mình.

Hoạt động 1 Tóm tắt một câu chuyện theo hình thức truyện tranh

– Hướng dẫn HS tìm hiểu sản phẩm truyện tranh chuyển thể minh hoạ trong SHS. Trang 110 – 111 (tóm tắt truyện ngắn *Bầy chim chìa vôi* của nhà văn Nguyễn Quang Thiều): cách sắp xếp các nội dung và cách vẽ tranh minh hoạ trong từng nội dung. Chú ý sự phù hợp giữa hình ảnh và ngôn ngữ (ở dạng đối thoại).

– Hướng dẫn tổ chức hoạt động viết và vẽ minh hoạ:

+ GV hướng dẫn HS viết VB tóm tắt câu chuyện.

+ HS làm việc cá nhân hoặc nhóm để tóm tắt VB (ở lớp hoặc ở nhà).

+ HS làm việc cá nhân hoặc nhóm để xây dựng sơ đồ thể hiện mối quan hệ giữa nội dung cần tóm tắt bằng lời và hình thức cần thể hiện trong tranh.

+ HS làm việc cá nhân hoặc nhóm để vẽ tranh và sử dụng lời dẫn, lời thoại phù hợp.

– Lưu ý: HS cần tham khảo các truyện tranh phù hợp với lứa tuổi và sản phẩm trong SHS để có thể tự xây dựng truyện tranh đơn giản, thú vị gắn với những chủ đề và các tác phẩm đã học, đã đọc. GV cần chú ý mục tiêu của hoạt động: hài hoà giữa yêu cầu phát triển năng lực sáng tạo, thẩm mĩ và các mục tiêu giáo dục khác.

Hoạt động 2 Kể lại một câu chuyện đã đọc theo hình thức thơ bốn chữ hoặc năm chữ

– Hướng dẫn HS tìm hiểu sản phẩm sáng tạo của các bạn HS được đưa vào minh hoạ cho phần này (bài tóm tắt truyện *Gió lạnh đầu mùa* bằng thơ năm chữ): tìm hiểu cả phần lời và phần minh hoạ hình ảnh.

– Hướng dẫn tổ chức hoạt động viết: Tương tự như hoạt động 1 của phần *Viết*, HS cần được hướng dẫn để tóm tắt câu chuyện một cách súc tích bằng lời văn. Sau đó, HS phát huy sở trường, năng khiếu để chuyển thể phần tóm tắt thành bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ.

– Lưu ý: Hướng dẫn HS dành thời gian chuẩn bị sản phẩm này ở nhà (do đặc thù của việc sáng tạo: làm thơ, vẽ tranh minh hoạ). GV nên để HS tự chọn vì hoạt động này chỉ thích hợp với những HS có sở trường, năng khiếu nghệ thuật.

Hoạt động 3 Viết bài văn phân tích một nhân vật văn học yêu thích trong cuốn sách đã đọc

– Hướng dẫn tổ chức hoạt động: GV hướng dẫn HS thực hiện hoạt động viết bài văn phân tích một nhân vật văn học yêu thích để chuẩn bị cho việc giới thiệu, trình bày về nhân vật yêu thích trong hoạt động nói và nghe ở phần báo cáo kết quả dự án. Quy trình hướng dẫn viết đã được thiết kế chi tiết trong SHS.

+ GV lưu ý HS về yêu cầu với bài văn phân tích một nhân vật văn học trong cuốn sách đã đọc.

+ HS tìm hiểu bài viết tham khảo.

+ HS thực hành viết theo các bước đã hướng dẫn.

– Lưu ý: HS có thể sử dụng các tư liệu trong phần *Cùng đọc và trải nghiệm*, đặc biệt là hoạt động *Đọc và trải nghiệm cùng nhân vật* để viết bài phân tích một nhân vật văn học.

GIAI ĐOẠN 3: BÁO CÁO KẾT QUẢ DỰ ÁN NÓI VÀ NGHE

VỀ ĐÍCH: *NGÀY HỘI VỚI SÁCH*

Các sản phẩm được chuẩn bị và xây dựng, chỉnh sửa, hoàn thành ở giai đoạn 1 và 2 là tư liệu để HS có thể báo cáo kết quả dự án một cách chủ động. Việc triển lãm, trưng bày tại lớp học hoặc trong toàn khối, toàn trường các sản phẩm sau khi đọc và viết tạo không khí ngày hội, phát huy tính chủ động và gợi hứng thú cho HS. GV nên để HS có thể lựa chọn các hình thức báo cáo phong phú, sinh động, phù hợp với sản phẩm đọc, viết mà các em đã hoàn thành. Các sơ đồ, hình ảnh,... có một vai trò quan trọng, thu hút sự chú ý của người xem, góp phần tạo ấn tượng "ngày hội với sách" trong phần *Nói và nghe*. Cần chú ý hướng dẫn HS tạo không gian thuyết trình, báo cáo hoặc biểu diễn hoạt cảnh ngắn một cách thú vị.

Hoạt động 1 Giới thiệu sản phẩm sáng tạo từ sách

– Hướng dẫn tổ chức hoạt động: HS sử dụng các sản phẩm đã chuẩn bị như tranh vẽ, bài thơ, truyện tranh làm nền cho hoạt động. HS có thể giới thiệu từng sản phẩm của cá nhân hoặc thuyết trình theo nhóm.

– Lưu ý: Có thể lồng ghép hoạt động này trong giai đoạn 2 để tạo không khí tươi vui trong quá trình đọc, viết của HS. Tuy nhiên, nếu HS cần nhiều thời gian để đọc kĩ cuốn sách và chỉnh sửa các sản phẩm sau đọc, viết thì GV có thể cùng tổ chuyên môn trong trường lên kế hoạch dành riêng một ngày sau khi kiểm tra cuối năm để HS báo cáo kết quả dự án đọc.

Hoạt động 2 Trình bày ý kiến về tác dụng, ý nghĩa của việc đọc sách

Từ chuỗi hoạt động của dự án đọc sách trong bài học này, HS có thể hiểu rõ hơn tầm quan trọng, ý nghĩa của việc đọc sách. GV hướng dẫn HS chuẩn bị nội dung nói và trao đổi, thảo luận để trình bày ý kiến về tác dụng, ý nghĩa của việc đọc sách trên cơ sở những trải nghiệm thực tế của chính các em.

– Hướng dẫn tổ chức hoạt động: GV định hướng để HS có thể chuẩn bị nội dung nói trên cơ sở các luận điểm được hình thành qua việc trả lời các câu hỏi tìm ý:

+ Trong thời gian qua em đã đọc sách gì? Em có thể nêu tên một số cuốn sách đã đọc và lí do em lựa chọn những cuốn sách này?

+ Việc đọc những cuốn sách đó có tác động như thế nào tới suy nghĩ, hiểu biết của em?

+ Từ kinh nghiệm cụ thể của bản thân, em có suy nghĩ gì về tác dụng, ý nghĩa của việc đọc sách nói chung? Theo em, việc lựa chọn những cuốn sách phù hợp để đọc có tầm quan trọng như thế nào?

Tuỳ theo năng lực của HS, hệ thống câu hỏi để hình thành và phát triển các luận điểm có thể được bổ sung thêm.

– Lưu ý: HS được khuyến khích sử dụng các sản phẩm là VB đa phương thức để tạo không khí hấp dẫn cho ngày hội với sách. HS có thể thuyết trình theo nhóm hoặc cá nhân.

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

ÔN TẬP HỌC KÌ II

(2 tiết)

(Hướng dẫn ôn tập kiến thức: 1 tiết; Hướng dẫn thực hiện Phiếu học tập: 1 tiết)

I YÊU CẦU CẦN ĐẠT

– Nêu được kiến thức về các loại, thể loại VB đọc, kiến thức tiếng Việt và kiến thức về các kiểu bài viết, bài nói đã được học, thực hành theo *Ngữ văn 7*, tập hai.

– Vận dụng được kiến thức và kĩ năng đã được học, rèn luyện trong cả năm học vào giải quyết những bài tập tổng hợp.

II CHUẨN BỊ

1. Tri thức ngữ văn cho GV

a. GV cần đọc lại tất cả các phần *Tri thức ngữ văn cho GV* ở các bài 6, 7, 8, 9, 10 để đảm bảo mình đã nắm chắc các khái niệm công cụ then chốt phục vụ cho việc hướng dẫn HS đọc và thực hành tiếng Việt. Các khái niệm về thể loại: *tục ngữ, truyện ngụ ngôn, truyện khoa học viễn tưởng, VB nghị luận về một vấn đề đời sống, VB thông tin, VB nghị luận phân tích một tác phẩm văn học* (*Lưu ý*: một số khái niệm từng được đề cập ở *Ngữ văn 6* nhưng xuất hiện lại ở *Ngữ văn 7* với sự diễn giải, phân tích sâu hơn). Các khái niệm ngôn ngữ học: *thành ngữ, mạch lạc, liên kết, phương tiện ngôn ngữ, thuật ngữ, dấu chấm lửng, phương tiện phi ngôn ngữ.* Ngoài ra, còn có các khái niệm liên quan đến việc tổ chức VB: *cước chú, tài liệu tham khảo.* Khi củng cố hiểu biết về các khái niệm nói trên, có mấy điểm cần lưu ý thêm:

– Tránh xem *truyện ngụ ngôn* như một loại của truyện dân gian, dù trong truyện ngụ ngôn có truyện xuất phát từ dân gian, cũng có truyện của các tác giả văn học viết được dân gian hoá.

– Cần có ý thức phân biệt *tục ngữ* với *thành ngữ*, dù ranh giới giữa chúng không phải bao giờ cũng rõ ràng và trong một số ngữ cảnh cụ thể, một đơn vị ngôn từ nào đó hoàn toàn có thể được xác định là tục ngữ hay thành ngữ.

– Cần phân biệt *truyện khoa học viễn tưởng* (science-fiction, viết tắt là sci-fi hoặc SF) với *truyện giả tưởng* (fantasy), dù ranh giới giữa hai loại truyện này có khi hoà lẫn ở một số trường hợp sáng tác cụ thể.

– Cần cập nhật được cách tiếp cận mới của giới ngôn ngữ học về vấn đề *mạch lạc* và *liên kết*.

– Cần biết được những cách hiểu khác nhau về thuật ngữ *cước chú* và nắm được những quy định về việc sắp xếp *tài liệu tham khảo* trong những công trình nghiên cứu khoa học.

b. GV cũng cần tự kiểm tra lại kiến thức về các kiểu bài viết mà HS phải thực hành trong học kì II (theo quy định của chương trình và cách phân bố nội dung cụ thể của SHS): *bài văn*

nghị luận về một vấn đề trong đời sống, bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến một nhân vật lịch sử, bài văn thuyết minh về quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động, bài văn phân tích một nhân vật yêu thích trong cuốn sách đã đọc. Hướng dẫn của GV đối với hoạt động viết của HS cần dựa trên một số nhận thức cơ bản sau:

– Bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống thuộc loại nghị luận xã hội sẽ được HS thực hành viết thường xuyên, bắt đầu từ lớp 6. Để tránh lặp nội dung và đề tài viết ở các bài 6 và 8, SHS đã nêu một số định hướng viết khác nhau: Bài thì yêu cầu HS đặc biệt chú ý việc bày tỏ thái độ *tán thành* một ý kiến nào đó về vấn đề được đề cập, bài thì hướng HS tới việc học cách bày tỏ thái độ *phản đối* với những ý kiến khác. Do định hướng viết khác nhau nên cấu trúc các bài viết cũng không thể trùng khít.

– Với kiểu bài viết về sự việc có thật liên quan đến nhân vật lịch sử, tránh đánh đồng bài viết về *sự việc* với bài viết về *nhân vật*, dù nói về sự việc thì không thể không nói đến nhân vật hoặc ngược lại. Yêu cầu viết cũng không giới hạn sự việc ở đây là sự việc được chứng kiến trực tiếp hay sự việc được biết qua đọc và nghe kể lại.

– Với bài văn thuyết minh về quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động, cần lưu ý rằng việc thuyết minh về quy tắc hoặc luật lệ chỉ là phần "lõi" của bài chứ không phải là tất cả những nội dung được đề cập. Bên cạnh phần nói về quy tắc hoặc luật lệ, dĩ nhiên phải có phần giới thiệu về trò chơi, hoạt động hay nêu ý nghĩa của trò chơi, hoạt động đó.

– Bài văn phân tích một nhân vật văn học thuộc loại nghị luận văn học, sẽ là kiểu bài được thực hành viết nhiều lần từ lớp 7 đến các lớp trên. Khi đưa ra những nhận định về nhân vật, người viết phải nêu được các bằng chứng cụ thể trong VB, tránh suy diễn tuỳ tiện, chủ quan. Nhân vật là sản phẩm nghệ thuật mang tính hư cấu (theo các mức độ khác nhau), do vậy, khi phân tích nhân vật, không được quên nói về nghệ thuật miêu tả, thể hiện nhân vật cũng như góc nhìn riêng, quan niệm riêng về đời sống của nhà văn. Điều quan trọng khác là phải nêu được ý nghĩa của hình tượng nhân vật trong việc thể hiện ý đồ nghệ thuật của tác giả và khả năng tác động của nó vào người đọc.

c. GV soát lại hiểu biết của mình về các hình thức tổ chức hoạt động nói và nghe: *kể lại một truyện ngụ ngôn, thảo luận về vai trò của công nghệ đối với đời sống con người, trình bày ý kiến về một vấn đề đời sống, giải thích quy tắc hoặc luật lệ trong một trò chơi hay hoạt động, trình bày ý kiến về tác dụng, ý nghĩa của việc đọc sách.*

2. Phương tiện dạy học

– Các bảng tổng hợp về loại hoặc thể loại VB đọc, kiến thức tiếng Việt, kiểu bài viết, các nội dung nói và nghe được tiếp xúc hay thực hành trong học kì II.

– Tranh, ảnh, đoạn phim ngắn minh hoạ cho các nội dung học tập ở các bài trong học kì II.

– Giáo án điện tử, danh mục VB (thuộc các loại hoặc thể loại chính được học trong chương trình) khuyến nghị HS tìm đọc.

III TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

HƯỚNG DẪN ÔN TẬP KIẾN THỨC

a. Việc ôn tập kiến thức cần được thực hiện theo một số nguyên tắc sau:

– Để HS đóng vai trò chủ động tối đa trong việc điểm lại những kiến thức đã học, những nội dung đã thực hành trong suốt học kì II (GV tránh "giảng", chỉ giao nhiệm vụ cho từng nhóm học tập và yêu cầu các nhóm nhận xét, bổ sung kết quả làm việc của nhau).

– Đặc biệt chú trọng việc lập bảng, sơ đồ biểu thị những kiến thức cần nắm và cách triển khai các hoạt động thực hành viết, nói và nghe theo những nội dung khác nhau (HS lập bảng và vẽ sơ đồ theo gợi ý trong SHS hoặc theo sáng kiến riêng).

– Khuyến khích HS trao đổi về một số khái niệm dễ gây sự nhập nhằng trong cách giải thích (ví dụ: *truyện khoa học viễn tưởng và truyện giả tưởng, thành ngữ và tục ngữ, mạch lạc và liên kết,…*).

b. Ngoài việc cho HS làm những bài tập được nêu trong SHS, GV có thể xây dựng những bài tập mới, tập trung vào vấn đề nào mà các em chưa nắm vững kiến thức hoặc chưa định hướng được hoạt động một cách rõ ràng. Mỗi nhóm nên được giao 1 – 2 bài tập và sẽ nối tiếp nhau trình bày kết quả cho đến khi toàn bộ các bài tập được giải quyết xong.

c. Định hướng giải quyết các bài tập trong SHS:

Câu hỏi 1

– Bài tập này không gợi ý về mẫu bảng hay dạng sơ đồ mà để HS tự do lựa chọn và phát huy khả năng sáng tạo riêng, trên cơ sở kế thừa những kinh nghiệm đã có khi học bài *Ôn tập học kì I*. Nội dung bài tập hướng tới việc ôn lại những kiến thức đã học về loại, thể loại VB.

– Khi nhận xét về các bảng, sơ đồ được nhóm HS đưa ra, GV cần nhắc các em chú ý phân biệt *loại, thể loại VB đọc* và *kiểu bài viết* đã thực hiện, không đưa vào bảng tổng hợp hay sơ đồ tên của các kiểu bài viết.

Câu hỏi 2

– Nội dung bài tập đòi hỏi HS phải nhận diện được những thể loại VB mới học trong học kì II, chưa được học trước đó trên cả hai phương diện: đặc điểm nội dung và đặc điểm hình thức.

– GV yêu cầu HS kể thêm những VB thuộc các thể loại VB kể trên mà các em đã tìm đọc thêm, theo những gì được gợi ý ở phần *Củng cố, mở rộng* cuối mỗi bài học và ở phần *Đọc mở rộng* đặt sau các cụm bài học. Việc yêu cầu kể thêm VB sẽ giúp GV nắm bắt được tương đối chính xác thực trạng đọc mở rộng của HS để tìm được hướng khắc phục.

– GV nhắc HS đối chiếu những nội dung được các em điền trong bảng với nội dung được cung cấp trong phần *Tri thức ngữ văn* của từng bài học để nhận ra những điểm còn thiếu hoặc chưa chính xác cần được bổ sung, chỉnh sửa.

Câu hỏi 3

– Bài tập yêu cầu nhắc lại những kiến thức tiếng Việt đã được củng cố hoặc được hình thành trong học kì II. Nhiệm vụ tuy có vẻ đơn giản nhưng vẫn có thể khiến HS phải phân vân khi điền thông tin vào bảng (do không phân biệt được hai loại kiến thức với nhau).

– GV giúp HS chỉnh sửa những thông tin điền sai, lưu ý các em việc thường xuyên luyện tập tìm hiểu nghĩa của từ (trong đó có nghĩa của các yếu tố Hán Việt), tìm hiểu giá trị của các biện pháp tu từ, vì đó là những nội dung sẽ còn được thực hành nhiều lần ở các lớp học trên với độ khó tăng dần.

Câu hỏi 4

– Bài tập yêu cầu HS điểm lại những kiểu bài viết đã thực hành trong học kì II, đặc biệt, phải chỉ ra được các kiểu bài mới cùng lí do xuất hiện và đòi hỏi riêng của chúng đối với mọi yếu tố cấu thành VB.

– GV gợi ý HS chọn sơ đồ phù hợp để đáp ứng yêu cầu của bài tập. Để miêu tả một kiểu bài viết, không thể bỏ qua các yếu tố: mục đích viết, người đọc, nội dung đề cập, mô hình cấu trúc, hình thức diễn đạt.

Câu hỏi 5

– Bài tập này cần được thực hiện theo từng cá nhân vì liên quan đến việc liệt kê các đề tài viết mà mỗi HS đã lựa chọn. Với yêu cầu thứ hai – nêu danh mục những đề tài có thể viết – bài tập đòi hỏi HS phải chủ động trong việc vận dụng kiến thức về quy trình viết đã học.

– GV cần phân tích cho HS thấy rõ: Việc dự kiến những đề tài có thể viết có ý nghĩa như việc chuẩn bị tích cực của mỗi cá nhân trước các kì kiểm tra, đánh giá, ngoài ý nghĩa rèn luyện thói quen suy nghĩ, tìm ý tưởng mới trong quá trình học tập.

Câu hỏi 6

– Ngoài việc nhắc HS nhớ lại những nội dung nói và nghe đã được thực hành, câu hỏi này còn đòi hỏi các em đánh giá về những nội dung ấy. Qua câu trả lời của HS, GV có thêm căn cứ để nhìn nhận về tính hợp lí, thiết thực của từng hoạt động nói và nghe cụ thể đã được tổ chức, từ đó có phương án điều chỉnh phù hợp (tất nhiên trên cơ sở bám sát yêu cầu của chương trình).

– GV có thể nêu câu hỏi để kiểm tra nhanh phản ứng của HS trước tính hiệu quả của hoạt động nói và nghe: *Em rút ra được bài học bổ ích gì cho mình qua việc tham gia tích cực vào hoạt động nói và nghe? Theo em, để hoạt động này đạt được hiệu quả tốt hơn, có những điều gì cần được chú ý điều chỉnh?*

HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP TỔNG HỢP

SHS đưa ra hai *Phiếu học tập* nhằm định hướng về nội dung và cách thức luyện tập. GV cho HS trao đổi nhóm để thực hiện một phần các yêu cầu trong hai phiếu trên tại lớp, những phần còn lại sẽ được thực hiện ở nhà. Nếu HS (cá nhân hoặc nhóm) đã hoàn thành phiếu

trước khi đến lớp, GV cần cùng các em kiểm tra lại kết quả ở một số phiếu cụ thể để kịp thời khẳng định hay điều chỉnh cách thực hiện các yêu cầu. Cùng với việc này, GV cần đưa ra 1 – 2 phiếu học tập mới có nội dung tương tự các phiếu đã có để các em luyện tập. Khi xây dựng phiếu mới, cần chú ý các điểm sau:

– Phiếu phải đảm bảo được yêu cầu luyện tập tổng hợp đủ 4 kĩ năng: đọc, viết, nói, nghe. Trong một phiếu, giữa các phần *Đọc*, *Viết*, *Nói và nghe* cần có sự thừa tiếp, hô ứng (Ví dụ: nội dung viết được khơi gợi từ VB đọc đã được nêu lên trước đó).

– Ngữ liệu đọc là các VB (toàn văn hay đoạn trích) thuộc các loại, thể loại VB được dạy học trong học kì II: truyện ngụ ngôn, tục ngữ, truyện khoa học viễn tưởng, VB nghị luận, VB thông tin. Các VB được chọn nên có chủ đề tương thích với chủ đề của các bài đã học (*Bài học cuộc sống, Thế giới viễn tưởng, Trải nghiệm để trưởng thành, Hoà điệu với tự nhiên*).

– Hệ thống câu hỏi và bài tập đi kèm các ngữ liệu nên được thiết kế theo đủ các tầng bậc tư duy: *nhận biết – phân tích, suy luận – đánh giá, vận dụng*. Bên cạnh đó, nên có những câu kiểm tra kiến thức tiếng Việt đã được học trong học kì II.

Dưới đây là một số gợi ý về cách thực hiện những bài tập của 2 phiếu học tập có trong SHS:

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

1. Đọc

a. Đọc văn bản

HS đọc thầm VB, suy nghĩ tìm hình thức diễn đạt những cảm nhận đầu tiên của mình về nội dung, hình thức VB.

b. Thực hiện các yêu cầu

• Chọn phương án đúng

Câu 1: Hướng đến việc xác định đúng thể loại của VB có đoạn được trích ở đây (đáp án B).

GV lưu ý: Tuy đoạn trích có chứa đựng một số thông tin bổ ích về đại dương (kèm theo những con số cụ thể), nội dung lại được tổ chức một cách chặt chẽ nhằm thuyết phục một đối tượng nghe nhất định nào đó, nhưng không thể xác định VB có chứa đoạn trích là VB thông tin hay VB nghị luận được. Căn cứ vào sự xuất hiện của tên một số nhân vật và các chi tiết miêu tả tình huống mà nhân vật đang gặp phải, có thể xác định đây là một VB thuộc thể loại truyện, cụ thể hơn là truyện khoa học viễn tưởng (vì thành tựu mà Xan-va-tô đã đạt được thực ra chưa có trong thực tế).

Câu 2: Hướng đến việc nắm bắt đúng khát vọng và ý đồ nghiên cứu chính của nhà khoa học Xan-va-tô (đáp án C).

GV lưu ý: Tất cả các đáp án đều có nội dung liên quan đến nhau, nhưng chỉ có đáp án C mới phản ánh đúng nhất vừa ý đồ, vừa kết quả công việc mà nhân vật đã làm.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

• Trả lời câu hỏi

Câu 1

– GV nhắc HS xem kĩ đoạn đầu của ngữ liệu đọc để tìm câu trả lời.

– GV gợi ý: Theo đoạn trích, nhận thức khoa học làm thành điểm tựa hành động cho giáo sư Xan-va-tô là: "con người chưa được hoàn thiện" và việc cải tạo thể chất của con người không chỉ phù hợp với khả năng của khoa học mà còn không làm trái với những gì thực tế đã diễn ra trong quá trình tiến hoá dài lâu của các sinh vật.

Câu 2

– Với yêu cầu này, HS có cơ hội kiểm tra lại kết quả thực hiện bài tập trước đó của mình.

– GV định hướng: Có thể dựa trên những dấu hiệu sau đây để khẳng định VB chứa đựng đoạn trích là truyện khoa học viễn tưởng: a. Đoạn trích chứa đựng những thông tin đích thực mang tính khoa học; b. Thành tựu mà nhân vật đã đạt được là thành tựu mà cho đến hiện nay, khoa học vẫn chưa chạm tới; c. Không khí nghệ thuật bao trùm cả đoạn trích là động cơ khoa học, khát vọng phát triển khoa học để đưa cuộc sống con người phát triển lên tầm cao mới.

Câu 3

– Đây là câu hỏi kiểm tra kiến thức tiếng Việt, cụ thể là kiến thức về trạng ngữ.

– GV gợi ý về phương án thay đổi cấu trúc câu: a. *Ích-chi-an – người cá đầu tiên trên Trái Đất và là người đầu tiên sống trong thế giới của cá – không thể không cảm thấy cô đơn;* b. *Ích-chi-an là người cá đầu tiên trên Trái Đất và là người đầu tiên sống trong thế giới của cá nên cậu ta không thể không cảm thấy cô đơn.*

– GV hướng dẫn HS so sánh câu văn gốc với một số câu văn các em vừa viết để nhận ra điểm khác biệt về nghĩa giữa chúng. Với 2 câu gợi ý trên, câu trước chú ý nêu hiện trạng cô đơn của Ích-chi-an, còn câu sau nghiêng về xác định lí do đã khiến nhân vật người cá cô đơn như vậy.

Câu 4

– Câu hỏi nhắc HS lưu ý tới hàm lượng thông tin khoa học trong những truyện khoa học viễn tưởng và kiểm tra lại hiểu biết của mình về quá trình tiến hoá của muôn loài sinh vật trên Trái Đất.

– GV gợi mở hướng giải quyết bài tập bằng các câu hỏi: *Giáo sư Xan-va-tô đang thực hiện công việc gì? Động lực nào đã thúc đẩy ông làm công việc đó? Quy luật tự nhiên nào đã được ông nắm bắt để nương theo đó mà triển khai hoạt động của mình? Có thể sơ đồ hoá lời giải thích của giáo sư Xan-va-tô như thế nào? Thái độ của những người dự phiên toà cho thấy điều gì về hiệu quả của những lời giải thích mà giáo sư đưa ra?...*

2. Viết

Khi xây dựng phiếu luyện tập tổng hợp, GV cần chú ý: Yêu cầu viết cần có mối liên hệ lô-gíc với yêu cầu đọc, đảm bảo những điều được gợi lên qua đọc sẽ tạo tiền đề tốt đẹp cho việc HS thực hành viết đoạn văn.

GV nêu một số ý có thể triển khai khi viết về chủ đề *Đại dương vẫy gọi*:

– Đại dương chứa đựng rất nhiều bí ẩn của sự sống, của lịch sử Trái Đất cần được khám phá.

– Những nguồn lợi từ đại dương vô cùng lớn mà con người cần phải có chiến lược khai thác đúng đắn để phục vụ cho cuộc sống của mình.

– Muốn chinh phục đại dương, con người cần phải chuẩn bị cho mình rất nhiều điều kiện: có khát vọng lớn, có lòng dũng cảm, có tinh thần hợp tác, đặc biệt, có sự hiểu biết khoa học sâu sắc.

3. Nói và nghe

GV cho HS làm việc nhóm để xây dựng dàn ý bài nói. Gợi ý các ý chính cần triển khai:

– Hướng về biển là một chiến lược phát triển quan trọng của nhiều nước trên thế giới hiện nay.

– Biển có nguồn tài nguyên vô cùng dồi dào cần được khai thác để phục vụ cuộc sống của con người.

– Việc khai thác tài nguyên biển cần được đẩy mạnh cùng với việc bảo vệ tài nguyên biển. Hai vấn đề này có mối quan hệ chặt chẽ với nhau.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

1. Đọc

a. Đọc văn bản

GV cho HS đọc thầm VB, chú ý nắm bắt trúng mục đích viết của tác giả và hiểu được cách triển khai những luận điểm chính trong VB.

b. Thực hiện các yêu cầu

• Chọn phương án đúng

Câu 1: Hướng đến việc xác định đúng thể loại của VB (đáp án B).

Lưu ý: Đây là câu hỏi trắc nghiệm khá đơn giản, nhưng để giúp HS chọn được phương án đúng, GV cần nhắc các em "tổng duyệt" nhanh những hiểu biết của mình về các loại VB chính được học trong chương trình: VB thông tin, VB nghị luận, VB văn học.

Câu 2: Hướng đến việc hiểu đúng mục đích viết của tác giả (đáp án C).

GV lưu ý: Khi chọn phương án trả lời đúng cho câu 2, cần phân biệt hai vấn đề: a. Hiệu quả tích cực (nói chung) của việc "tự chịu trách nhiệm" về những sai lầm của bản thân; b. Ý nghĩa của việc "tự chịu trách nhiệm" về những sai lầm của bản thân đặt trong quan hệ với mục đích sống mà mỗi người theo đuổi. Ở đây, câu hỏi muốn HS suy nghĩ về vấn đề b.

• Trả lời câu hỏi

Câu 1

– GV gợi HS nhớ lại cách đã làm ở lớp 6 (bài học 9) khi thực hành tóm tắt bằng sơ đồ nội dung chính của một VB đơn giản: xác định loại sơ đồ, tìm từ khoá; chọn các hình phù hợp chứa từ khoá, vẽ đường biểu thị mối quan hệ giữa các từ khoá (cũng là giữa các hình đã chọn),…

– GV gợi ý: Với VB nghị luận, nên chọn sơ đồ hình nhánh, mỗi nhánh lớn ứng với một luận điểm, các nhánh nhỏ ứng với các lí lẽ và bằng chứng triển khai luận điểm.

Câu 2

– Yêu cầu của câu này đòi hỏi HS phải vận dụng được không chỉ kiến thức khái quát về văn nghị luận mà còn cả kiến thức về mạch lạc và liên kết nữa.

– GV gợi ý: Trước hết phải xác định được lí lẽ chính triển khai trong đoạn văn: Dám tự chịu trách nhiệm thì mới đạt được sự chủ động. Tiếp đó, phải chỉ ra được phản đề mà tác giả đã sử dụng: Biện minh, đổ lỗi đồng nghĩa với việc đẩy mình vào thế bị động. Cũng cần lưu ý tới việc trích dẫn những lời dạy của cổ nhân – điều có ý nghĩa khẳng định tính xác đáng của lí lẽ được nêu ra. Sau hết, cần chú ý cách tác giả rút ra bài học ở câu cuối của đoạn văn như một hình thức củng cố lí lẽ rất có hiệu quả.

Câu 3

– Bài tập yêu cầu HS phải nêu được suy nghĩ của mình về nội dung một nhận định then chốt trong VB – điều sẽ tạo tiền đề tốt cho việc thực hiện yêu cầu viết ở sau.

– GV gợi ý: Nhận định này được trình bày theo cấu trúc cú pháp "chỉ khi… mới có", thể hiện sắc thái khẳng định rất dứt khoát. Hành động "nhìn thẳng vào thiếu sót của bản thân" mang tới hai hệ quả trực tiếp và một hệ quả gián tiếp, mở rộng dần ảnh hưởng từ phạm vi cá nhân sang phạm vi xã hội: "cơ hội tự sửa mình", "thái độ khoan dung với lỗi lầm của người khác" và "thiết lập quan hệ tốt, hướng tới điều tốt đẹp hơn". Như vậy, việc dám "tự chịu trách nhiệm" không hề làm giảm giá trị của bản thân người nhận lỗi mà ngược lại, sẽ đem tới cho họ cơ hội chinh phục lòng người – điều được xem là chìa khoá dẫn tới thành công.

Câu 4

– Đây là bài tập đòi hỏi HS phải vận dụng kiến thức về tục ngữ, thành ngữ đã học để giải quyết.

– GV gợi ý và định hướng: Tất cả các thành ngữ, tục ngữ được nêu lên trong bài tập này đều có mối liên hệ bề mặt và mối liên hệ bề sâu với luận đề "Tự chịu trách nhiệm". Trong đó, thành ngữ *Cắn răng chịu đựng* và tục ngữ "*Mình làm mình chịu, kêu mà ai thương.*" chỉ có một điểm gặp ngẫu nhiên với luận đề đã nói ở từ *chịu*. Riêng tục ngữ "*Chân mình thì lấm bê bê/ Lại cầm bó đuốc đi rê chân người.*" có liên hệ với luận đề "Tự chịu trách nhiệm" trên hai vấn đề: lỗi lầm, nhược điểm của bản thân và sự phán xét lỗi lầm, nhược điểm của người khác. Nhưng xét trong mối quan hệ với thông điệp của VB, câu này đã đưa vấn đề sang một hướng khác. Như vậy, chỉ thành ngữ *Dám làm dám chịu* mới có nội dung liên quan một phần tới thông điệp mà VB đặt ra: Mỗi người cần biết tự chịu trách nhiệm về việc mình làm. Sở dĩ nói "liên quan một phần" là vì ở câu thành ngữ, vấn đề được nêu lên chỉ giới hạn trong

phạm vi ứng xử cá nhân, không mở rộng phạm vi bàn về ý nghĩa của việc "dám chịu". *Lưu ý*: *Dám làm dám chịu* là câu vừa mang tính chất của thành ngữ, vừa mang tính chất của tục ngữ, tuỳ theo góc độ nhìn nhận và ngữ cảnh vận dụng.

Câu 5

– Để làm được bài tập này, HS phải xem lại hoặc nhớ lại nội dung tiết thực hành tiếng Việt ở bài 9. *Hoà điệu với tự nhiên.*

– GV có thể hướng dẫn HS lập bảng theo cách đã làm ở tiết thực hành tiếng Việt nói trên để thực hiện các yêu cầu. Nếu *Phiếu học tập* này được thực hiện ở nhà, HS có thể tra cứu từ điển để giải thích nghĩa của các yếu tố Hán Việt có trong các từ *cầu tiến*, *vị thế*, *viện dẫn* và nghĩa chung của mỗi từ đó.

2. Viết

Đề tài viết liên quan trực tiếp với VB đọc trong *Phiếu học tập* này. GV nhắc HS đọc lại lần nữa VB *Tự chịu trách nhiệm* trước khi viết để có được những định hướng cần thiết. GV nêu một số ý HS có thể triển khai:

– Những con người dám nhận trách nhiệm trước sai lầm, thất bại do chính họ gây ra có thể được xem là những con người can đảm.

– Trước mắt, việc dám nhận trách nhiệm về sai lầm, thất bại có thể đưa đến một số "thiệt thòi" cho người làm việc đó, nhưng chính nó sẽ tạo tiền đề tốt cho một cuộc khởi đầu mới mang tính bền vững hơn.

– Một xã hội muốn phát triển lành mạnh phải luôn biết tự thanh lọc, luôn cần có những con người dám nhận trách nhiệm trước sai lầm, thất bại do chính họ gây ra.

3. Nói và nghe

GV cho HS làm việc nhóm để xây dựng dàn ý bài nói. Gợi ý các ý chính cần triển khai:

– Bước đường tương lai là cách nói bóng bẩy chỉ mơ ước hay sự hình dung của mỗi người về cuộc sống của chính mình ở phía trước.

– Bước đường tương lai sẽ như thế nào, điều đó chủ yếu phụ thuộc vào sự chuẩn bị chủ động của mỗi người.

– Năng lực, sở trường, thiên hướng của em là gì? Em mơ ước trở thành con người như thế nào khi trưởng thành?

– Để hiện thực hoá mơ ước của mình, em có thể làm gì từ lúc này trong hoạt động học tập và thiết lập các mối quan hệ xã hội? (Lĩnh vực nào, môn học nào cần được tìm hiểu, đầu tư sâu? Trường học, tổ chức nào cần được tìm hiểu thông tin cặn kẽ? Những hoạt động nào cần được tích cực tham gia?...)

– Em dự kiến vượt qua các trở ngại (có thể gặp) như thế nào để hướng theo con đường đã xác định?

Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn trong cuốn sách này.

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Chủ tịch Hội đồng thành viên – Tổng Giám đốc NGUYỄN TIẾN THANH

Chịu trách nhiệm nội dung:
Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Biên tập nội dung: THÂN THUỲ TRANG – TRẦN MAI THANH HẰNG – NGUYỄN THỊ NHIỆM
Thiết kế sách: TRẦN NGỌC LÊ
Trình bày bìa: NGUYỄN BÍCH LA – NGUYỄN THỊ NGỌC THUỶ
Sửa bản in: TẠ THỊ HƯỜNG – VŨ THỊ THANH TÂM
Chế bản: CTCP DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC HÀ NỘI

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

NGỮ VĂN 7 TẬP HAI - SÁCH GIÁO VIÊN

Mã số: Khổ 19 x 26,5 cm
Mã số ISBN: Tập một:
Tập hai:
Số ĐKXB: ...../CXBIPH/.....-...../GD
Số QĐXB: .....
Nộp lưu chiểu quý ..... năm .....

In ..... bản (QĐ in số .....) tại các nhà in:



HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH



KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

BỘ SÁCH GIÁO VIÊN LỚP 7 – KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

1. Ngữ văn 7, tập một – SGV
2. Ngữ văn 7, tập hai – SGV
3. Toán 7 – SGV
4. Khoa học tự nhiên 7 – SGV
5. Công nghệ 7 – SGV
6. Lịch sử và Địa lí 7 – SGV
7. Mĩ thuật 7 – SGV
8. Âm nhạc 7 – SGV
9. Giáo dục công dân 7 – SGV
10. Tin học 7 – SGV
11. Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 7 – SGV
12. Giáo dục thể chất 7 – SGV
13. Tiếng Anh 7 – Global Success – SGV

Website: https://www.nxbgd.vn

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG